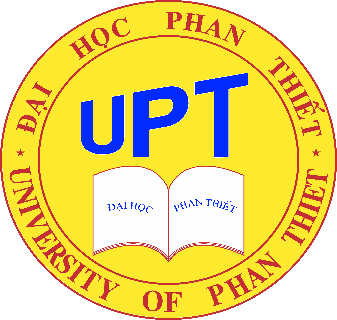
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**

**KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**----------------------------**

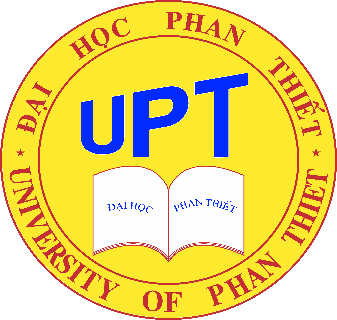


**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**

**Năm 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**

**TÊN CHƯƠNG TRÌNH : LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ**

**CHUỖI CUNG ỨNG**

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO : LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ**

**CHUỖI CUNG ỨNG**

**MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO : 7510605**

**LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY**

**NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

[***I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***](#page3)

[*1.1.*](#page3)[*Giới thiệu chương trình đào tạo*](#page3)

[*1.2.*](#page3)[*Thông tin chung*](#page3)

[*1.3.*](#page3)[*Triết lý giáo dục của trường Đại học*](#page3)

[*1.4.*](#page5)[*Tầm nhìn và sứ mạng của khoa*](#page5)

[*1.5.*](#page5)[*Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)*](#page5)

[*1.6.*](#page5)[*Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)*](#page5)

[*1.7.*](#page6)[*Cơ hội việc làm và học tập sau đại học*](#page6)

[*1.8.*](#page6)[*Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp*](#page6)

[*1.9.*](#page7)[*Chiến lược giảng dạy – học tập*](#page7)

[*1.10.*](#page10)[*Chiến lược và phương pháp đánh giá*](#page10)

*1.11 Công cụ, tiêu chí đánh giá*

[*1.12.*](#page18)[*Hệ thống tính điểm*](#page18)

[***II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY***](#page19)

[*2.1*](#page19)[*Cấu trúc chương trình giảng dạy*](#page19)

[*2.2*](#page20)[*Danh sách các học phần*](#page20)

[*2.3*](#page23)[*Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*](#page23)

[*2.4*](#page26)[*Sơ đồ chương trình giảng dạy*](#page26)

[*2.5*](#page29)[*Kế hoạch giảng dạy*](#page29)

[*2.6*](#page34)[*Mô tả các học phần*](#page34)

[***III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***](#page49)

1. **MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo**

* **TỔNG QUAN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa. Thiết kế và quản lý hệ thống Logistics và Chuỗi cung ứng hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt được kịp thời và chính xác các nhu cầu của khách hàng, thúc đẩy dòng lưu thông hàng hoá từ nhà cung cấp, nhà máy sản xuất, chế tạo, qua các kênh phân phối đến tay người tiêu dùng được thông suốt hơn; giảm thiểu chi phí, gia tăng giá trị và độ hài lòng của khách hàng; từ đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trang bị cho người học đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ chuyên nghiệp làm nền tảng vững chắc cho sự thành công của cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp.

Mục tiêu hướng đến của ngành là đào tạo cử nhân chất lượng cao trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; có kiến thức, kỹ năng, và thái độ phù hợp để phân tích, đánh giá, thiết kế, vận hành, và cải tiến các hệ thống Logistics và Chuỗi cung ứng. Cử nhân tốt nghiệp từ ngành có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ tốt, khả năng sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, và có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế..

* **TRIỂN VỌNG NGHỀ NGHIỆP**

Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng ở Việt Nam luôn được các chuyên gia đánh giá rất có triển vọng, vấn đề nguồn nhân lực cho lĩnh vực này được đặt ra rất bức xúc và đặt lên hàng đầu. Ở Mỹ, các trường đại học hàng đầu đều cung cấp các chương trình đào tạo lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Ngành logistics có xu hướng phát triển, tiếp tục cần nhiều nhân lực trong những năm tới. Mức thu nhập của ngành cao hơn mặt bằng chung song nguồn cung cấp lao động mới chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu. Kỹ sư và Thạc sĩ tốt nghiệp từ ngành luôn được săn đón với chính sách ưu đãi rất cao từ các doanh nghiệp nước ngoài như DHL, OOCL, Samsung, Unilever Vietnam, Bosh, Jabil Vietnam, Nestle, BigC…, hay các doanh nghiệp Việt Nam như Vinamilk, Vietnam Airline, VietJet, Saigon Coop, Bia SaiGon, Saigon Port, Ben Nghe Port, …, và các cơ quan nhà nước.

Hàng năm, các công ty quốc tế lớn đều tổ chức những chương trình thực tập sinh có lương cho sinh viên năm cuối, hay các đợt tuyển dụng sinh viên vừa tốt nghiệp với mức lương xứng đáng cùng cơ hội phát triển nghề nghiệp cao.

* **TRẢI NGHIỆM HỌC TẬP**

Khối kiến thức chuyên sâu luôn được xây dựng, cập nhật liên tục theo xu hướng phát triển của thực tiễn kinh doanh và xu hướng thị trường hiện tại.

Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, là chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp tham gia trực tiếp đào tạo.

Hệ thống giảng đường, thư viện, phòng máy tính, phòng ngoại ngữ đa năng hiện đại, đạt chuẩn quốc tế.

**1.2. Thông tin chung**

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ***Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT*** | | | | |
|  | | | | | | |
| 1. | Tên gọi: |  |  | Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng | | |
| 2. | Mã ngành |  |  | 7510605 | | |
| 3. | Bậc: |  |  | Đại học | | |
| 4. | Loại bằng: |  |  | Cử nhân | | |
| 5. | Loại hình đào tạo: |  |  | Chính quy | | |
| 6. | Thời gian: |  |  | 3,5 năm | | |
| 7. | Số tín chỉ: |  |  | 133 (không bao gồm hp GDTC, GDQP) | | |
| 8. | Khoa quản lý: |  |  | Quản trị kinh doanh | | |
| 9. | Ngôn ngữ: |  |  | Tiếng Việt |  | |
| 10. | Website: |  |  |  | |  |
| 11. | Ban hành: |  | 2021 | |  |  |

**1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết**

Nhân văn (A) – Hội nhập (B) – Phát triển bền vững (C)

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Phan Thiết được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng như minh họa ở Bảng 1.2.

**Bảng 1.2***Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết được chuyển tải vào CTĐT ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng*

| Chương trình đào tạo ngành **Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng** | | | **Triết lý giáo dục của trường Đại học Phan Thiết** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** |
| Kiến thức trong chương trình đào tạo | 1.Khối kiến thức đại cương | Các học phần khoa học tự nhiên (toán, thống kê…) và ngoại ngữ, tin học |  |  |  |
| Các học phần chính trị, tư tưởng HCM, Pháp luật… | X |  |  |
| 2.Khối kiến thức cơ sở ngành | Các học phần lý thuyết |  | X | X |
| Các học phần thực hành, thảo luận nhóm |  | X | X |
| Khối kiến thức chuyên ngành | Các học phần lý thuyết |  |  | X |
| Các học phần thực hành, thảo luận nhóm… |  | X |  |
| Các học phần kiến tập, thực tập…. |  | X |  |
| Khoá luận tốt nghiệp | |  | X | X |
| Hoạt động ngoại khóa | Nghiên cứu khoa học sinh viên | |  | X |  |
| Thi thiết kế mô hình, ý tưởng | |  | X |  |
| Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh) | | X | X |  |
| Hiến máu nhân đạo | | X | X |  |
| Hoạt động vì người nghèo, chịu thiên tai (bão, lụt) | | X | X |  |
| Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) | Có kiến thức cơ bản theo chuẩn chương trình đào tạo đại học cho khối ngành Kinh tế và Quản lý, bao gồm: Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật, Toán cao cấp, Thống kê ứng dụng, Nghiên cứu khoa học. | |  | X | X |
| Hiểu và áp dụng kiến thức nền tảng ngành Kinh tế – Quản lý vào công việc bao gồm: Marketing căn bản, Quản trị học, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Nguyên lý Kế toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô. | |  | X | X |
| HIểu và áp dụng kiến thức ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng vào công việc bao gồm: Quản trị logistics, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị thu mua, Quản trị kho hàng, quản trị ngoại thương và Tiếng Anh chuyên ngành. | |  | X | X |
|  | Kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng một số phần mềm như Excel, Power Point, SPSS, Minitab Expert Choice, QM for Windows, iGrafx, Crytall Ball, MS. Project để thuyết trình, phân tích dữ liệu và hình thành báo cáo. | |  |  | X |
|  | Kỹ năng sử dụng các công cụ marketing cho công việc bao gồm nhìn nhận nhu cầu, đàm phán, lập kế hoạch và quản trị bán hàng. | |  |  | X |
|  | Kỹ năng nhận biết hiện trạng về tài chính, tổ chức của doanh nghiệp nhằm lập kế hoạch và thực hiện quản trị thuộc các chủ đề quản trị chiến lược, nhân sự, dự án. | |  |  | X |
|  | Kỹ năng giao tiếp, trình bày văn bản, tư duy, làm việc nhóm, sống và làm việc trong mối quan hệ tương tác với con người, tập thể, tổ chức, cộng đồng. Kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc; vào cộng đồng địa phương, doanh nghiệp. | |  | X | X |
|  | Kỹ năng giao tiếp đơn giản, đọc và và hiểu chuyên môn bằng ngoại ngữ và là nền tảng để sinh viên tiếp tục bổ túc ngoại ngữ nâng cao trình độ (yêu cầu Toeic quốc tế 500 điểm hoặc tương đương). Sinh viên tốt nghiệp có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao do Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực, trường đại học Phan Thiết cấp. | |  | X | X |
|  | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. Nhận thức được trách nhiệm là nhà quản trị, người hoạch định chiến lược, nhân sự, người nghiên cứu thị trường, là người bán hàng hoặc là nhà quản trị bán hàng để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc vận hành, tìm hiểu khách hàng, hiểu thị trường hoặc hoạch định chiến lược bán hàng. | |  | X | X |
|  | Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng. | | X | X |  |
|  | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng. | |  | X | X |

**1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của khoa Quản trị kinh doanh**

**Tầm nhìn**

Đến năm 2025, Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Phan Thiết sẽ trở thành một trong những Khoa đào tạo hàng đầu về ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng theo hướng ứng dụng thực hành, đạt các chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời đạt theo chuẩn của AUN – QA.

**Sứ mạng**

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Phan Thiết cam kết thúc đẩy sự phát triển về kinh tế và môi trường kinh doanh tại TP. Phan Thiết và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng dựa trên sự liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức hiệp hội có liên quan với ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

**1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo** (POs)

**Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Logistics có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về Logistics, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, các hoạt động kinh tế trong lĩnh vực Logistics, ứng dụng các phần mềm phục vụ hoạt động Logistics và tổ chức bộ máy kinh doanh dịch vụ Logistics cho doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Logistics có thể đảm nhiệm công việc tại các công ty kinh doanh dịch vụ Logistics hoặc làm việc tại bộ phận Logistics của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại ở các lĩnh vực với vị trí nhân viên hoặc quản lý.

**Mục tiêu cụ thể**

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có:

***Kiến thức***

**PO1**. Hiểu biết về đường lối, chính sách của Nhà nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam; hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**PO2**. Kiến thức về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý việc triển khai các ý tưởng kinh doanh vào cuộc sống; có tư duy nghiên cứu độc lập (khoa học xã hội).

**PO3**. Kiến thức quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh, quy luật tự nhiên – xã hội. Có tư duy hệ thống và có kiến thức về khoa học tự nhiên tương ứng với trình độ đại học (khoa học tự nhiên).

**PO4**. Có kiến thức cơ bản về pháp luật, nghĩa vụ nộp thuế, luật kinh tế cũng như tập quán và pháp luật trong Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng.

**PO5**. Có khả năng nhận diện, phân tích và đưa ra giải pháp để dự báo, lập kế hoạch, quản trị việc triển khai giúp doanh nghiệp Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng vận hành ổn ở môi trường kinh doanh đầy biến động.

**PO6**. Kiến thức và khả năng làm việc độc lập, theo nhóm. Có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong môi trường làm việc hiện đại (môi trường số hóa).

**PO7**. Cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng trường đại học Phan Thiết được trang bị kiến thức để có thể vận hành một doanh nghiệp ở ngành nghề bao gồm các hoạt động quản trị xuất nhập khẩu, quản trị thu mua, giao nhận, tồn kho, và chuỗi cung ứng.

**PO8**. Được trang bị kiến thức để quản lý các hoạt động logistics và giao nhận. Người học có thể tiến hành nghiên cứu để hiểu biết thị trường cũng như xây dựng hệ thống đại lý, vận tải và giao nhận ở thị trường quốc tế.

**PO9**. Có khả năng áp dụng các lý thuyết chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng vào thực tiễn kinh doanh.

***Kỹ năng***

**PO10.** Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.

***Thái độ***

**PO11**. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực và trách nhiệm tốt với công việc và nhận diện được vấn đề đạo đức hoặc văn hóa nảy sinh trong mối quan hệ kinh doanh. Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo. Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước.

**PO12.** Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** (PLOs)

| **Chuẩn đầu ra** | **Giải thích** | **NHÓM CĐR** |
| --- | --- | --- |
| PLO1 | Có kiến thức cơ bản theo chuẩn chương trình đào tạo đại học cho khối ngành Kinh tế và Quản lý, bao gồm: Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật, Toán cao cấp, Thống kê ứng dụng | Kiến thức |
| PLO2 | Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng ngành Kinh tế – Quản lý vào ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm: Quản trị học, quản trị tài chính doanh nghiệp, tiền tệ, thanh toán quốc tế và Kinh tế học. |
| PLO3 | Hiểu và vận dụng kiến thức chung ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng vào công việc thực tế bao gồm, Quản trị hoạt động xuất nhập khẩu, vận tải, giao nhận, thu mua, tồn trữ, khởi nghiệp, dự án và Tiếng Anh chuyên ngành. |
| PLO4 | Áp dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các mối quan hệ kinh tế - xã hội trong công tác tổ chức và quản lý, bao gồm: Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh, nhân sự, hải quan, Đạo đức kinh doanh & Văn hóa công ty. |
| PLO5 | Áp dụng kiến thức trong xu hướng toàn cầu hóa để giải quyết những vấn đề về hội nhập kinh tế, đầu tư quốc tế tại Việt Nam, chuỗi cung ứng toàn cầu. |
| PLO6 | Kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng một số phần mềm như Excel, Power Point, SPSS, Ecus, i-Office, MS. Project để thuyết trình, phân tích dữ liệu và hình thành báo cáo. | Kỹ năng |
| PLO7 | Kỹ năng sử dụng các công cụ bao gồm nhìn nhận nhu cầu, đàm phán, lập kế hoạch để xác định nhu cầu liên quan đến Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng. |
| PLO8 | Kỹ năng nhận biết hiện trạng về tài chính, tổ chức của doanh nghiệp nhằm lập kế hoạch và thực hiện quản trị thuộc các chủ đề thị trường, thu mua, vận tải, giao nhận, logistics và quản trị chuỗi cung ứng. |
| PLO9 | Có khả năng sử dụng ngoại ngữ để giao dịch cơ bản, đọc và hiểu văn bản, hợp đồng (đặt Toeic quốc tế hoặc tương đương 500 điểm do trường ĐH Phan Thiết cấp). Kỹ năng tin học đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường đại học Phan Thiết cấp |
| PLO10 | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. Nhận thức được trách nhiệm là nhà quản trị, người hoạch định chiến lược, người nghiên cứu thị trường, hoặc là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng. | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |
| PLO11 | Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng. |
| PLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng. |

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được cho trong Bảng 1.3. Có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

**Bảng 1.3***Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (POs)** | **Chuẩn đầu ra (PLOs)** | | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | **6** | | **7** | **8** |
| PO1 | X | X | X |  |  | |  | | X |  |
| PO2 |  |  | X | X | X | |  | |  | X |
| PO3 |  |  | X | X | X | |  | | X | X |
| PO4 |  | X |  |  |  | |  | |  | X |
| PO5 |  |  |  | X | X | |  | | X |  |
| PO6 |  |  |  |  |  | |  | |  |  |
| PO7 |  |  | X | X | X | |  | |  | X |
| PO8 |  |  |  |  |  | | X | |  |  |
| PO9 |  |  | X | X | X | |  | |  | X |
| PO10 |  |  |  |  |  | |  | | X |  |
| PO11 |  | X |  |  |  | |  | | X |  |
| PO12 |  |  |  |  |  | |  | |  |  |
| **Mục tiêu (POs)** | **Chuẩn đầu ra (PLOs)** | | | | | | | | | |
| **9** | **10** | **11** | **12** | |  | |  |  |  |
| PO1 |  |  |  |  | |  | |  |  |  |
| PO2 | X | X |  |  | |  | |  |  |  |
| PO3 |  |  |  |  | |  | |  |  |  |
| PO4 |  |  |  |  | |  | |  |  |  |
| PO5 |  | X |  |  | |  | |  |  |  |
| PO6 |  |  | X | X | |  | |  |  |  |
| PO7 |  | X |  |  | |  | |  |  |  |
| PO8 | X |  |  |  | |  | |  |  |  |
| PO9 |  | X |  |  | |  | |  |  |  |
| PO10 |  | X | X |  | |  | |  |  |  |
| PO11 | X |  | X |  | |  | |  |  |  |
| PO12 |  |  | X |  | |  | |  |  |  |

Mối liên hệ giữa khung trình độ quốc gia bậc đại học và chuẩn đầu ra của CTĐT được cho trong Bảng 1.4. Có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được khung trình độ quốc gia nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

***Bảng 1.4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học***

|  | **Kiến thức** | | | | | **Kỹ năng** | | | | | | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR theo khung trình độ QG  CĐR CTĐT | KT1 | KT 2 | KT 3 | KT 4 | KT 5 | KN1 | KN2 | KN3 | KN4 | KN5 | KN6 | TCTN1 | TCTN2 | TCTN3 | TCTN4 |
| **PLO1** |  | X |  |  |  |  |  |  | X |  | X |  | X |  |  |
| **PLO2** | X |  |  | X | X |  | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| **PLO3** | X |  |  | X | X |  | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| **PLO4** | X |  |  |  |  |  | X |  |  | X |  |  |  |  |  |
| **PLO5** | X |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **PLO6** |  |  | X |  |  | X |  | X | X |  |  |  |  | X | X |
| **PLO7** |  |  | X |  |  | X |  | X | X |  |  |  |  | X | X |
| **PLO8** |  |  | X |  |  | X |  | X | X |  |  |  |  | X | X |
| **PLO9** |  |  |  | X | X | X | X |  | X | X | X | X |  |  |  |
| **PLO10** |  |  |  | X | X | X | X |  | X | X | X | X |  |  |  |
| **PLO11** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | X | X | X |
| **PLO12** |  |  |  |  |  |  |  |  | X | X | X | X |  | X | X |

**1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học**

Sau khi tốt nghiệp, cứ nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có thể công tác tại các doanh nghiệp làm dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung… Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, dịch vụ khác hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán…

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Phan Thiết, các trường đại học trong nước, các trường ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của BGD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với một số trường ở Anh, Úc để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;

- Có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc ngành nghề Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc).

- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ..

**1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

**1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh**

CTĐT ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Đảm bảo tiêu chí đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm.

**1.8.2. Quá trình đào tạo**

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Phan Thiết. Thời gian đào tạo trong 3,5 năm. Mỗi năm học gồm ba học kỳ chính.

Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức cơ bản và cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong 1.5 năm tiếp theo.

**1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ số tín chỉ và số môn học của CTĐT;
2. Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 trở lên;
3. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;
4. Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của trường ĐHPT;
5. Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định của trường ĐHPT.
6. Có giấy chứng nhận công tác xã hội.

**1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập**

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

**1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp**

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

**1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)**: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trựctiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**2. Thuyết giảng (Lecture)**: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dungtrong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

**3. Tham luận (Guest lecture)**: Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóahọc mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

**1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp**

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm : Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

**4. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)**: Trong tiến trình dạy học, giáo viên sửdụng các câu hỏi gợi mởhay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

**5. Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việcvới vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua qúa trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

**6. Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy họclấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

**1.9.3. Học trải nghiệm**

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được TCE áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

**7. Mô hình (Models)**: là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát vàquá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

**8. Thực tập, thực tế (Field Trip)**: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tếtại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

**9. Thí nghiệm (Experiment):** Là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sửdụng các thaotác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giáo viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

**10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)**: Sinh viên được khuyến khíchtham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

**1.9.4. Dạy học tương tác**

Đây lừ chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được TCE áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning)

**11. Tranh luận (Debates)**: là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đềliênquan đến nội dung bài học, sinh viên vơi các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

**12. Thảo luận (Discussion)**: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành cácnhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

**13. Học nhóm (Pear Learning)**: Sinh viên được tổchức thành các nhóm nhỏ đểcùng nhaugiải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**1.9.5. Tự học**

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được TCE áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment)

**14. Bài tập ở nhà (Work Assigment)**: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụlàm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các

nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 1.4.

***Bảng 1.4 Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chiến lược và**  **phương pháp dạy-học** | | **PLOs** | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **I** | **Dạy trực tiếp** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Giải thích cụ thể |  | X | X | X |  |  |  |  |
| 2 | Thuyết giảng | X | X | X | X |  |  |  |  |
| 3 | Tham luận |  | X | X | X |  |  |  |  |
| **II** | **Dạy gián tiếp** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Câu hỏi gợi mở |  |  |  |  |  |  |  | X |
| 5 | Giải quyết vấn đề | X |  |  |  |  |  |  | X |
| 6 | Học theo tình huống |  |  |  |  |  |  |  | X |
| **III** | **Học trải nghiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Mô hình | X |  | X | X | X | X |  | X |
| 8 | Thực tập, thực tế |  |  | X | X | X | X |  | X |
| 9 | Thí nghiệm |  |  | X | X | X | X |  | X |
| 10 | Nhóm nghiên cứu giảng dạy |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Dạy học tương tác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Tranh luận | X |  |  |  |  | X | X | X |
| 12 | Thảo luận |  |  |  |  |  | X | X | X |
| 13 | Học nhóm | X |  |  |  |  | X | X | X |
| **V** | **Tự học** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Bài tập ở nhà | X |  |  |  | X | X |  |  |
| **1.10.** | **Chiến lược và phương pháp đánh giá** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chiến lược và**  **phương pháp dạy-học** | | **PLOs** | | | | | | | |
| **9** | **10** | **11** | **12** |  |  |  |  |
| **I** | **Dạy trực tiếp** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Giải thích cụ thể |  | X |  | X |  |  |  |  |
| 2 | Thuyết giảng | X | X | X |  |  |  |  |  |
| 3 | Tham luận |  |  | X | X |  |  |  |  |
| **II** | **Dạy gián tiếp** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Câu hỏi gợi mở |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giải quyết vấn đề | X |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Học theo tình huống |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Học trải nghiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Mô hình | S |  | X | X |  |  |  |  |
| 8 | Thực tập, thực tế |  |  | X | X |  |  |  |  |
| 9 | Thí nghiệm |  |  | X | X |  |  |  |  |
| 10 | Nhóm nghiên cứu giảng dạy |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Dạy học tương tác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Tranh luận | X |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Thảo luận |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Học nhóm | X |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **Tự học** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Bài tập ở nhà | X |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.10.** | **Chiến lược và phương pháp đánh giá** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**1.10. Các phương pháp đánh giá**

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Quản trị kinh doanh thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Quản trị kinh doanh đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

* **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học .Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được TCE áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assigment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

**1. Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1 hoặc 2 tùy thuộc vào học phần lý thuyết hay đồ án.

**2. Đánh giá bài tập (Work Assigment)**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 3.

**3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)**

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của TCE, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

* **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được TCE sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

**4. Kiểm tra viết (Written Exam)**

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẳn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

**5. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)**

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẳn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẳn trong đề thi.

**6. Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)**

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được được đánh gia thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 5.

**7. Báo cáo (Written Report)**

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

**8. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)**

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 4. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

**9. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

***Bảng 1.5 Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương pháp đánh giá**  **(Assessment methods)** | | **PLOs** | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **I** | **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đánh giá chuyên cần (Attendence Check) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đánh giá bài tập (Work Assigment) | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |
| 3 | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) |  |  |  | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| **II** | **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kiểm tra viết (Written Exam) | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |
| 5 | Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam) | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |
| 6 | Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam) |  |  | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** | **X** |
| 7 | Báo cáo (Written Report) |  |  |  |  | **X** | **X** | **X** | **X** |
| 8 | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) |  |  |  |  |  |  | **X** | **X** |
| 9 | Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment) |  |  |  |  | **X** | **X** | **X** | **X** |
| **Phương pháp đánh giá**  **(Assessment methods)** | | **PLOs** | | | | | | | |
| **9** | **10** | **11** | **12** |  |  |  |  |
| **I** | **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đánh giá chuyên cần (Attendence Check) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đánh giá bài tập (Work Assigment) | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |  |  |
| 3 | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) |  |  |  | **X** |  |  |  |  |
| **II** | **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kiểm tra viết (Written Exam) | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |  |  |
| 5 | Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam) | **X** | **X** | **X** | **X** |  |  |  |  |
| 6 | Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam) |  |  | **X** | **X** |  |  |  |  |
| 7 | Báo cáo (Written Report) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment) |  |  |  |  |  |  |  |  |

**1.11. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)**

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

1. **Đánh giá chuyên cần (Attendace Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
| Chuyên cần | Không đi học (<30%) | Đi học không chuyên cần(<50%) | Đi học khá chuyên cần (<70%) | Đi học chuyên cần (<90%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%) | 50% |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại l ớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50% |

**Rubric 2: Tham gia buổi hướng dẫn đồ án của giảng viên (Project Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Tổ chức nhóm | Nhóm bị phá vở hoàn toàn: Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm | Trách nhiệm và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm không rõ ràng, không phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm. | Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt. | Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm tốt | Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt | 20% |
| Chuyên cần | < 30% | <50% | <70% |  | <90% | 20% |
| Thảo luận | Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm | Hiếm khi tham gia thảo luận  nhóm và đóng góp ý kiến | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến | Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến cho thảo luận giữa các nhóm. | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm | 20% |
| Nội dung theo tiến độ quy định | Không có nội dung tính toán | Nội dung tính toán không đầy đủ (<50%), kết quả tính toán sai, trình tự các bước tính toán không hợp lý. | Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%) . Kết quả tính toán còn một số sai sót, nhầm lẫn | Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Kết qủa tính toán đúng, có sử dụng phần mềm tính toán nhưng chưa hợp lý | Nội dung tính toán đầy đủ về khối lượng theo tiến độ quy định (100%). Trình tự các bước tính toán hợp lý, kết qủa tính toán đúng, sử dụng phần mềm tính toán hợp lý. | 20% |
| Trình bày thuyết minh | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ | Trình bày thuyết minh lộn xộn,không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu và ký hiệu sử dụng trong thuyết minh không phù hợp | Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp. Thuyết minh còn một số lỗi chính tả, một số nhầm lẫn về kích thước, ghi chú, giải thích các thông số, bảng biểu. | Nội dung phù hợp. Cấu trúc, bố cục thuyết minh rõ ràng, logic. Ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót. | Nội dung phù hợp, cấu trúc thuyết minh rất chi tiết, rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu, chú thích trình bày khoa học, sử dụng phần mềm tính toán trong thuyết minh hiệu quả | 20% |

1. **Đánh giá bài tập (Work Assigment)**

**Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định | 20% |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp, Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | 30% |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán | Nội dung bài tập đầy đủ,hợp lý theo yêu cầu nhiệm vụ. tính toán đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | 50% |

1. **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)**

**Rubric 4: Thuyết trình (Oral Presentation)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp nội dung báo cáo | Không có nội dung hoặc không phù hợp với yêu cầu | Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh hoạ rõ ràng, đẹp | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh hoạ rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video | 50% |
| Trình bày slide | Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định | Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngũ và hình ảnh rõ ràng | Slide trình bày với bố cục logic, rỏ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion) | Slide trình bày với bố cục logic, rõ gồm 3 phần thể hiện sự thành thạo trong trình bày | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. | 25% |
| Thuyết trình | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. | Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày | Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định | 25% |

1. **Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn
2. **Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn
3. **Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)**

**Rubric 5: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
| Thái độ trả lời câu hỏi | Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, gióng nói khó nghe | Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin. | Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu | Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu Giọng nói lưu loát, rõ ràng. | Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. | 20% |
| Nội dung trả lời | Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi | Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi | Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục | 80% |

1. **Đánh giá báo cáo (Written Report) Rubric 6: Báo cáo (Written Report)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nội dung đồ án | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu | Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu Tính toán sai, không cụ thể không đáp ứng yêu cầu | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu trình tự tính, tính toán hợp lý, tính toán tài chính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục | 60% |
| Trình bày thuyết minh | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu | Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẩn với nội dung | Nội dung, trình tự trình bày, thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ | Nội dung phù hợp. Trình tự cấu trúc logic, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic. Ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo | 20% |
| Bản vẽ kỹ thuật về hình ảnh | Không có hoặc thiếu bản vẽ/hình ảnh, bản không đúng nội dung theo quy định | Đầy đủ số lượng bản vẽ/hình ảnh (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước ghi chú trên bản vẽ/hình ảnh không được thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng, thiếu một số phần trên các bản vẽ/hình ảnh | Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Kích thước, ghi chú trên bản vẽ đầy đủ, rõ ràng Còn một số lỗi về trình bày (sai chính tả, nét vẽ). | Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ rõ ràng. | Đầy đủ bản vẽ (3 bản) với nội dung theo đúng quy định. Sắp xếp các phần trên bản vẽ hợp lý. Kích thước, ghi chú đầy đủ | 20% |

1. **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Theo Rubric 4**
2. **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment) Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Tổ chức nhóm | Không có sự làm việc nhóm | Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. | Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm | Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên | 30% |
| Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần) | <30% | <50% | <70% | <90% | 100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm) | 20% |
| Thảo luận | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm | Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến | Thưởng xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm. | 20% |
| Phối hợp nhóm | Không bao giờ phối hợp với nhóm | Hiếm khi hợp tác phối hợp làm việc với nhóm | Hợp tác, phối hợp với nhóm Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẽ kinh nghiệm từ các thành viên | Hợp tác, phối hợp với nhóm Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | 20% |

**1.12.** **Hệ thống tính điểm**

Trường Đại học Phan Thiết sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

*Bảng1.5 Hệ thống thang điểm của Trường*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phân loại** | **Thang điểm 10** | **Thang điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
| ĐẠT | Từ 8.5 đến 10 | A | 4 |
| Từ 7.0 đến 8.4 | B | 3 |
| Từ 5.5 đến 6.9 | C | 2 |
| Từ 4 đến 5.4 | D | 1 |
| KHÔNG ĐẠT | <4 | F | 0 |

**II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY**

**2.1 Cấu trúc chương trình giảng dạy**

Chương trình giảng dạy được chia thành 6 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

*Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| I | Toán và Khoa học tự nhiên | 9 |  |
| II | Kiến thức chung | 17 |  |
| III | Kiến thức bổ trợ | 26 |  |
| IV | Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành | 43 |  |
| V | Chuyên ngành | 32 | 6 |
| VI | Đồ án, Thực tập và Đồ án tốt nghiệp | 11 |  |
| **Tổng số** | | 138 | 6 |
|  | | **144** | |

*(144 Tín chỉ bao gồm cả Giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất)*

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

*Bảng 2.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs*

| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Tỷ lệ %** | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| I | Toán và Khoa học tự nhiên | 9 | 6.25% | X |  | X | X |  | X | X | X | X | X | X | X |
| II | Kiến thức chung | 17 | 11.81% | X |  | X | X |  | X | X | X | X | X | X | X |
| III | Kiến thức bổ trợ | 26 | 18.06% | X |  | X | X |  | X | X | X | X | X | X | X |
| IV | Kiến thức cơ sở, cơ sở ngành | 43 | 29.86% | X | X | X | X |  | X | X | X | X | X | X | X |
| V | Chuyên ngành | 38 | 26.39% | X | X | X | X |  | X | X | X | X | X | X | X |
| VI | Đồ án, thực tập và ĐATN | 11 | 7.64% | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| **Tổng cộng** | | **144** | 100% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2.2 Danh sách các học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã học Phần | Tên học Phần | Số tín chỉ | | | | |
| Lý thuyết | Thực hành/ thí nghiệm | Đồ án | Thực tập | Tổng |
| **I. Toán và Khoa học tự nhiên** | | | **9** |  |  |  |  |
| 1 | 20013 | Toán cao cấp | 3 |  |  |  |  |
| 2 | 20000 | Tin học căn bản | 3 |  |  |  |  |
| 3 | 23002 | Thống kê ứng dụng | 3 |  |  |  |  |
| **II.Kiến thức chung** | | |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.1-Lý luận chính trị | **11** |  |  |  |  |
| 4 | 19079 | Triết học Mác – Lênin | 3 |  |  |  |  |
| 5 | 19080 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 |  |  |  |  |
| 6 | 19081 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |  |  |  |  |
| 7 | 10045 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |  |  |  |
| 8 | 20018 | Lịch sử Đảng Cộng sản VN | 2 |  |  |  |  |
|  |  | 1.2- Khoa học xã hội | **6** |  |  |  |  |
| 9 | 20010 | Pháp luật đại cương | 2 |  |  |  |  |
| 10 | 19090 | Pháp luật trong kinh doanh quốc tế | 2 |  |  |  |  |
| 11 | 19094 | Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế | 2 |  |  |  |  |
| **III.Khối kiến thức bổ trợ** | | |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.3-Ngoại ngữ | **15** |  |  |  |  |
| 12 | 10067 | Tiếng Anh 1 | 3 |  |  |  |  |
| 13 | 10081 | Tiếng Anh 2 | 3 |  |  |  |  |
| 14 | 10047 | Tiếng Anh 3 | 3 |  |  |  |  |
| 15 | 10415 | Tiếng Anh 4 | 3 |  |  |  |  |
| 16 | 19076 | Tiếng Anh 5 | 3 |  |  |  |  |
|  |  | 1.5-Giáo dục thể chất | **3** |  |  |  |  |
| 17 | 20015 | Giáo dục Thể chất 1 |  | 2 |  |  |  |
| 18 | 20091 | Giáo dục Thể chất 2 |  | 1 |  |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong các học phần sau:* |  |  |  |  |  |
|  |  | Thể dục nhịp điệu |  |  |  |  |  |
|  |  | Bóng chuyền |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.6-Giáo dục An ninh – quốc phòng | **8** |  |  |  |  |
|  |  | Giáo dục Quốc phòng | 8 |  |  |  |  |
| **IV. Khối kiến thức cơ sở và cơ sở ngành** | | | **19** |  |  |  |  |
|  |  | 3.1. Khối kiến thức cơ sở |  |  |  |  |  |
|  |  | Kinh tế vi mô | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Kinh tế vĩ mô | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị học | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Nguyên lý kế toán | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Nhập môn tài chính tiền tệ | 2 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị đa văn hóa | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |  |  |  |
|  |  | 3.2. Khối kiến thức cơ sở ngành | **24** |  |  |  |  |
|  |  | Tổng quan kinh doanh quốc tế | **3** |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị chiến lược | **3** |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị tài chính 1 | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Khởi nghiệp & Lập kế hoạch kinh doanh | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Thương mại điện tử | 3 |  |  |  |  |
| **V. Khối kiến thức chuyên ngành** | | | **38** |  |  |  |  |
|  |  | Bắt buộc |  |  |  |  |  |
|  |  | Quản lý vận tải quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Thanh toán quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị kênh phân phối | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Marketing dịch vụ logistics | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị kho hàng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Tiếng Anh chuyên ngành 1 | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản lý hợp đồng trong chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Nghiệp vụ hải quan | 2 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị dự án đầu tư | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Môn học tự chọn 1 | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Môn học tự chọn 2 | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Tự chọn | **6** |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị vận hành | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị chất lượng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản lý mua hàng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Địa lý vận tải | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Tinh gọn chuỗi cung ứng | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Điều hành dịch vụ logistics | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Vận tải đường biển và đường không | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quan hệ khách hàng trong kinh doanh | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Dự báo trong kinh doanh | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Chuỗi cung ứng dịch vụ | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Đầu tư quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Luật vận tải | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Thương hiệu và nhượng quyền trong kinh doanh quốc tế | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị dự án đầu tư | 3 |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |  |  |  |  |
| **VI. Kiến thức đồ án, tốt nghiệp** | | |  |  |  |  |  |
|  |  | **4.1. Chuyên đề: không có** |  |  |  |  |  |
|  |  | **4.2. Kiến tập** |  |  |  |  |  |
|  |  | Kiến tập |  |  |  | 2 |  |
|  |  | **4.3. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)** |  |  |  |  |  |
|  | 23021 | Khoá luận |  |  | 9 |  |  |
|  |  | ***Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp*** |  |  |  |  |  |
|  | 10143 | Kỹ năng mềm |  |  |  | 3 |  |
|  |  | Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng |  |  |  |  |  |
|  | 20322 | Thực tập tốt nghiệp |  |  |  | 6 |  |

**2.3 Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT**

*Ghi chú:* ***M*** *(Master),* ***R*** *(Reinforced),* ***I*** *(Introduction)*

| TT | Mã học Phần | Tên học Phần | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | 3 | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **I. Toán và Khoa học tự nhiên** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | 20013 | Toán cao cấp | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 20000 | Tin học căn bản |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 23002 | Thống kê ứng dụng |  |  | R | R |  |  | R | R | R |  |  |  |
| **II.Kiến thức chung** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.1-Lý luận chính trị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 19079 | Triết học Mác – Lênin |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
| 5 | 19080 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
| 6 | 19081 | Chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
| 7 | 10045 | Tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
| 8 | 20018 | Lịch sử Đảng Cộng sản VN |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
|  |  | 1.2- Khoa học xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 20010 | Pháp luật đại cương |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R | R |
| 10 | 10301 | Pháp luật trong kinh doanh quốc tế |  |  |  |  |  |  | R |  |  | R | R | R |
| 11 |  | Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế | I | I | I | I |  |  |  |  | I |  |  |  |
| **III.Khối kiến thức bổ trợ** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.3-Ngoại ngữ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | 10067 | Tiếng Anh 1 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
| 13 | 10081 | Tiếng Anh 2 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
| 14 | 10047 | Tiếng Anh 3 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
| 15 | 10415 | Tiếng Anh 4 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
|  | 19076 | Tiếng Anh 5 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
|  |  | 1.5-Giáo dục thể chất |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | 20015 | Giáo dục Thể chất 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| 17 | 20091 | Giáo dục Thể chất 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
|  |  | *Chọn 1 trong các học phần sau:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Thể dục nhịp điệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Bóng chuyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.6-Giáo dục An ninh – quốc phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 |  | Giáo dục Quốc phòng | M |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV. Khối kiến thức cơ sở và cơ sở ngành** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3.1. Khối kiến thức cơ sở** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | 22001 | Kinh tế vi mô | I |  |  | R |  | R |  |  | M |  |  |  |
| 20 | 22005 | Kinh tế vĩ mô | I |  |  |  | R |  |  | M |  |  |  |  |
| 21 | 22004 | Quản trị học | I |  |  |  |  | R |  | R | M |  |  |  |
| 22 |  | Nguyên lý kế toán | M | R | R |  |  |  |  |  | R | R |  |  |
| 23 |  | Nhập môn tài chính tiền tệ | I |  |  |  | R | R | M |  |  | M |  |  |
| 24 |  | Quản trị đa văn hóa |  |  |  |  | R | R |  |  |  | M |  |  |
| 25 | 10401 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | I |  |  |  | M | M |  |  | M |  |  |  |
| 3.2. Khối kiến thức cơ sở ngành | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 31 |  | Tổng quan kinh doanh quốc tế | I |  |  |  | R | R | M |  |  | M |  |  |
|  |  | Quản trị chiến lược | M | M | M | M |  |  |  |  | M | R | R | R |
| 32 |  | Quản trị chuỗi cung ứng |  |  | R |  |  | M | R | R | R |  |  |  |
| 33 |  | Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | I |  |  | R |  |  | M |  | M | R |  |  |
| 34 |  | Quản trị tài chính 1 | M | M | M | M |  |  | R |  | M | R | R | R |
| 35 |  | Chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ | R |  |  |  |  |  | R |  | M | R | R | R |
| 36 |  | Khởi nghiệp & Lập kế hoạch kinh doanh |  |  | M | M | M |  |  |  | M | R | R | R |
| 37 |  | Thương mại điện tử | M | M | M | M |  |  |  |  | M | R | R | R |
| V. Khối kiến thức chuyên ngành | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Bắt buộc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 38 |  | Quản lý vận tải quốc tế | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 40 |  | Thanh toán quốc tế |  |  |  |  | R | R |  |  |  | M |  |  |
| 41 |  | Quản trị kênh phân phối |  |  |  |  | R | R | M |  |  | M |  |  |
| 42 |  | Marketing dịch vụ logistics |  |  | R | R |  |  |  |  | R |  |  |  |
| 43 |  | Quản trị kho hàng |  | R | R | R |  |  | R | M |  |  |  |  |
| 44 |  | Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế |  | R |  | M |  |  |  |  |  | R |  |  |
|  |  | Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Tiếng Anh chuyên ngành 1 |  |  |  |  | R | R |  |  |  | M |  |  |
|  |  | Quản lý hợp đồng trong chuỗi cung ứng |  |  |  |  | R | R | M |  |  | M |  |  |
|  |  | Nghiệp vụ hải quan |  |  | R | R |  |  |  |  | R |  |  |  |
|  |  | Quản trị dự án đầu tư |  | R | R | R |  |  | R | M |  |  |  |  |
|  |  | Môn học tự chọn 1 |  | R |  | M |  |  |  |  |  | R |  |  |
|  |  | Môn học tự chọn 2 |  | R |  | M |  |  |  |  |  | R |  |  |
| **V. Kiến thức đồ án, tốt nghiệp** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **4.1. Chuyên đề: không có** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **4.2. Kiến tập** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 47 |  | Kiến tập | R | R | R | R | R | R | R | R | R | R | R | R |
|  |  | **4.3. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 48 | 23021 | Khoá luận | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |
|  |  | ***Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 49 | 10143 | Môn học thay thế |  |  |  |  |  |  | R | R |  | R | R | R |
| 50 | 20322 | Thực tập tốt nghiệp | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

**2.4 Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Tổng TC** | **STT** | **Code** | **Tên học phần** | **LT** | **TH, TN** | **ĐA** | **TT** | **Điều kiện** | | |
| **TQ** | **HT** | **SH** |
| **I** | **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Tiếng Anh 1 | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Tổng quan kinh doanh quốc tế | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Nhập môn tài chính tiền tệ | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | X |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **14** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Giáo dục thể chất 1 |  | x |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Pháp luật đại cương | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Kinh tế vi mô | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Tiếng Anh 2 | X | X |  |  |  | 1 |  |
|  | 3 |  |  | Nguyên lý kế toán | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản trị học | X |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **15** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 |  |  | Giáo dục thể chất 2 |  | X |  |  |  | 5 |  |
|  | 3 |  |  | Triết học Mác - Lê Nin | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Kinh tế vĩ mô | X |  |  |  |  | 7 |  |
|  | 3 |  |  | Tiếng Anh 3 | X | X |  |  |  | 8 |  |
|  | 3 |  |  | Thống kê ứng dụng | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản trị đa văn hóa | X | X |  |  |  |  |  |
| **IV** | **14** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Quản trị tài chính 1 | X | X |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Tiếng Anh 4 | X |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Marketing dịch vụ logistics | X |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Quản trị chuỗi cung ứng | X |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Quản trị kho hàng | X | X |  |  |  | 14 |  |
| **V** | 15 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Tin học căn bản | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Tiếng Anh 5 | X |  |  |  |  | 21 |  |
|  | 3 |  |  | Quản trị chiến lược | X |  |  |  |  | 10 |  |
|  | 3 |  |  | Toán cao cấp | X | X |  |  |  | 10 |  |
|  | 3 |  |  | Chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ hành | X | X |  |  |  |  |  |
| VI | 15 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 8 |  |  | Giáo dục quốc phòng – an ninh |  | X |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Kinh tế chính trị Mác Lênin | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Pháp luật trong kinh doanh quốc tế | X | X |  |  |  | 23 |  |
|  | 3 |  |  | Tiếng Anh chuyên ngành | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Quản trị kênh phân phối | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Thanh toán quốc tế | X |  |  |  |  |  |  |
| **VII** | **15** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x | x |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Thương mại điện tử | x |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Quản lý vận tải quốc tế | x | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản trị dự án đầu tư | x | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế | x |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Kiến tập |  | x |  |  |  |  |  |
| **VIII** | 14 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Tư tưởng Hồ Chí Minh | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Khởi nghiệp & Lập kế hoạch kinh doanh | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản lý hợp đồng trong chuỗi cung ứng | X |  |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng | X | X |  |  |  |  |  |
| **IX** | **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Lịch sử Đảng CSVN | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 2 |  |  | Nghiệp vụ Hải quan | X | X |  |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Môn học tự chọn 1 |  |  | X |  |  |  |  |
|  | 3 |  |  | Môn học tự chọn 2 |  |  |  | X |  |  |  |
| **X** | **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | *Tự chọn* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 9 |  | 23021 | Khoá luận tốt nghiệp |  |  | X |  |  |  |  |
|  | 9 |  |  | *Môn học thay thế* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 6 |  | 20322 | Thực tập tốt nghiệp |  |  | X |  |  |  |  |
|  | 3 |  | 10143 | Kỹ năng mềm |  | X |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng |  | X |  |  |  |  |  |
|  | **133** |  | **Tổng cộng** | | |  |  |  |  |  |  |

*Lưu ý: Cột điều kiện: TQ- Tiên quyết; HT- Học trước; SH-Song hành. Số trong cột HT là số thứ tự = tên môn học yêu cầu học trước (do cột nhỏ không ghi rõ tên môn học)*

**2.5 Mô tả các học phần**

**01. Tiếng Anh 1**, **Tiếng Anh 2**, **Tiếng Anh 3**, **Tiếng Anh 4**, **Tiếng Anh 5**: bố cục thích hợp trong mỗi bài học giúp sinh viên dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức và các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao theo định hướng TOEIC, giúp sinh viên củng cố về ngữ pháp, những câu hội thoại về các lĩnh vực phổ biến trong cuộc sống**.**

**02. Giáo dục thể chất 1**:Môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến môn bóng rổ: Lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ; lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao nói chung và bóng rổ nói riêng; các quy tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu thể thao; các động tác kỹ thuật bóng rổ cơ bản và cách phòng tránh, sơ cứu chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

**03. Pháp luật đại cương:** Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương theo chương trình khung của bộ Giáo dục và đạo tạo tối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Môn học không đi sâu nghiên cứu các chi tiết các vấn đề mà chỉ dừng lại ở nội dung căn bản và khái quát về nhà nước và pháp luật. Học phần đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam về quản lý nền kinh tế; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về hệ thống các ngành luật trong hệ thống luật của Nhà nước ta một học trình được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự với tư cách là những ngành luật chủ yếu (các ngành luật gốc) của hệ thống luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tự tiếp cận với các ngành luật khác phái sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

**04. Kinh tế vi mô**: Môn học bao gồm những kiến thức kinh tế vi mô cơ bản: kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

**05. Giáo dục thể chất 2**: Môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến môn bóng chuyền: Lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền; lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao nói chung và bóng chuyền nói riêng; các quy tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu thể thao; các động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản và cách phòng tránh, sơ cứu chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

**06. Triết học Mác – Lênin:** Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin. Nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương: Chương I: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương II: Chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

**07. Pháp luật trong kinh doanh quốc tế**: Môn học Pháp luật về kinh doanh quốc tế từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật về kinh doanh quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ kinh doanh quốc tế và vận tải trong thương mại quốc tế. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Pháp luật về kinh doanh quốc tế với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật vận tải kinh doanh quốc tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng…

**08. Tiếng Anh chuyên ngành Logistics:** Học phần này có 08 bài giảng, mỗi bài giảng đều có các phần học tập như: Reading, Writing, Listening and Speaking (và vocabulary, comprehension, discussion) nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cần thiết bao gồm từ vựng chuyên ngành, các tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng nghe và nói theo chủ đề, kỹ năng viết email và thư từ giao tiếp trong môi trường hàng không.

**09. Kinh tế chính trị Mác – Lênin** : Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội; phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện. Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

**10. Kinh tế vĩ mô**: Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền tệ, lãi suất, cán cân thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

**011. Thống kê ứng dụng**: Trước tiên thống kê ứng dụng xác định đối tượng nghiên cứu của môn học là mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn đặt trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Giới thiệu hệ thống các chỉ tiêu thống kê kinh tế chủ yếu được nghiên cứu trong môn học và hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những nội dung chính của hệ thống tài khoản quốc gia. Các chương còn lại tập chung nghiên cứu cụ thể về lý luận và phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê kinh tế chủ yếu như: dân số và nguồn lao động; các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất xã hội như Tổng sản phẩm trong nước, giá trị gia tăng, tổng giá trị sản xuất, năng suất lao động,… Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về Hệ thống Ngân sách Nhà nước, cập nhật các thông tin về tình hình ngân sách Nhà nước Việt Nam. Tính toán các chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư của các quốc gia, từ đó so sánh giữa các quốc gia với nhau.

**012. Tin học căn bản**: Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng (MS DOS, WINDOWS) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho người học hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này.

**013. Toán cao cấp**: Học phần gồm có hai phần chính là Giải tích và Đại số, trong đó phần Giải tích giới thiệu về hàm số một biến và hàm nhiều biến với các vấn đề liên quan như đạo hàm, giới hạn, vi phân, tích phân, cực đại, cực tiểu và các ứng dụng trong kinh tế. Phần Đại số giới thiệu về ma trận và định thức, các phép toán trên ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính và phương pháp giải các hệ phương trình tuyến tính.

**014. Phương pháp nghiên cứu khoa học**: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là một môn học cần thiết để rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cho người học. Môn học chú trọng rèn luyện cho học viên kỹ năng tư duy logic trong nghiên cứu: nhận dạng, phát hiện sự kiện/vấn đề khoa học, đặt giải thuyết nghiên cứu, xây dựng các luận điểm khoa học, tìm kiếm và chứng minh các luận cứ, sử dụng các luận cứ để chứng minh giả thuyết nghiên cứu. Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học.

Sinh viên sẽ chủ động trong việc đang ký thực hiện tốt các nghiên cứu của mình trong quá trình học tập các môn học, đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công. Ngoài ra, môn học cũng dành một phần thời gian để người học rèn luyện kỹ năng chuẩn bị cho thuyết trình khoa học.

**015. Chủ nghĩa xã hội khoa học**: Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực. Sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

**016. Tư tưởng Hồ Chí Minh**: Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng với các môn học Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

**017. Lịch sử Đảng CSVN**: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930); sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

**018. Nguyên lý cơ bản về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng:** Học phần Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức lý thuyêt và thực tiễn về quản trị chi phí chuỗi cung ứng như: nội dung cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển quản trị logistics và chuỗi cung ứng; các nội dung trong quy trình hoạch định, thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị tồn kho, quản lý thông tin và hợp tác, đo lường hiệu quả hoạt động trong chuỗi cung ứng.

**019. Nhập môn Tài chính tiền tệ**: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, vai trò của tín dụng và lãi suất trong nền kinh tế. Các kiến thức cơ bản về hệ thống tài chính như tài chính công và chính sách tài khóa; tài chính doanh nghiệp; định chế tài chính trung gian; hoạt động của ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại; tài chính quốc tế và thị trường tài chính.

**020. Tổng quan kinh doanh quốc tế:** Chiến lược kinh doanh quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kinh Doanh Quốc tế. Học phần cung cấp lý thuyết về chiến lược KDQT, phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến việc hoạch định các chiến lược KDQT của các công ty đa quốc gia.

**021. Nguyên lý kế toán**: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, …).

**022. Quản trị học**: Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

**023. Quản trị đa văn hóa:** Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia, ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

**024. Quản trị tài chính doanh nghiệp 1**: Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có thể hiểu được lý thuyết giá trị thời gian của dòng tiền, mối tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận; định giá chứng khoán; những kiến thức cơ bản về các loại nguồn vốn, chi phí sử dụng của từng nguồn vốn, các kỹ thuật phân tích và ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn.

**025. Marketing dịch vụ logistics**: Môn học nhằm cung cấp một số khái niệm về dịch vụ và Marketing dịch vụ logistics, bên cạnh đó cũng giới thiệu những khái niệm, các họa thuyết có liên quan, nhằm giúp sinh viên hiểu và triển khai chiến lược Marketing hỗn hợp thông qua 7 công cụ: Sản phẩm, giá, phân phối, Xúc tiến, Cơ sở vật chất, con người (nhân viên phục vụ), và qui trình dịch vụ.

**026. Quản trị chuỗi cung ứng**:Quản trị chuỗi cung ứng là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành dành cho tất cả sinh viên của ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng cũng như các kiến thức và kỹ năng về hoạt động điều hành chuỗi cung ứng, đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.

**027. Quản trị kho hàng**: Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị kho hàng & tồn khovề: Phân loại kho hàng, Phân tích & lựa chọn vị trí kho hàng, lựa chọn mô hình phù hợp, Thiết kế & sắp xếp trong kho hàng, xác định nhu cầu tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tồn kho theo nguyên lý JIT, cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị tồn kho.

**028. Quản trị chiến lược**: Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**029. Quản trị chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ hành**: Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống Quản trị chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ hành để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu Quản trị chuỗi cung ứng trong khách sạn, lữ hành như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

**030. Quản trị kênh phân phối**: Quản trị kênh phân phối là quá trình tiến hành hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra hoạt động của từng khâu, từng bộ phận vận hành trong kênh phân phối. Qua đó, người thực hiện dễ dàng điều chỉnh việc sử dụng các nguồn lực nhằm đạt sự thành công trong mục tiêu đề ra. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, quản trị kênh phân phối (hay quản lý kênh phân phối) là một phần quan trọng. Bên cạnhF việc điều tiết thực hiện quy chuẩn chức năng phân phối sản phẩm, quản lý kênh phân phối còn phải làm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Người quản lý kênh phân phối thông qua việc nắm bắt tình hình thông tin thị trường và nhu cầu thực tiễn từ khách hàng, từ đó lên thông tin báo cáo quản trị để chủ doanh nghiệp kịp thời điều chỉnh chính sách kinh doanh tốt nhất cho doanh nghiệp.

**031. Thanh toán quốc tế**: Học phần cung cấp kiến thức về tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ hối đoái; các chứng từ tài chính và chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương tiện thanh toán quốc tFế và các phương thức thanh toán quốc tế.

**032. Thương mại điện tử:** Môn học giới thiệu kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch thương mại điện tử, ...

**033. Quản lý vận tải quốc tế:** Học phần quản lý vận tải quốc tế cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về nghiệp vụ vận tải hàng hóa quốc tế. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức về: các lý thuyết cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế; các nội dung cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường không, vận tải đa phương thức, incoterms, vận tải hàng hóa bằng container, thiết kế các terminal; mạng lưới hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức, mô hình ra quyết định liên quan đến hệ thống vận tải các lý thuyết cơ bản về quy trình thủ tục hải quan trong vận tải hàng hóa quốc tế; đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa từng khu vực trên thế giới.

**034. Quản trị dự án đầu tư:** Môn học xem xét các vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án cụ thể, qua đó giúp sinh viên sẽ có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc soạn thảo một hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án. Môn học cũng tiếp cận các nguyên tắc và các mảng nội dung quản trị quan trọng cần cho một dự án. Sinh viên sẽ vận dụng những hiểu biết, kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào quản lý các chương trình, kế hoạch theo hướng quản lý dự án nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

**035. Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế**:Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về kỹ năng thương lượng, đàm phán trong cuộc sống hàng ngày, kinh doanh, đối ngoại doanh nghiệp và quốc tế. Cung cấp các khái niệm cơ bản về kỹ năng thương lượng, các bước cần thiết trong quá trình đàm phán, những nội dung cần chuẩn bị trước khi đàm phán và những kỹ năng cần có của một người đàm phán chuyên nghiệp. Trên cơ sở này, sinh viên sẽ được tiếp cận lý thuyết và ứng dụng thực hành với những tình huống thực tiễn sinh động, hình thành tư duy và kỹ năng đàm phán.

**036. Kiến tập**: Học phần này mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận thực tế để hệ thống lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng, tư chất cá nhân cũng như nhận thức được con đường nghề nghiệp có thể thay đổi và các cơ hội nghề nghiệp mở rộng cho sinh viên.

Học phần gồm hai phần:

Phần 1: Hướng dẫn

Phần 2: Kiến tập tại tổ chức và viết báo cáo.

**037. Khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh**: Sinh viên được cung cấp những kiến thức cần thiết để có thể tổng hợp, thiết lập ý tưởng khởi nghiệp và kế hoạch kinh doanh. Kế hoạch bao gồm từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội kinh doanh hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

**038. Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế:** Học phần giới thiệu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Các phương pháp nhận dạng và đo lường nhằm xác định, đánh giá và phân tích các rủi ro từ đó quyết định chiến lược xử lý rủi ro. Chuỗi rủi ro là cơ sở xác định biện pháp hành động cụ thể. Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày các rủi ro đặc thù và các biện pháp kiểm soát rủi ro trong kinh doanh quốc tế.

**039. Quản lý hợp đồng trong chuỗi cung ứng:** Học phần Quản trị hợp đồng logistics và chuỗi cung ứng cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về quản trị hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu. Sinh viên hiểu và nắm vững được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công, phân tích được ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT

**040. Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng:** Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về về thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**041. Nghiệp vụ hải quan**: Môn học Nghiệp vụ hải quan là môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức về quy trình, thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu mậu dịch, tạm nhập tái xuất, gia công, hàng dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, hàng của các cơ quan ngoại giao, hàng của cư dân biên giới... cũng như giới thiệu về quy trình nghiệp vụ kiểm tra giám sát hải quan, phương pháp xác định và áp mã tính thuế suất thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam. Bên cạnh việc đi sâu tìm hiểu về hải quan Việt Nam, môn học cũng giới thiệu về hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan.

**042. Quản trị vận hành:** Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như dự báo nhu cầu, hoạch định nhu cầu vật tư, hoạch định lịch trình sản xuất…Môn học cũng nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như điều độ sản xuất, bố trí mặt bằng… và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

**043. Quản trị chất lượng:** Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng; các mô hình quản trị chất lượng tiên tiến; cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng trong các tổ chức nhằm góp phần tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường; nguyên tắc và các phương pháp đánh giá chất lượng.

**044. Thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng:** bao gồm việc kiểm tra toàn bộ chuỗi giá trị và tăng hiệu quả của nó một cách nhanh chóng bằng những đề xuất giải pháp phù hợp với các yêu cầu của khách hàng. Ngày nay, các chuyên gia Logistics và các nhà cung cấp dịch vụ phải liên tục phát triển các khả năng mới và các dịch vụ có giá trị để cạnh tranh trên thị trường trong nước & toàn cầu.

**045. Quản lý mua hàng**: Quản trị thu mua mô tả quá trình bao gồm: Tìm hiểu nhu cầu, định vị và lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán giá và các điều kiện phù hợp, và theo dõi để đảm bảo việc giao hàng. Thêm vào đó, Quản trị thu mua còn bao gồm việc lưu trữ, vận chuyển, nhận hàng, kiểm tra và kiểm tra hàng hóa.

**046. Địa lý vận tải:** Môn học này giúp sinh viên nắm được các yếu tố địa lý tự nhiên, các vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam với các trung tâm, các cực kinh tế và GTVT, các đầu mối GTVT của cả nước trong từng phương thức vận tải, các tuyến vận tải quan trong trong nội địa và quốc tế. Phân tích được vai trò và vị trí của ngành giao thông vận tải đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khả năng áp dụng các phương thức vận tải. Tận dụng các chỉ tiêu khai thác trong vận tải nhằm giúp doanh nghiệp kinh doanh vận tải có phương án vận tải kịp thời. Môn học còn giúp cho sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

**047. Tinh gọn chuỗi cung ứng:** Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về tinh gọn chuỗi cung ứng, việc giảm sự lãng phí liên quan đến: Tối ưu hóa các hoạt động gia tăng giá trị và loại bỏ những hoạt động không làm gia tăng giá trị đó là: Nhà cung cấp tinh gọn, Mua sắm tinh gọn, Sản xuất chế tạo tinh gọn, Nhà kho tinh gọn, Logistics tinh gọn, Khách hàng tinh gọn; Mô hình sản xuất tinh gọn cũng được giới thiệu ở học phần này.

**048. Điều hành dịch vụ logistics:** Học phần Điều hành dịch vụ Logistics là học phần bắt buộc thuộc Ngành đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Nghiên cứu thị trường, phân tích xây dựng phương án kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải; Xây dựng quy trình công nghệ, quản lý nghiệp vụ và tổ chức điều hành quá trình dịch vụ logistics và vận tải, gồm: tổ chức điều hành vận tải, quản lý nghiệp vụ kho hàng và trung tâm phân phối, tổ chức dịch vụ giao dịch thương mại và các dịch vụ hỗ trợ khách hàng trong chuỗi cung ứng; Phân tích đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống dịch vụ logistics và vận tải; Phát hiện, phân tích và phản biện những vấn đề về kinh tế- kỹ thuật liên quan đến quản lý và tổ chức điều hành hệ thống kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải.

**049. Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế:** Học phần Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: Quy tắc quốc tế, điều kiện bảo hiểm và luật bảo hiểm; các loại hình bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm của các bên trong bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm hỏa hoạn, rủi ro đặc biệt.

**050. Dự báo trong kinh doanh:** Dự báo trong kinh doanh được xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, đưa ra các quyết định trong doanh nghiệp nền tảng về khoa học dự báo theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp,môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**051. Đầu tư quốc tế:** Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

**052. Thương hiệu và nhượng quyền trong kinh doanh quốc tế:** Môn học này giúp khám phá các vấn đề và chiến lược liên quan đến nhượng quyền theo quan điểm của bên nhượng quyền; trang bị cho các doanh nghiệp cách đánh giá xem có nên nhượng quyền hay không và nếu có, đề xuất các chiến chiến lược để thực hiện nhượng quyền theo cách hiệu quả nhất.

**053. Quản trị nguồn nhân lực:** Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm ba chức năng chủ yếu: thu hút, đào tạo và phát triển, và duy trì nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, học viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên. Hoàn tất môn học, học viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

**054. Kỹ năng mềm**: Học phần gồm các chuyên đề trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm cơ bản để sinh viên tự tin trong việc học tập, nghiên cứu cũng như trong công việc sau này khi ra trường.

**055. Thực tập tốt nghiệp**:Nội dung bao gồm tổng quan về công ty, hệ thống quản lý, vận hành, nhân sự, marketing, chiến lược, sản xuất ở công ty, tổ chức, đánh giá hiện trạng và kiến nghị cải tiến hệ thống.

**III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô đun thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trưởng các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

***Bình Thuận, 06/2021***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **HIỆU TRƯỞNG** |

**Đề cương chi tiết ( file đính kèm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: 7220201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** **10067** | 1. **Tên học phần: Tiếng Anh 1** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: English 1** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 30 tiết |
| - Tự học: | 120 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Gia Thịnh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. David Perkins  ThS. Tống Thị Trương Nhung  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phan Gia Thịnh  ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh  ThS. Phạm Thị Hải Vân  ThS. Phạm Quỳnh Hoa |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao tiếp trong các ngữ các ngữ cảnh của cuộc sống hằng ngày ở mức độ cơ bản; có thể diễn đạt được ý mình muốn nói ở mức độ đơn giản; phát âm tiếng Anh có thể hiểu được.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nhớ các từ vựng xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống để diễn đạt ý mình muốn nói.

- Hiểu các kiến thức về ngữ âm học trong quá trình nói như: âm, trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có khả năng sử dụng vốn từ cơ bản tốt nhưng vẫn mắc các lỗi nghiêm trọng khi phải diễn đạt các suy nghĩ có tính phức tạp hơn hay phải xử lý các đề tài và tình huống không quen thuộc.

- Có thể giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với độ chính xác ở mức chấp nhận được; nhìn chung có khả năng kiểm soát tốt tuy còn chịu ảnh hưởng rõ bởi tiếng mẹ đẻ.

- Nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày.

- Phát âm dễ hiểu cho dù ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ còn nhiều và còn thường mắc lỗi phát âm.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Hình thành khả năng tự giải quyết các vấn đề trong quá trình học

- Hình thành tính trách nhiệm trong các hoạt động của lớp và nhóm

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tiếng Anh 1”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhận biết các từ vựng xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống |
| CLO2 | Giải thích được các kiến thức về ngữ âm học |
| CLO3 | Bắt chước được cách phát âm tiếng Anh cho dù ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ còn nhiều và còn thường mắc lỗi phát âm nhưng vẫn có thể hiểu được |
| CLO4 | Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày |
| CLO5 | Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với độ chính xác ở mức chấp nhận được |
| CLO6 | Đóng góp vào các hoạt động nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp Tiếng Anh, cung cấp từ vựng cần thiết để sinh viên có thể xây dựng thành câu đầy đủ, các mẫu hội thoại trong từng bối cảnh tình huống thiết thực, hội thoại giao tiếp các bài khóa gần gũi với các cuộc đàm thoại thường ngày, củng cố phát âm, nhấn âm và ngữ điệu cùng với các bài đọc, hội thoại, bài tập và tài liệu nguyên bản đa dạng giúp người học có thể học được nhiều từ vựng và củng cố ngữ pháp trong ngữ cảnh khác nhau.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhận biết các từ vựng xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống | X | X | X | X |
| CLO2 | Giải thích được các kiến thức về ngữ âm học | X |  |  | X |
| CLO3 | Bắt chước được cách phát âm tiếng Anh cho dù ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ còn nhiều và còn thường mắc lỗi phát âm nhưng vẫn có thể hiểu được | X | X | X | X |
| CLO4 | Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày | X | X | X | X |
| CLO5 | Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với độ chính xác ở mức chấp nhận được | X | X | X | X |
| CLO6 | Đóng góp vào các hoạt động nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | CLO 6 |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | CLO 6 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài kiểm tra nói |  |  | CLO 1  CLO 4  CLO 3  CLO 5 |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra nói |  |  | CLO 1  CLO 4  CLO 3  CLO 5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Bài 1. My life**  - 1A: Where’s she from?  - 1B: Welcome to Learning Curve! | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | *A1* |
| 2 | **Bài 1. My life**  - 1C: We are the champions  - 1D: What’s your e-mail address? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A1 |
| 3 | **Bài 2. People and things**  - 2A: The man with only 15 things  - 2B: Lost! | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A1 |
| 4 | **Bài 2. People and things**  - 2C: My family  - 2D: What time is it? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A2 |
| 5 | **Bài 3. Food and drink**  - 3A: Food for atheletes  - 3B: Tea or coffee? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A2 |
| 6 | **Bài 3. Food and drink**  - 3C: Chocolate for breakfast  - 3D: A special meal | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A2 |
| 7 | **Bài 4. Daily life**  - 4A: Day and night  - 4B: My trip to work | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ | A2 |
| 8 | **Bài 4. Daily life**  - 4C: Where do you work?  - 4D: How can I help you? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ |  |
| 9 | **Bài 5. All about me**  - 5A: When can you start?  - 5B: I can’t live without my phone | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ |  |
| 10 | **Bài 5. All about me**  - 5C: I love it  - 5D: My profile | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm, làm việc cá nhân | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ |  |
| 11 | **Revision**  **-Review vocabulary**  **-Review phonetics knowledge**  **-Review communication contexts**  **-Do practice test** | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học  2. Giải thích được các kiến thức ngữ âm học  3. Bắt chước được cách phát âm các từ vựng  4. Theo dõi được bài hội thoại và những bài nói ngắn xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày  5. Thực hiện được những tình huống giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc  6. Đóng góp vào các hoạt động nhóm | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5*  *CLO6* |  | Đọc tài liệu;  Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các mẫu câu, cụm từ, từ |  |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Graham Fruen | 2018 | *Personal Best A1-A Beginner* | NXB Vietnam News Agency |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Joseph Hudson | 2018 | The Sound of English | NXB Tổng hợp TP HCM |
| 3 | Michael Swan | 2016 | Practical English Usage | NXB Oxford University Press |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Luyện nói online | https://www.free4talk.com/ | 01/07/2021 |
| 2 | Thuyết trình trước công chúng | https://www.ted.com/ | 01/07/2021 |
| 3 | Tài liệu luyện nghe | **https://www.voicetube.com/** | 01/07/2021 |
| 4 | Tài liệu luyện nghe | http://tubequizard.com/ | 01/07/2021 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: The principle of logistics and supply chain management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức lý thuyết cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Từ đó vận dụng vào hoạt động quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các nội dung cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển quản trị logistics và chuỗi cung ứng

- Các nội dung trong quy trình hoạch định, thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng

- Các hoạt động quản trị tồn kho, quản lý thông tin và hợp tác, đo lường hiệu quả hoạt động trong chuỗi cung ứng

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết để đưa ra các quyết định quản trị cung ứng nhằm đạt được tối ưu các mục tiêu của các chủ sở hữu

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được nội dung cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển quản trị logistics và chuỗi cung ứng |
| CLO2 | Xác định và phân tích được quy trình hoạch định, thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng |
| CLO3 | Xác định và phân tích, thực hiện được quản trị tồn kho, quản lý thông tin và hợp tác, đo lường hiệu quả hoạt động trong chuỗi cung ứng |
| CLO4 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức lý thuyêt và thực tiễn về quản trị chi phí chuỗi cung ứng như: nội dung cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển quản trị logistics và chuỗi cung ứng; các nội dung trong quy trình hoạch định, thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị tồn kho, quản lý thông tin và hợp tác, đo lường hiệu quả hoạt động trong chuỗi cung ứng.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| CLO1 |  | I |  |  |  | I |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  | R |  | R |  | R |  | R |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | I | I | I |  | I |  | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO4 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được nội dung cơ bản, lịch sử hình thành và phát triển quản trị logistics và chuỗi cung ứng | X |  | X | X |
| CLO2 | Xác định và phân tích được quy trình hoạch định, thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng | X |  | X | X |
| CLO3 | Xác định và phân tích, thực hiện được quản trị tồn kho, quản lý thông tin và hợp tác, đo lường hiệu quả hoạt động trong chuỗi cung ứng | X |  | X | X |
| CLO4 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 4  CLO 5 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Phân loại các hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng  Trình bày quy trình hoạch định ,thu mua, sản xuất, phân phối trong chuỗi cung ứng  Trình bày các mô hình tồn kho và thang đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng**  1.1 Khái quát về quản trị chuỗi cung ứng  1.1.1 Khái niệm chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng  1.1.2 Mục tiêu của chuỗi cung ứng  1.1.3 Thành phần của chuỗi cung ứng  1.1.4 Đối tượng tham gia trong chuỗi cung ứng  1.1.5 Chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng | 4 | 1. Trình bày được khái niệm, mục tiêu, thành phần, đối tượng và chuỗi giá trị của chuỗi cung ứng | CLO1  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 1 – Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng (tiếp)**  1.2 Lịch sử phát triển của quản trị chuỗi cung ứng  1.2.1 Quá trình hình thành và phát triển của chuỗi cung ứng  1.2.2 Những vấn đề chính trong quản trị chuỗi cung ứng  1.2.3 Triển vọng phát triển chuỗi cung ứng trong tương lai | 4 | 1. Trình bày được quá trình hình thành và phát triển, những vấn đề chính và triển vọng phát triển chuỗi cung ứng | CLO1  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 2: Quy trình chuỗi cung ứng: hoạch định và thu mua**  2.1 Hoạch định trong chuỗi cung ứng  2.1.1 Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp-ERP  2.1.2 Dự báo  2.1.3 Lập kế hoạch tổng thể  2.2 Cung ứng và mua hàng  2.2.1 Tìm nguồn cung ứng  2.2.2 Thuê ngoài trong chuỗi cung ứng  2.2.3 Nguồn cung ứng | 5 | 1. Xác định được các nội dung trong quy trình hoạch định và thu mua  trong chuỗi cung ứng | CLO2  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 3: Quy trình chuỗi cung ứng: Sản xuất và phân phối**  3.1 Tổ chức sản xuất  3.1.1 Quy trình sản xuất  3.1.2 Bố trí các phương tiện sản xuất  3.1.3 Thiết kế sản phẩm trong sản xuất  3.1.4 Điều độ sản xuất  3.1.5 Quản lý nhà máy trong sản xuất  3.2 Thiết kế mạng lưới phân phối  3.2.1 Quản lý đơn hàng trong phân phối  3.2.2 Kế hoạch phân phối  3.3 Hệ thống kéo, đẩy và kéo-đẩy  3.3.1 Chuỗi cung ứng đẩy  3.3.2 Chuỗi cung ứng kéo  3.3.3 Chuỗi cung ứng kéo-đẩy  3.3.4 Xác định chiến lược chuỗi cung ứng thích hợp | 5 | 1. Xác định được các nội dung trong quy trình sản xuất và phân phối trong chuỗi cung ứng | CLO2  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 4: Quản trị logistics trong chuỗi cung ứng**  4.1 Khái niệm, vị trí, phân loại các hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng  4.1.1 Khái niệm, vị trí logistics trong chuỗi cung ứng  4.1.2 Phân loại các hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng  4.2 Các hoạt động logistics chức năng  4.2.1 Dịch vụ khách hàng  4.2.2 Hệ thống thông tin | 5 | 1. Xác định được khái niệm, vị trí, phân loại logistics, các hoạt động dịch vụ khách hàng và hệ thống thông tin logistics chức năng | CLO1  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 4: Quản trị logistics trong chuỗi cung ứng (tiếp)**  4.2.3 Quản trị dự trữ  4.2.4 Quản trị vận chuyển  4.2.5 Quản trị kho hàng  4.2.6 Quản lý vật tư mua hàng | 5 | 1. Xác định được hoạt động logistics chức năng dự trữ, vận chuyển, kho hàng, vật tư mua hàng | CLO1  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 5: Quản trị tồn kho trong chuỗi cung ứng**  5.1 Khái niệm, phân loại hàng tồn kho  5.1.1 Khái niệm, mục đích của tồn kho  5.1.2 Phân loại hàng tồn kho  5.2 Các mô hình tồn kho  5.2.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách tồn kho  5.2.2 Các mô hình tồn kho | 5 | 1. Xác định được khái niệm, phân loại tồn kho và các mô hình tồn kho trong chuỗi cung ứng | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Chương 6: Quản lý thông tin và hợp tác trong chuỗi cung ứng**  6.1 Hiệu ứng Bullwhip  6.1.1 Khái niệm và hệ quả  6.1.2 Nguyên nhân và giải pháp  6.2 Chuỗi cung ứng phối hợp  6.2.1 Khái niệm, vai trò việc cộng tác trong chuỗi cung ứng  6.2.2 Ứng dụng CPFR và sự hoàn thành hợp tác trong chuỗi cung ứng  6.3 Hệ thống thông tin hỗ trợ trong chuỗi cung ứng  6.3.1 Vai trò và chức năng của hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng  6.3.2 Những khuynh hướng mới ứng dụng trong chuỗi cung ứng | 5 | 1. Xác định và phân tích được hiệu ứng bullwhip, chuỗi cung ứng phối hợp, hệ thống thông tin hỗ trợ trong chuỗi cung ứng | CLO3 CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 9 | **Chương 7: Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng**  7.1 Mô hình tương quan thị trường-chuỗi cung ứng  7.2 Thang đo lường hiệu suất hoạt động  7.2.1 Hệ thống đo lường dịch vụ khách hàng  7.2.2 Hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động nội bộ  7.2.3 Hệ thống đo lường khả năng phản ứng linh hoạt trước biến động của cầu  7.2.2 Hệ thống đo lừong khả năng phát triển của sản phầm  7.3 Các hoạt động thực hiện hiệu quả chuỗi cung ứng  7.3.1 Hoạch định  7.3.2 Tìm kiếm nguồn hàng  7.3.3 Sản xuất  7.3.4 Phân phối  7.4 Thu thập và trình bày dữ liệu trong hoạt động cung ứng  7.4.1 Ba cấp độ chi tiết của hệ thống dữ liệu  7.4.2 Kho dữ liệu  7.4.3 Xác định rõ vấn đề và tìm cơ hội thị trường  7.4.4 Thị trường di chuyển  7.4.5 Chia sẻ dữ liệu dọc theo chuỗi cung ứng | 5 | 1. Xác định và phân tích được mô hình tương quan thị trường-chuỗi cung ứng, thang đo lường hiệu suất hoạt động, các hoạt động thực hiện hiệu quả chuỗi cung ứng, thu thập và trình bày dữ liệu trong hoạt động cung ứng | CLO3CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 10 | **Ôn tập** | 2 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | Bài giảng của giảng viên |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 |  | 2018 | Quản trị chuỗi cung ứng | Trường đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp |
| 2 | Ts. Nguyễn Thành Hiếu | 2015 | Quản trị chuỗi cung ứng | NXB đại học kinh tế quốc dân |
| 3 | F. Robert Jacobs & Richard B. Chase | 2015 | Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng | NXB kinh tế tp HCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa TC-KT-NH** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Tài chính ngân hàng** | **Mã số: 7340201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 190242** | 1. **Tên học phần: Nhập môn tài chính tiền tệ** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Fundamentals of Money & Finance** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Thạch Uyên Vy |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Môn học Nhập môn Tài chính tiền tệ cung cấp các thông tin cơ bản về tài chính – tiền tệ; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được mối liên hệ giữa tiền tệ, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu được kiến thức tổng quan về sự ra đời và phát triển của tài chính, bản chất chức năng của tài chính – tiền tệ và hệ thống tài chính – tiền tệ.

- Hiểu được tín dụng, lãi suất, cung cầu tiền tệ và những vấn đề về lạm phát.

- Hiểu được tài chính công và chính sách tài khóa, tài chính doanh nghiệp.

- Hiểu được các kiến thức về trung gian tài chính, ngân hàng trung ương, chính sách tiền tệ.

- Hiểu được hoạt động của thị trường tài chính, tài chính quốc tế

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định tài chính.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức tài chính tiền tệ để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Nhập môn tài chính tiền tệ”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích được các vấn đề của tài chính – tiền tệ |
| CLO2 | Phân tích được tín dụng, lãi suất, cung, cầu tiền tệ và những vấn đề về lạm phát |
| CLO3 | Phân tích được tài chính công, tài chính doanh nghiệp |
| CLO4 | Xác định được hệ thống định chế tài chính trung gian, ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. |
| CLO5 | Phân tích được thị trường tài chính và tài chính quốc tế |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, vai trò của tín dụng và lãi suất trong nền kinh tế. Các kiến thức cơ bản về hệ thống tài chính như tài chính công và chính sách tài khóa; tài chính doanh nghiệp; định chế tài chính trung gian; hoạt động của ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại; tài chính quốc tế và thị trường tài chính.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | I | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được các vấn đề của tài chính – tiền tệ. |  | X | X | X |
| CLO2 | Phân tích được tín dụng, lãi suất, cung, cầu tiền tệ và những vấn đề về lạm phát. |  | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích được tài chính công, tài chính doanh nghiệp. |  | X | X | X |
| CLO4 | Xác định được hệ thống định chế tài chính trung gian, ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. |  |  | X | X |
| CLO5 | Phân tích được thị trường tài chính và tài chính quốc tế. |  |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm. | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 5% | X | CLO 6 | GV đánh kiểm tra theo rubric |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 5% | X | CLO 6 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài tập cá nhân, nhóm và bài kiểm tra quá trình |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 6 | GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm, và đánh kiểm tra quá trình (theo rubric) |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV đánh kiểm tra theo rubric |

1. ***Chính sách đối với HP***

* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Lý luận cơ bản về tài chính**  **-** Khái quát sự ra đời và phát triển của tài chính  - Bản chất của tài chính  - Chức năng của tài chính  - Hệ thống tài chính | 4 | 1.Khái quát sự ra đời và phát triển của tài chính  2. Bản chất, chức năng của tài chính  3. Hệ thống tài chính | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 2 | **Chương 2: Đại cương về tiền tệ**  - Sự ra đời và phát triển của tiền tệ  - Bản chất và chức năng của tiền tệ  - Các chế độ tiền tệ  - Các học thuyết tiền tệ | 4 | 1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ  2. Bản chất và chức năng của tiền tệ  3. Các chế độ tiền tệ  4. Các học thuyết tiền tệ | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 3 | **Chương 3: Tín dụng và lãi suất.**  - Khái niệm tín dụng  - Chức năng và vai trò của tín dụng  - Các hình thức tín dụng trong nền kinh tế thị trường  - Khái niệm và phân loại lãi suất  - Các nhân tố quyết định lãi suất thị trường | 4 | 1. Phân tích được vai trò chức năng của tín dụng, lãi suất  2. Biết được các hình thức tín dụng, lãi suất  3. Xác định các nhân tố quyết định lãi suất | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 4 | **Chương 4: Cung, cầu tiền tệ & những vấn đề về lạm phát**  - Các lý thuyết về cầu tiền tệ  - Các khối tiền trong lưu thông  - Các chủ thể thể cung ứng tiền  - Khái niệm và các loại lạm phát  - Tác động của lạm phát  - Nguyên nhân lạm phát (tiền tệ, thiếu hụt ngân sách…)  - Các biện pháp kiểm soát lạm phát  - Giảm phát | 4 | 1. Phân tích các lý thuyết về cung, cầu tiền tệ.  2. Hiểu được những vấn đề về lạm pháp và các biện pháp kiểm soát | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 5 | **Chương 5: Tài chính công và chính sách tài khóa.**  - Lý luận cơ bản về tài chính công  - Ngân sách Nhà nước  - Các định chế ngoài ngân sách  - Chính sách tài chính công | 4 | 1. Phân tích tài chính công và các chính sách tài chính công | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 6 | **Chương 6: Tài chính doanh nghiệp**  - Bản chất và vai trò của tài chính doanh nghiệp  - Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp  - Thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp | 4 | 1. Xác định cấu trúc tài chính doanh nghiệp  2. Xác định thu nhập và lợi nhuận doanh nghiệp | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 7 | **Chương 7: Hệ thống định chế tài chính trung gian**  - Hệ thống định chế tài chính trung gian.  - Khái niệm, đặc điểm, phân loại trung gian tài chính  - Vai trò trung gian tài chính  - Khủng hoảng tài chính  - Ngân hàng thương mại | 4 | 1. Phân loại và tìm hiểu vai trò của các trung gian tài chính  2. Tìm hiểu về ngân hàng thương mại | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 8 | **Chương 8: Ngân hàng Trung ương & Chính sách tiền tệ**  - Sự ra đời và phát triển Ngân hàng Trung ương  - Mô hình tổ chức Ngân hàng Trung ương  - Bản chất và chức năng Ngân hàng Trung ương  - Chính sách tiền tệ | 4 | 1. Phân tích các mô hình, chức năng Ngân Hàng Trung Ương  2. Phân tích các chính sách tiền tệ | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 9 | **Chương 9: Thị trường tài chính**  - Sự ra đời và phát triển thị trường tài chính  - Khái niệm, phân loại thị trường tài chính  - Thị trường tiền tệ  - Thị trường vốn  - Vai trò của thị trường tài chính | 4 | 1. Tìm hiểu thị trường tài chính  2. Xác định vai trò của thị trường tài chính | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 10 | **Chương 10: Tài chính quốc tế**  - Cơ sở hình thành và phát triển tài chính quốc tế  - Tỷ giá hối đoái  - Cán cân thanh toán quốc tế  - Sự di chuyển các nguồn vốn và quản lý nợ nước ngoài  - Các định chế tài chính quốc tế | 4 | 1. Tìm hiểu cơ sở hình thành và phát triển tài chính quốc tế  2. Tìm hiểu tỷ giá hối đoái, cán cân quốc tế và các định chế tài chính | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 11 | **Ôn tập** | 5 |  |  | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | GS. TS Dương Thị Bình Minh, PGS. TS. Sử Đình Thành | 2013 | Lý thuyết tài chính tiền tệ | NXB Thống kê |
| 2 | PGS. TS Nguyễn Đăng Dờn | 2010 | Lý thuyết tài chính tiền tệ | NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Frederic S. Mishkin | 2015 | Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính | NXB Đại học kinh tế Quốc Dân |
| 4 | TS. Nguyễn Minh Kiều | 2015 | Tiền tệ Ngân hàng | NXB Tài Chính |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2021 |

**9. Analytic Rubric**

Rubric 1. Đánh giá thường xuyên (10%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá (8.5-7) | Trung Bình (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Đánh giá thường xuyên | | | | | | | |
| CLO6 | Tham dự lớp học | 50 | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%) | Đi học chuyên cần (<90%) | Đi học khá chuyên cần (<70%) | Đi học không chuyên cần(<50%) |  |
| CLO6 | Mức độ tích cực | 50 | >10 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt >9 điểm tích cực do nhóm đánh giá | > 6 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt > 7 điểm tích cực do nhóm đánh giá | < 3 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc đạt < 6 điểm tích cực do nhóm đánh giá, hoặc bị GV nhắc làm việc riêng trong giờ học < 2 lần | Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt < 5 điểm tích cực do nhóm đánh giá, hoặc 2 lần bị nhắc làm việc riêng trong giờ học. |  |

Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ (30%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá  (8.5-7) | Trung Bình  (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Kiểm tra giữa kỳ | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-  8,5 theo  đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm <5 theo  đáp án  điểm  kiểm tra |  |

Rubric 3. Đánh giá cuối kỳ (60%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá (8.5-7) | Trung Bình (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Kiểm tra cuối kỳ | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-  8,5 theo  đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm <5 theo  đáp án  điểm  kiểm tra |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: KDQT** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Tổng quan kinh doanh quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Introduction to international business** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng phân tích các quan hệ tài chính trong doanh nghiệp. Từ đó vận dụng các cơ sở lý luận tài chính để xây dựng được quy trình quản lý tài chính của đơn vị và tham mưu ra quyết định tài chính đối với doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Những nội dung cơ bản về kinh doanh quốc tế, các lý thuyết thương mại quốc tế, toàn cầu hóa

- Môi trường kinh doanh quốc tế, tổ chức WTO và các khối thương mại

- Cấu trúc tổ chức và chiến lược kinh doanh quốc tế

- Các hoạt động chức năng trong kinh doanh quốc tế: quản trị nguồn nhân lực, tài chính, marketing, vận hành

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết để đưa ra các quyết định kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tổng quan kinh doanh quốc tế”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được những nội dung cơ bản về kinh doanh quốc tế, các lý thuyết thương mại quốc tế, toàn cầu hóa |
| CLO2 | Phân tích được môi trường kinh doanh quốc tế, tổ chức WTO và các khối thương mại |
| CLO3 | Xác định phân tích được các cấu trúc tổ chức và chiến lược kinh doanh quốc tế |
| CLO4 | Xác định và phân tích được các hoạt động chức năng trong kinh doanh quốc tế: quản trị nguồn nhân lực, tài chính, marketing, vận hành |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tổng quan kinh doanh quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản và tổng quát cho sinh viên về kinh doanh quốc tế trong môi trường toàn cầu. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: những nội dung cơ bản về kinh doanh quốc tế, các lý thuyết thương mại quốc tế, toàn cầu hóa; môi trường kinh doanh quốc tế, tổ chức WTO và các khối thương mại; cấu trúc tổ chức và chiến lược kinh doanh quốc tế; các hoạt động chức năng trong kinh doanh quốc tế: quản trị nguồn nhân lực, tài chính, marketing, vận hành.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  | I | I |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | I | I | I | I |  |  | I | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  | I | I |  | I |  |  |  |  | I |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được những nội dung cơ bản về kinh doanh quốc tế, các lý thuyết thương mại quốc tế, toàn cầu hóa | X |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích được môi trường kinh doanh quốc tế, tổ chức WTO và các khối thương mại | X |  | X | X |
| CLO3 | Xác định phân tích được các cấu trúc tổ chức và chiến lược kinh doanh quốc tế | X |  | X | X |
| CLO4 | Xác định và phân tích được các hoạt động chức năng trong kinh doanh quốc tế: quản trị nguồn nhân lực, tài chính, marketing, vận hành | X | X |  | X |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 4  CLO 5 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Trình bày quá trình hình thành và phát triển của WTO  Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt động kinh doanh quốc tế  Trình bày các yếu tố ảnh hưởng và các phương thức gia nhập thị trường |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Tổng quan kinh doanh quốc tế**   * 1. Kinh doanh quốc tế   1.1.1 Phân biệt kinh doanh nội địa và kinh doanh quốc tế  1.1.2 Tầm quan trọng của kinh doanh quốc tế  1.1.3 Những lợi ích của kinh doanh quốc tế  1.1.4 Những thách thức của kinh doanh quốc tế | 4 | 1. Xác định được sự khác biệt giữa kinh doanh nội địa và kinh doanh quốc tế, tầm quan trọng, lợi ích và thách thức của kinh doanh quốc tế | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 1: Tổng quan kinh doanh quốc tế (tiếp)**  1.2. Lý thuyết thương mại quốc tế và tác động kinh tế của nó  1.2.1. Các lý thuyết thương mại quốc tế và tác động của nó  1.2.2. Chính sách thương mại quốc tế  1.2.3. Cán cân thanh toán  1.2.4. Thị trường ngoại hối  1.2.5. Xác định tỷ giá hối đoái thả nổi  1.2.6. Hệ thống tiền tệ quốc tế | 4 | 1. Xác định được các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách, cán cân thanh toán, thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, hệ thống tiền tệ quốc tế trong thanh toán quốc tế | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 1: Tổng quan kinh doanh quốc tế (tiếp)**  1.3. Quy trình toàn cầu hóa  1.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của toàn cầu hóa  1.3.2. Toàn cầu hóa  1.3.3. Tác động của toàn cầu hóa  1.3.4. Động lực toàn cầu hóa ngành công nghiệp  1.3.5. Tác động chiến lược của toàn cầu hóa | 4 | 1. Xác định được khái niệm, ý nghĩa, tác động, động lực của toàn cầu hóa | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 2: Môi trường kinh doanh quốc tế**  2.1. PESTEL  2.1.1. Môi trường chính trị  2.1.2. Môi trường kinh tế  2.1.3. Môi trường văn hóa, xã hội  2.1.4. Môi trường công nghệ  2.1.5. Các vấn đề môi trường  2.1.6. Môi trường pháp luật | 4 | 1. Xác định được môi trường pestel trong kinh doanh quốc tế | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 2: Môi trường kinh doanh quốc tế (tiếp)**  2.2. WTO và tác động của nó  2.2.1. GATT trước vòng đàm phán Uruguay  2.2.2. Vòng đàm phán Uruguay  2.2.3. WTO  2.2.4. Cấu trúc của WTO | 4 | 1. Xác định được quá trình hình thành và phát triển, cấu trúc của WTO | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 2: Môi trường kinh doanh quốc tế (tiếp)**  2.3. Thương mại khu vực  2.3.1. Các loại khối thương mại  2.3.2. Lý do của sự nổi lên của PTA  2.3.3. Tác động phúc lợi xã hội của PTA  2.3.4. Đa dạng và phát triển thương mại  2.3.5. Các khối thương mại chính trên thế giới  2.4. Phân tích rủi ro  2.4.1. Cơ hội và rủi ro quốc gia  2.4.2. Cơ hội ngành | 4 | 1. Xác định được các loại khối thương mại, lý do, tác động và sự phát triển của khối thương mại, phân tích rủi ro và cơ hội | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 3: Chiến lược và cấu trúc kinh doanh quốc tế**  3.1. Chiến lược kinh doanh quốc tế  3.1.1. Chiến lược: nguồn gốc và sự phát triển  3.1.2. Quy trình toàn cầu hóa  3.1.3. Nền tảng và khung của chiến lược quốc tế | 4 | 1. Xác định được nguồn gốc và sự phát triển, nền tảng chiến lược quốc tế | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Chương 3: Chiến lược và cấu trúc kinh doanh quốc tế (tiếp)**  3.2. Cấu trúc tổ chức và chiến lược kinh doanh quốc tế  3.2.1. Cấu trúc tổ chức và các thành phần của nó  3.2.2. Các loại cấu trúc tổ chức  3.2.3. Cấu trúc phân ban quốc tế  3.2.4. Cấu trúc chức năng toàn cầu  3.2.5. Cấu trúc phân ban địa lý (khu vực)  3.2.6. Cấu trúc phân ban ma trận  3.2.7. Cấu trúc phân ban sản phầm toàn cầu  3.2.8. Cấu trúc ghép | 4 | 1. Xác định được các loại cơ cấu tổ chức | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 9 | **Chương 3: Chiến lược và cấu trúc kinh doanh quốc tế (tiếp)**  3.3. Chiến lược gia nhập quốc tế  3.3.1. Sự biến động của môi trường  3.3.2. Các lý thuyết về quốc tế hóa  3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc gia nhập thị trường  3.3.4. Các phương thức gia nhập thị trường  3.3.5. Các chiến lược gia nhập thị trường | 5 | 1. Xác định được lý thuyết, các yếu tố ảnh hưởng, phương thức gia nhập và chiến lược gia nhập thị trường | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 10 | **Chương 4: Chức năng kinh tế quốc tế**  4.1. Quản trị nguồn nhân lực quốc tế  4.2. Tài chính quốc tế  4.3. Marketing quốc tế  4.4. Quản trị vận hành quốc tế | 5 | 1. Xác định được các hoạt động chức năng hỗ trợ kinh doanh quốc tế | CLO4  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 11 | **Ôn tập** | 3 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | **Bài giảng của giảng viên** |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 21 tháng 6 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ Bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Cơ bản** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 20000** | 1. **Tên học phần: Giáo dục thể chất 1** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Physical education 1** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 30 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Minh Mẫn |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Giúp cho sinh viên nhận biết được lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao và một số nguyên tắc vệ sinh trước, trong và sau khi tập luyện hoặc thi đấu. Phân biệt được môn thể thao đối kháng trực tiếp và không trực tiếp, khởi động chung và khởi động chuyển môn. Trình bày sơ lượt về lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ. Bên cạnh đó có thể phân tích và thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng rổ cơ bản như: nhồi bóng, chuyền bóng, ném rổ.

Nhận biết một số điều luật bóng rổ cơ bản và phương pháp trọng tài; các bước tiến hành tổ chức một giải đấu; cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu. Trên cơ sở đó hình thành ý thức tự tập luyện, nâng cao trình độ kỹ thuật và phát triển các kỹ năng cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật…

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Trình bày được khái quát về lợi ích của việc tập luyện TDTT và các nguyên tắc vệ sinh TDTT.

- Trình bày được khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ.

- Thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng rổ từ cơ bản đến nâng cao.

- Nhận biết một số điều luật bóng rổ cơ bản và phương pháp trọng tài; các bước tiến hành tổ chức một giải đấu; cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Tăng cưởng khả năng thích nghi của cơ thể đối với khối lượng và cường độ vận động của từng buổi tập; sự kết hợp các động tác kỹ thuật với nhau trong tập luyện và thi đấu bóng rổ.

- Thực hiện và kết hợp được các kỹ thuật động tác với nhau và kiểm soát các hoạt động của cơ thể trong tập luyện và thi đấu.

- Vận dụng một số điều luật, phương pháp trọng tài, lập kế hoạch và triển khai tổ chức được một giải thi đấu bóng rổ.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tuân thủ các yêu cầu của giảng viên và nội quy của nhà trường trong các giờ lên lớp.

- Có ý thức tự tập luyện và nâng cao các động tác kỹ thuật.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Giáo dục thể chất 2”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được lợi ích của việc tập luyện TDTT, các khái niệm về nguyên tắc vệ sinh TDTT. |
| CLO2 | Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ; các nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí trong bóng rổ. |
| CLO3 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật nhồi bóng và chuyền bóng. |
| CLO4 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật ném rổ và một số chiến thuật cơ bản. |
| CLO5 | Hiểu và vận dụng một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài. |
| CLO6 | Nhận biết cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng rổ. |
| CLO7 | Có ý thức tự tập luyện và nâng cao trình độ các động tác kỹ thuật.  Phát triển các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật… |
| CLO8 | Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động, phát triển các tố chất thể lực (nhanh, mạnh, bền, khả năng phối hợp vận động và mềm dẻo). |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến thể dục thể thao nói chung và môn bóng rổ nói riêng bao gồm: Lợi ích của việc tập luyện TDTT, các nguyên tắc vệ sinh TDTT, lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ; nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí trong bóng rổ; các động tác kỹ thuật bóng rổ từ cơ bản đến nâng cao; một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài; các phương pháp huấn luyện thể lực và tổ chức một giải thi đấu bóng rổ; cách phòng tránh và xử lý chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu. Từ đó hình thành và phát triển ý thức tự tập luyện TDTT và nâng cao trình độ kỹ thuật động tác cùng các kỹ năng như: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật ….Nâng cao ý thức tự tập luyện các động tác kỹ thuật.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được lợi ích của việc tập luyện TDTT, các khái niệm về nguyên tắc vệ sinh TDTT. | x |  |  | x |
| CLO2 | Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng rổ; các nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí trong bóng rổ. | x |  |  | x |
| CLO3 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật nhồi bóng và chuyền bóng. | x | x |  | x |
| CLO4 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật ném rổ và 2 bước lên rổ. | x |  | x | x |
| CLO5 | Hiểu và vận dụng một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài. | x |  |  | x |
| CLO6 | Nhận biết cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng rổ. | x |  |  | x |
| CLO7 | Có ý thức tự tập luyện và nâng cao trình độ các động tác kỹ thuật.  Phát triển các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật… | x | x | x | x |
| CLO8 | Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động, phát triển các tố chất thể lực (nhanh, mạnh, bền, khả năng phối hợp vận động và mềm dẻo). | x | x | x | x |
| CLO9 | Nhận biết và ứng dụng một số loại hình chiến thuật trong tấn công và phòng thủ. | x | x |  | x |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | GV đánh giá theo buổi số tham gia học phần của sinh viên. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | * Bài kiểm tra giữa kỳ: Thực hiện được động tác kỹ thuật dẫn bóng tốc độ |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO3  CLO7  CLO8 | GV đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ….; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Thực hiện được động tác kỹ thuật ném rổ |  |  | CLO4  CLO7  CLO8 | GV chấm điểm theo thành tích sinh viên đạt được |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự ≥ 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | (8) |
| **1**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Sinh hoạt nội quy, quy chế môn học.  - Chương I: Lợi ích của Thể dục Thể Thao  - Chương II: Vệ sinh học Thể dục Thể thao  - Giới thiệu về các kỹ thuật cơ bản trong bóng rổ.  - Kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và di chuyển.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Làm quen với bóng, tạo cảm giác, sức mạnh cho tay, cổ tay và ngón tay.  - Các bước di chuyển trong bóng rổ  - Kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và di chuyển.  - Trò chơi vận động. | (02 LT, 01 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được lợi ích của việc tập luyện TDTT  2. Trình bày được các nguyên tắc vệ sinh TDTT.  3. Phân tích được các bước thực hiện động tác nhồi bóng tại chỗ và di chuyển.  **Thực hành:**  1. Phân biệt được khởi động chung và khởi động chuyên môn;  2. Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động.  3. Thực hiện được kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và di chuyển.  4. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO1  CLO3  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **2**  **(3 tiết**) | **Lý thuyết:**  - Sinh hoạt nội quy, quy chế môn học.  - Chương III: Lịch sử hình thành bóng rổ thế giới và ở Việt Nam.  - Chương IV: Các vị trí và thuật ngữ trong bóng rổ.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Làm quen với bóng, tạo cảm giác, sức mạnh cho tay, cổ tay và ngón tay (vổ bóng, xoay bóng, tung và chụp bóng).  - Các bước di chuyển trong bóng rổ (Đi, chạy, bật nhảy, dừng, quay người).  - Kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và di chuyển. (tt)  - Trò chơi vận động. | (02 LT, 01 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được khái quát lịch sử hình thành bóng rổ thế giới và ở Việt Nam  2. Trình bày được nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí và một số thuật ngữ bóng rổ.  **Thực hành:**  1. Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động.  2. Thực hiện được kỹ thuật nhồi bóng di chuyển theo địa hình.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO2  CLO3  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **3**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương V: Kỹ thuật bóng rổ  - Kỹ thuật tấn công  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Kỹ thuật ném rổ.  - Kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và di chuyển. (tt)  - Trò chơi vận động. | (02 LT, 01 TH) | **Lý thuyết:**  1. Phân tích được các kỹ thuật tấn công.  **Thực hành:**  1. Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động.  2. Thực hiện được kỹ thuật ném rổ.  3. Hoàn thiện kỹ thuật nhồi bóng di chuyển.  4. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO3  CLO4  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **4**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương V: Kỹ thuật bóng rổ  - Kỹ thuật tấn công (tt)  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Di chuyển ném rổ.  - Nhồi bóng, dẫn bóng và ném rổ.  - Trò chơi vận động. | (02 LT, 01 TH) | **Lý thuyết:**  1. Phân tích được các kỹ thuật tấn công.  **Thực hành:**  1. Hoàn thiện kỹ thuật ném rổ.  2. Kết hợp các động tác kỹ thuật với nhau.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO3  CLO4  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **5**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương V: Kỹ thuật bóng rổ  - Kỹ thuật phòng thủ  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Tại chỗ ném rổ.  - Nhồi bóng, dẫn bóng và ném rổ. (tt)  - Kỹ thuật chuyền bóng  - Trò chơi vận động. | (02 LT, 01 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được một số chiến thuật phòng thủ.  **Thực hành:**  1. Kết hợp được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Thực hiện được kỹ thuật ném rổ.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO3  CLO4  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **6**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương V: Kỹ thuật bóng rổ  - Kỹ thuật phòng thủ (tt)  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Tại chỗ ném rổ.  -Kỹ thuật chuyền bóng  - Nhồi bóng, dẫn bóng và ném rổ. (tt)  - Thể lực. | (01 LT, 02 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được một số chiến thuật phòng thủ.  **Thực hành:**  1. Kết hợp được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Hoàn thiện kỹ thuật chuyền bóng.  3. Phát triển các tố chất thể lực. | CLO3  CLO4  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **7**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương VI: Chiến thuật bóng rổ  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Dẫn bóng tốc độ 30m.  - Kỹ thuật 2 bước lên rổ.  - Đón, bắt bóng, nhồi bóng, dẫn bóng và ném rổ.  - Thể lực. | (01 LT, 02 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được một số chiến thuật trong bóng rổ.  **Thực hành:**  1. Kết hợp được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Làm quen với động tác 2 bước lên rổ.  3. Phát triển các tố chất thể lực. | CLO3  CLO4  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **8**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chường VII: Phương pháp huấn luyện thể lực và tổ chức thi đấu bóng rổ.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Dẫn bóng tốc độ 50m.  - Kỹ thuật 2 bước lên rổ. (tt)  - Ném rổ tại chỗ và di động ném rổ.  - Đón, bắt bóng, nhồi bóng, dẫn bóng và ném rổ. (tt)  - Thể lực. | (01 LT, 02 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được một số phương pháp huấn luyện thể lực và tổ chức thi đấu bóng rổ.  **Thực hành:**  1. Kết hợp được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Hoàn thiện động tác 2 bước lên rổ.  3. Phát triển các tố chất thể lực. | CLO3  CLO4  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **9**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương VIII: Những điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Dẫn bóng tốc độ 84m.  - Di chuyển đón - bắt bóng - ném rổ.  - Di chuyển đón - bắt bóng - 2 bước lên rổ  - Trò chơi vận động. | (01 LT, 02 TH) | **Lý thuyết:**  1. Trình bày được một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài.  **Thực hành:**  1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, sự kiên trì và tính kỷ luật.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **10**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Chương IX: Tổng hợp các chấn thương thường và cách phòng tránh chấn thương.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  **-** Dẫn bóng tốc độ 84m.  - Ném rổ tại chỗ, di động ném rổ, 2 bước lên rổ.  - Thể lực. | (01 LT, 02 TH) | **Lý thuyết:**  1. Phân loại được các mức độ chấn thương và cách xử lý chấn thương.  **Thực hành:**  1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, sự kiên trì và tính kỷ luật.  3. Phát triển các tố chất thể lực. | CLO2  CLO3  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **11**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Động tác giả qua người.  - Ném rổ tại chỗ, di động ném rổ, 2 bước lên rổ.  - Thể lực. | (03 TH) | 1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, sự kiên trì và tính kỷ luật.  3. Phát triển các tố chất thể lực. | CLO3  CLO4  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **12**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Kiểm tra giữa kỳ (30%).  - Động tác giả qua người. (tt)  - Ném rổ tại chỗ, di động ném rổ, 2 bước lên rổ.  - Trò chơi vận động. | (03 TH) | 1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, kiên trì và kỷ luật.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO3  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1  A2 |
| **13**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Tại chỗ ném rổ, di chuyển ném rổ.  - Di chuyển bắt bóng, giằng bóng và 2 bước rổ.  - **Đấu tập lần 1**  - Trò chơi vận động | (03 TH) | 1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, kiên trì và kỷ luật.  3. Phát triển các kỹ năng lãnh đạo, kỷ năng làm việc nhóm. | CLO3  CLO4  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **14**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Tại chỗ ném rổ.  - Đón, bắt bóng, nhồi bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, ném rổ, 2 bước lên rổ.  **- Đấu tập lần 2.** | (03 TH) | 1. Kết hợp và thực hiện được các động tác kỹ thuật với nhau.  2. Nâng cao tinh thần tự giác, kiên trì và kỷ luật.  3. Phát triển các kỹ năng lãnh đạo, kỷ năng làm việc nhóm. | CLO3  CLO4  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **15**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Ôn tập các nội dung kiểm tra thực hành. | (03 TH) | Thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng rổ cơ bản một cách thuần thuật. | CLO4  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Phan Minh Mẫn | 2021 | Giáo trình bóng rổ. | Trường ĐHPT |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 2 | Nguyễn Trần Phúc - Lê Minh Thiện | 2019 | Bài giảng lý thuyết phổ tu bóng rổ | Trường đại họcTDTT Tp.HCM |
| 3 | Đàm Tuấn Khôi - Phạm Thu Thủy | 2020 | Vệ sinh học TDTT | NXB TDTT |
| 4 | Nguyễn Ngọc Hải - Lê Minh Chí - Nguyễn Thị Minh Cẩm | 2016 | Giáo trình bóng rổ | Đại học quốc gia Tp.HCM |
| 5 | Nguyễn Toán - Nguyễn Sĩ Hà | 2004 | Giáo trình lý luận và phương pháp thể dục thể thao, | Trường đại học sư phạm TDTT*.* |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Lý thuyết bóng rổ | <http://fbs.upt.edu.vn/> | 23/06/2021 |
| 2 | Luật và phương pháp trọng tài | <https://bongrotv.net/> | 23/06/2021 |

**9. Rubric đánh giá chi tiết.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Tốt (**10) | **Khá (**8) | **Trung Bình**  (6) | **Yếu** ( <4) |  |
| **Đánh giá thường xuyên** | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Tham dự lớp học | 10 | Đi học đầy đủ | Nghỉ 1 buổi | Nghỉ 2 buổi | Nghỉ 2 buổi trở lên |  |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Dẫn bóng tốc độ 84m | 30 | Nam: ≤ 20s  Nữ: ≤ 30s | Nam: (20-22s]  Nữ: (30-32s] | Nam: (22-24s]  Nữ: (32-34s] | Nam: (24-26s]  Nữ: (34-36s] |  |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | |
| CLO2  CLO7  CLO8 | Ném rổ tại chỗ (10 quả) | 60 | Thành tích + Kỹ thuật =10 | Thành tích + Kỹ thuật = 8 | Thành tích + Kỹ thuật = 6 | Thành tích + Kỹ thuật = 4 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/Ngành**  **GS.TS.Lê Minh Huyền** | **Trưởng bộ môn** | *Bình Thuận, ngày….tháng….năm 2021*  **Người biên soạn**  **ThS. Phan Minh Mẫn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 20015** | 1. **Tên học phần: Pháp luật đại cương** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: General law** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 45 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phạm Thị Hồng Tâm |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Cao Thị Ngọc Trinh |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

* Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng.
* Giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để nhận diện tình huống pháp lý xảy ra trong thực tiễn cuộc sống và có ý thức tuân thủ pháp luật.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật.

- Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Việt Nam.

- Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Vận dụng được các qui định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt.

- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học.

- Giải quyết được các tình huống đơn giản trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân phát sinh trong đời sống.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học

- Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin.

- Thấy được vị trí và vai trò của nhà nước và pháp luật trong quan lý kinh tế, từ đó hứng thú và say mê môn học cho ngành học mà sinh viên đã lựa chọn.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Pháp luật đại cương”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật. Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế. |
| CLO2 | Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn. |
| CLO3 | Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi. |
| CLO4 | Vận dụng được các qui định của pháp luật và giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt. Hình thành phương pháp học ở bậc đại học. |
| CLO5 | Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học. Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương theo chương trình khung của bộ Giáo dục và đạo tạo tối với sinh viên ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Môn học không đi sâu nghiên cứu các chi tiết các vấn đề mà chỉ dừng lại ở nội dung căn bản và khái quát về nhà nước và pháp luật.

Học phần đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam về quản lý nền kinh tế; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về hệ thống các ngành luật trong hệ thống luật của Nhà nước ta một học trình được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự với tư cách là những ngành luật chủ yếu (các ngành luật gốc) của hệ thống luật, để từ đó người học có thể dễ dàng tự tiếp cận với các ngành luật khác phái sinh từ các ngành luật chủ yếu này.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được những lý thuyết chung, những khái niệm, phạm trù cơ bản nhất của khoa học pháp lý về Nhà nước và pháp luật. Hiểu được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước về quản lý kinh tế. | X |  | X | X |
| CLO2 | Vận dụng được phương pháp tìm kiếm, sưu tầm, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật mà Nhà nước đã ban hành về một vấn đề nào đó, cũng như phương pháp tiếp cận một văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiên cứu, áp dụng một văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn. | X | X |  | X |
| CLO3 | Hiểu những kiến thức và phương pháp chung của môn học, sinh viên có được một cơ sở lý luận và phương pháp luận để tự tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề pháp lý khác mà thực tiễn công tác đòi hỏi. | X |  |  | X |
| CLO4 | Vận dụng được các quy định của pháp luật và giải quyết được các tình huống đơn giản và phổ biến trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập và sinh hoạt. Hình thành phương pháp học ở bậc đại học. | X | X | X | X |
| CLO5 | Nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về pháp luật Nhà nước, luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước, ý thức một cách đầy đủ bổn phận của mình đối với Nhà nước, với xã hội trong tư cách một công dân hoặc cán bộ, công chức, viên chức của Đảng và Nhà nước | X |  |  | X |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học. Trau dồi, phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin. | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần | 10% |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Điểm danh |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận,  Nội dung làm việc nhóm giữa kỳ |  |  | CLO1  CLO2  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích, theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: |  |  | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5 | Đánh giá quá trình học của sinh viên |

***b. Chính sách đối với HP***

* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương 1: Bộ máy nhà nước**  Khái quát chung về nhà nước. (Học thuyết Mác 40% và khế ước xã hội 60%)  Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đọc hiểu được  Bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Pháp luật cơ bản.**  Khái quát những vấn đề cơ bản về pháp luật. (các khái niệm, bản chất, chức năng và giá trị xã hội của PL)  Hình thức của pháp luật và VBQPPL (án lệ và VBQPPL) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đánh giá được  Pháp luật cơ bản**.** | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Chương 3: Thực hiện pháp luật**  Quan hệ pháp luật (khái niệm, căn cứ làm PS, TĐ, CD QHPL)  Thực hiện pháp luật (khái niệm và các hình thức THPL; đảm bảo công lý cho con người)  Vi phạm PL (dấu hiệu và cấu thành); Trách nhiệm pháp lý (phân loại)  Phương pháp  Giảng viên diễn giảng; đàm thoại, sinh viên thuyết trình.  Phân tích các sự kiện lịch sử điển hình (video clip) để làm rõ vấn đề. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích được  Thực hiện pháp luật | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương 4: Tinh thần của luật hiến pháp**  Khái quát về chủ nghĩa lập hiến. (so sánh VN và một số quốc gia tiêu biểu)  Hiến pháp- công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước.  Hiến pháp và quyền con người. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Tinh thần của luật hiến pháp | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương 5: Luật dân sự và luật hôn nhân.**  Luật dân sự (tổng quan về luật tài sản gồm tài sản, một số khái niệm của luật tài sản, chức năng của luật tài sản; và khái quát chế định thừa kế)  Luật hôn nhân và gia đình (chế định kết hôn và ly hôn) hướng dẫn sv tự nghiên cứu. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích Luật dân sự và luật hôn nhân. | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(5 tiết)** | **Chương 6: Luật lao động và luật tố tụng dân sự, Luật hành chính**  Luật lao động (Quan hệ lao động gồm: hợp đồng lao động, nội dung của quan hệ lao động, chấm dứt quan hệ lao động)  Luật tố tụng dân sự (chủ thể trong TTDS và qui trình TTDS) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Luật lao động và luật tố tụng dân sự, Luật hành chính | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(5 tiết)** | **Chương 7: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự + Ôn tập**  Vai trò của LHS và TTHS trong đấu tranh và phòng chống tội phạm  Chế định tội phạm và hình phạt. (dấu hiệu và phân loại, mối quan hệ giữa tội phạm và hình phạt)  Cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo và các giai đoạn của TTHS. (khái quát)  Tổng kết môn học: Giải đáp thắc mắc cho sinh viên, Giảng viên tổng kết môn | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Luật hình sự và luật tố tụng hình sự | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Tập thể tác giả khoa Luật - Trường Đại Học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh (2017). Giáo trình Pháp luật đại cương. NXB Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1] Nguyễn Hợp Toàn (2008). Giáo trình Pháp luật đại cương. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.  [2] Nguyễn Anh Tuấn & Trần Thúy Nga (2009). Giáo trình Pháp luật đại cương. NXB Thống kê.  [3] Phạm Quốc Toàn (1994). Luật đại cương. - Giáo trình Luật Dân sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2013. | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | * Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/)   Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng 4.năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **ThS. Phạm Thị Hồng Tâm** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 22001** | 1. **Tên học phần: Kinh tế vi mô** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Microeconomics** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | GS.TS. Lê Minh Huyền |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

* Hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô
* Hiểu cách thức thị trường họat động và các ứng dụng của nó
* Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau
* Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các nghiên cứu liên quan đến các quan kinh tế vi mô phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, dựa trên những lý thuyết cơ bản của nó.

- Các vấn đề cơ bản trong việc điều hành và quản lý công ty.

- Cách thức xây dựng các quy trình quản lý công ty.

- Lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị tài chính để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Kinh tế vi mô”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn Đẩu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| CLO1 | Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô |
| CLO2 | Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ |
| CLO3 | Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể |
| CLO4 | Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể |
| CLO5 | Phân biệt được sự khác biệt giữa thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, và độc quyền nhóm |
| CLO6 | Tư duy phản biện khoa học và kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học bao gồm những kiến thức kinh tế vi mô cơ bản: kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ |  | X |  | X |
| CLO3 | Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể |  |  |  | X |
| CLO4 | Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể | X | X |  | X |
| CLO5 | Phân biệt được sự khác biệt giữa thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, và độc quyền nhóm |  |  | X | X |
| CLO6 | Tư duy phản biện khoa học và kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, kiểm tra |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ  Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng  Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Nội dung giảng dạy** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương 1: Nhập môn về kinh tế học**  1.1 Khái niệm về Kinh tế học  1.1.1 Quy luật khan hiếm, sự lựa chọn và chi phí cơ hội.  1.1.2 Kinh tế học là gì?  1.1.3 Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.  1.1.4 Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc.  1.2 Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế .  1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất.  1.4 Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đọc hiểu được Nhập môn về kinh tế học | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | Chương 2: **Cầu, cung và cân bằng thị trường**  2.1 Cầu  2.1.1 Khái niệm  2.1.2 Biểu cầu, hàm số cầu, đường cầu  2.1.3 Quy luật cầu  2.2 Cung  2.2.1 Khái niệm  2.2.2 Biểu cung, hàm số cung, đường cung  2.2.3 Quy luật cung  2.3 Trạng thái cân bằng của thị trường.  2.4 Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường  2.4.1 Sự thay đổi của cầu và thay đổi của cung  2.4.2 Các trường hợp cụ thể của thay đổi trạng thái cân bằng thị trường | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đánh giá được  Cầu, cung và cân bằng thị trường | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | Chương 2: **Cầu, cung và cân bằng thị trường** (tt)  2.5 Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung  2.5.1 Độ co giãn của cầu.  \* Độ co giãn của cầu theo giá.  \* Độ co giãn của cầu theo thu nhập.  \* Độ co giãn chéo của cầu.  2.5.2 Độ co giãn của cung  2.6 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (Vận dụng cung cầu)  2.61 Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ: giá trần và giá sàn  2.6.2 Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ: thuế và trợ cấp. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích được Cầu, cung và cân bằng thị trường | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng**  3.1 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) dựa vào thuyết hữu dụng  3.1.1 Hữu dụng, tổng hữu dụng , hữu dụng biên  3.1.2 Quy luật hữu dụng biên giảm dần  3.1.3 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng  3.2 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng ( hay cân bằng tiêu dùng) bằng hình học  3.2.1 Ba giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng  3.2.2 Đường đẳng ích  3.2.3. Đường ngân sách  3.2.4 Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng  3.3 Sự hình thành đường cầu thị trường  3.3.1 Đường giá cả – tiêu dùng và đường cầu cá nhân  3.3.2 Đường cầu thị trường  3.4 Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel - Hàng hoá thông thường và hàng cấp thấp | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí**  4.1 . Hàm sản xuất  4.2 Sản xuất với một đầu vào biến đổi  4.2.1 Tổng sản phẩm, năng suất trung bình và năng suất biên  4.2.2 Quy luật năng suất biên giảm dần  - 4.3 Sản xuất với hai đầu vào biến đổi  4.3.1 Đường đẳng lượng  4.3.2 Đường đẳng phí  4.3.3 Phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất  4.3.4 Vấn đề hiệu suất theo quy mô  4.4 Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí hiện, Chi phí ẩn | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích Lý thuyết sản xuất và chi phí | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | **Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí (tt)**  4.5 Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn.  4.5.1 Các chỉ tiêu chi phí tổng: Tổng chi phí cố định, Tổng chi phí biến đổi và Tổng chi phí  4.5.2 Các chỉ tiêu chi phí đơn vị: Chi phí cố định trung bình, Chi phí biến đổi trung bình và Chi phí trung bình.  4.5.3 Chi phí biên  4.6 Các chỉ tiêu chi phí dài hạn.  4.6.1 Chi phí trung bình dài hạn  4.6.2 Chi phí biên dài hạn.  4.7 Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn  4.8 Quy mô sản xuất tối ưu. | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Lý thuyết sản xuất và chi phí | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(8 tiết)** | **Chương 5: Thị trường Cạnh tranh hoàn toàn**  5.1 Các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn tòan  5.2 Phân tích ngắn hạn  5.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và tổng doanh thu.  5.2.2 Doanh thu biên và giá bán  5.2.3 Tối đa hoá lợi nhuận  5.2.4 Tối thiểu hoá lỗ  5.2.5 Trường hợp hoà vốn  5.2.6 Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp  5.2.7 Đường cung ngắn hạn của ngành  5.3 Phân tích dài hạn  5.3.1 Tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong dài hạn.  5.3.2 Cân bằng của ngành trong dài hạn  5.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng và đường cung dài hạn của ngành  5.4 Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn tòan | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Thị trường Cạnh tranh hoàn toàn | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | **Chương 6: Thị trường độc quyền hòan tòan**  6.1 Những lý do tồn tại độc quyền.  6.2 Hoạt động của doanh nghiệp độc quyền  6.2.1 Đường cầu sản phẩm của doanh nghiệp và Tổng doanh thu.  6.2.2 Doanh thu biên và giá bán  6.2.3 Quy tắc tối đa hoá lợi nhuận  6.2.4 Những mục tiêu ngắn hạn khác của doanh nghiệp  6.2.5 Hệ số định giá  6.3 Nguyên tắc phân bổ sản lượng khi doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất  6.4 . Nguyên tắc phân bổ số lượng hàng bán của doanh nghiệp trước nhiều thị trường (phân biệt giá cấp 3)  6.5 Kiểm soát độc quyền  6.5.1 Đo lường mức độ độc quyền  6.5.2 Lý do kiểm soát độc quyền (Tổn thất xã hội do độc quyền)  6.5.3 Biện pháp kiểm soát độc quyền của chính phủ | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Xác địnhThị trường độc quyền hòan tòan |  | A2 |
| **9**  **(4 tiết)** | **Chương 7: Thị trường Cạnh tranh độc quyền và Độc quyền nhóm**  7.1 Thị trường cạnh tranh độc quyền  7.1.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền.  7.1.2 Đường cầu trước doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền  7.1.3 Mức giá và sản lượng tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền  7.1.4 Cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền  7.2 Giới thiệu sơ lược về lý thuyết trò chơi. Cân bằng Nash và cân bằng của chiến lược ưu thế.  7.3 Thị trường độc quyền nhóm  7.3.1 Mô hình Cournot  7.3.2 Mô hình Doanh nghiệp dẫn đạo Stackelberg  7.3.3 Mô hình Bertrand  7.3.4 Cạnh tranh và cấu kết  7.3.5 Cartel OPEC và CIPEC  7.3.6 Mô hình đường cầu gãy | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Phân tích đượcThị trường Cạnh tranh độc quyền và Độc quyền nhóm |  | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | **Chương 8: Thị trường các yếu tố sản xuất**  8.1 Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh  8.1.1 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi chỉ có một yếu tố sản xuất biến đổi  8.1.2 Cầu của doanh nghiệp về một yếu tố sản xuất khi có nhiều yếu tố sản xuất biến đổi  8.1.3 Đường cầu thị trường  8.1.4 Cung thị trường về các yếu tố sản xuất  8.1.5 Cân bằng trong thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh  8.2 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền mua  8.2.1 Chi tiêu biên và chi tiêu trung bình về yếu tố sản xuất  8.2.2 Quyết định của doanh nghiệp về mua yếu tố sản xuất  8.3 Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền bán  8.3.1 Sức mạnh độc quyền bán  8.3.2 Độc quyền song phương trên thị trường lao động | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Phân tích đượcThị trường các yếu tố sản xuất |  | A3 |
| **11**  **(5 tiết)** | **Ôn tập - Dự trữ**  Tổng kết lại nội dung cần nắm  Giải quyết được bài tập  Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Lê Bảo Lâm | 2019 | Kinh tế vi mô | Nhà xuất bản kinh tế TpHCM |
|  | **Sách, Giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch | 2007 | Kinh tế học | Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của NXB Thống kê |
| 2 | Nguyễn Văn Luân | 2001 | Kinh tế học đại cương | NXB Đại học quốc gia Tp.HCM |
| 3 | Robert S. Pindyck - Daniel L. Rubinfeld | 2015 | Kinh tế học vi mô | Nhà xuất bản kinh tế TpHCM |
| 4 | Robert C. Guell | 2009 | Kinh tế vi mô | NXB Đồng Nai |
| 5 | Damian Ward, David Begg | 2007 | Bài tập kinh tế học | Nhà xuất bản kinh tế TpHCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết  http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Chuyên ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 10081** | 1. **Tên học phần: Tiếng Anh 2** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh:** **English 2** |
| 1. **Số tín chỉ: 03** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 00 tiết |
| - Tự học: | 120 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. David Perkins  ThS. Tống Thị Trương Nhung  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phan Gia Thịnh  ThS. Phạm Thị Hải Vân  ThS. Phạm Quỳnh Hoa |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Tiếng Anh 1 |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết cơ bản. Từ đó vận dụng vào để học tiếp môn tiếng Anh 3.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nhận biết các cấu trúc ngữ pháp của các đơn vị bài học, giải thích nghĩa từ vựng, trình bày bài đọc, bài nói và vận dụng được các cấu trúc câu kết hợp với từ vựng trong thực hành giao tiếp.

- Đánh giá được quan điểm cá nhân khác và đưa ra nhận xét trong sử dụng các mẫu câu giao tiếp ở các chủ đề khác nhau. Nhận biết cách phát âm, nhấn âm và ngữ điệu.

- Tạo ra các bài hội thoại tương tự và có tính sáng tạo.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Sao chép các thông tin mấu chốt trong từng đơn vị bài học, bắt chước lặp lại các mẫu câu giao tiếp và vận dụng sử dụng trong đàm thoại.

- Thu thập, xử lý và trình bày thông tin. Làm chủ bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, và Viết cho người học. Rèn luyện kỹ năng nghe đúng ngữ pháp tiếng Anh và ngữ cảnh. Vận dụng viết các cấu trúc câu tiếng Anh căn bản, kỹ năng sử dụng từ ngữ và các kiến thức nền tảng áp dụng vào các bài tập thực hành hội thoại tiếng Anh.

- Ứng dụng lý thuyết ngữ pháp, từ vựng trong các phần nghe nói để sử dụng trôi chảy và sáng tạo đa dạng trong sử dụng mẫu câu ở các bối cảnh khác nhau.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Nhận định được quan điểm cá nhân trong sử dụng các kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, Viết.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức tiếng Anh để đạt được hiệu quả cao khi giao tiếp.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tiếng Anh 2”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhận biết và sử dụng các công thức ngữ pháp của thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại tiếp diễn dùng cho tương lai và thì quá khứ đơn trong các đơn vị bài học. |
| CLO2 | Lặp lại và làm chủ từ vựng về các địa điểm trong thị trấn, thành phố, các bộ phận cơ thể, phòng ốc và đồ đạc, người nổi tiếng, các tháng trong năm, các động từ di chuyển, thời tiết, mùa vụ, thiên nhiên, quần áo, mua sắm, các hoạt động rảnh rỗi, các thể loại âm nhạc, thể thao và trò chơi. |
| CLO3 | Tiếp thu và thực hiện đọc các bài đọc chi tiết, nghe ngày tháng năm, thực hành hỏi thông tin, mua vé, hỏi và trả lời về địa điểm thu hút khách du lịch. |
| CLO4 | Vận dụng và Sáng tạo trong cách sử dụng các mẫu câu hỏi khác nhau. |
| CLO5 | Phản biện và đối đáp các mẫu câu có trọng âm, ngữ điệu khi giao tiếp. |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 2 (gồm 05 bài) cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên đa dạng các đề tài về địa điểm, sự việc trong quá khứ, di chuyển, mua sắm, và thời gian rảnh rỗi. Trong đó, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, bài khóa (đối thoại, bài đọc), bài đọc hiểu, các mẫu câu để thực hành nghe – nói, bài đọc hiểu mở rộng cung cấp kiến thức liên quan đến bài học hoặc chủ đề có liên quan. Mỗi bài còn có bài tập tự học đi kèm giúp cho người học có thể ôn tập lại, củng cố bài đã học trên lớp, và vận dụng đa dạng các mẫu câu giao tiếp trong từng tình huống khác nhau.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhận biết và sử dụng các công thức ngữ pháp của thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tạ tiếp diễn dùng cho tương lai và thì quá khứ đơn trong các đơn vị bài học. | X | X | X | X |
| CLO2 | Lặp lại và làm chủ từ vựng về các địa điểm trong thị trấn, thành phố, các bộ phận cơ thể, phòng ốc và đồ đạc, người nổi tiếng, các tháng trong năm, các động từ di chuyển, thời tiết, mùa vụ, thiên nhiên, quần áo, mua sắm, các hoạt động rảnh rỗi, các thể loại âm nhạc, thể thao và trò chơi. | X | X | X | X |
| CLO3 | Tiếp thu và thực hiện đọc các bài đọc chi tiết, nghe ngày tháng năm, thực hành hỏi thông tin, mua vé, hỏi và trả lời về địa điểm thu hút khách du lịch. | X |  |  | X |
| CLO4 | Vận dụng và Sáng tạo trong cách sử dụng các mẫu câu hỏi khác nhau. | X | X | X | X |
| CLO5 | Phản biện và đối đáp các mẫu câu có trọng âm, ngữ điệu khi giao tiếp. | X | X | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, và thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Sinh viên đọc hiểu và nghe, nói, viết |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Bài 6. Places**  +6A. City or town ?  +6B. City art | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 6. Places | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **2**  **(4 tiết)** | **Bài 6. Places (cont)**  **- Review and practice Unit 5 and 6**  +6C. An unusal home  +6D. Is there a post office near here? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết**-** Review and practice Unit 5 and 6 | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Bài 7. All in the past**  **+**7A. When they were young  +7B. I was there in July | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 7. All in the past | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Bài 7. All in the past (cont)**  **+**7C. Famous decades  +7D. A weekend away | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 7. All in the past | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Bài 8. Travel**  +8A. Incredible trips  +8B. Crazy weather ! | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 8. Travel | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | **Ôn tập**  **Kiểm tra giữa kì** | - Củng cố kiến thức  - Đưa ra bài kiểm tra | - Ghi chú  - Làm bài kiểm tra | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết những bài đã học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A3 |
| **7**  **(4 tiết)** | **Bài 8. Travel (cont)**  **-Review and practice Unit 7 and 8**  +8C. Then and now  +8D. A trip to Canada | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtReview and practice Unit 7 and 8 | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | **Bài 9. Shopping**  +9A. Street style  +9B. How do you feel ? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 9. Shopping | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **9**  **(4 tiết)** | **Bài 9. Shopping**  **(cont)**  +9C. Love it or hate it?  +9D. Garage sale | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 9. Shopping | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | **Bài 10. Time out**  +10A. What are you doing on the weekend ?  +10B. What’s on ?  **Time out (cont)**  **--Review and practice Unit 9 and 10**  +10C. Royal hobbies  +10D. Where are we going now? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 10. Time out | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **11**  **(5 tiết)** | **Bài 10. Time out (cont)**  **--Review and practice Unit 9 and 10**  +10C. Royal hobbies  +10D. Where are we going now?  **Ôn tập**  **Kiểm tra cuối kỳ** | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết  - Củng cố kiến thức  - Đưa ra bài kiểm tra | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động  - Ghi chú  - Làm bài kiểm tra | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết những phần đã học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Graham Fruen, *Personal Best A1-B Beginner (Student‘s Book and Workbook combined edition)*, Vietnam News Agency Publishing House. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Michael Swan, Basic English Usage, Oxford University Press | | | |
| 3 | Christina Latham Koenig, Clive Oxenden & Paul Seligson, American English File (Second Edition), Oxford | | | |
| 4 | Miles Craven, Breakthrough (Second Edition), Macmillan | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | <https://drive.google.com/open?id=1AwNiJHmzriCVAwn8NNwwlD9vv11UC_w8> | 21/6/2021 |
| 2 | <https://drive.google.com/open?id=1k7hH0jWyNo-ABH7hiCBS8l37n-VU5Eb0> | 21/6/2021 |
| 3 | <https://drive.google.com/open?id=1BFyTdyPTsw-_RzEFVdXf6Hwoo7zmFojk> | 21/6/2021 |
| 4 | <http://luyenthianhvan.org> ; | 21/6/2021 |
| 5 | <http://www.chompchomp.com> ; | 21/6/2021 |
| 6 | <http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/index.shtm1> | 21/6/2021 |
| 7 | <https://drive.google.com/open?id=1S_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn> | 21/6/2021 |
| 8 | <https://drive.google.com/open?id=1_cOUr5KPSy_fyNW7D5T0zRbKQTIFZ-bN> | 21/6/2021 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 21 tháng 06 năm2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa TC-KT-NH** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** 200016 | 1. **Tên học phần:** Nguyên lý kế toán |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | 1. **Tên tiếng Anh:** Accounting Principles |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Kinh tế vi mô |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên có kiến thức cơ bản nhất về kế toán như những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán. Cụ thể, sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ….

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Biết những đặc điểm, vai trò của kế toán, các lĩnh vực của kế toán, các khung pháp lý cơ bản liên quan đến kế toán…

- Hiểu và phân biệt được một số nội dung cơ bản nhất của kế toán: các giả định và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các khái niệm liên quan đến phương trình kế toán như là tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh…; khái niệm và đặc điểm của nghiệp vụ kinh tế; nội dung của Báo cáo tài chính; các phương pháp kế toán như là tài khoản, sổ kế toán, nguyên tắc ghi sổ kép, phương pháp tính giá, phương pháp kế toán hàng tồn kho,…

- Vận dụng các kiến thức chung cơ bản của kế toán như đã nêu ở trên vào việc phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế và lập Báo cáo tài chính; thực hiện kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức để thực hiện chu trình kế toán hoàn chỉnh trong thực tế ở mức độ thông tin đơn giản và cơ bản.

- Tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để tự giải quyết các vấn đề.

- Hợp tác, giao tiếp tốt và có khả năng quản lý nhóm làm việc;

- Lập mục tiêu và kế hoạch thực hiện cho bản thân và cho công việc.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Người học có được thái độ yêu thích môn học; hình thành được khả năng tự học, tự nghiên cứu;

- Người học biết đặt mục tiêu và kế hoạch cho bản thân trong công việc và cuộc sống;

- Người học có thái độ tích cực, kỷ luật trong công việc để thích nghi trong môi trường tổ chức mới và nâng cao hiệu quả trong công việc.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Nguyên lý kế toán”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Mô tả được bản chất của kế toán, đối tượng đo lường của kế toán, báo cáo tài chính, các phương pháp kế toán và các quy luật kế toán cơ bản. |
| CLO2 | Phân tích được nội dung của phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, ý nghĩa của Báo cáo tài chính, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như các loại doanh thu và chi phí. |
| CLO3 | Áp dụng phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung, các phương pháp kế toán và quy luật kế toán cơ bản trong việc thực hiện quy trình kế toán. |
| CLO4 | Có khả năng đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về kế toán vào xử lý thông tin kế toán ở mức độ cơ bản, giản đơn. |
| CLO5 | Có thái độ chủ động, tích cực và nghiêm túc trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tích cực tìm hiểu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản để thực hiện công việc kế toán một cách có hệ thống, đọc hiểu thông tin trên Báo cáo tài chính cơ bản và tính hữu dụng của thông tin đó trong việc ra quyết định kinh doanh. Trong đó, sinh viên được giới thiệu bản chất và đối tượng kế toán, các khái niệm và phương pháp kế toán cơ bản như “Đối tượng kế toán”, “Báo cáo tài chính”, “nghiệp vụ kinh tế”, “kết quả kinh doanh”, “phương pháp kế toán hàng tồn kho”, “phương pháp khấu hao Tài sản cố định”… Từ các khái niệm và phương pháp kế toán đã được học, sinh viên có thể hệ thống thành các kỹ năng nâng cao hơn như: phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế và lập Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán). Sinh viên được khuyến khích vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn như phân tích tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp có công bố Báo cáo tài chính trên các phương tiện thông tin qua từng năm.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Mô tả được bản chất của kế toán, đối tượng đo lường của kế toán, báo cáo tài chính, các phương pháp kế toán và các quy luật kế toán cơ bản. | X | X | X | X |
| CLO2 | Phân tích được nội dung của phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, ý nghĩa của Báo cáo tài chính, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như các loại doanh thu và chi phí. | X | X | X | X |
| CLO3 | Áp dụng phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung, các phương pháp kế toán và quy luật kế toán cơ bản trong việc thực hiện quy trình kế toán. | X | X | X | X |
| CLO4 | Có khả năng đọc và vận dụng các nguyên tắc, hướng dẫn của các văn bản pháp lý về kế toán vào xử lý thông tin kế toán ở mức độ cơ bản, giản đơn. |  | X | X | X |
| CLO5 | Có thái độ chủ động, tích cực và nghiêm túc trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tích cực tìm hiểu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric (đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **HD PP đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 7% |  |  | * Điểm danh |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 3% |  |  | * Đánh giá hoạt động trên lớp (phát biểu, làm bài tập) |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài kiểm tra giữa kỳ |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | * GV ra đề thi giữa kỳ * Đánh giá điểm theo đáp án |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | * GV ra đề thi cuối học kỳ * Đánh giá điểm theo đáp án |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về kế toán.**  1.1 Lịch sử ra đời và phát triển kế toán  1.2 Định nghĩa và phân loại kế toán  1.3 Đối tượng của kế toán  1.4 Các phương pháp kế toán  1.5 Cơ sở pháp lý của Kế toán Việt Nam  1.6 Nguyên tắc, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán  1.7 Đạo đức nghề nghiệp | 4LT | - Các phần sẽ tìm hiểu trong học phần NLKT  - Mô tả được bản chất của kế toán, đối tượng đo lường của kế toán, các phương pháp và quy luật kế toán cơ bản | CLO1  CLO5 | Giới thiệu môn học  Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 2 | **Chương 2: Báo cáo tài chính.**  2.1 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính  2.2 Hệ thống báo cáo tài chính  2.2.1 Bảng cân đối kế toán | 4LT | - Hiểu được nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính  - Mô tả và phân tích được ý nghĩa Hệ thống báo cáo tài chính – Bảng cân đối kế toán | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 3 | **Chương 2: Báo cáo tài chính.**  2.2 Hệ thống báo cáo tài chính  2.2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  2.2.5 Mối quan hệ giữa các báo cáo (chủ yếu giữa bảng cân đối kế toán và bảng kết quả hoạt động kinh doanh) | 4LT | - Mô tả và phân tích được ý nghĩa Hệ thống báo cáo tài chính – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  - Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa các báo cáo | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 4 | **Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép**  3.1 Tài khoản  3.1.1 Khái niệm về tài khoản  3.1.2 Nội dung, kết cấu và phân loại tài khoản  3.1.3 Nguyên tắc ghi chép vào tài khoản  3.1.4 Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam  3.2 Ghi sổ kép  3.2.1 Khái niệm ghi sổ kép  3.2.2 Các ví dụ ghi sổ kép | 4LT | - Có kiến thức về tài khoản, hệ thống tài khoản kế toán  - Hiểu được vấn đề ghi sổ kép | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 5 | **Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép**  3.2 Ghi sổ kép  3.2.3 Định khoản kế toán  3.2.4 Chuyển khoản  3.2.4 Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết  3.2.5 Mối quan hệ giữa tài khoản và Bảng cân đối kế toán | 4LT | - Hiểu được vấn đề ghi sổ kép  - Áp dụng việc ghi sổ kép trong việc thực hiện quy trình kế toán  - Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, mối quan hệ giữa tài khoản và Bảng cân đối tài khoản | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 6 | **Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán**  4.1 Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán  4.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán  4.3 Tính giá một số đối tượng kế toán cơ bản  4.3.1 Tính giá đối với tài sản cố định. | 4LT | - Mô tả được phương pháp tính giá các đối tượng kế toán  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán  - Áp dụng được phương pháp tính giá các đối tượng kế toán trong việc thực hiện quy trình kế toán | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 7 | **Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán**  4.3 Tính giá một số đối tượng kế toán cơ bản  4.3.2 Tính giá đối với vật tư hàng hoá mua về.  4.3.3 Tính giá thành sản xuất của thành phẩm.  4.3.4 Tính giá đối với vật tư hàng hoá xuất dùng, hoặc xuất bán | 4LT | Mô tả, phân tích và áp dụng được phương pháp tính giá các đối tượng kế toán trong việc thực hiện quy trình kế toán | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 8 | **Chương 5: Chứng từ kế toán và kiểm kê**  5.1 Chứng từ kế toán  5.2 Kiểm kê | 4LT | Có kiến thức cơ bản về chứng từ kế toán và kiểm kê | CLO1  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1  A2 |
| 9 | **Chương 6: Kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp**  6.1 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương  6.2 Kế toán quá trình mua hàng. | 4LT | Hiểu được kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán quá trình mua hàng | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 10 | **Chương 6: Kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp**   * 1. Kế toán quá trình sản xuất   2. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh | 4LT | Hiểu được kế toán quá trình sản xuất, kế toán quá trình tiêu thu và xác định kết quả kinh doanh | CLO2CLO3CLO4CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| 11 | **Chương 7: Sổ kế toán và các hình thức kế toán**  7.1 Sổ kế toán  7.2 Mở sổ, ghi sổ và khóa sổ  7.3 Các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam | 5LT | Có kiến thức cơ bản về sổ kế toán và các hình thức kế toán | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5 | Thuyết giảng nội dung bài học  Hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu  Thảo luận  Làm bài tập | A1 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Bộ môn Kế toán Tài chính – Đại học Kinh tế TPHCM | 2018 | Giáo trình Nguyên lý Kế toán | NXB Tài chính |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | PGS. TS. Nguyễn Việt | 2018 | Kế toán đại cương | NXB Thống kê |
| 2 | PGS. TS. Võ Văn Nhị | 2018 | Nguyên lý Kế toán | NXB Thống kê |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Một số quy định liên quan | Chính phủ: http://chinhphu.vn | 13/5/2021 |
| 2 | Một số quy định liên quan | Bộ tài chính: https://[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 13/5/2021 |

**9. Analytic Rubric**

(1) Rubric tổng thể đánh giá HP

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Các tiêu chí đánh giá**  **(trọng số)** | | | **Mức chất lượng** | |
|  | Đánh giá  quá trình  (40%) | Chuyên cần | 10% | Tham gia lớp học |  |
| Mức độ tích cực |  |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Bài kiểm tra giữa kỳ | 30% | - Bài tập liên quan đến chương 1, 2, 3, 4. |  |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Thi kết thúc  học phần  (60%) |  |  | - Câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7  - Bài tập liên quan đến chương 2, 3, 4, 6 |  |

(2) Rubric chi tiết đánh giá HP

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Tốt**  (10-9) | **Khá**  (8.5-7) | **Trung Bình**  (6.5-5) | **Yếu**  ( <5) |  |
| **Đánh giá chuyên cần** | | | | | | | | |
|  | Tham dự lớp học | 70 | | Đi học đầy đủ, đúng giờ | Đi học đầy đủ, có đi học trễ < 10% số buổi | Đi học trễ từ 20% số buổi trở lên hoặc vắng 10% số buổi. | Vắng từ 20% số buổi trở lên |  |
|  | Mức độ tích cực | 30 | | >10 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học | > 6 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học | < 3 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc bị GV nhắc làm việc riêng trong giờ học < 2 lần | Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc 2 lần bị nhắc làm việc riêng trong giờ học. |  |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Đề thi theo hình thức tự luận (được sử dụng tài liệu) | | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận (không được sử dụng tài liệu) | | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần:** Quản trị học |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của học phần là cung cấp phương pháp luận, tư duy và nền tảng về các quan hệ quản trị trong hoạt động kinh doanh cho sinh viên ngay từ năm thứ hai để sinh viên có thể áp dụng những nguyên tắc cơ bản của khoa học quản lý vào phân tích các vấn đề liên quan đến quản trị tổ chức, doanh nghiệp và quản lý kinh tế – xã hội. Mục tiêu của học phần còn là cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý để sinh viên nghiên cứu các môn học chuyên ngành có liên quan trong những năm học tiếp theo.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức;

- Có khả năng mở rộng tư duy, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực liên quan.

- Vận dụng tốt kiến thức kết hợp cùng các học phần khác của chương trình đào tạo;

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng tìm tài liệu nghiên cứu. Biết sử dụng một số phần mềm hỗ trợ thuyết trình, phân tích dữ liệu

- Biết đánh giá hiệu quả quản trị, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chúng, biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy, quy trình phối hợp chiều dọc – chiều ngang

- Trang bị kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết tình huống trong quản trị

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích được kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức; |
| CLO2 | Phân tích trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng |
| CLO3 | Xác định 4 công việc mà nhà quản trị phải thực hịện khi quản trị tổ chức (Hoạch định, tổ chức, điều hành, và kiểm tra), các môi trường tác động đến quản trị |
| CLO4 | Biết đánh giá hiệu quả quản trị, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chúng, biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy, quy trình phối hợp chiều dọc – chiều ngang |
| CLO5 | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp |
| CLO6 | Có kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | M | R |  |  |  | R | R |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức; |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng |  | X |  | X |
| CLO3 | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp |  |  |  | X |
| CLO4 | Biết đánh giá hiệu quả quản trị, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chúng, biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy, quy trình phối hợp chiều dọc – chiều ngang | X | X |  | X |
| CLO5 | Xác định 4 công việc mà nhà quản trị phải thực hịện khi quản trị tổ chức (Hoạch định, tổ chức, điều hành, và kiểm tra), các môi trường tác động đến quản trị |  |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: nội dung kiến thức, khả năng tư duy |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng…. |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Đại cương về quản trị học**  1.1. Khái niệm về quản trị và vai trò của quản trị.  1.2. Tính khoa học và nghệ thuật của quản trị.  1.3. Các chức năng của quản trị.  1.4. Khái niệm về nhà quản trị và các cấp bậc quản trị.  1.5. Các kỹ năng và vai trò của nhà quản trị. | 4 | 1. Giới thiệu môn học: nội dung chính môn học, Vai trò môn học, Phương pháp tiếp cận môn học, cách thức tổ chức dạy và học từng nội dung môn học, chuẩn đầu ra của môn học. 2. Nêu phương thức đánh giá hoạt động sinh viên trong và ngoài giờ học.  3. Nêu phương thức đánh giá kết thúc học phần. -Giới thiệu sách và tài liệu tham khảo | *CLO1* | Thuyết giảng kết hợp với phương pháp làm việc nhóm và phương pháp sử dụng tình huống | Thảo luận nhóm nhỏ (3-4sv) và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm trong giải quyết vấn đề | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Sự phát triển các tư tưởng về quản trị**  2.1. Các lý thuyết cổ điển về quản trị.  2.2. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị  2.3. Lý thuyết định lượng về quản trị  2.4. Trường phái tích hợp trong quản trị | 3 | 1. Nêu các lý thuyết quản trị: hoàn cảnh ra đời, tác giả đại diện, nội dung chính của thuyết 2. Cách thức áp dụng các thuyết quản trị vào tổ chức hiện nay. | CLO2  CLO3 | Hướng dẫn tổ chức làm việc theo nhóm, thuyết trình trước lớp và làm tình huống liên quan | Thảo luận nhóm chính thức (đã hình thành buổi 1 gồm 5-7 sv) và sơ đồ hóa các lý thuyết quản trị | A1 |
| 3 | **Chương 3: Môi trường quản trị**  3.1. Khái niệm và phân loại môi trường của doanh nghiệp.  3.2. Các yếu tố của môi trường vĩ mô.  3.3. Các yếu tố của môi trường vi mô.  3.4. Môi trường nội bộ (hoàn cảnh bên trong tổ chức) | 3 | 1. Nhận diện các yếu tố môi trường  2. Mô hình tác động của môi trường ngành.  3.Phân tích sự tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. | CLO2  CLO5 | Hướng dẫn SV nghiên cứu thực tế ảnh hưởng của môi trường quản trị đến hoạt động của một DN, phân tích và thuyết trình trước lớp Làm tình huống | Thảo luận nhóm nhỏ (3-4sv) và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm trong giải quyết vấn đê | A1 |
| 4 | **Chương 4: Thông tin trong quản trị** 4.1. Vai trò và đối tượng của thông tin trong quản trị.  4.2. Mô hình thông tin trong doanh nghiệp.  4.3. Yêu cầu của thông tin kinh tế  4.4. Vấn đề nhiễu trong hệ thống thông tin |  | 1. Xác định thông tin quản trị 2. Thu thập thông tin  3. Bài tập áp dụng | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm và làm tình huống liên quan | Thảo luận nhóm nhỏ (3-4sv) và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm trong giải quyết vấn đê | A2 |
| 5 | **Chương 5: Quyết định trong quản trị**  5.1. Tổng quan về quyết định quản trị  5.2. Tiến trình ra quyết định  5.3. Các yếu tổ ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định  5.4. Phương pháp và nghệ thuật ra quyết định  5.5. Phẩm chất cá nhân cần thiết cho việc ra quyết định  5.6. Tổ chức thực hiện và kiểm soát các quyết định | 3 | 1. Tiến trình ra quyết định 2.Mô hình ra quyết định  3. Bài tập áp dụng | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm và làm tình huống liên quan | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Chương 6: Hoạch định**  6.1. Khái niệm và mục đích của hoạch định  6.2. Phân loại hoạch định  6.3. Mục tiêu: nền tảng của hoạch định  6.4. Hoạch định chiến lược.  6.5. Hoạch định tác nghiệp  **Kiểm tra giữa kỳ** |  | 1. Tiến trình hoạch định.  2. Công cụ hoạch định 3. Mô phỏng bảng hoạch định | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm và làm tình huống liên quan | Thảo luận nhóm chính thức (gồm 5-7 sv) và mô phỏng hoạt động hoạch định | A2 |
| 7 | **Chương 7: Tổ chức**  7.1. Khái quát và mục tiêu của chức năng tổ chức  7.2. Tầm hạn quản trị  7.3. Phương pháp phân chia bộ phận trong cơ cấu tổ chức  7.4. Cơ cấu tổ chức quản trị  7.5. Quyền hạn và ủy quyền trong quản trị. |  | 1. Các hoạt động tổ chức  2. Các phương thức tổ chức và mô hình tổ chức  3. Mô hình quản trị  4. Tiến trình tổ chức | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm và làm tình huống liên quan | Thảo luận nhóm chính thức (gồm 5-7 sv) và nhóm phân tích phương thức hình thành bộ máy, nhận diện cơ cấu quản trị của tổ chức | A2 |
| 8 | **Chương 8: Lãnh đạo và điều hành trong quản trị**  8.1. Lãnh đạo và yếu tố con người trong quản trị.  8.2. Lựa chọn phương pháp lãnh đạo và sử dụng nhân viên hợp lý  8.3. Quản trị thay đổi và xung đột  8.4. Các kỹ năng lãnh đạo, quản trị cơ bản.  8.5. Phát triển và bố trí cán bộ lãnh đạo, điều hành |  | 1. Nhận diện lãnh đạo và quản trị  2. Các lý thuyết lãnh đạo  3. Các phong cách lãnh đạo  4. Các lý thuyết động viên |  | Thuyết giảng kết hợp thảo luận nhóm và làm tình huống liên quan | Thảo luận nhóm nhỏ (3-4sv) và trình bày quan điểm cá nhân hoặc nhóm trong giải quyết vấn đê |  |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đặng Minh Trang và Lưu Đan Thọ | 2018 | Quản trị vận hành hiện đại | Nhà xuất bản Tài Chính |
| 2 | Phùng Minh Đức và nhóm tác giả | 2014 | Quản trị học | NXB. Đại học quốc gia Tp. HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Trần Đăng Khoa và nhóm tác giả | 2020 | Quản trị học  Tóm tắt lý thuyết và Câu hỏi trắc nghiệm | NXB Tài chính |
| 3 | Trần Anh Tài | 2019 | Quản trị học | NXB Thống kê |
| 4 | Stephen P.Robbins  Timothy A.Judge | 2012 | Hành vi tổ chức | NXB Lao động xã hội |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ Bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Cơ bản** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 20091** | 1. **Tên học phần: Giáo dục thể chất 2** |
| 1. **Ký hiệu học phần: GDTC2** | 1. **Tên tiếng Anh: Physical education 2** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 01 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 6 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 24 tiết |
| - Tự học: | 0 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Minh Mẫn |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị cho sinh viên sơ lượt về lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền. Phân tích và thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản như: chuyền bóng, phát bóng, đập bóng và chắn bóng. Nhận biết một số điều luật bóng chuyền cơ bản và phương pháp trọng tài; các bước tiến hành tổ chức một giải đấu; cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó hình thành ý thức tự tập luyện, nâng cao trình độ kỹ thuật và phát triển các kỹ năng cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật…

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Trình bày được khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền.

- Thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng chuyền từ cơ bản đến nâng cao.

- Nhận biết một số điều luật bóng chuyền cơ bản và phương pháp trọng tài; các bước tiến hành tổ chức một giải đấu; cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Tăng cưởng khả năng thích nghi của cơ thể đối với khối lượng và cường độ vận động của từng buổi tập; sự kết hợp các động tác kỹ thuật với nhau trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

- Thực hiện và kết hợp được các kỹ thuật động tác với nhau và kiểm soát các hoạt động của cơ thể trong tập luyện và thi đấu.

- Vận dụng một số điều luật, phương pháp trọng tài, lập kế hoạch và triển khai tổ chức được một giải thi đấu bóng chuyền.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tuân thủ các yêu cầu của giảng viên và nội quy của nhà trường trong các giờ lên lớp.

- Có ý thức tự tập luyện và nâng cao các động tác kỹ thuật.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Giáo dục thể chất 2”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền; các nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí trong bóng chuyền. |
| CLO2 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng và phát bóng. |
| CLO3 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật đập bóng và chắn bóng. |
| CLO4 | Hiểu và vận dụng được một số chiến thuật trong tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền. |
| CLO5 | Hiểu và vận dụng một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài. |
| CLO6 | Nhận biết cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. |
| CLO7 | Có ý thức tự tập luyện và nâng cao trình độ các động tác kỹ thuật.  Phát triển các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật… |
| CLO8 | Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động, phát triển các tố chất thể lực (nhanh, mạnh, bền, khả năng phối hợp vận động và mềm dẻo). |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến môn bóng chuyền: Lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền; lợi ích của việc tập luyện thể dục thể thao nói chung và bóng chuyền nói riêng; các động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản đến nâng cao; cách phòng tránh và sơ cứu chấn thương; biết một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài; lập kế hoạch và tổ chức một giải thi đấu bóng chuyền. Hình thành và phát triển các kỹ năng như: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật ….Nâng cao ý thức tự tập luyện các động tác kỹ thuật.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền; các nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí trong bóng chuyền. | x |  |  | x |
| CLO2 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng và phát bóng. | x | x | x | x |
| CLO3 | Phân tích và thực hiện được kỹ thuật đập bóng và chắn bóng. | x | x |  | x |
| CLO4 | Hiểu và vận dụng được một số chiến thuật trong tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền. | x | x |  | x |
| CLO5 | Hiểu và vận dụng một số điều luật cơ bản và phương pháp trọng tài. | x |  |  | x |
| CLO6 | Nhận biết cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. | x |  |  | x |
| CLO7 | Có ý thức tự tập luyện và nâng cao trình độ các động tác kỹ thuật.  Phát triển các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo và kỹ năng kiên trì, kỷ luật… | x | x | x | x |
| CLO8 | Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động, phát triển các tố chất thể lực (nhanh, mạnh, bền, khả năng phối hợp vận động và mềm dẻo) | x | x | x | x |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | GV đánh giá theo buổi số tham gia học phần của sinh viên. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | * GV đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ….; |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | GV đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ….; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Thực hiện được động tác kỹ thuật chuyền bóng và phát bóng |  |  | CLO2  CLO7  CLO8 | GV chấm điểm theo thành tích sinh viên đạt được |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự ≥ 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | (8) |
| **1**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Sinh hoạt nội quy, quy chế môn học.  - Lịch sử hình thành môn bóng chuyền thế giới và ở Việt Nam.  - Giới thiệu các kỹ thuật bóng chuyền cơ bản.  - Các vị trí cơ bản trong bóng chuyền.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Làm quen với bóng, tạo cảm giác, sức mạnh cho tay, cổ tay và ngón tay.  - Các bước di chuyển trong bóng chuyền.  - Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng.  - Trò chơi vận động. | (2 LT, 1 TH) | 1. Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của môn bóng chuyền; nhiệm vụ trọng tâm của từng vị trí.  2. Trình bày được các kỹ thuật bóng chuyền cơ bản.  3. Thích nghi với khối lượng và cường độ vận động.  4. Phân tích và thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng.  5. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **2**  **(3 tiết**) | **Lý thuyết:**  - Một số điều luật cơ bản và thuật ngữ về các lỗi/luật trong bóng chuyền  - Chiến thuật tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền.  - Kỹ thuật phát bóng.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Các bước di chuyển trong bóng chuyền.  - Hoàn thiện kỹ thuật chuyền bóng.  - Giới thiệu kỹ thuật phát bóng.  - Trò chơi vận động. | (2 LT, 1 TH) | 1. Nhận biết một số điều luật và thuật ngữ cơ bản trong bóng chuyền.  2. Hiểu và vận dụng được một số chiến thuật tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền.  3. Hoàn thiện kỹ thuật chuyền bóng và phân tích được kỹ thuật phát bóng. | CLO1  CLO2  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **3**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Phương pháp trọng tài và cách thức tổ chức 1 giải đấu.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Các bước di chuyển trong bóng chuyền. (tt)  - Di chuyển chuyền bóng qua lưới.  - Kỹ thuật phát bóng.  - Thể lực. | (2 LT, 1 TH) | 1. Ứng dụng được phương pháp trọng tài trong tổ chức thi đấu.  2. Nhận biết cách phòng tránh và xử lý các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.  3. Kết hợp di chuyển với kỹ thuật chuyền bóng.  4. Hoàn thiện kỹ thuật phát bóng và phát triển các tố chất thể lực. | CLO2  CLO5  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **4**  **(3 tiết)** | **Lý thuyết:**  - Tổng hợp các chấn thương thường gặp trong bóng chuyền và cách phòng tránh.  **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Di chuyển chuyền bóng qua lưới. (tt)  - Thực hiện kỹ thuật phát bóng từ ½ sân qua lưới vào sân.  - Trò chơi vận động. | (1 LT, 2 TH) | 1. Nhận biết được kỹ thuật trong tấn công và phòng thủ.  2. Kết hợp các động tác kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng và phát bóng.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO2  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi.  Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Trả lời câu hỏi.  Thực hành. | A1 |
| **5**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Bài khởi động.  - Di chuyển chuyền bóng qua lại.  - Củng cố kỹ thuật phát bóng từ ½ sân qua lưới vào sân.  - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng.  - Trò chơi vận động. | (3 TH) | 1. Kết hợp các động tác kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng và phát bóng.  2. Phân tích được kỹ thuật đập bóng.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động và các kỹ năng khác. | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Thực hành. | A1 |
| **6**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Kỹ thuật đập bóng.  - Phối hợp kỹ thuật chuyền 1 và chuyền 2.  - Thực hiện kỹ thuật phát bóng từ ⅔ sân qua lưới.  - Trò chơi vận động. | (3 TH) | 1. Kết hợp các động tác kỹ thuật chuyền bóng.  2. Phân tích thực hiện được kỹ thuật đập bóng.  3. Phát triển tư duy và phản xạ trong trò chơi vận động. | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Thực hành. | A1 |
| **7**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Kỹ thuật đập bóng. (tt)  - Di chuyển đệm bóng – chuyền bóng – đập bóng.  - Thực hiện kỹ thuật phát bóng từ cuối sân qua lưới.  - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng  - Đấu tập. | (3 TH) | 1. Thực hiện kết hợp các động tác kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng và đập bóng.  2. Hoàn thiện kỹ thuật đập bóng  3. Phân tích được kỹ thuật chắn bóng.  4. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kiên trì và kỷ luật. | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Thực hành. | A1  A2 |
| **8**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Kỹ thuật chắn bóng.  - Thực hiện kỹ thuật phát bóng từ cuối sân qua lưới. (tt)  - Chuyền bóng và đệm bóng tại chỗ.  - Đấu tập. | (3 TH) | 1. Hoàn thiện kỹ thuật chắn bóng.  2. Kết hợp các động tác kỹ thuật với nhau.  3. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kiên trì và kỷ luật. | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | Hướng dẫn phần thực hành. | Nghe giảng.  Thực hành. | A1  A2 |
| **9**  **(3 tiết)** | **Thực hành:**  - Ôn tập nội dung kiểm tra:  + Chuyền bóng  + Đệm bóng  + Phát bóng  - Đấu tập. | (3 TH) | 1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật bóng chuyền cơ bản.  2.. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kiên trì và kỷ luật. | CLO2  CLO3  CLO7  CLO8 | Hướng dẫn ổn tập | Nghe giảng.  Thực hành. | A1  A2 |
| **10**  **(3 tiết)** | - Kiểm tra cuối kỳ (thực hành) | (3 TH) | 1. Phân tích và thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng.  2. Phân tích và thực hiện được kỹ thuật phát bóng. | CLO2  CLO7  CLO8 | Đánh giá học phần | Thực hành | A1  A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | ThS. Nguyễn Hoàng Thiện | 2021 | Giáo trình môn bóng chuyền. | Trường ĐHPT |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 2 | Trường ĐH TDTT TP.HCM | 2010 | Giáo trình kỹ thuật Bóng Chuyền - 2010, Uỷ Ban TDTT. Luật Bóng Chuyền. Hà Nội | NXB TDTT |
| 3 | Nguyễn Viết Minh | 2003 | Giáo trình bóng chuyền | NXB ĐHSP |
| 4 | Nguyễn Hữu Hùng | 2001 | Huấn luyện thể lực cho vận động viên bóng chuyền | NXB TDTT |
| 5 | Liên đoàn bóng chuyền Việt Nam | 1998 | 108 câu hỏi và trả lời luật bóng chuyền | NXB TDTT |
| 6 | UBTDTT | 2003 | Luật bóng chuyền | NXB TDTT |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Lý thuyết bóng chuyền | <http://fbs.upt.edu.vn/> | 23/06/2021 |
| 2 | Luật thi đấu bóng chuyền hơi | <https://vfv.org.vn/> | 12/03/2021 |
| 3 | Cách chơi bóng chuyền và chiến thuật trong thi đấu. | <https://www.facebook.com/VFVmedia/> | 23/06/2021 |
| 4 | Luật bóng chuyền | <https://webthethao.vn/bong-chuyen/luat-thi-dau-bong-chuyen-moi-nhat-cua-ldbc-viet-nam-ObG6hyWGR.htm> | 25/06/2020 |

**9. Rubric đánh giá chi tiết.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Tốt** (10-9) | **Khá** (8.5-7) | **Trung Bình**  (6.5-4) | **Yếu** ( <4) |  |
| **Đánh giá thường xuyên** | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Tham dự lớp học | 10 | Đi học đầy đủ | Nghỉ 1 buổi | Nghỉ 2 buổi | Nghỉ 2 buổi trở lên |  |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Theo thang điểm 10 dựa trên thành thích đạt được | 30 | Tham gia 2 buổi đấu tập trở lên | Tham gia 2 buổi đấu tập. | Tham gia 1 buổi đấu tập. | Không tham gia buổi đấu tập. |  |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | |
| CLO2  CLO7  CLO8 | Theo thang điểm 10 dựa trên thành tích đạt được | 60 | Thành tích + Kỹ thuật =10 | Thành tích + Kỹ thuật = 8 | Thành tích + Kỹ thuật = 6 | Thành tích + Kỹ thuật = 4 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/Ngành**  **GS.TS.Lê Minh Huyền** | **Trưởng bộ môn** | *Bình Thuận, ngày….tháng….năm 2021*  **Người biên soạn**  **ThS. Phan Minh Mẫn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Chính trị** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19079** | 1. **Tên học phần:** Triết học Mác - Lênin. |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist philosophy** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Việt Khoa |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Hồng Hiếu  ThS. Đào Duy Tùng |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.

- Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

- Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Tóm tắt được sự ra đời và phát triển của Triết học nói chung và Triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

- Chứng minh được chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có khả năng bảo vệ tính khoa học, tính đúng đắn của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá một vấn đề mang tính quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy logic, tư duy phân tích, tổng hợp và tư duy sáng tạo trong học tập.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tăng cường bản lĩnh chính trị, xây dựng niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn.

- Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Triết học Mác-Lênin”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn Đẩu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| CLO1 | Khái quát hóa sự ra đời và phát triển của Triết học nói chung và Triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO2 | Thấu hiểu quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Trình bày được chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật. |
| CLO3 | Hệ thống hóa được các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật. Vận dụng lý luận nhận thức duy vật biện chứng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. |
| CLO4 | Phân tích được mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, dẫn chứng được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu và tiếp nhận nguồn gốc, bản chất của nhà nước và cách mạng xã hội. |
| CLO5 | Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá một vấn đề mang tính quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy. |
| CLO6 | Có ý thức, thái độ đúng đắn trong nhận thức chủ nghĩa Mác - Lênin; thực hiện tốt đường lối của Đảng, và chính sách, pháp luật của Nhà nước. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Triết học Mác – Lênin bao gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơsở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Khái quát hóa sự ra đời và phát triển của Triết học nói chung và Triết học Mác - Lênin nói riêng. Hiểu được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. |  |  | X | X |
| CLO2 | Thấu hiểu quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Trình bày được chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật. |  | X |  | X |
| CLO3 | Hệ thống hóa được các hình thức cơ bản của phép biện chứng duy vật. Vận dụng lý luận nhận thức duy vật biện chứng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. |  |  |  | X |
| CLO4 | Phân tích được mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, dẫn chứng được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu và tiếp nhận nguồn gốc, bản chất của nhà nước và cách mạng xã hội. | X | X |  | X |
| CLO5 | Có kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá một vấn đề mang tính quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy. |  |  | X | X |
| CLO6 | Có ý thức, thái độ đúng đắn trong nhận thức chủ nghĩa Mác - Lênin; thực hiện tốt đường lối của Đảng, và chính sách, pháp luật của Nhà nước. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(5 tiết)** | **Chương I: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội**  I. Triết học và vấn đề cơ bản của Triết học  1. Khái lược về triết học  2. Vấn đề cơ bản của triết học  II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội  1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin  2. Đối tượng và chức năng của Triết học Mác - Lênin | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | 1. Đọc hiểu được  Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội | *CLO1* | *A1* |
| **2 + 3 + 4**  **(12 tiết)** | **Chương II: Chủ nghĩa duy vật biện chứng**  I. Vật chất và Ý thức.  1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất.  a. Quan niệm của CNDT và CNDV trước C.Mác về phạm trù vật chất  b. Cuộc CM trong khoa học TN cuối TK XIX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất  c. Quan niệm của triết học Mac - Lênin về vật chất  d. Các hình thức tồn tại của vật chất  2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức  a. Nguồn gốc của ý thức  b. Bản chất của ý thức  c. Kết cấu của ý thức  3.Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.  a. Quan điểm của CNDT và CNDV siêu hình  b. Quan điểm của CNDV biện chứng  II. Phép biện chứng duy vật  2. Nội dung của phép biện chứng duy vật  a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật  b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật  c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Đánh giá được  Chủ nghĩa duy vật biện chứng | CLO2  CLO3 | A1 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương II: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tt)**  III. Lý luận nhận thức  1.Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.  2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức  3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức  4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức  5.Tính chất của chân lý  **Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX  3. Biện chứng giữa CSHT và KTTT.  4. Sự phát triển các hình thái KT - XH là một quá trình lịch sử tự nhiên. | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | 1. Phân tích được  Chủ nghĩa duy vật biện chứng | CLO2  CLO5 | A1 |
| **6+7+8+ 9+ 10+ 11**  **(24 tiết)** | **Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt)**  I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX  3. Biện chứng giữa CSHT và KTTT.  4. Sự phát triển các hình thái KT - XH là một quá trình lịch sử tự nhiên.  II. Giai cấp và dân tộc  1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp  2. Dân tộc  3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại  III. Nhà nước và cách mạng xã hội  1. Nhà nước  a. Nguồn gốc của nhà nước  b. Bản chất của nhà nước  2. Cách mạng xã hội  a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội  b. Bản chất của cách mạng xã hội  IV. Ý thức xã hội  1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  a. Khái niệm tồn tại xã hội  b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  2.Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội  a. Khái niệm ý thức xã hội  b. Kết cấu của ý thức xã hội  c. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội  V. Triết học về con người  1. Khái niệm con người và bản chất con người  a. Con người là thực thể sinh học - xã hội  b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con ngươi  c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử.  d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội  2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa  b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức  3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | 1. Xác định Chủ nghĩa duy vật lịch sử | CLO3  CLO5 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | [1] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2019), Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. CTQG, Hà Nội. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1]Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb. CTQG, Hà Nội;  [2]Bộ giáo dục và đào tạo (1999), Lịch sử triết học, (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Giáo dục, Hà Nội;  [3] Các tạp chí: Tạp chí Triết học, Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Cộng sản | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
|  | * Các Website:   1. http://hochiminh.vn  2. http://tulieuvankien.dangcongsan.vn  3. http://www.cpv.org.vn  4. http://www.tapchicongsan.org.vn  Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Nguyễn Việt Khoa** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 22005** | 1. **Tên học phần: Kinh tế vĩ mô** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Macroeconomics** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | GS.TS. Lê Minh Huyền |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp cơ sở lý thuyết, rèn luyện kỹ năng mềm và khả năng nghiên cứu của người học về sự vận động và tương tác trong một nền kinh tế tổng thể. Nội dung cốt lõi của học phần nhằm cung cấp cơ sở lý thuyết giúp người học có những hiểu biết về sự vận động và mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế tổng thể như thị trường hàng hóa, thị trường tiền tệ, thị trường lao động và thị trường ngoại hối; giới thiệu một số chính sách vĩ mô cơ bản của Chính phủ trong điều tiết kinh tế của một quốc gia. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô, đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.

- Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNP,…), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp.

- Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế.

- Đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế.

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

- Nâng cao tư duy phản biện khoa học.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương.

- Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức.

- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Kinh tế vĩ mô”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn Đẩu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| CLO1 | Hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. |
| CLO2 | Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNP,…), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp. |
| CLO3 | Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế. |
| CLO4 | Đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô. |
| CLO5 | Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế. |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, tư duy phản biện khoa học. |

1. **MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

Kinh tế học vĩ mô là một môn học nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền tệ, lãi suất, cán cân thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, chúng ta sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. |  |  | X | X |
| CLO2 | Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNP,…), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp. |  | X |  | X |
| CLO3 | Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế. |  |  |  | X |
| CLO4 | Đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô. | X | X |  | X |
| CLO5 | Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế. |  |  | X | X |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, tư duy phản biện khoa học. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, kiểm tra |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng (GDP, GNP,…), tỷ lệ lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp  Đánh giá tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến hoạt động của nền kinh tế |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô**  Các khái niệm cơ bản  Mục tiêu của kinh tế vĩ mô  Công cụ điều tiết của kinh tế vĩ mô  Các vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đọc hiểu được  Khái quát về kinh tế vĩ mô | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Cách tính sản lượng quốc gia**  Các vấn đề cơ bản  Dòng chu chuyển kinh tế  Các chỉ tiêu trong hệ thống SNA  Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đánh giá được  Cách tính sản lượng quốc gia | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Cách tính sản lượng quốc gia (tt)**  Các vấn đề cơ bản  Dòng chu chuyển kinh tế  Các chỉ tiêu trong hệ thống SNA  Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích được  Cách tính sản lượng quốc gia | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương 3: Lý thuyết xác định sản lượng quốc gia**  Các thành phần của tổng cầu  Xác định sản lượng cân bằng quốc gia  Mô hình số nhân  Nghịch lý của tiết kiệm | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định thuyết xác định sản lượng quốc gia | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương 4: Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương**  Chính sách tài khóa  Chính sách ngoại thương (tự nghiên cứu) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | **Chương 5: Tiền tệ - Ngân hàng và chính sách tiền tệ**  Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng  Thị trường tiền tệ  Chính sách tiền tệ | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Tiền tệ - Ngân hàng và chính sách tiền tệ | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | **Chương 6: Hỗn hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ**  Thị trường hàng hoá và đường IS  Thị trường tiền tệ và đường LM  Tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Xác địnhHỗn hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ | CLO3  CLO4  CLO5 | A2 |
| **9**  **(4 tiết)** | **Chương 7. Lạm phát và thất nghiệp**  Lạm phát  Thất nghiệp  7Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Xác địnhLạm phát và thất nghiệp | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | **Chương 8. Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở**  Thị trường ngoại  Cán cân thanh toán  Tác động của các chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Minh họa qua giải bài tập, giải thích trên bảng | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua các bài tập  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Xác địnhPhân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở | CLO3  CLO4  CLO6 | A2 |
| **11**  **(5 tiết)** | **Ôn tập - Dự trữ**  Tổng kết lại nội dung cần nắm  Giải quyết được bài tập  Làm câu hỏi trắc nghiệm áp dụng |  |  |  | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung | 2017 | Kinh tế vĩ mô | NXB Kinh tế TP.HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch | 2007 | Kinh tế học | Tái bản lần thứ tám của Nhà xuất bản Mc Graw Hill, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Thống kê |
| 2 | Nguyễn Thái Thảo Vy | 2009 | Kinh tế học vĩ mô | NXB Tài Chính |
| 3 | Trần Văn Hùng | 1999 | Giáo trình kinh tế vĩ mô | NXB Giáo dục |
| 4 | Nguyễn Văn Luân | 2001 | Kinh tế học đại cương | NXB Đại học quốc gia Tp.HCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết  http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ...năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Chuyên ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 10081** | 1. **Tên học phần: Tiếng Anh 2** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh:** **English 2** |
| 1. **Số tín chỉ: 03** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 00 tiết |
| - Tự học: | 120 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. David Perkins  ThS. Tống Thị Trương Nhung  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phan Gia Thịnh  ThS. Phạm Thị Hải Vân  ThS. Phạm Quỳnh Hoa |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Tiếng Anh 1 |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết cơ bản. Từ đó vận dụng vào để học tiếp môn tiếng Anh 3.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nhận biết các cấu trúc ngữ pháp của các đơn vị bài học, giải thích nghĩa từ vựng, trình bày bài đọc, bài nói và vận dụng được các cấu trúc câu kết hợp với từ vựng trong thực hành giao tiếp.

- Đánh giá được quan điểm cá nhân khác và đưa ra nhận xét trong sử dụng các mẫu câu giao tiếp ở các chủ đề khác nhau. Nhận biết cách phát âm, nhấn âm và ngữ điệu.

- Tạo ra các bài hội thoại tương tự và có tính sáng tạo.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Sao chép các thông tin mấu chốt trong từng đơn vị bài học, bắt chước lặp lại các mẫu câu giao tiếp và vận dụng sử dụng trong đàm thoại.

- Thu thập, xử lý và trình bày thông tin. Làm chủ bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, và Viết cho người học. Rèn luyện kỹ năng nghe đúng ngữ pháp tiếng Anh và ngữ cảnh. Vận dụng viết các cấu trúc câu tiếng Anh căn bản, kỹ năng sử dụng từ ngữ và các kiến thức nền tảng áp dụng vào các bài tập thực hành hội thoại tiếng Anh.

- Ứng dụng lý thuyết ngữ pháp, từ vựng trong các phần nghe nói để sử dụng trôi chảy và sáng tạo đa dạng trong sử dụng mẫu câu ở các bối cảnh khác nhau.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Nhận định được quan điểm cá nhân trong sử dụng các kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, Viết.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức tiếng Anh để đạt được hiệu quả cao khi giao tiếp.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tiếng Anh 2”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhận biết và sử dụng các công thức ngữ pháp của thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại tiếp diễn dùng cho tương lai và thì quá khứ đơn trong các đơn vị bài học. |
| CLO2 | Lặp lại và làm chủ từ vựng về các địa điểm trong thị trấn, thành phố, các bộ phận cơ thể, phòng ốc và đồ đạc, người nổi tiếng, các tháng trong năm, các động từ di chuyển, thời tiết, mùa vụ, thiên nhiên, quần áo, mua sắm, các hoạt động rảnh rỗi, các thể loại âm nhạc, thể thao và trò chơi. |
| CLO3 | Tiếp thu và thực hiện đọc các bài đọc chi tiết, nghe ngày tháng năm, thực hành hỏi thông tin, mua vé, hỏi và trả lời về địa điểm thu hút khách du lịch. |
| CLO4 | Vận dụng và Sáng tạo trong cách sử dụng các mẫu câu hỏi khác nhau. |
| CLO5 | Phản biện và đối đáp các mẫu câu có trọng âm, ngữ điệu khi giao tiếp. |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 2 (gồm 05 bài) cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên đa dạng các đề tài về địa điểm, sự việc trong quá khứ, di chuyển, mua sắm, và thời gian rảnh rỗi. Trong đó, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, bài khóa (đối thoại, bài đọc), bài đọc hiểu, các mẫu câu để thực hành nghe – nói, bài đọc hiểu mở rộng cung cấp kiến thức liên quan đến bài học hoặc chủ đề có liên quan. Mỗi bài còn có bài tập tự học đi kèm giúp cho người học có thể ôn tập lại, củng cố bài đã học trên lớp, và vận dụng đa dạng các mẫu câu giao tiếp trong từng tình huống khác nhau.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhận biết và sử dụng các công thức ngữ pháp của thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tạ tiếp diễn dùng cho tương lai và thì quá khứ đơn trong các đơn vị bài học. | X | X | X | X |
| CLO2 | Lặp lại và làm chủ từ vựng về các địa điểm trong thị trấn, thành phố, các bộ phận cơ thể, phòng ốc và đồ đạc, người nổi tiếng, các tháng trong năm, các động từ di chuyển, thời tiết, mùa vụ, thiên nhiên, quần áo, mua sắm, các hoạt động rảnh rỗi, các thể loại âm nhạc, thể thao và trò chơi. | X | X | X | X |
| CLO3 | Tiếp thu và thực hiện đọc các bài đọc chi tiết, nghe ngày tháng năm, thực hành hỏi thông tin, mua vé, hỏi và trả lời về địa điểm thu hút khách du lịch. | X |  |  | X |
| CLO4 | Vận dụng và Sáng tạo trong cách sử dụng các mẫu câu hỏi khác nhau. | X | X | X | X |
| CLO5 | Phản biện và đối đáp các mẫu câu có trọng âm, ngữ điệu khi giao tiếp. | X | X | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, và thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Sinh viên đọc hiểu và nghe, nói, viết |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Bài 6. Places**  +6A. City or town ?  +6B. City art | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 6. Places | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **2**  **(4 tiết)** | **Bài 6. Places (cont)**  **- Review and practice Unit 5 and 6**  +6C. An unusal home  +6D. Is there a post office near here? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết**-** Review and practice Unit 5 and 6 | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Bài 7. All in the past**  **+**7A. When they were young  +7B. I was there in July | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 7. All in the past | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Bài 7. All in the past (cont)**  **+**7C. Famous decades  +7D. A weekend away | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 7. All in the past | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Bài 8. Travel**  +8A. Incredible trips  +8B. Crazy weather ! | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 8. Travel | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | **Ôn tập**  **Kiểm tra giữa kì** | - Củng cố kiến thức  - Đưa ra bài kiểm tra | - Ghi chú  - Làm bài kiểm tra | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết những bài đã học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A3 |
| **7**  **(4 tiết)** | **Bài 8. Travel (cont)**  **-Review and practice Unit 7 and 8**  +8C. Then and now  +8D. A trip to Canada | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtReview and practice Unit 7 and 8 | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | **Bài 9. Shopping**  +9A. Street style  +9B. How do you feel ? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 9. Shopping | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **9**  **(4 tiết)** | **Bài 9. Shopping**  **(cont)**  +9C. Love it or hate it?  +9D. Garage sale | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 9. Shopping | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | **Bài 10. Time out**  +10A. What are you doing on the weekend ?  +10B. What’s on ?  **Time out (cont)**  **--Review and practice Unit 9 and 10**  +10C. Royal hobbies  +10D. Where are we going now? | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viếtBài 10. Time out | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **11**  **(5 tiết)** | **Bài 10. Time out (cont)**  **--Review and practice Unit 9 and 10**  +10C. Royal hobbies  +10D. Where are we going now?  **Ôn tập**  **Kiểm tra cuối kỳ** | - Giới thiệu bài  - Trình chiếu  - Giảng giải  - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động  - Hướng dẫn luyện tập  - Tổ chức trò chơi  - Đánh giá  - Tổng kết  - Củng cố kiến thức  - Đưa ra bài kiểm tra | - Lắng nghe  - Ghi chép  - Thực hành luyện tập  - Làm bài tập  - Tham gia hoạt động  - Ghi chú  - Làm bài kiểm tra | SV.Đạt được nghe, nói, đọc, hiểu và viết những phần đã học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Graham Fruen, *Personal Best A1-B Beginner (Student‘s Book and Workbook combined edition)*, Vietnam News Agency Publishing House. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Michael Swan, Basic English Usage, Oxford University Press | | | |
| 3 | Christina Latham Koenig, Clive Oxenden & Paul Seligson, American English File (Second Edition), Oxford | | | |
| 4 | Miles Craven, Breakthrough (Second Edition), Macmillan | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | <https://drive.google.com/open?id=1AwNiJHmzriCVAwn8NNwwlD9vv11UC_w8> | 21/6/2021 |
| 2 | <https://drive.google.com/open?id=1k7hH0jWyNo-ABH7hiCBS8l37n-VU5Eb0> | 21/6/2021 |
| 3 | <https://drive.google.com/open?id=1BFyTdyPTsw-_RzEFVdXf6Hwoo7zmFojk> | 21/6/2021 |
| 4 | <http://luyenthianhvan.org> ; | 21/6/2021 |
| 5 | <http://www.chompchomp.com> ; | 21/6/2021 |
| 6 | <http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/index.shtm1> | 21/6/2021 |
| 7 | <https://drive.google.com/open?id=1S_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn> | 21/6/2021 |
| 8 | <https://drive.google.com/open?id=1_cOUr5KPSy_fyNW7D5T0zRbKQTIFZ-bN> | 21/6/2021 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 21 tháng 06 năm2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 23001** | 1. **Tên học phần: Thống kê ứng dụng** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Applied Statistics** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 23 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 22 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Đình Khuông |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Mai Hoàng Dung  ThS. Nguyễn Tiến Đạt |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích số liệu trong xã hội và trong kinh tế. Nội dung tổng quan môn học chia làm 7 chương tập trung vào thu thập và phân tích số liệu thống kê (chương 1 và 2), ước lượng và kiểm định các giả thiết thống kê (chương 3, 4 và 5), và cuối cùng là xây dựng mô hình hồi quy cho vấn đề dự đoán trong kinh tế (chương 6 và 7). Sinh viên còn được cung cấp thêm các kiến thức về phân tích số liệu bằng các phần mềm thông dụng như Excel, Eviews, R và SPSS.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và mô tả được các khái niệm quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế.

- Hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế-xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế.

- Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu.

- Áp dụng được các phương pháp dự báo dựa vào tốc độ tăng (giảm) bình quân, tốc độ phát triển bình quân.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có khả năng tư duy logic và khả năng làm việc nhóm.

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Thống kê ứng dụng”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhận biết và mô tả được các khái niệm quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế. |
| CLO2 | Hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế-xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. |
| CLO3 | Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. |
| CLO4 | Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. |
| CLO5 | Áp dụng được các phương pháp dự báo dựa vào tốc độ tăng (giảm) bình quân, tốc độ phát triển bình quân. |
| CLO6 | Có ý thức tự học, khả năng tự định hướng, tự học tập, có trách nhiệm với việc học tập; kỹ năng làm việc nhóm. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Thống kê ứng dụng xác định đối tượng nghiên cứu của môn học là mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn đặt trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Các chương còn lại tập trung nghiên cứu cụ thể về lý luận và phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê kinh tế chủ yếu như: dân số và nguồn lao động; các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất xã hội như Tổng sản phẩm trong nước, giá trị gia tăng, tổng giá trị sản xuất, năng suất lao động,…Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về Hệ thống Ngân sách Nhà nước, cập nhật các thông tin về tình hình ngân sách Nhà nước Việt Nam. Tính toán các chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư của các quốc gia, từ đó so sánh giữa các quốc gia với nhau

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhận biết và mô tả được các khái niệm quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế. |  | X |  | X |
| CLO2 | Hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế-xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. |  | X |  | X |
| CLO3 | Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. | X | X | X | X |
| CLO4 | Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. | X |  | X | X |
| CLO5 | Áp dụng được các phương pháp dự báo dựa vào tốc độ tăng (giảm) bình quân, tốc độ phát triển bình quân. | X |  | X | X |
| CLO6 | Có ý thức tự học, khả năng tự định hướng, tự học tập, có trách nhiệm với việc học tập; kỹ năng làm việc nhóm. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học |  |  | CLO6 |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài kiểm tra cá nhân liên quan các nội dung: nhận biết và mô tả được các khái niệm quá trình nghiên cứu thống kê trong kinh tế. Hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế-xã hội, các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế.  Trong quá trình học, sinh viên thảo luận làm bài tập cá nhân, theo nhóm và được khuyến khích cộng điểm hợp lý. |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 | * GV xác định, liên hệ các tình huống trong thực tế có liên hệ xây dựng bài toán, cung cấp các kiến thức cần thiết. Sinh viên cập nhật kiến thức, thảo luận theo nhóm hoặc tự thực hiện (được cộng điểm khuyến khích); * GV chấm điểm và ghi chú cho từng sinh viên, phát triển kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu, từng mối quan hệ kinh tế. Sử dụng được các phương pháp chọn mẫu để thu thập và xử lý dữ liệu. Áp dụng được các phương pháp dự báo dựa vào tốc độ tăng (giảm) bình quân, tốc độ phát triển bình quân. |  | X | CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1,2 | **1.Nguyên lý thống kê và các khái niệm cơ bản**   * 1.1 Một số khái niệm dùng trong thống kê   1.2 Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê | 8 (5 LT, 3 TH) | 1. Xác định không gian mẫu và các biến cố ngẫu nhiên.  2. Tính xác suất | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc cá nhân và nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 3 | **2.Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung và phân tán giá trị**   * 2.1 Các khuynh hướng đo mức tập trung và bình quân * 2.2. Các khuynh hướng đo độ phân tán * 2.3. Hệ số tương quan của các bộ dữ liệu | 4 (2 LT, 2 TH) | 1. Xác định và phân loại biến ngẫu nhiên  2. Phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên theo từng loại. 3. Tính các đại lượng đặc trưng biến ngẫu nhiên. | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 4 | 3. Ước lượng tham số  - 3.1 Các khái niệm cơ bản của ước lượng  - 3.2. Khoảng tin cậy cho giá trị trung bình  - 3.3. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai giá trị trung bình  - 3.4. Khoảng tin cậy cho giá trị tỷ lệ  - 3.5. Khoảng tin cậy cho độ lệch hai giá trị tỷ lệ  - 3.6. Khoảng tin cậy cho giá trị phương sai  - 3.7. Khoảng tin cậy cho dự đoán giá trị quan sát | 4 (2 LT, 2 TH) | Ước lượng tham số tối ưu, ước lượng khoảng. | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **4.Kiểm định giả thiết thống kê**  - 4.1 . Khái niệm cơ bản về mô hình kiểm định  4.2. Kiểm định giả thiết cho một trung bình tổng thể  4.3. Kiểm định giả thiết cho hai trung bình tổng thể  4.4. Kiểm định giả thiết cho một giá trị tỷ lệ tổng thể  4.5. Kiểm định giả thiết cho hai giá trị tỷ lệ tổng thể  4.6. Kiểm định giả thiết cho phương sai tổng thể  4.7. Kiểm định giả thiết cho hai phương sai tổng thể | 4 (2 LT, 2 TH) | Kiểm định giả thiết thống kê | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **5. Phân tích phương sai**  - 5.1 Phân tích phương sai một nhân tố  - 5.2. Phân tích phương sai hai nhân tố không lặp  - 5.3. Phân tích phương sai hai nhân tố lặp | 4 (2 LT, 2 TH) | Phân tích phương sai | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| 7,8,9 | **6. Mô hình hồi quy đơn**  - 6.1. Mô hình hồi quy tổng thể  - 6.2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn  - 6.3. Hệ số r2 đo sự phù hợp của mô hình hồi quy  - 6.4. Phân bố xác suất của các đại lượng ngẫu nhiên  - 6.5. Khoảng tin cậy cho hệ số hồi quy  - 6.6. Kiểm định giả thiết về hệ số hồi quy  - 6.7. Kiểm định độ phù hợp của mô hình  - 6.8. Ứng dụng mô hình hồi quy vào phân tích và dự đoán kết quả | 12 (6 LT, 6 TH) | Mô hình hồi quy đơn | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| 10 | **7. Lựa chọn mô hình hồi quy**   * 7.1 Hàm đo mối quan hệ co giãn của hai biến * 7.2. Hàm đó tốc độ tăng trưởng   7.3. Mô hình nghịch đảo | 4 (2 LT, 2 TH) | Lựa chọn mô hình hồi quy | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| 11 | Ôn tập | 5 (2 LT, 3 TH) |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | GS. TS Phan Công Nghĩa & PGS. TS Bùi Đức Triệu | 2016 | Giáo trình Thống kê kinh tế | NXB ĐH Kinh tế quốc dân |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | TS. Trần Thị Kỳ | 2000 | Thống kê kinh tế | NXB Thống kê |
| 3 | ThS. Trần Bá Nhẫn | 2003 | Thống kê ứng dụng | NXB Kinh tế TP.HCM |
| 4 | TS. Đinh Bá Hùng Anh | 2016 | Dự báo trong kinh doanh | NXB Kinh tế TP.HCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Diendantoanhoc.net |  |
| 2 |  | Toanhoc247.edu.vn |  |
| 3 |  | Mathvn.com |  |
| 4 |  | Khoa Cơ bản – Trường đại học Phan Thiết  http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Tiêu chí** | **Mức chất lượng (điểm đánh giá)** | | | |
| **Giỏi  (9 – 10)** | **Khá  (7-8,5)** | **Trung bình  (5 – 6,5)** | **Yếu  (<5)** |
| A1. Chuyên cần | Tham dự lớp học | Đi học đầy đủ đúng giờ | Đi học đầy đủ, có đi học trễ < 2 buổi hoặc vắng 1 buổi | Đi học trễ từ 3 buổi trở lên hoặc vắng 2 buổi | Vắng từ 3 buổi trở lên |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận đề đóng | Đạt được điểm 9-10 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm <5 theo đáp án điểm kiểm tra |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm 2021.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành**    **GS.TS. Lê Minh Huyền** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Đình Khuông** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Quản trị đa văn hóa** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** **Cross cultural management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| * Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | GVC.ThS Lâm Ngọc Điệp |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của học phần là cung cấp những kiến thức giúp người học nhận thức được sự khác biệt về văn hoá đối với hoạt động quản trị tại những doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Từ đó, giúp người học có kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các chức năng quản trị trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

2.2.1. Về kiến thức:

- Kiến thức về đặc điểm, các yếu tố cấu thành, các khía cạnh văn hóa. Biết rõ sự khác biệt của văn hóa kinh doanh của một số nước trên thế giới. Hiểu được ảnh hưởng của sự khác biệt văn hóa đến nhà quản trị và hoạt động quản trị. Hiểu rõ kiến thức quản trị đa văn hóa nhằm đưa ra chiến lược quản trị hiệu quả trong điều kiện kinh doanh toàn cầu.

- Hiểu được các vấn đề về văn hóa doanh nghiệp trong mối quan hệ với văn hóa Quốc gia như sự ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến sự phát triển của doanh nghiệp, cấu trúc văn hóa doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp. Các bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- Biết về lãnh đạo, phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý, nắm được các phong cách trong lãnh đạo qua các nền văn hóa khác nhau.

- Nắm vững kiến thức về vai trò, phân loại giao tiếp, ảnh hưởng của sự khác biệt văn hóa đến quá trình giao tiếp, đàm phán thương mại quốc tế qua các nền văn hóa.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng nghiên cứu, thu thập thông tin sự khác biệt về văn hóa, giao tiếp, doanh nghiệp, quốc gia, quốc tế, cách thức đàm phán thương mại quốc tế... Xử lý thông tin kịp thời đề xuất phương án tốt nhất cho doanh nghiệp.

- Ứng dụng tốt lý thuyết quản trị đa văn hóa nhằm giúp doanh nghiệp trong việc xây dựng tổ chức quản trị và văn hóa doanh nghiệp phù hợp trong kinh doanh quốc tế.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích những vấn đề về sự khác biệt văn hóa, quản trị đa văn hóa…, giúp bản thân rèn luyện tay nghề.

- Nhận thức được trách nhiệm là nhà quản trị nên SV có ý thức tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo.

- Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần**

Sau khi sinh viên học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Đọc hiểu được các khái niệm về VH và QT đa VH. Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa.Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa. |
| CLO2 | Phân tích ảnh hưởng của VHDN đến sự phát hưởng của DN, mối quan hệ giữa VH QG và VHDN .Phân tích các mô hình VH DN, Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. |
| CLO3 | Xác định được sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ các cách thức của phong cách lãnh đạo và nắm rõ phong cách lãnh đạo của một số QG trên thế giới. |
| CLO4 | Xác định vai trò quan trọng của GT, ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến quá trình GT.Phân tích các kiểu đàm phán TMQT và ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến hoạt động ĐP TMQT. Nắm vững các kỹ thuật GT và ĐP qua các nền VH. |
| CLO5 | Kỹ năng cần thiết để thực hiện các chức năng quản trị trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. |
| CLO6 | Tổ chức nhóm nghiên cứu, thu thập thông tin sự khác biệt về văn hóa, giao tiếp, doanh nghiệp, quốc gia, quốc tế, cách thức đàm phán thương mại quốc tế... Xử lý thông tin kịp thời đề xuất phương án tốt nhất cho doanh nghiệp. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp kiến thức về văn hoá, về quản trị đa văn hóa, các khía cạnh của văn hoá và ảnh hưởng của văn hóa đến quản trị. Học phần cũng trang bị những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hoá tổ chức của các công ty đa quốc gia, cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về văn hoá giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa và sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa. Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức và những kỷ năng để vượt qua sự khác biệt về văn hoá giữa các nước và quản trị thành công trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CELO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | I | R |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  | R |  | R |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  | R |  | R |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  | R |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |  | R | R |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Đọc hiểu được các khái niệm về VH và QT đa VH. Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa.Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa. |  | X |  | X |
| CLO2 | Phân tích ảnh hưởng của VHDN đến sự phát hưởng của DN, mối quan hệ giữa VH QG và VHDN .Phân tích các mô hình VH DN, Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. |  | X | X | X |
| CLO3 | Xác định được sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ các cách thức của phong cách lãnh đạo và nắm rõ phong cách lãnh đạo của một số QG trên thế giới. |  | X | X | X |
| CLO4 | Xác định vai trò quan trọng của GT, ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến quá trình GT.Phân tích các kiểu đàm phán TMQT và ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến hoạt động ĐP TMQT. Nắm vững các kỹ thuật GT và ĐP qua các nền VH. | X |  | X | X |
| CLO5 | Kỹ năng cần thiết để thực hiện các chức năng quản trị trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. | X |  | X | X |
| CLO6 | Tổ chức nhóm nghiên cứu, thu thập thông tin sự khác biệt về văn hóa, giao tiếp, doanh nghiệp, quốc gia, quốc tế, cách thức đàm phán thương mại quốc tế... Xử lý thông tin kịp thời đề xuất phương án tốt nhất cho doanh nghiệp. | X | X |  | X |
| **Tổng hợp HP** |  |  |  |  |  |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa một công ty kinh doanh QT. Phân tích sự khác biệt về VH, Phong cách lãnh đạo, và hoạt động QT DN. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích sự khác biệt về VHDN, TDN, phong cách lãnh đạo sự ảnh hưởng của văn hóa đến quá trình giao tiếp, đàm phán thương mại quốc tế.  Kỹ năng cần thiết để thực hiện các chức năng quản trị trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **LQ đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(cột 3 B6.2)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Tổng quan về Văn hóa và Quản trị đa văn hóa.**  1.1 Khái quát chung về văn hóa  1.2 Các khía cạnh VH  1.3 Khác biệt VH kinh doanh của một số QG trên thế giới  1.4 Ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến nhà quản trị và hoạt động quản trị.  1.5 Quản trị đa văn hóa | 4 | -Đọc hiểu được các khái niệm về VH và QT đa VH  - Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa. | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 1 – Tổng quan về Văn hóa và Quản trị đa văn hóa. (TT)**  1.1 Khái quát chung về văn hóa  1.2 Các khía cạnh VH  1.3 Khác biệt VH kinh doanh của một số QG trên thế giới  1.4 Ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến nhà quản trị và hoạt động quản trị.  1.5 Quản trị đa văn hóa | 4 | -Đọc hiểu được các khái niệm về VH và QT đa VH.  -Phân tích sự khác biệt về văn hóa, quản trị DN và quản trị đa văn hóa. | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm. | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 3 | **Chương 2: Văn hóa của doanh nghiệp trong mối quan hệ với văn hóa quốc gia.**  2.1 Khái quát về VH DN  2.2 Các mô hình VH DN  2.3 Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. | 4 | Phân tích ảnh hưởng của VHDN đến sự phát hưởng của DN, mối quan hệ giữa VH QG và VHDN Phân tích các mô hình VH DN, Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. | CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 2: Văn hóa của doanh nghiệp trong mối quan hệ với văn hóa quốc gia. (TT)**  2.1 Khái quát về VH DN  2.2 Các mô hình VH DN  2.3 Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. | 4 | -Phân tích ảnh hưởng của VHDN đến sự phát hưởng của DN, mối quan hệ giữa VH QG và VHDN Phân tích các mô hình VH DN, Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 2: Văn hóa của doanh nghiệp trong mối quan hệ với văn hóa quốc gia. (TT)**  2.1 Khái quát về VH DN  2.2 Các mô hình VH DN  2.3 Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG.  **Bài tập thực hành** | 4 | -Phân tích ảnh hưởng của VHDN đến sự phát hưởng của DN, mối quan hệ giữa VH QG và VHDN Phân tích các mô hình VH DN, Cơ cấu tổ chức và VH DN điển hình ở một số QG. | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 3: Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa** 3.1 . Khái quát về lãnh đạo  3.2 Các phong cách lãnh đạo  3.3 Phong cách lãnh đạo ở một số QG trên thế giới | 4 | Xác định được sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ các cách thức của phong cách lãnh đạo và nắm rõ phong cách lãnh đạo của một số QG trên TG. | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **Chương 3: Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa (TT)** 3.1 . Khái quát về lãnh đạo  3.2 Các phong cách lãnh đạo  3.3 Phong cách lãnh đạo ở một số QG trên thế giới  **Bài tập thực hành** | 4 | Xác định được sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ các cách thức của phong cách lãnh đạo, nắm rõ phong cách lãnh đạo của một số QG trên TG. | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **Chương 3: Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa (TT)** 3.1 . Khái quát về lãnh đạo  3.2 Các phong cách lãnh đạo  3.3 Phong cách lãnh đạo ở một số QG trên thế giới  **Kiểm tra giữa kỳ** | 4 | Xác định được sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý, hiểu rõ các cách thức của phong cách lãnh đạo và nắm rõ phong cách lãnh đạo của một số QG trên TG. | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 9 | **Chương 4: Giao tiếp và đàm phán thương mại QTqua các nền văn hóa**  4.1 Giao tiếp và ảnh hưởng của VH đến GT  4.2 Đàm phán thương mại QTvà ảnh hưởng của VH đến ĐPTMQT  **Kiểm tra giữa kỳ** | 4 | - Xác định vai trò quan trọng của GT, ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến quá trình GT.  -Phân tích các kiểu đàm phán TMQT và ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến hoạt động ĐP TMQT. Nắm vững các kỹ thuật GT và ĐP qua các nền VH. | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 10 | **Chương 4: Giao tiếp và đàm phán thương mại QTqua các nền văn hóa**  4.1 Giao tiếp và ảnh hưởng của VH đến GT  4.2 Đàm phán thương mại QTvà ảnh hưởng của VH đến ĐPTMQT | 4 | - Xác định vai trò quan trọng của GT, ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến quá trình GT.  -Phân tích các kiểu đàm phán TMQT và ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến hoạt động ĐP TMQT. Nắm vững các kỹ thuật GT và ĐP qua các nền VH. | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 11 | **Chương 4: Giao tiếp và đàm phán thương mại QTqua các nền văn hóa**  4.1 Giao tiếp và ảnh hưởng của VH đến GT  4.2 Đàm phán thương mại QTvà ảnh hưởng của VH đến ĐPTMQT  **Ôn tập cuối kỳ** | 5 | - Xác định vai trò quan trọng của GT, ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến quá trình GT.  -Phân tích các kiểu đàm phán TMQT và ảnh hưởng của sự khác biệt VH đến hoạt động ĐP TMQT. Nắm vững các kỹ thuật GT và ĐP qua các nền VH. | CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Charles Mitchell - dịch từ Lê Triệu Dũng- Nguyển Cảnh Cường | 2012 | Giáo trình vắn tắt về Văn hóa kinh doanh quốc tế | NXB. ĐHKTQD |
| 2 | PGS.TS Dương thị Liễu | 2013 | Giáo trình Văn hóa kinh doanh | NXBĐHKTQD |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | PGS.TS Phạm Thanh Tâm | 2014 | Giáo trình văn hóa doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập. | NXB ĐHQG HN |
| 3 | Browaeys, M. and Price, R., . | 2014 | Understanding of Cross Cultural management. 1st ed. Prentice |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 10/6/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 10/6/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 10/6/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 10/6/2021 |
| 5 |  | Bộ Văn Hóa Thể Thao & Du Lịch: https://bvhttdl.gov.vn/ | 10/6/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

**10. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**-** Thời gian: Theo lịch thi chung của trường

- Hình thức thi: Tự luận và trắc nghiệm, sinh viên được sử dụng tài liệu

*Bình Thuận, ngày 10 tháng 6 năm 2021*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

**Lâm Ngọc Điệp**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Tài chính - Kế toán - Ngân hàng** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Tài chính ngân hàng** | **Mã số: 7340201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 190316** | 1. **Tên học phần:**   **Quản trị tài chính doanh nghiệp 1** |
| 1. **Ký hiệu học phần: QTTCDN1** | 1. **Tên tiếng Anh:**   **Corporate Finance Management 1** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| ***-*** *Lý thuyết:* | 20 tiết. |
| *- Bài tập và Thảo luận nhóm:* | 10 tiết |
| *- Tự học:* | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| ***-*** *Học phần tiên quyết:* | Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô. |
| *- Học phần học trước:* | Nhập môn Tài chính - Tiền tệ |
| *- Học phần song hành:* | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng phân tích các quan hệ tài chính trong doanh nghiệp. Từ đó vận dụng các cơ sở lý luận tài chính để xây dựng được quy trình quản lý tài chính của đơn vị và tham mưu ra quyết định tài chính đối với doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng để nghiên cứu thêm trong lĩnh vực Phân tích tài chính doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các nghiên cứu liên quan đến các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, dựa trên những lý thuyết cơ bản của tài chính.

- Các vấn đề cơ bản trong việc điều hành và quản lý tài chính công ty

- Cách thức xây dựng các quy trình quản lý tài chính công ty.

- Lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định tài chính nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định tài chính nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức về quản trị tài chính để đạt được hiệu quả trong việc nghiên cứu chuyên môn sâu.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**

**Bảng 3. 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được các vấn đề chung của quản trị tài chính |
| CLO2 | Xác định được nguồn vốn sản xuất kinh doanh |
| CLO3 | Xác định được các nguồn tài trợ trong doanh nghiệp |
| CLO4 | Xác định được chi phí sử dụng vốn & Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp |
| CLO5 | Phân tích được mối quan hệ Doanh thu - Lợi nhuận - Chính sách cổ tức |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có thể hiểu được lý thuyết giá trị thời gian của dòng tiền, mối tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận; định giá chứng khoán; những kiến thức cơ bản về các loại nguồn vốn, chi phí sử dụng của từng nguồn vốn, các kỹ thuật phân tích và ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn.

1. **Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  | R | I |  |  |  |  | I |  | I | I |
| CLO2 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | I |  |  |  |  |  | M |  |  | I |
| CLO4 |  | I |  |  |  | I | M |  | R |  |  |
| CLO5 | I |  | R | I | I |  |  | I |  | R | R |
| Tổng hợp học phần |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Đánh giá HP**
   1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1 Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương pháp kiểm tra,**  **đánh giá (%)**  **Chuẩn đầu ra học phần** | | **Chuyên cần/ hoạt động trên lớp (10%)** | **Kiểm tra giữa kỳ (30%)** | **Kiểm tra cuối kỳ (60%)** | **Khảo sát** |
| CLO1 | Trình bày được các vấn đề chung của quản trị tài chính | X | X | X | X |
| CLO2 | Xác định được nguồn vốn sản xuất kinh doanh | X | X | X | X |
| CLO3 | Xác định được các nguồn tài trợ trong doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Xác định được chi phí sử dụng vốn & Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp | X |  | X | X |
| CLO5 | Phân tích được mối quan hệ Doanh thu - Lợi nhuận - Chính sách cổ tức | X |  | X | X |

**Bảng 6.2 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Đánh giá thường xuyên | 10% | Tham gia các buổi học | 80% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 60% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài kiểm tra giữa kỳ:  - Những vấn đề chung về quản trị tài chính DN;  - Vai trỏ của nhà quản trị tài chính;  - Phân loại nguồn vốn được sử dụng trong DN;  - Xác định các nguồn tài trợ trong DN. |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3 |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  - Trình bày các vấn đề chung về hệ thống quản trị tài chính DN;  -Xác định được nguồn vốn trong DN; thông qua cơ cấu nguồn vốn phân tích đòn bẩy tài chính.  - Phân tích mối quan hệ giữa doanh thu-lợi nhuận- chi phí, chi phí sử dụng vốn. |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP:***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm đánh giá thường xuyên và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

1. **Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | 1. **Giới thiệu môn học** 2. **Chương 1 – Tổng quan về Quản trị TCDN**   1.1 Một số vấn đề chung về QTTC của công ty  1.2 Chức năng, vai trò của QTTC công ty  1.3 Nội dung và nhiệm vụ của QTTC công ty  1.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến QTTC công ty  *Bài tập thực hành chương* | 4 | 1. Đọc hiểu được các chỉ số tài chính cơ bản  2. Xác định được nhiệm vụ và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QTTC của doanh nghiệp | CLO1 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu; | *A1*  *A2*  *A3* |
| 2 | **Chương 2: Quản lý vốn sản xuất kinh doanh**  2.1 Vốn của doanh nghiệp  2.1.1 Tổng quan về vốn  2.1.2 Hiệu quả sử dụng vốn  2.2 Quản trị vốn cố định  2.2.1 Vốn cố định 2.2.2 Quản trị vốn cố định  2.3 Quản lý vốn lưu động  2.3.1 Vốn lưu động  2.3.2 Quản trị vốn lưu động  *Bài tập thực hành chương* | 4 | 1. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp  2. Xác định được cơ cấu trong nguồn vốn doanh nghiệp | CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu | *A1*  *A2*  *A3* |
| 3 | **Chương 3: Nguồn tài trợ của doanh nghiệp** 3.1 Khái quát nguồn tài trợ và vốn lưu chuyển  3.1.1 Khái niệm  3.1.2 Tầm quan trọng của vốn luân chuyển  3.1.3 Phân loại vốn luân chuyển  3.1.4 Thành phần của vốn luân chuyển  3.2 Quản trị vốn luân chuyển  3.2.1 Mục tiêu của quản trị vốn luân chuyển  3.2.2 Nội dung của quản trị vốn luân chuyển  *Bài tập thực hành chương* | 4 | Xác định thành phần nguồn tài trợ cho DN | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu; | *A1*  *A2*  *A3* |
| 4 | **Chương 3: Nguồn tài trợ của doanh nghiệp (TT)**  3.3 Các nguồn tài trợ vốn luân chuyển  3.3.1 Phân loại nguồn tài trợ  3.3.2 Chiến lược tài trợ tài sản đầu tư  3.3.3 Các nguồn tài trợ của doanh nghiệp  *Bài tập thực hành chương* | 4 | Trình bày được các chiến lược tài trợ vốn trong doanh nghiệp | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu; | *A1*  *A2*  *A3* |
| 5 | **Kiểm tra giữa kỳ** | 2 |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |  | A2 |
| 6 | **Chương 4: Chi phí vốn và Nguồn tài trợ ngắn hạn**  4.1 Khái quát chung  4.1.1 Vốn tài chính  4.1.2 Chi phí vốn  4.1.3 Thành phần vốn  4.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng  4.2 Xác định chi phí sử dụng vốn theo từng thành phần | 4 | Xác định được cơ cấu nguồn vốn trong hệ thống tài chính của DN | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu; | *A1*  *A3* |
| 7 | **Chương 4: Chi phí vốn và Nguồn tài trợ ngắn hạn (TT)**  4.3 Xác định chi phí sử dụng vốn tối ưu  4.3.1 Chi phí vốn sử dụng trung bình  4.3.2 Chi phí sử dụng vốn biên tế (MCC)  4.3.3 Đường danh mục cơ hội đầu tư  *Bài tập thực hành chương* | 4 | Xác định chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm;  Cho bài tập; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Làm bài tập;  Đọc tài liệu; | *A1*  *A3* |
| 8 | **Chương 5: Doanh thu - Chi phí và Lợi nhuận của DN**   * 1. Doanh Thu   2. Chi phí   3. Lợi nhuận   *Bài tập thực hành chương* | 4 | 2. Xác định quan hệ giữa doanh thu – chi phí – lợi nhuận | CLO3  CLO4  CLO5 |  |  |  |
|  | **FINAL EXAM**  (Theo lịch thi) |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |  | *A1*  *A2*  *A3* |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

1. **Học liệu sử dụng của Học phần:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính (***Giáo trình lưu hành nội bộ của Khoa TC-KT-NH***)** | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | TS. Nguyễn Minh Kiều | 2009 | Tài chính doanh nghiệp (Lý thuyết, bài tập & bài giải) | NXB Thống kê |
| 2 | TS. Nguyễn Văn Thuận | 2009 | Quản trị tài chính | NXB Thống kê |
| 3 | TS. Bùi Hữu Phước | 2015 | Hệ thống bài tập và bài giải Tài chính doanh nghiệp | NXB Kinh tế TP.HCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Văn bản Luật | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 15/5/2021 |
| 2 | VB dưới Luật | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 15/5/2021 |
| 3 | Dữ liệu | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 15/5/2021 |
| 4 | Chính sách đầu tư tài chính | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 15/5/2021 |
| 5 | Quy định liên quan đến hoạt động tài chính của DN | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 15/5/2021 |

1. **Analytic Rubric**

**(1) Rubric tổng thể đánh giá HP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Các tiêu chí đánh giá**  **(trọng số)** | | | **Mức chất lượng** | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Đánh giá  quá trình  (40%) | Chuyên cần | 10% | Tham gia lớp học | 80% |
| Mức độ tích cực | 60% |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Bài kiểm tra giữa kỳ | 30% | - Câu hỏi và Bài tập liên quan đến chương 1,2,3 |  |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Thi kết thúc  học phần  (60%) |  |  | -Câu hỏi và bài tập liên quan đến chương 1, 2, 3, 4, 5. |  |

**(2) Rubric chi tiết đánh giá HP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | | **Mức chất lượng** | | | | | **Điểm** |
| **Tốt**  (10-9) | **Khá**  (8.5-7) | | **Trung Bình**  (6.5-5) | **Yếu**  ( <5) |  |
| **Đánh giá chuyên cần** | | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Tham dự lớp học | 80 | | Tham gia đầy đủ 80% tổng số giờ lên lớp. | Tham gia từ 60% trở lên | | Tham gia từ 30% - 60% | Tham gian dưới 30% |  |
| Mức độ tích cực | 60 | | Thực hiện đầy đủ 60% các bài tập tại lớp | Thực hiện từ 50 - 60% các bài tập | | Thực hiện từ 30 - 50% các bài tập | Thực hiện dưới 30%/ tổng các bài tập |  |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Đề thi theo hình thức tự luận kiểm tra tại lớp | | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận theo lịch thi chung | | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại Ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: …………………** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** **10415** | 1. **Tên học phần: Tiếng Anh 4** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: English 4** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 30 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Từ Thị Tuyết Vy |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. David Perkins  ThS. Tống Thị Trương Nhung  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phan Gia Thịnh  ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh  ThS. Phạm Thị Hải Vân  ThS. Phạm Quỳnh Hoa |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể củng cổ và phát triển thêm các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp. Sinh viên có thể hoàn thiện và vận dụng được kiến thức về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học vào trong thực tiễn: giao tiếp trong các ngữ cảnh của cuộc sống hằng ngày ở mức độ nâng cao; có thể diễn đạt được ý mình muốn nói một cách trôi chảy.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nhớ các từ vựng xoay quanh các chủ đề trong cuộc sống với mức độ nâng cao.

- Hiểu thêm các kiến thức về ngữ âm học trong quá trình nói như: âm, trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu.

- Biết các cấu trúc ngữ pháp phức tạp thường được sử dụng trong giao tiếp và trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Sử dụng được các từ vựng với cấp độ cao hơn và các cấu trúc ngữ pháp phức tạp để diễn đạt.

- Hoàn thiện phát âm, trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệp để giao tiếp tự nhiên hơn.

- Giao tiếp lưu loát trong các ngữ cảnh ở môi trường làm việc và cuộc sống hàng ngày.

- Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Hình thành khả năng tự học và tự giải quyết các vấn đề trong quá trình học.

- Hình thành tính trách nhiệm trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, lớp.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tiếng Anh 4”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhớ và vận dụng được các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp nâng cao. |
| CLO2 | Hoàn thiện phát âm, trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệp để giao tiếp tự nhiên hơn. |
| CLO3 | Giao tiếp lưu loát, trôi chảy trong các ngữ cảnh ở môi trường làm việc và cuộc sống hàng ngày. |
| CLO4 | Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. |
| CLO5 | Hình thành tính trách nhiệm trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, lớp. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ pháp phức tạp hơn trong Tiếng Anh, cung cấp từ vựng nâng cao để sinh viên có thể diễn đạt trau chuốt, trôi chảy trong các tình huống giao tiếp ở nơi làm việc hoặc trong cuộc sống hàng ngày. Học phần cũng giúp sinh viên hoàn thiện phát âm, nhấn âm và ngữ điệu cùng với các bài đọc, hội thoại, bài tập và tài liệu nguyên bản đa dạng giúp người học có thể phát triển thêm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhớ và vận dụng được các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp nâng cao. |  | X | X | X |
| CLO2 | Hoàn thiện phát âm, trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệp để giao tiếp tự nhiên hơn. |  |  | X | X |
| CLO3 | Giao tiếp lưu loát, trôi chảy trong các ngữ cảnh ở môi trường làm việc và cuộc sống hàng ngày. |  | X | X | X |
| CLO4 | Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. |  | X | X | X |
| CLO5 | Hình thành tính trách nhiệm trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, lớp. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | CLO 5 |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | CLO 5 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài kiểm tra nói |  |  | CLO 1  CLO 3  CLO 4 |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra nói |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Unit 7: Food and drink**  +7A. Food to your door  +7B. Stopping for lunch  +7C. Are you hungy? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | *A1* |
| 2 | **Unit 7 : Food and drink**  +7D.Out for dinner  **Unit 8: In the past**  +8A. Technology through the ages  Review and practice Unit 7 | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 3 | **Unit 8: In the past**  +8B. Life stories  +8C. Life in the 1980s  +8D. What happened to you? | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 4 | **Review and practice Unit 8**  **Unit 9: Education, education !**  +9A. School days  +9B. Lifelong learning | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 5 | **Unit 9: Education, education !**  +9C. Changing your life  +9D. What’s the problem ?  Review and practice Unit 9 | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 6 | **Ôn tập**  **Kiểm tra giữa kì** | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A2 |
| 7 | **Unit 10 : People**  10A. First dates  10B. You looks so different  10C.The yearbook | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 8 | **10D. Someone that I admire**  Review and practice Unit 10  **Unit 11 : On the move**  11A. Getting to work | 4 | 11. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 9 | **Unit 11 : On the move**  11B. Looking for Elizabeth  11C. Road trip  11D. In a hotel | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 10 | **Review and practice Unit 11**  **Unit 12 : Enjoy yourself !**  12A. Going out  12B. The book was better ! | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| 11 | **Unit 12 : Enjoy yourself !**  12C. A famouse voice  12D. Would you like to come?  Review and practice Unit 12  **Ôn tập U7-12** | 4 | 1. Nhận biết các từ vựng xoay quanh chủ đềcủa bài học.  2. Thực hành được những bài tập về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.  4. Thực hiện được các bài hội thoại và các tình huống giao tiếp trong bài học.  6. Đóng góp vào các hoạt động cá nhân và nhóm, lớp. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3 CLO4*  *CLO5* | -Thuyết giảng;  -Đặt câu hỏi;  -Hướng dẫn các kỹ năng;  -Làm mẫu các bài hội thoại;  -Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | -Đọc tài liệu;  -Nghe giảng;  -Trả lời câu hỏi;  -Thảo luận/làm bài tập/tham gia hoạt động nhóm;  -Thực hành giao tiếp với các tình huống theo cặp;  -Luyện tập các kỹ năng | A1 |
| Theo lịch thi | **Kiểm tra cuối kỳ** |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Graham Fruen | 2018 | Personal Best A2\_B Elementary | NXB Vietnam News Agency |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Joseph Hudson | 2018 | The Sound of English | NXB Tổng hợp TP HCM |
| 3 | Michael Swan | 2016 | Practical English Usage | NXB Oxford University Press |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | Luyện nói online | https://www.free4talk.com/ | 01/07/2021 |
| 2 | Thuyết trình trước công chúng | https://www.ted.com/ | 01/07/2021 |
| 3 | Tài liệu luyện nghe | https://www.voicetube.com/ | 01/07/2021 |
| 4 | Tài liệu luyện nghe | http://tubequizard.com/ | 01/07/2021 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

**ThS. Từ Thị Tuyết Vy**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị Kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Marketing dịch vụ logistics |
| 1. **Ký hiệu học phần:** DHPR03 | **1.4 Tên tiếng Anh: Marketing logistics services** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | 45 tiết |
| **-** Lên lớp: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lâm Ngọc Điệp |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: |  |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

* Môn học nhằm cung cấp cho người học một số kiến thức căn bản và nhận biết bản chất của Marketing, Logistics và marketing dịch vụ logistis, chiến lược marketing hỗn hợp dịch vụ logistics ( Sản phẩm (Product); Giá (Price), Hệ thống phân phối (Place), Chiêu thị (Promotion); Con người (People); Quá trình (Procces); Yếu tố vật chất (Physical environment).

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

* Khái quát những kiến thức cơ bản của Marketing, Logistics, Marketing dịch vụ logistics;
* Giới thiệu phân tích đặc điểm của sản phẩm dịch vụ logistics, qua đó thấy sự khác biệt giữa sản xuất – kinh doanh sản phẩm dịch vụ logistics và sản phẩm cụ thể;
* Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ logistics, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ logistics của một doanh nghiệp
* Phân tích bản chất của marketing dịch vụ logistics , nội dung và các quyết định như: Công tác định vị, chiến lược phát triển dịch vụ logistics, marketing hỗn hợp trong lĩnh vực logistics.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

* Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp cho dịch vụ logistics;
* Phát triển năng lực thu thập thông tin, phân tích đánh giá dịch vụ logistics của một doanh nghiệp thông qua phương pháp đo lường chất lượng;
* Phát triển kỹ năng sáng tạo, phân tích dự đoán nhu cầu thị trường và khách hàng;
* Thực hiện tốt kỹ năng lập luận, tổ chức và làm việc nhóm và thuyết trình trước công chúng.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

* Thể hiện ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá chiến lược marketing dịch vụ logistics hiệu quả của một doanh nghiệp;
* Chủ động tích cực trong việc học tập, phục vụ cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi học và làm việc. Ý thức cầu tiến trong công việc phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO1 | Hiểu được kiến thức căn bản và nhận biết bản chất của Marketing, Logistics và marketing dịch vụ logistis và chiến lược marketing- mix của dịch vụ logistics. |
| CLO2 | Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ logistics, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ logistics của một doanh nghiệp. Phân tích bản chất của marketing dịch vụ logistics , nội dung và các quyết định như: Công tác định vị, chiến lược phát triển dịch vụ logistics, marketing hỗn hợp trong lĩnh vực logistics. |
| CLO3 | Thiết kế chiến lược chiến lược Marketing-mix (8P): Sản phẩm, định giá, phân phối, chiêu thị, yếu tố con người, quy trình dịch vụ, yếu tố vật chất, dịch vụ khách hàng. |
| CLO4 | Phân tích và áp dụng các kiến thức đã học để đề xuất chiến lược marketing dịch vụ logistics hiệu quả. |
| CLO5 | Sử dụng các ví dụ từ các sự kiện hiện tại và các tình huống markeitng trong thực để áp dụng minh họa và thảo luận về các chiến lược marketing khác nhau. |
| CLO6 | Có kỹ năng tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích và đánh giá chiến lược marketing- mix của doanh nghiệp dịch vụ logistics. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Marketing dịch vụ logistics là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về dịch vụ logistics marketing, bản chất của chiến lược marketing- mix dịch vụ logistics trong doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng, đáng giá chất lượng dịch vụ logistics , hoạch định chiến lược marketing -mix dịch vụ logistics .Môn học còn giúp cho sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | I | I |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  | R |  | R |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | R |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R |
| T.hợp H.Phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được kiến thức căn bản và nhận biết bản chất của Marketing, Logistics và marketing dịch vụ logistis và chiến lược marketing- mix của dịch vụ logistics. | X | X |  | X |
| CLO2 | Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ logistics, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ logistics của một doanh nghiệp. Phân tích bản chất của marketing dịch vụ logistics , nội dung và các quyết định như: Công tác định vị, chiến lược phát triển dịch vụ logistics, marketing hỗn hợp trong lĩnh vực logistics. | X | X |  | X |
| CLO3 | Thiết kế chiến lược chiến lược Marketing-mix (8P): Sản phẩm, định giá, phân phối, chiêu thị, yếu tố con người, quy trình dịch vụ, yếu tố vật chất, dịch vụ khách hàng. | X | X | X | X |
| CLO4 | Phân tích và áp dụng các kiến thức đã học để đề xuất chiến lược marketing dịch vụ logistics hiệu quả. |  |  | X | X |
| CLO5 | Sử dụng các ví dụ từ các sự kiện hiện tại và các tình huống markeitng trong thực để áp dụng minh họa và thảo luận về các chiến lược marketing khác nhau. | X |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích và đánh giá chiến lược marketing- mix của doanh nghiệp dịch vụ logistics. | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài tập nhóm. Hình thức làm bài dựa trên các dự án có ứng dụng trong các phần của môn học gồm: các hoạt động nghiên cứu thị trường, định vị, …Từ đó, đưa ra CL marketing-mix phù hợp cho doanh nghiệp Logistics. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng DV, sự hài lòng của KH,…  Phân tích các quyết định DVnhư công tác định vị, CL phát triển DV, CL marketing – mix dịch vụ logistics.  Giải quyết các tình huống (case study) liên quan tới học phần. |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***
* SV tham dự >= 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS, MARKETING DỊCH VỤ LOGISTICS**  1.1 Khái quát về dịch vụ logistics  1.2 Bản chất của marketing dịch vụ logistics  1.3 Những thách thức trong marketing dịch vụ logistics.  1.4 Đạo đức trong marketing dịch vụ logistics. | 4 | - Hiểu rõ những nội dung liên quan đến dịch vụ logistics như khái niệm, bản chất, phân loại DV, đặc trưng của hệ thống cung ứng dịch vụ logistics.  - Xác định bản chất của marketing dịch vụ logistics so với marketing sản phẩm hữu hình.  - Hiểu rõ những những thách thức và đạo đức trong dịch vụ logistics. | CLO1  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 1:(tt) TỔNG QUAN VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS, MARKETING DỊCH VỤ LOGISTICS**  1.1 Khái quát về dịch vụ logistics  1.2 Bản chất của marketing dịch vụ logistics  1.3 Những thách thức trong marketing dịch vụ logistics.  1.4 Đạo đức trong marketing dịch vụ logistics. | 4 | - Hiểu rõ những nội dung liên quan đến dịch vụ logistics như khái niệm, bản chất, phân loại DV, đặc trưng của hệ thống cung ứng dịch vụ logistics.  - Xác định bản chất của marketing dịch vụ logistics so với marketing sản phẩm hữu hình.  - Hiểu rõ những những thách thức và đạo đức trong dịch vụ logistics. | CLO1  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 2: CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU (S- T- P)**  5.1 Phân khúc thị trường  5.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu  5.3 Định vị sản phẩm trên thị trường mục tiêu. | 4 | - Xác định các bước chính trong thiết kế chiến lược chọn thị trường mục tiêu theo định hướng khách hàng: phân khúc thị trường, thị trường mục tiêu, phân biệt và định vị sản phẩm.  - Phân tích cách các DN phân khúc thị trường và định vị sản phẩm của họ để đạt được lợi thế cạnh tranh tối đa. | CLO1 CLO2  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; |  | A2 |
| 4 | **CHƯƠNG 2:(tt) CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU (S- T- P)**  5.1 Phân khúc thị trường  5.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu  5.3 Định vị sản phẩm trên thị trường mục tiêu. | 4 | - Xác định các bước chính trong thiết kế chiến lược chọn thị trường mục tiêu theo định hướng khách hàng: phân khúc thị trường, thị trường mục tiêu, phân biệt và định vị sản phẩm.  - Phân tích cách các DN phân khúc thị trường và định vị sản phẩm của họ để đạt được lợi thế cạnh tranh tối đa. | CLO1 CLO2  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; |  | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 3: CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LOGISTICS**  3.1 Vai trò của khách hàng trong quá trình chuyển giao dịch vụ logistics  3.2 Kiểm soát hoạt động chuyển giao dịch vụ logistics  3.3 Chất lượng dịch vụ logistics | 4 | Thông qua nghiên cứu hành vi khách hàng, nhận thức và sự hài lòng của khách hàng khi tiêu dùng dịch vụ logistics, SV sẽ tiếp cận phương pháp thu hút khách hàng mới  Hiểu rõ và vận dụng được phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ logistics của khách hàng. |  |  |  | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 4:**  **CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM DỊCH VỤ LOGISTICS.**  4.1 Bản chất thực thể của sản phẩm marketing dịch vụ logistics.  4.2 Các quyết định cơ bản về sản phẩm dịch vụ logistics.  4.3 Quản lý cung cấp dịch vụ logistics cho khách hàng | 4 | - Xác định các yếu tố cấu thành sản phẩm sản phẩm, phân loại sản phẩm vô hình và hữu hình.  - Mô tả được các quyết định của công ty về sản phẩm dịch vụ logistics  - Sáng tạo ý tưởng về chiến lược xây dựng thương hiệu/nhãn hiệu đối với sản phẩm dịch vụ logistics. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **CHƯƠNG 5: CHIẾN LƯỢC GIÁ CỦA DỊCH VỤ LOGISTICS**  5.1 Những vấn đề chung về giá  5.2 Những quyết định về giá (phí) trong dịch vụ logistics.  5.3 Một số phương pháp định giá dịch vụ logistics. | 4 | - Trả lời câu hỏi "Giá là gì?" và thảo luận về tầm quan trọng của việc định giá trong môi trường thay đổi nhanh chóng ngày nay.  - Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến những quyết định về giá (phí) và thảo luận tầm quan trọng của việc KH nhận thức về giá.  - Hiểu rõ một số phương pháp định giá dịch vụ logistics. | CL03  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **CHƯƠNG 6: CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI**  **DỊCH VỤ LOGISTICS**.  6.1 Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối  6.2 Cấu trúc và tổ chức kênh dịch vụ logistics.  6.3 Những quyết định trong phân phối dịch vụ logistics. | 4 | - Giải thích được lý do tại sao các công ty sử dụng các kênh phân phối và các chức năng mà các kênh này thực hiện.  - Biết cách hỗ trợ các thành viên trong kênh phân phối giúp họ thực hiện tốt công việc kênh dịch vụ logistics.  - Biết rõ những quyết định trong phân phối dịch vụ logistics, hỗ trợ DN trong lựa chọn, động viên và đánh giá các thành viên trong kênh. | CL03  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 9 | **CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC CHIÊU THỊ CỦA DỊCH VỤ LOGISTICS.**  7.1 Khái quát về ức chiêu thị  7.2 Các bước phát triển kế hoạch truyền thông marketing tích hợp  7.3 Chọn lựa phối thức chiêu thị  7.4 Nội dung các công cụ của chiến lược chiêu thị | 4 | - Xác định năm công cụ của phối thức chiêu thị để truyền đạt giá trị của khách hàng.  - Xác định được bối cảnh truyền thông đang thay đổi và sự cần thiết của truyền thông marketing tích hợp.  - Mô tả quy trình truyền thông và các bước phát triển truyền thông marketing hiệu quả.  - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thiết kế phối thức chiêu thị. | CL03  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 10 | **CHƯƠNG 8:**  **CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI, QUÁ TRÌNH DỊCH VỤ VÀ MÔI TRƯỜNG VẬT CHẤT TRONG MARKETING DỊCH VỤ LOGISTICS**  8.1 Yếu tố con người trong dịch vụ logistics.  8.2 Quy trình dịch vụ logistics.  8.3 Môi trường vật chất trong  marketing dịch vụ logistics. | 4 | * Hiểu biết sự liên kết và mâu thuân giữa con người, nhằm thúc đẩy và tạo động lực cho nhân viên, giữ chân nhân viên giỏi.   Phân tích được các yêu cầu xây dựng quy trình dịch vụ logistics, nhằm phòng ngừa lỗi trong quy trình dịch vụ logistics.   * Hiểu được tâm lý học môi trường vật chất và các quyết định về vật chất trong marketing dịch vụ logistics. | CL03  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A2 |
| 11 | **CHƯƠNG 8: (tt)**  **CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI, QUÁ TRÌNH DỊCH VỤ VÀ MÔI TRƯỜNG VẬT CHẤT TRONG MARKETING DỊCH VỤ LOGISTICS**  8.1 Yếu tố con người trong dịch vụ logistics.  8.2 Quy trình dịch vụ logistics.  8.3 Môi trường vật chất trong  marketing dịch vụ logistics. | 4 | * Hiểu biết sự liên kết và mâu thuân giữa con người, nhằm thúc đẩy và tạo động lực cho nhân viên, giữ chân nhân viên giỏi.   Phân tích được các yêu cầu xây dựng quy trình dịch vụ logistics, nhằm phòng ngừa lỗi trong quy trình dịch vụ logistics.   * Hiểu được tâm lý học môi trường vật chất và các quyết định về vật chất trong marketing dịch vụ logistics. | CL03  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | PGS. TS. Từ Sỹ Sùa; ThS Nguyễn Minh Hiếu | 2012 | Giáo trình Marketing dịch vụ vận tải | NXB. GTVT |
| 2 | Martin Christopher, Helen Peck | 2003 | Marketing Logistics | XB. Routledge |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Martin Christopher | 2010 | Logistics & Supply Chain Management | XB. Prentice Hall |
| 4 | Philip Kotler | 2013 | Marketing Nguyên lý Marketing (Marketing Essentials) | NXB. Lao Động |
| 5 | GS.TS. NGƯT. Đặng Đình Đào, PGS.TS Tạ văn Lợi, TS. Nguyễn Minh Sơn, TS. Đặng thị Thúy Hồng. | 2019 | Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. | NXB. Dân Trí |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 20/6/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 20/6/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 20/6/2021 |
| 4 |  | Bộ Giao thông vận tải: <https://www.mt.gov.vn/> | 20/6/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 10306 | 1. **Tên học phần:** Quản trị chuỗi cung ứng |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Supply Chain Management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Nguyễn Đắc Đức |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chuỗi cung ứng, giúp cho người học rèn luyện kiển thức và kỹ năng về xây dựng quản lý và điều hành chuỗi cung ứng, có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, hoạt động chuỗi cung ứng.

- Thu thập thông tin, lựa chọn địa điểm, ký kết các hợp đồng chuỗi cung ứng.

- Hiểu biết về liên minh chiến lược, chiến lược mua hàng và thuê ngoài.

- Đo lường được hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng.

- Biết được các phương pháp thiết kế & xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng.

- Hiểu được các kiểu kênh phân phối

- Đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng

- Xây dựng, quản lý và điều hành chuỗi cung ứng

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế để đưa ra các quyết định chiến lược nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

- Phát triển năng lực nhận thức, giải quyết vấn đề, lựa chọn chiến lược chuỗi cung ứng phù hợp với tình huống.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị chiến lược để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

- Đọc kỹ tài liệu trước khi lên lớp, tích cực tham gia thảo luận trong và ngoài lớp học, hoàn thành tất cả những nhiệm vụ được giao đúng hạn.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến chuỗi cung ứng |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị chuỗi cung ứng dành cho nhà quản trị, |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị chuỗi cung ứng thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa cđr học phần (CLO) với cđr ctđt (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  | R | I |  | I |  | R |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | M | M | M |
| CLO8 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  | I |  |  |  |  |  |  | M |  |  | R |  |  |
| CLO10 | I |  |  |  |  | I |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO11 | I |  | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  | I |  |  |
| CLO12 | I |  |  |  | I |  | R |  |  |  |  | I |  |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá học phần**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến chuỗi cung ứng | X | X | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị chuỗi cung ứng dành cho nhà quản trị, | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị chuỗi cung ứng thường được áp dụng trong các doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  | X | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X | X | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | X | X | X | X |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X |  | X | X |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |  |  | X | X |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |  |  | X | X |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |  |  | X | X |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |  |  | X | X |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |  |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở HP**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN**  1.1 Chuỗi cung ứng trong nền kinh tế hiện đại  1.2 Vị trí và vai trò  1.3 Nội dung cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng  1.4 Đối tượng và nội dung nghiên cứu môn học | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chuỗi cung ứng.  2. Tìm hiểu vị trí và vai trò của quản trị chuỗi cung ứng  3. Xác định đối tượng và nội dung môn học | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG CHUÔI CUNG ỨNG**  2.1 Dự báo (Trung bình động, Holts, Winters)  2.2 Hoạch định tổng hợp  2.3 Định giá sản phẩm  2.4 Tồn kho trong chuỗi cung ứng  2.4.1 Vai tró và chức năng kho  2.4.2 Chiến lược tồn trữ  2.4.3 Hệ thống bảo quản và các loại kho hàng hoá  2.5 Quản trị nguồn cung  2.6 Tín dụng  2.7 Quản lý đơn hàng | 7 | 1. Biết và phân biệt được các phương pháp dự báo  2. Vận dụng vào thực tế hoạch định tổng hợp; tồn kho; quản trị nguồn cung; tín dụng và quản lý đơn hàng | CLO1  CL02  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: THÔNG TIN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG**  3.1 Hiệu ứng lượng dư tồn kho Bullwhip  3.2 Đối phó với hiệu ứng Bullwhip  3.3 Mô hình CPFR  3.4 Chuỗi cung ứng tinh gọn | 6 | Phân tích và xác định hiệu ứng Bullwhip và chuỗi cung ứng tinh gọn | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4:** **LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM TRONG CHUÔI CUNG ỨNG**  4.1 Lựa chọn địa điểm trung tâm phân phối  4.2 Phân phối trực tiếp  4.3 Hệ thống vận chuyển (phân loại, các thành phần)  4.4 Bài toán vận tải | 8 | Hiểu được sự tác động và tầm quan trọng của việc lựa chọn địa điểm trong quản trị chuỗi cung ứng. Tìm hiểu về hệ thống và bài toán vận tải | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5:** **HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG VÀ LIÊN MINH CHIẾN LƯỢC**  5.1 Hợp đồng khi thiếu thông tin dự báo  5.2 Hợp đồng đối với sản phẩm chiến lược  5.3 Hợp đồng đối với sản phẩm thông thường  5.4 Liên minh chiến lược | 8 | Xác định được các loại hợp đồng đối với từng loại sản phẩm và liên minh chiến lược | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6:** **CHIẾN LƯỢC MUA HÀNG VÀ THUÊ NGOÀI**  6.1 Lợi ích và rủi ro của thuê ngoài  6.2 Mô hình quyết định  6.3 Chiến lược mua hàng | 7 | Biết được lợi ích và rủi ro của việc thuê ngoài  Nắm bắt mô hình quyết định và chiến lược mua hàng của một doanh nghiệp. | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **CHƯƠNG 7:** **ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ CHUỖI CUNG ỨNG**  7.1 Thị trường  7.2 Hiệu quả  7.3 Hoạt động giúp chuỗi cung ứng hiệu quả | 7 | Nắm được các loại kiểu đo lượng hiệu quả theo thị trường và làm sao để chuỗi cung ứng đạt hiệu quả cao | CLO1  CLO5  CLO9  CLO10 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Bá Hùng Anh | 2021 | Quản trị chuỗi cung ứng | NXB. Kinh tế |
| 2 | Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Xuân Minh và Kim Ngọc Đạt | 2011 | Quản trị chuỗi cung ứng | NXB. Tổng hợp Tp.HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Sinil Chopra, Peter Meindl | 2016 | Supply chain management: Strategy, Planning, and Operation | NXB Pearson |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics & quản trị chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Quản trị kho hàng** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Warehouse management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản trị kho hàng. Từ đó vận dụng các cơ sở lý thuyết để phục vụ hoạt động quản trị kho hàng và tham mưu ra quyết định vận hành của doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các khái niệm, lý thuyết cơ bản về hàng hóa, các xu hướng quản trị kho hàng hiện nay, hệ thống WMS

- Quy trình quản lý kho hàng

- Cách bố trí kho hàng và các thiết bị hỗ trợ lưu kho, bốc dỡ

- Chi phí và quản lý chi phí, ra quyết định liên quan đến chi phí hoạt động lưu kho

- Một số mô hình quản trị hàng tồn kho

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng kiến thức lý thuyết để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nắm rõ các khái niệm, lý thuyết cơ bản về hàng hóa, kho hàng, các xu hướng quản trị kho hàng hiện nay, hệ thống WMS |
| CLO2 | Nắm rõ quy trình quản lý kho hàng |
| CLO3 | Nắm rõ cách bố trí kho hàng và các thiết bị hỗ trợ lưu kho, bốc dỡ |
| CLO4 | Xác định được chi phí và quản lý chi phí, phân tích để ra quyết định liên quan đến hoạt động lưu kho |
| CLO5 | Nắm rõ các mô hình quản trị hàng tồn kho và lựa chọn đượcmô hình phù hợp tình hình của doanh nghiệp |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Quản trị kho hàng cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về quản trị kho hàng của doanh nghiệp. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: các khái niệm, lý thuyết cơ bản về hàng hóa, các xu hướng quản trị kho hàng hiện nay, hệ thống WMS; quy trình quản lý kho hàng; cách bố trí kho hàng và các thiết bị hỗ trợ lưu kho, bốc dỡ; chi phí và quản lý chi phí, ra quyết định liên quan đến chi phí hoạt động lưu kho; một số mô hình quản trị hàng tồn kho

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | M |  |  |  |  |  |  | I | I |
| CLO5 |  | I | M |  |  |  |  | I |  |  | I |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  | I |  |  |
| CLO5 |  |  |  | I |  |  |
| CLO6 | I | I |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nắm rõ các khái niệm, lý thuyết cơ bản về hàng hóa, kho hàng, các xu hướng quản trị kho hàng hiện nay, hệ thống WMS | X |  | X | X |
| CLO2 | Nắm rõ quy trình quản lý kho hàng | X |  | X | X |
| CLO3 | Nắm rõ cách bố trí kho hàng và các thiết bị hỗ trợ lưu kho, bốc dỡ | X |  |  | X |
| CLO4 | Xác định được chi phí và quản lý chi phí, phân tích để ra quyết định liên quan đến hoạt động lưu kho | X | X | X | X |
| CLO5 | Nắm rõ các mô hình quản trị hàng tồn kho và lựa chọn đượcmô hình phù hợp tình hình của doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Trình bày một số nội dung về kho hàng và quy trình quản lý kho hàng  Trình bày các chi phí liên quan đến quản trị kho hàng  Trình bày mô hình quản trị hàng tồn kho |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Tổng quan về kho hàng**  1.1 Khái niệm, phân loại, vai trò hàng hóa và kho hàng  1.2 Các xu hướng chuỗi cung ứng ảnh hưởng đến kho hàng  1.3 E-fulfilment và ảnh hưởng của nó đến kho hàng  1.4 Kho đông lạnh và lưu kho trong môi trường kiểm soát nhiệt độ  1.5 Quản lý nguồn năng lượng và bảo trì kho | 5 | 1. Hiểu các khái niệm cơ bản về hóa và kho hàng, các xu hướng hiện nay | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Quy trình quản lý kho hàng**  2.1 Quy trình từ khi nhận hàng đến khi cất hàng  2.2 Sơ đồ bố trí kho hàng  2.3 Chiến lược chọn hàng và các thiết bị hỗ trợ  2.4 Phương pháp chọn hàng  2.5 Quy trình từ khi bổ sung đơn hàng đến khi lưu kho  2.6 Kiểm kê định kỳ và kiểm kê thường xuyên | 5 | 1. Nắm rõ quy trình quản lý kho hàng | CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 3: Hệ thống quản lý kho hàng WMS**  2.1 Vai trò của WMS  2.2 Lựa chọn WMS  2.3 Quy trình | 5 | 1. Hiểu về hệ thống quản lý kho hàng WMS | CLO1 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 4: Bố trí kho hàng** 4.1 . Thu thập dữ liệu  **4**.2 Tính toán không gian  **4**.3 Độ rộng lối đi  **4**.4 Một số ví dụ về sơ đồ bố trí kho hàng  **4**.5 Mở rộng không gian | 5 | 1. Nắm rõ cách bố trí kho hàng | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 5: Các thiết bị hỗ trợ lưu kho và bốc dỡ hàng hóa**  5.1 Thiết bị lưu kho  5.2 Thiết bị bốc dỡ  5.3 Hệ thống lưu kho và truy hồi tự động  5.4 Các thiết bị chuyên dụng | 5 | 1. Nắm rõ các thiết bị hỗ trợ lưu kho và bốc dỡ hàng hóa sử dụng trong kho hàng | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 6: Chi phí kho hàng**  6.1 Các loại chi phí  6.2 Tỷ suất sinh lời  6.3 Kỹ thuật truyền thống và kỹ thuật phân bổ chi phí dựa trên hoạt động (ABC)  6.4 Phí cho các dịch vụ sử dụng chung kho hàng  6.5 Phương pháp tính phí logistics | 5 | 1. Xác định các chi phí phục vụ hoạt động kho hàng | CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 7 | **Chương 7: Quản trị hiệu suất và quyết định sử dụng dịch vụ thuê ngoài**  7.1 Quản trị hiệu suất  7.1.1 Các phương pháp đo lường truyền thống và hiện nay  7.1.2 Mô hình hiệu suất tích hợp  7.1.3 Benchmarkinh và balanced scorecard  7.2 Dịch vụ thuê ngoài  7.2.1 Quyết định sử dụng dịch vụ thuê ngoài  7.2.2 Năng lực cốt lõi và cải thiện dịch vụ khách hàng  7.2.3 Giảm chi phí, quản lý lao động và chiến lược tài chính  7.2.4 Lựa chọn và quản lý nhà cung cấp dịch vụ thuê ngoài và quy | 5 | 1. Nắm rõ nội dung đo lường hiệu suất và ra quyết định sử dụng dịch vụ thuê ngoài | CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 8 | **Chương 8: Các mô hình quản trị hàng tồn kho**  8.1 Aactivity based costing  8.2 Economic order quantity  8.3 Production order quantity  8.4 Quantity discount model  8.5 Just in time | 5 | 1. Nắm rõ các mô hình quản trị hàng tồn kho hiện nay | CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 9 | Ôn tập | 5 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | Bài giảng của giảng viên |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 17tháng 6 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Công nghệ thông tin** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Tin học căn bản** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Basic informatics** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Hữu Tiến |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Đỗ Thị Kim Dung  ThS. Phạm Hoàng Minh Nhật |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

- Nắm được các khái niệm cơ bản về tin học và máy tính, các khái niệm phần cứng, phần mềm....

- Nắm được cách sử dụng các phần mềm cơ bản như Word, ExCL, PowerPoint....

- Làm việc với chương trình soạn thảo văn bản (Microsoft Word) như: nhập và trình bày văn bản, sử dụng các chức năng, các thao tác định dạng văn bản để sửa chữa, trang trí văn bản theo ý muốn của mình.

- Cách làm việc với chương trình bảng tính điện tử (Microsoft Excel) như: thiết lập, trang trí bảng tính… và dựa vào một số hàm để viết công thức.Làm việc với PowerPoint để tạo ra những bản trình chiếu đẹp mắt và chuyên nghiệp.

- Phát triển kỹ năng tư duy, khả năng tích cực, chủ động trong học tập.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nắm được các khái niệm cơ bản về tin học và máy tính, các khái niệm phần cứng, phần mềm....

- Nắm được cách sử dụng các phần mềm cơ bản như Word, ExCL, PowerPoint....

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Xác định đúng các hoạt động kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- Phân tích được sự thay đổi trong trạng thái cân bằng của thị trường, ứng dụng của độ co giãn, các chính sách của chính phủ

- Phân tích được sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể

- Phân tích được hiệu quả sản xuất tối ưu của công ty được thực hiện như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, thiết lập được đường đẳng phí

- Hiểu các đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và công ty cạnh tranh hoàn hảo. Phân tích được hành vi của công ty cạnh tranh trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất

- Phân tích được thị trường độc quyền hòan tòan. Phân tích được hành vi của công ty trong ngắn hạn như tối đa hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa lỗ, ngừng sản xuất.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương

- Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường

- Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Kinh tế vi mô”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nắm được các khái niệm cơ bản về tin học và máy tính, các khái niệm phần cứng, phần mềm.... |
| CLO2 | Nắm được cách sử dụng các phần mềm cơ bản như Word, Excel, PowerPoint.... |
| CLO3 | Làm việc với chương trình soạn thảo văn bản (Microsoft Word) như: nhập và trình bày văn bản, sử dụng các chức năng, các thao tác định dạng văn bản để sửa chữa, trang trí văn bản theo ý muốn của mình. |
| CLO4 | Cách làm việc với chương trình bảng tính điện tử (Microsoft Excel) như: thiết lập, trang trí bảng tính… và dựa vào một số hàm để viết công thức. |
| CLO5 | Làm việc với PowerPoint để tạo ra những bản trình chiếu đẹp mắt và chuyên nghiệp. |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng tư duy, khả năng tích cực, chủ động trong học tập. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách sử dụng một số hệ điều hành thông dụng (MS DOS, WINDOWS) và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho người học hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy tính trong học tập cũng như trong các hoạt động của mình sau này.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được các vấn đề |  |  | X | X |
| CLO2 | Thực hiện đầy đủ các bài tập, kỹ năng, thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện; | X | X |  | X |
| CLO3 | Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học. |  |  |  | X |
| CLO4 | Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, làm bài tập, chuẩn bị tình huống ở nhà trước khi vào lớp theo lịch học. | X | X |  | X |
| CLO5 | Sinh viên sẽ được mời trả lời câu hỏi bất chợt trong lớp học sau từng phần giảng. | X |  |  | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp, làm việc nhóm | 2% |  | CLO1  CLO6 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Bài kiểm tra giữa kỳ |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **CÁC CÔNG CỤ TIỆN ÍCH TRÊN WINDOWS 10** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đọc hiểu được  các công cụ tiện ích trên windows 10 | *CLO1* | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | INTERNET | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đánh giá được internet | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Microsoft PowerPoint 2016(phần 1)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích được Microsoft PowerPoint 2016 | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Microsoft PowerPoint 2016(phần 2)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Microsoft PowerPoint 2016 | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | Microsoft Word 2016 (phần 1) | Đưa chủ đề  Hướng dẫn thảo luận  Đặt ra tiêu chí đánh giá chất lượng thảo luận trong phần ra bài tâp từ các buổi học trước | Bước 1: Làm việc nhóm (phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên)  Bước 2: Nghiên cứu, tìm kiếm dữ liệu (bài giảng, ghi chú, video clips minh hoạ, giáo trình, tài liệu tham khảo và nhiều kênh khác về chủ đề)  Bước 3: Tổng hợp thông tin cần thiết cho chủ đề  Bước 4:Thảo luận về chủ đề dựa trên những kiến thức nắm được | 1. Phân tích Microsoft Word 2016 | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | Microsoft Word 2016 (phần 2) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Microsoft Word 2016 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(4 tiết)** | **BÀI TẬP RÈN LUYỆN WORD** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định bài tập rèn luyện word | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | **Microsoft ExCL 2016 (phần 1)** | Đưa chủ đề  Hướng dẫn thảo luận  Đặt ra tiêu chí đánh giá chất lượng thảo luận trong phần ra bài tâp từ các buổi học trước | Bước 1: Làm việc nhóm (phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên)  Bước 2: Nghiên cứu, tìm kiếm dữ liệu (bài giảng, ghi chú, video clips minh hoạ, giáo trình, tài liệu tham khảo và nhiều kênh khác về chủ đề)  Bước 3: Tổng hợp thông tin cần thiết cho chủ đề  Bước 4:Thảo luận về chủ đề dựa trên những kiến thức nắm được | Làm đượcMicrosoft ExCL 2016 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A3 |
| **9**  **(4 tiết)** | **Microsoft ExCL 2016 (phần 2)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng qua video clips minh họa  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | Làm đượcMicrosoft ExCL 2016 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | **Microsoft ExCL 2016 (phần 3)** | Đưa chủ đề  Hướng dẫn thảo luận  Đặt ra tiêu chí đánh giá chất lượng thảo luận trong phần ra bài tâp từ các buổi học trước | Bước 1: Làm việc nhóm (phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên)  Bước 2: Nghiên cứu, tìm kiếm dữ liệu (bài giảng, ghi chú, video clips minh hoạ, giáo trình, tài liệu tham khảo và nhiều kênh khác về chủ đề)  Bước 3: Tổng hợp thông tin cần thiết cho chủ đề  Bước 4:Thảo luận về chủ đề dựa trên những kiến thức nắm được | Làm được Microsoft ExCL 2016 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A3 |
| **11**  **(4 tiết)** | BÀI TẬP RÈN LUYỆN EXCL | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa |  | Làm được bài tập rèn luyện excl | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | **A2** |
| **12**  **(4 tiết)** | **BÀI TẬP TỔNG HỢP 1** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa |  | Làm được bài tập tổng hợp 1 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | **A2** |
| **13**  **(4 tiết)** | **BÀI TẬP TỔNG HỢP 2** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa |  | Làm được bài tập tổng hợp 2 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | **A2** |
| **14**  **(4 tiết)** | **BÀI TẬP TỔNG HỢP 3** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Video clips minh họa |  | Làm được bài tập tổng hợp 3 | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | **A2** |
| **15**  **(4 tiết)** | **Ôn tập** |  |  |  |  | **A3** |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giáo trình Tin học căn bản trường đại học Phan Thiết | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1] Microsoft Official Academic Course MICROSOFT WORD 2016  [2] Microsoft Official Academic Course MICROSOFT EXCL 2016  [3] Microsoft Official Academic Course MICROSOFT PowerPoint 2016  [4] Nguyễn Tiến Huy (2007). Giáo trình tin học căn bản. NXB Đại học quốc gia Tp.HCM | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **ThS. Nguyễn Hữu Tiến** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Ngôn ngữ Anh** | **Mã số: 7220201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Tiếng Anh 5** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: English 5** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS Phạm Thị Hải Vân |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. David Perkins  ThS. Tống Thị Trương Nhung  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phan Gia Thịnh  ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh  ThS. Từ Thị Tuyết Vy  ThS. Phạm Quỳnh Hoa |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Tiếng Anh 4 |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Môn Tiếng Anh 5 tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và phát triển năng lực tiếng Anh - được xem như một công cụ giao tiếp trong phỏng vấn việc làm. Chuyên đề được thiết kế để giúp sinh viên cải thiện nhận thức và trình độ phỏng vấn bằng tiếng Anh nhằm nâng cao khả năng được nhận vào các công ty có yêu cầu phỏng vấn bằng tiếng Anh. Chuẩn bị cho sinh viên các kỹ năng, tác phong cần thiết cho phỏng vấn xin việc. Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết cho phỏng vấn xin việc.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Biết được một số ngành nghề cần sử dụng tiếng Anh

- Biết được vai trò và đạo đức nghể nghiệp của một số ngành nghề

- Biết và hiểu được vai trò của việc quản lý thời gian khi làm việc

- Trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm

- Viết được lý lịch bằng tiếng Anh (CV)

- Đánh giá được ngành nào sẽ có thể phù hợp cho bản thân, vì sao?

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng trả lời câu hỏi phỏng vấn.

- Kỹ năng viết lý lịch xin việc

- Kỹ năng làm việc nhóm.

- Kỹ năng làm việc độc lập.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Thái độ tự chủ động tìm việc làm phù hợp cho bản thân.

- Thái độ yêu nghề, tích cực tự nâng cao phát triển chuyên môn

- Thái độ hợp tác, tôn trọng, cầu thị trong giao tiếp.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Tiếng Anh 5”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nhận biết được cách tự giới thiệu bản thân trước nhà tuyển dụng |
| CLO2 | Nhận biết và hiểu được vai trò của việc quản lý thời gian khi làm việc |
| CLO3 | Trình bày được một lá thư xin việc |
| CLO4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để viết được lý lịch bằng tiếng Anh (CV) |
| CLO5 | Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 5 giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trên nền các chủ đề và ngữ cảnh của một cuộc phỏng vấn việc làm. Đồng thời cung cấp kiến thức, định hướng và trang bị những kỹ năng nghề nghiệp, theo đuổi những ý tưởng nghề nghiệp từ đó có mục đích, động cơ đúng đắn để nỗ lực phấn đấu cho công việc tương lai. Qua học phần này, sinh viên có thể thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra trong các bước chuẩn bị để đi xin việc và có cái nhìn tổng quan và đầy đủ thông tin về thị trường việc làm

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nhận biết được cách tự giới thiệu bản thân trước nhà tuyển dụng | X |  |  | X |
| CLO2 | Nhận biết và hiểu được vai trò của việc quản lý thời gian khi làm việc | X |  | X | X |
| CLO3 | Trình bày được một lá thư xin việc |  | X |  | X |
| CLO4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để viết được lý lịch bằng tiếng Anh (CV) | X |  |  | X |
| CLO5 | Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm | X | X | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời một cuộc phỏng vấn tuyển dụng. |  |  | CLO 4  CLO 5 | * GV hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết CV và trả lời phỏng vấn. * GV chấm điểm kỹ năng trả lời phỏng vấn và viết CV; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Thi nói |  |  | CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Unit 1**: **Research and preparation**  **Listening** 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5  **Reading:**  -Stages in the job application process  **-**Job advertisements  **Speaking:** Self introduction | 4 | Trình bày được phần tự giới thiệu bản thân | CLO1 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Unit 2**: **Writing an imprressive CV**  **Listening 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5**  **Reading**  **-Model CVs**  **-Article:** The education section of your CV | 4 | 1.Trình bày được một lá thư xin việc  2. Áp dụng được các kiến thức đã học để viết được lý lịch bằng tiếng Anh (CV) | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Unit 2**: **Writing an impressive CV (cont.)**  **Writing CV** | 4 | 1. Nhận biết được cách tự giới thiệu bản thân trước nhà tuyển dụng  2. Trình bày được một CV | CLO1  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **More practice:**Use optional materials | 4 | Trình bày được một lá CV | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi; | A1 |
| 5 | **Unit 3**: **Effective cover letters**  **Listening 3.1, 3.2, 3.3, 3.4**  **Reading**  -Model cover letter  -Job advertisement  -Bad cover letter | 4 | Trình bày được một lá thư xin việc | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Unit 3**: **Effective cover letters** (cont.)  **More practice:**Use optional materials  **Writing a Cover letter** | 4 | Trình bày được một lá thư xin việc | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **More practice:**Use optional materials | 4 | Trình bày được một lá thư xin việc | CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Midterm test** | 4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm | CLO5 |  |  | A2 |
| 9 | **Unit 4**: **Successful interviews**  **Listening:** 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9, 4.10, 4.11, 4.12, 4.13, 4.14, 4.15 | 4 | Hiểu được cách để có một cuộc phỏng vấn thành công | CLO1  CLO1 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu | A1 |
| 10 | **Unit 4**: **Successful interviews (cont.)**  **Role play: Job Interviews** | 4 | Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm | CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu |  |
| 11 | **General review**  **Role play: Job Interviews** | 5 | Áp dụng được các kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi phỏng vấn khi xin việc làm | CLO4  CLO5 | Đặt câu hỏi; | Trả lời câu hỏi; | A2 |
| Theo lịch thi | **FINAL EXAM** |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Colm Downes | 2008 | Cambridge English for Job-hunting | Cambridge |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Acy L. Jackson & C. Kathleen Geckeis | 2003 | How to Prepare Your Curriculumm Vitae: Inc. | The McGraw-Hill Companies |
| 3 | Brisk, P. H | 2011 | Creating Your CV as a Self Marketing | Ventus Publishing ApS |
| 4 | Kramer, E. P. | 2012 | 101 Successful Interviewing Strategies | Boston: Course Technology, a part of Cengage Learning |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | http://www.selloutyoursoul.com/2011/12/19/jobs-for-english-majors/ | 10/8/2021 |
| 2 |  | www.labour.gov.hk/eng/public/eip/JobHunting.pdf | 10/8/2021 |
| 3 |  | <http://dictionary.cambridge.org/dictionary/business-english/> | 10/8/2021 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Bình Thuận, ngày tháng năm 2021* | |
| **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|  |  | ThS. Phạm Thị Hải Vân |

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** 22014 | 1. **Tên học phần: Quản trị chiến lược** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | 1. **Tên tiếng Anh: Strategic management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | 1. ThS Lê Anh Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 2. TS. Đinh Bá Hùng Anh  3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị học |
| - Học phần học trước: | Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Quản trị học |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Các lý thuyết chiến lược đã được phát triển từ rất sớm và thu hút được sự nghiên cứu từ các học giả lớn ở các lĩnh vực khác nhau (như quản trị, kinh tế lượng, kinh tế học, kế toán..). Nhưng mỗi trường phái đưa ra một khái niệm khác nhau, khá trừu tượng và thường khó áp dụng trong thực tế. Chính vì lẽ đó, môn học sẽ tổng hợp để Người học có được cái nhìn tổng quát về quản trị chiến lược. Phân tích sâu các lý thuyết chiến lược thường được áp dụng trong các doanh nghiệp. Giúp người học phát triển năng lực nhận thức, giải quyết vấn đề, lựa chọn chiến lược phù hợp với tình huống.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến quản trị chiến lược truyền thống và đương đại

Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị chiến lược dành cho nhà quản trị,

Phân tích các lý thuyết chiến lược thường được áp dụng trong các doanh nghiệp

Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp)..

**2.2.2. Về kỹ năng:**

Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng.

Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh

Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại

Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative)..

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi.

Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế.

Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược

Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo

Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm..

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Hiểu được những nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược. |
| CLO2 | Phân tích được sự biến động của môi trường kinh doanh |
| CLO3 | Hiểu được các thức hoạch định, thực thi đến đánh giá, Điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế |
| CLO4 | Hiểu được quy trình hình thành chiến lược tổng quát, Hiểu được cách thức lựa chọn chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp |
| CLO5 | Ứng dụng kiến thức quản trị chiến lược vào giải quyết các tình huống trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp |
| CLO6 | Xây dựng chiến lược, lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến. Phân tích được các chiến lược kinh doanh trong môi trường toàn cầu |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  | R | R |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |  | I | I |  |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |  | I | I |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |  | M | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |  |  | M | M |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được những nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược. |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích được sự biến động của môi trường kinh doanh |  | X | X | X |
| CLO3 | Hiểu được các thức hoạch định, thực thi đến đánh giá, Điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế |  |  |  | X |
| CLO4 | Hiểu được quy trình hình thành chiến lược tổng quát, Hiểu được cách thức lựa chọn chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp | X |  |  | X |
| CLO5 | Ứng dụng kiến thức quản trị chiến lược vào giải quyết các tình huống trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp |  | X | X | X |
| CLO6 | Xây dựng chiến lược, lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến. Phân tích được các chiến lược kinh doanh trong môi trường toàn cầu | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  | Điểm danh và ghi nhận trên lớp |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận Xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phươn |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Lý thuyết. Dùng ma trận BCG, SWOT phân tích và xây dựng chiến lược mới cho doanh nghiệp; |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC Khái niệm chiến lược  1.2 Khái niệm quản trị chiến lược  1.3 Quy trình quản trị chiến lược  1.4 Nhà quản trị chiến lược | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  - nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược.  - Mô hình quản trị chiến lược  - Vai trò của Quản trị chiến lược | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP  2.1 Tầm nhìn  2.2 Sứ mệnh  2.3 Mục tiêu | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Tầm nhìn  Sứ mệnh  Mục tiêu | CLO2  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI DOANH NGHIỆP 3.1 Khái niệm về môi trường kinh doanh  3.2 Môi trường vĩ mô  3.3 Môi trường cạnh tranh  3.4 Ảnh hưởng của môi trường bên ngoài đối với doanh nghiệp | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  - Môi trường vĩ mô  - Môi trường vi mô | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG DOANH NGHIỆP 4.1 Khái niệm môi trường bên trong  4.2 Các yếu tố môi trường bên trong  4.3 Ảnh hưởng của môi trường bên trong đối với doanh nghiệp | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  - Môi trường nội bộ doanh nghiệp | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | PHÂN TÍCH NĂNG LỰC CỐT LÕI & XÂY DỰNG LỢI THẾ CẠNH TRANH 5.1 Năng lực cốt lõi Doanh nghiệp  5.2 Khái niệm lợi thế cạnh tranh  5.3 Xây dựng lợi thế cạnh tranh | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  - Môi trường nội bộ doanh nghiệp | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP 6.1 Quy trình phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp  6.2 Mô tả và đánh giá chiến lược hiện tại  6.3 Phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  6.1 Quy trình phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp  6.2 Mô tả và đánh giá chiến lược hiện tại  6.3 Phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP 7.1 Khái niệm chiến lược cấp doanh nghiệp  7.2 Phân loại chiến lược cấp doanh nghiệp  7.3 Tổng hợp chiến lược  7.4 Thay đổi chiến lược. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  7.1 Khái niệm chiến lược cấp doanh nghiệp  7.2 Phân loại chiến lược cấp doanh nghiệp  7.3 Tổng hợp chiến lược  7.4 Thay đổi chiến lược. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | CHIẾN LƯỢC CẤP KINH DOANH 8.1 Khái niệm chiến lược cấp kinh doanh  8.2 Nguyên tắc thực hiện  8.3 Các chiến lược cơ bản. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  8.1 Khái niệm chiến lược cấp kinh doanh  8.2 Nguyên tắc thực hiện  8.3 Các chiến lược cơ bản. | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 9 | CHIẾN LƯỢC CẤP CHỨC NĂNG  9.1 Khái niệm chiến lược cấp chức năng  9.2 Nguyên tắc thực hiện  9.3 Các chiến lược chức năng cơ bản. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  9.1 Khái niệm chiến lược cấp chức năng  9.2 Nguyên tắc thực hiện  9.3 Các chiến lược chức năng cơ bản. | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 10 | CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUỐC TẾ 10.1 Môi trường kinh doanh quốc tế  10.2 Doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  10.1 Môi trường kinh doanh quốc tế  10.2 Doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 11 | TỔ CHỨC THỰC HIỆN & KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC 11.1 Khái niệm, vị trí và vai trò của thực hiện chiến lược  11.2 Thiết lập mục tiêu, chính sách và nguồn lực thực hiện chiến l ược  11.3 Xây dựng cơ cấu tổ chức  11.4 Xác định nội dung kiểm tra  11.5 Xác định tiêu chuẩn kiểm tra  11.6 Đánh giá kết quả kiểm tra. | 5 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  11.1 Khái niệm, vị trí và vai trò của thực hiện chiến lược  11.2 Thiết lập mục tiêu, chính sách và nguồn lực thực hiện chiến l ược  11.3 Xây dựng cơ cấu tổ chức  11.4 Xác định nội dung kiểm tra  11.5 Xác định tiêu chuẩn kiểm tra  11.6 Đánh giá kết quả kiểm tra. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Liên Diệp và Phạm Văn Nam | 2014 | **Chiến lược và chính sách kinh doanh** | NXB Hồng Đức |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Ngô Kim Thanh | 2012 | Giáo trình Quản trị chiến lược | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 3 | Fred R.David | 2015 | Strategic Management: Concepts and Cases, 14 Edition, Pearson 2014, Quản trị Chiến lược: Khái luận và các Tình huống (Bản dịch của Khoa Kinh doanh Quốc tế - Marketing, Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh) | NXB Kinh tế TPHCM |
| 4 | Lê Thế Giới, Nguyễn Thanh Liêm, | 2009 | Giáo trình Quản trị chiến lược | NXB. Thống kê |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ Bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: ………….** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 20013** | 1. **Tên học phần: Toán cao cấp** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Calculus** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 25 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 20 tiết |
| - Tự học: | 100 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Mai Hoàng Dung |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Ngọc Sang  ThS. Nguyễn Đình Khuông |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản của giải tích về hàm số một biến. Kỹ năng ứng dụng những kiến thức của hàm số trong các bài toán kinh tế. Các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức. Thực hiện các phương pháp giải một hệ phương trình tuyến tính và tìm hiểu những ứng dụng của hệ phương trình tuyến tính.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về giải tích toán học, bao gồm: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm của hàm số một biến và nhiều biến, các phép tính vi phân, tích phân hàm một biến và phương trình vi phân. Tìm hiểu một vài ứng dụng phân tích trong các bài toán kinh tế.

- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, bao gồm: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính. Giải quyết một hệ phương trình, nhận biết các trường hợp được ứng dụng hệ phương trình tuyến tính.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Xây dựng và giải quyết các bài toán cho các trường hợp ứng dụng thực tế .

- Phát triển kỹ năng cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tuân theo các nội quy lớp học, tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ.

- Nghiên cứu các kiến thức học phần trước khi đến lớp và xây dựng tinh thần học tập tích cực trong lớp học.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Toán cao cấp”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Triển khai, nhắc lại các kiến thức cơ bản về giải tích toán học |
| CLO2 | Tìm hiểu một vài ứng dụng của toán học trong phân tích các bài toán kinh tế |
| CLO3 | Triển khai kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, bao gồm: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính |
| CLO4 | Giải một hệ phương trình tuyến tính bất kỳ, nhận biết các trường hợp được ứng dụng hệ phương trình tuyến tính |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng cá nhân làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm có hai phần chính là Giải tích và Đại số, trong đó phần Giải tích giới thiệu về hàm số một biến với các vấn đề liên quan như đạo hàm, giới hạn, vi phân, tích phân, cực đại, cực tiểu và các ứng dụng trong kinh tế. Phần Đại số giới thiệu về ma trận và định thức, các phép toán trên ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính và phương pháp giải các hệ phương trình tuyến tính.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Triển khai, nhắc lại các kiến thức cơ bản về Giải tích toán học, hàm một biến, hàm nhiều biến | X | X | X | X |
| CLO2 | Tìm hiểu một vài ứng dụng của toán học trong phân tích các bài toán kinh tế (Tốc độ biến thiên và chi phí biên trong kinh tế, Lãi kép liên tục,…) | X | X | X |  |
| CLO3 | Triển khai kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, bao gồm: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính | X |  |  | X |
| CLO4 | Giải một hệ phương trình tuyến tính bất kỳ, nhận biết các trường hợp được ứng dụng hệ phương trình tuyến tính | X |  | X | X |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng cá nhân làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học |  | X | CLO5 |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài kiểm tra cá nhân, kiến thức cơ bản Giải tích bao gồm: hàm số và giới hạn, đạo hàm và ứng dụng, tích phân. |  |  | CLO1  CLO2  CLO4 | * GV xác định, liên hệ các tình huống trong thực tế có liên hệ cung cấp các kiến thức cần thiết. * Sinh viên cập nhật kiến thức, , sinh viên thảo luận làm bài tập cá nhân, theo nhóm và được khuyến khích cộng điểm hợp lý. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Đạo hàm và ứng dụng, tích phân, ma trận – định thức, giải một hệ phương trình tuyến tính nhiều biến số. |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/buổi) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1,2 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Hàm số và giới hạn**  1.1 Hàm số  - Định nghĩa hàm số  - Hàm được định nghĩa từng phần  - Tính đối xứng  - Hàm số tăng, giảm  - Kết hợp các hàm  - Hàm số ngược  - Các hàm số cơ bản: hàm tuyến tính, đa thức, hàm lũy thừa, hàm hữu tỷ, hàm đại số, hàm lượng giác, hàm lượng giác ngược, hàm số mũ, hàm logarit, hàm siêu việt  1.2 Giới hạn của hàm số  - Bài toán tiếp tuyến  - Định nghĩa giới hạn hàm số  - Giới hạn 1 phía  - Luật tính giới hạn  - Định nghĩa chính xác của giới hạn: định nghĩa giới hạn của hàm số tại 1 điểm, giới hạn vô cùng, giới hạn tại vô cùng, giới hạn vô cùng tại vô cùng  1.3 Tính liên tục của hàm số | 8 (5 LT, 3 TH) | 1. Xác định hàm số, các dạng được biểu diễn, các tính chất  2. Thực hiện các phép tính giới hạn tại một điểm, tại vô cùng.  3. Xác định tính liên tục của hàm số tại một điểm. | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3,4,5 | **Chương 2.** **Đạo hàm và ứng dụng**  2.1 Đạo hàm và tốc độ biến thiên  - Tiếp tuyến  - Đạo hàm tại 1 điểm  - Tốc độ biến thiên  - Đạo hàm là 1 hàm số  - Đạo hàm cấp cao  2.2 Các quy tắc tính đạo hàm  - Hàm hằng  - Hàm lũy thừa  - Hàm số mũ  - Quy tắc tổng, hiệu, tích và thương  - Đạo hàm các hàm lượng giác  - Quy tắc dây chuyền  2.3 Đạo hàm hàm ẩn  - Phương pháp tính đạo hàm hàm ẩn  - Đạo hàm các hàm lượng giác ngược  - Đạo hàm hàm logarit  - Tính đạo hàm bằng phương pháp lấy logarit  2.4 Vi phân  - Xấp xỉ tuyến tính  - Định nghĩa vi phân  2.5 Các ứng dụng của đạo hàm  - Các giá trị lớn nhất và nhỏ nhất  - Đạo hàm phản ánh hình dáng đồ thị  - Bài toán tối ưu  - Tốc độ biến thiên và chi phí biên trong kinh tế  - Hệ số co dãn  - Lãi kép liên tục  - Quy tắc L’Hospital và các dạng vô định  - Triển khai Taylor  - Thời gian đáo hạn bình quân và độ lồi của trái phiếu | 8 (5 LT, 3 TH) | 1. Xác định và thực hiện phép tính đạo hàm cho các dạng hàm số.  2. Triển khai ứng dụng đạo hàm cho các bài toán | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6,7,8 | **Chương 3.** **Tích phân**  3.1 Nguyên hàm  - Định nghĩa  - Bảng công thức nguyên hàm  3.2 Tích phân xác định  - Bài toán diện tích  - Định nghĩa tích phân xác định  - Quy tắc trung điểm  - Tính chất của tích phân xác định  - Các tính chất so sánh của tích phân  - Định lí cơ bản của giải tích  3.3 Tích phân bất định  3.4 Các phương pháp tính tích phân  - Quy tắc thế  - Tích phân từng phần  3.5 Các kỹ thuật tính tích phân  - Tích phân hàm đối xứng  - Tích phân hàm lượng giác  - Đổi biến lượng giác  - Tích phân hàm hữu tỷ | 8 (5 LT, 3 TH) | 1. Xác định các dạng và thực hiện tính một bài toán tích phân: tích phân xác định, tích phân bất định, tích phân suy rộng  2. Triển khai ứng dụng vào bài toán kinh tế. | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 11, 12 | **Chương 4.** **Ma trận và định thức**  5.1 Định nghĩa ma trận  5.2 Các phép toán trên ma trận  - Phép cộng trừ hai ma trận  - Phép nhân vô hướng  - Phép nhân hai ma trận  - Phép chuyển vị.  5.3 Phép biến đổi sơ cấp trên dòng của ma trận  5.4 Ma trận bậc thang  5.5 Ma trận nghịch đảo  5.6 Định thức  5.7 Các tính chất cơ bản của định thức  5.8 Khai triển Laplace  5.9 Ứng dụng định thức tìm ma trận nghịch đảo  5.10 Hạng của ma trận | 8 (5 LT, 3 TH) | 1. Xác định được cấp của ma trận, các loại ma trận cơ bản  2. Thực hiện các phép biến đổi sơ cấp trên dòng  3. Thực hiện tính định thức một ma trận vuông  4. Ứng dụng định thức tìm ma trận nghịch đảo.  5. Hạng của ma trận | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| 13, 14 | **Chương 5: Hệ phương trình tuyến tính (hệ pttt)** - 2.1 Giới thiệu trường hợp thực tế ứng dụng hệ pttt, hệ phương trình tuyến tính tổng quát.  - 2.2 Định lý Cronecker – Capelli; Hệ pttt thuần nhất, không thuần nhất  - 2.3 Phương pháp giải hệ pttt: phương pháp ma trận nghịch đảo, phương pháp định thức, phương pháp Gauss -Jordan | 8 (4 LT, 4 TH) | 1. Xác định hệ phương trình tuyến tính.  2. Thực hiện giải hệ phương trình tuyến tính theo các phương pháp | CLO4  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| 15 | Ôn tập | 5 (1 LT, 4 BT) |  |  |  |  |  |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | TS. Lê Tài Thu | 2014 | Toán cao cấp | NXB Giáo dục |
| 2 | Bài giảng của giảng viên |  |  |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | TS. Trần Ngọc Hội | 2004 | Giáo trình toán cao cấp B và C | NXB Giáo dục |
| 3 | TS. Phạm Hồng Danh | 2007 | Giáo trình toán cao cấp | NXB Đại học Quốc gia TP.HCM |
| 4 | TS. Lê Thị Thiên Hương | 2007 | Bài tập toán cao cấp | NXB Giáo dục |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Diendantoanhoc.net |  |
| 2 |  | Toanhoc247.edu.vn |  |
| 3 |  | Mathvn.com |  |
| 4 |  | Khoa Cơ bản – Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Tiêu chí** | **Mức chất lượng (điểm đánh giá)** | | | |
| **Giỏi  (9 – 10)** | **Khá  (7-8,5)** | **Trung bình  (5 – 6,5)** | **Yếu  (<5)** |
| A1. Chuyên cần | Tham dự lớp học | Đi học đầy đủ đúng giờ | Đi học đầy đủ, có đi học trễ < 2 buổi hoặc vắng 1 buổi | Đi học trễ từ 3 buổi trở lên hoặc vắng 2 buổi | Vắng từ 3 buổi trở lên |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Thi viết tự luận đề đóng | Đạt được điểm 9-10 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được điểm <5 theo đáp án điểm kiểm tra |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm 2021.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

**GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Mai Hoàng Dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa: Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19080** | 1. **Tên học phần:** Kinh tế chính trị Mác - Lênin. |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Marxist - Leninist political economy.** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 105 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Tiến Đảm |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Việt Khoa  ThS. Đào Duy Tùng |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức để giải thích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội; phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, tư duy phản biện. Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay

- Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với người học.

- Nhận thức rõ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Kinh tế chính trị Mác-Lênin”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn Đẩu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| CLO1 | Hiểu và phân tích được các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa. |
| CLO2 | Phân tích được nguồn gốc, bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. |
| CLO3 | Hiểu và phân tích kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. |
| CLO4 | Hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Người học có phẩm chất đạo đức cách mạng và lập trường chính trị vững vàng. Thấy được giá trị khoa học trong các quan điểm kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin. |
| CLO6 | Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu và phân tích được các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa. | X | X | X | X |
| CLO2 | Phân tích được nguồn gốc, bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. | X | X | X | X |
| CLO3 | Hiểu và phân tích kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. | X |  | X | X |
| CLO4 | Hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. | X |  | X | X |
| CLO5 | Người học có phẩm chất đạo đức cách mạng và lập trường chính trị vững vàng. Thấy được giá trị khoa học trong các quan điểm kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin. | X |  |  | X |
| CLO6 | Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa:  và phân tích được các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế; Phân tích được nguồn gốc, bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO6 | * GV xác định và phân tích. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích được nguồn gốc, bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư; phân tích kinh tế thị trường định hướng XHCN; chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi/Tiết** | **Nội dung giảng dạy** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiêm cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tiết)**  **I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin**  **II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin**  1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin  2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin  **III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin**  1. Chức năng nhận thức  2. Chức năng thực tiễn  3. Chức năng tư tưởng  4. Chức năng phương pháp luận  **Chương II: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (2 tiết)**  **I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa**  1. Sản xuất hàng hóa  2. Hàng hóa  3. Tiền | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Đọc hiểu được  Đối tượng, phương pháp nghiêm cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin  2. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin  3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin | CLO1  CLO2 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương II: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (tt) (3 tiết lý thuyết)**  **I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa**  4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt  **II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**  1. Thị trường  2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường  a. Khái niệm và vai trò của thị trường  c. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường  **Thảo luận (1 tiết)** | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Đánh giá được  Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Chương II: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**  **Thảo luận (tt) (2 tiết)**  **Chương III: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**  **I. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư  (2 tiết)**  1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư  2. Bản chất của giá trị thặng dư | Giảng viên chọn chủ đề (Phần I.2. Hàng hóa; Phần II.2. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | Phân tích được Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương III: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**  **II. Tích lũy tư bản (1 tiết)**  1. Bản chất của tích lũy tư bản  2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy  **Thảo luận (1 tiết)**  **III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**  **(2 tiết)**  1. Lợi nhuận  2. Lợi tức | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên chọn chủ đề (Phần II - Tích lũy tư bản)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Xác định Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | CLO3  CLO4 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương III: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường (tt)**  **Thảo luận (1 tiết)**  **Kiểm tra giữa kì  (1 tiết)**  **Chương IV: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**  **I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường (2 tiết)** | Giảng viên chọn chủ đề (Phần III.1 - Lợi nhuận)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | 1. Phân tích Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(5 tiết)** | **Chương IV: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**  **II. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường (1 tiết)**  1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường  **Thảo luận (1 tiết)**  **Chương V: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam (3 tiết)**  **I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**  1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  2. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  **II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**  1. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  **III. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam**  1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên chọn chủ đề (Phần II.1 - Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Xác định Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(5 tiết)** | **Thảo luận Chương 5  (1 tiết)**  **Chương VI: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam hiện nay (3 tiết)**  **I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam**  1. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư  **II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**  1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế  2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam  3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam  **Thảo luận (1 tiết)** | Giảng viên chọn chủ đề (phần III - Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên chọn chủ đề (phần II - Hội nhập kinh tế quốc tế) | Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Chuẩn bị chủ đề, câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên | 1. Xác định Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam hiện nay | CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2019. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1]Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;  [2]Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), Giáo trình *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;  [3] PGS.TS Trần Bình Trọng, *Lịch sử các học thuyết kinh tế,* Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2014; | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng …năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Nguyễn Tiến Đảm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 10401** | 1. **Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Scientific research method** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | GS.TS. Lê Minh Huyền |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. Đinh Bá Hùng Anh  ThS. Lê Anh Linh  ThS. Lâm Ngọc Điệp |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

- Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu.

- Sinh viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các nghiên cứu liên quan đến nghiên cứu khoa học áp dụng trong cuộc sống và học tập

- Các vấn đề nghiên cứu khoa học cơ bản trong việc điều hành và quản lý công ty

- Cách thức xây dựng các quy trình quản lý nghiên cứu khoa học công ty.

- Lý thuyết nghiên cứu khoa học để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết nghiên cứu khoa học để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích nghiên cứu khoa học

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức nghiên cứu khoa học để đạt được hiệu quả cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

*-* **Kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn Đẩu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| CLO1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản của PPNCKH |
| CLO2 | Hiểu được cấu trúc logic của quá trình tiến hành NCKH |
| CLO3 | Xác định được vấn đề nghiên cứu mang tính khả thi. Đặt được tên đề tài chuẩn xác |
| CLO4 | Xây dựng đề cương nghiên cứu |
| CLO5 | Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu, |
| CLO6 | Phát triển tư duy khoa học (năng lực phán đoán, phê phán, suy luận,...) |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là một môn học cần thiết để rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cho người học. Môn học chú trọng rèn luyện cho học viên kỹ năng tư duy logic trong nghiên cứu: nhận dạng, phát hiện sự kiện/vấn đề khoa học, đặt giải thuyết nghiên cứu, xây dựng các luận điểm khoa học, tìm kiếm và chứng minh các luận cứ, sử dụng các luận cứ để chứng minh giả thuyết nghiên cứu. Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học.

Sinh viên sẽ chủ động trong việc đang ký thực hiện tốt các nghiên cứu của mình trong quá trình học tập các môn học, đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công. Ngoài ra, môn học cũng dành một phần thời gian để người học rèn luyện kỹ năng chuẩn bị cho thuyết trình khoa học.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản của PPNCKH | X |  | X | X |
| CLO2 | Hiểu được cấu trúc logic của quá trình tiến hành NCKH | X | X |  | X |
| CLO3 | Xác định được vấn đề nghiên cứu mang tính khả thi, Đặt được tên đề tài chuẩn xác | X |  | X | X |
| CLO4 | Xây dựng đề cương nghiên cứu |  | X |  | X |
| CLO5 | Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu, |  | X | X | X |
| CLO6 | Phát triển tư duy khoa học (năng lực phán đoán, phê phán, suy luận,...) | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích, theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Lý thuyết và bài tập thực hành |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

**(\*) Ghi chú:­**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6..2 |
| **1**  **(6 tiết)** | * **Chương 1. Những vấn đề chung của phương pháp nghiên cứu khoa học** * Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học * Khoa học * Cách tiếp cận khoa học * Đặc điểm khoa học * Tiêu chí để nhận biết khoa học * Phân loại khoa học * Nghiên cứu khoa học * Khái niệm * Các loại đề tài nghiên cứu khoa học * Đề tài nghiên cứu khoa học * Khái niệm Đề tài nghiên cứu khoa học * Đào tạo, nghiên cứu khoa học nói chung * Đào tạo, nghiên cứu khoa học trong giáo dục * Các loại Đào tạo, nghiên cứu khoa học * Yêu cầu của một đề tài nghiên cứu khoa học   Chọn dề tài nghiên cứu khoa học | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Đọc hiểu được   * Những vấn đề chung của phương pháp nghiên cứu khoa học | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(6 tiết)** | * **Phương pháp nghiên** **cứu khoa học** * Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học * Phương pháp nghiên cứu khoa học là gì? * Đặc điểm của phương pháp nghiên cứu khoa học * Sự phân loại của phương pháp nghiên cứu khoa học * Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học * Vấn đề nghiên cứu khoa học * Tài liệu về thu thập tài liệu và đặt giả thuyết * Phương pháp thu thập số liệu * Nhóm Phương pháp nghiên cứu khoa học lý thuyết * Nhóm Phương pháp nghiên cứu khoa học Thực tiễn   Nhóm phương pháp nghiên cứu khoa học toán học | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | * 1. Đánh giá được phương pháp nghiên cứu khoa học | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(6 tiết)** | **Chương 3. Những nội dung cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học**  Xác định tốt đề tài nghiên cứu khoa học  Xây dựng đề cương nghiên cứu nghiên cứu khoa học  Lý do xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học  Mục đích nghiên cứu nghiên cứu khoa học  Khánh thể và đối tượng nghiên cứu nghiên cứu khoa học  Giả thuyết nghiên cứu nghiên cứu khoa học  Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học  Giới hạn nghiên cứu khoa học  Các phương pháp nghiên cứu khoa học  Đóng góp mới của đề tài nghiên cứu khoa học  Cấu trúc của công trình nghiên cứu khoa học  Danh mục tài liệu tham khảo  Kế hoạch và nguồn lực thực hiện công trình nghiên cứu khoa học  Xây dụng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu khoa học  Lịch sử nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học  Khái niệm công cụ  Sử dụng các ông cụ thống kê trong đo lường và phân tích số liệu  Đo lường và thang đo lường trong nghiên cứu  Các loại ấn phẩm công bố  Bài báo khoa học  Báo cáo khoa học  Kỷ yếu hội thảo khoa học  Chuyên khảo khoa học  Sách giáo khoa  Trình bày ấn phẩm công bố  Đánh giá kế quả nghiên cứu khoa học | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Phân tích được  Những nội dung cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(6 tiết)** | **Chương 4. Các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học**  Giai đoạn chuẩn bị  Xác định đề tài nghiên cứu  Tầm quan trọng của việc xác định đề tài nghiên cứu khoa học  Các yêu cầu đối với đề tài nghiên cứu khoa học  Các điều kiện lựa chọn đề tài nghiên cứu  Một số vấn đề cụ thể trong việc xác định đề tài nghiên cứu khoa học  Xây dựng đề tài nghiên cứu  Tầm quan trọng của việc xây dựng đề tài nghiên cứu  Nội dung của đề tài nghiên cứu khoa học  Giai đoạn triển khai nghiên cứu  Thu thập tài liệu thực tế  Tầm quan trọng  Các nguồn tài liệu thực tế  Các lần thu thập tài liệu  Những yêu cầu đối với tài liệu  Xử lý tài liệu thực tế  Sàng lọc tài liệu  Xử lý tài liệu  Giai đoạn kiểm tra kết quả nghiên cứu  Giai đoạn viết kết quả nghiên cứu  Hoàn thiện dàn ý công trìVấn đề đánh giá một công trình nghiên cứunh nghiên cứu  Một số điều cần chú ý khi viết công trình nghiên cứu  Giai đoạn báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu  Việc chuẩn bị bảo vệ công trình nghiên cứu (luận văn, luận án)  Báo các kết quả nghiên cứu  Báo các kết quả nghiên cứu  Vấn đề đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | 1. Xác định Các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(6 tiết)** | * **Chương 5. Cách viết và cấu trúc chi tiết một đề tài nghiên cứu khoa học** * Cách viết và cấu trúc chi tiết một bài báo khoa học * Giới thiệu chung * Cấu trúc chi tiết một bài báo * Cách viết cụ thể cho bài báo * Các lý do của bài báo bị từ chối đăng và cách khắc phục * Cấu trúc của một bài báo khoa học * Cấu trúc của một bài báo khoa học thông thừơng * Hứng dẫn viết khóa luận tốt nghiệp * Mục đích, yêu cầu của khóa luận tốt nghiệp * Mục đích * Yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp * Khóa luận tốt nghiệp * Quy trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp * Kết cấu khóa luận tốt nghiệp * Lý do chọn đề tài * Tổng quan của vấn đề nghiên cứu * Mục tiêu nghiên cứu * Đối tượng và phạm vi nghiên cứu * Bố cục của khóa luận * Định dạng của khóa luận * Trình bày bảng, biể, hình vẽ, công thúc * Quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo * Bảng, biểu, đồ thị, sơ đồ, hình * Một số lưu ý khi khình bày * Quá trình nghiên cứu và xây dựng luận án * Bài làm * Giới thiệu chung và nghiên cứu khoa học * Xác định vấn đề cần nghiên cứu * Trình vày nghiên cứu khoa học và phân tích định lượng * Phân tích thống kê nghiên cứu * Bản đề xuất nghiên cứu * Thiết lập bảng câu hỏi và thiết kế nghiên cứu   Tài liệu tham khảo | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Nghe giảng và quan sát, nghiên cứu và phát hiện các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng  Ghi chú  Tương tác tích cực (trả lời câu hỏi, hỏi lại) | * 1. Phân tích Cách viết và cấu trúc chi tiết một đề tài nghiên cứu khoa học | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | [1] Vũ Cao Đàm. (2018). Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục Việt Nam. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  | [1] Đồng Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An (2012). Phương pháp Nghiên cứu Khoa học. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.  [2] Đinh Bá Hùng Anh, & Tô Ngọc Hoàng Kim. (2017). Nghiên cứu khoa học trong kinh tế—Xã hội & hướng dẫn viết luận văn. Tp.HCM: NXB Kinh tế TpHCM.  [3] Đinh Phi Hổ (2018). Phương pháp nghiên cứu kinh tế & viết luận văn thạc sĩ. NXB Kinh Tế TP.HCM. | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Lê Anh Linh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: KDQT** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19090** | 1. **Tên học phần: Pháp luật trong kinh doanh quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: International business law** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức và kỹ năng phân tích các nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh quốc tế. Từ đó vận dụng để thực hiện hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và tham mưu ra quyết định đối với doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, nguồn luật thương mại quốc tế

- Các nguyên tắc cơ bản, luật, cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO

- Các nguồn luật điều chỉnh hợp đồng trong mua bán hàng hóa quốc tế

- Thanh toán quốc tế và các nguồn luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế

- Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết pháp luật để đưa ra các quyết định kinh doanh quốc tế nhằm tối đa hóa lợi ích và hạn chế rủi ro cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Pháp luật trong kinh doanh quốc tế”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Xác định được khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, các nguồn luật thương mại quốc tế |
| CLO2 | Xác định được các nguyên tắc cơ bản, luật, cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO |
| CLO3 | Xác định và phân tích được các nguồn luật điều chỉnh hợp đồng trong mua bán hàng hóa quốc tế |
| CLO4 | Xác định và phân tích được thanh toán quốc tế và các nguồn luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế |
| CLO5 | Xác định và phân tích được các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân |
| CLO6 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Pháp luật trong kinh doanh quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về pháp luật kinh doanh quốc tế. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, nguồn luật thương mại quốc tế; các nguyên tắc cơ bản, luật, cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; các nguồn luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; thanh toán quốc tế và các nguồn luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế; các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| CLO1 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |
| CLO4 |  | I |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |
| CLO5 |  | R |  | I | I | I | I |  |  | I |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Xác định được khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, các nguồn luật thương mại quốc tế | X |  | X | X |
| CLO2 | Xác định được các nguyên tắc cơ bản, luật, cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO | X |  | X | X |
| CLO3 | Xác định và phân tích được các nguồn luật điều chỉnh hợp đồng trong mua bán hàng hóa quốc tế | X |  | X | X |
| CLO4 | Xác định và phân tích được thanh toán quốc tế và các nguồn luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế | X | X |  | X |
| CLO5 | Xác định và phân tích được các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân | X | X |  | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 4  CLO 5  CLO 6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Trình bày khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế  Trình bày cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO  Phân tích quy trình mua bán hàng hóa quốc tế theo công ước viên 1980 |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1: Tổng quan về luật thương mại quốc tế**  1.1. Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế  1.1.1. Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế  1.1.2. Khái niệm luật thương mại quốc tế  1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế  1.2.1. Quốc gia  1.2.2. Tổ chức quốc tế  1.2.3. Thương nhân  1.2.4. Các chủ thể khác  1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế  1.3.1. Pháp luật quốc gia  1.3.2. Điều ước quốc tế  1.3.3. Tập quán quốc tế  1.3.4. Án lệ quốc tế  1.3.5. Các nguồn luật khác | 4 | 1. Xác định được khái niệm giao dịch quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, các nguồn luật thương mại quốc tế | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Các nguyên tắc cơ bản của WTO**  2.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN)  2.1.1. Khái quát về nguyên tắc MFN  2.1.2. Nội dung của nguyên tắc MFN  2.1.3. Các ngoại lệ của nguyên tắc MFN  2.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT)  2.2.1. Khái quát về nguyên tắc NT  2.2.2. Nội dung của nguyên tắc NT  2.2.3. Các ngoại lệ của nguyên tắc NT  2.3. Nguyên tắc mở cửa thị trường (MA)  2.3.1. Khái quát về nguyên tắc MA  2.3.2. Nội dung của nguyên tắc MA  2.4. Nguyên tắc thương mại công bằng (FT)  2.4.1. Khái quát về nguyên tắc FT  2.4.2. Nội dung của nguyên tắc FT  2.5. Nguyên tắc minh bạch  2.5.1. Khái quát về nguyên tắc minh bạch  2.5.2. Nội dung của nguyên tắc minh bạch  2.6. Nguyên tắc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển  2.6.1. Khái quát về nguyên tắc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển  2.6.2. Nội dung của nguyên tắc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển | 4 | 1. Xác định được các nguyên tắc cơ bản của WTO | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 3: Luật WTO**  3.1. Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO  3.1.1. Thuế quan  3.1.2. Thương mại hàng nông nghiệp  3.1.3. Thương mại hàng dệt may  3.1.4. Tiêu chuẩn sản phẩm  3.1.5. Các biện pháp kiểm dịch động thực vật  3.1.6. Chống bán phá giá, trợ cấp và tự vệ thương mại  3.1.7. Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại  3.1.8. Các rào cản phi thuế quan khác  3.1.9. Mua bán máy bay dân dụng và mua sắm chính phủ trong các hiệp định thương mại nhiều bên  3.2. Thương mại dịch vụ và GATS  3.2.1. Khái niệm dịch vụ và các phương thức cung ứng dịch vụ  3.2.2. Cấu trúc và các quy định chung của GATS  3.2.3. Quy định về các cam kết cụ thể trong khuôn khổ GATS  3.3. Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs  3.3.1. Tổng quan về Hiệp định TRIPs  3.3.2. Nội dung chính của Hiệp định TRIPs | 4 | 1. Xác định được luật thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 4: Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO**  4.1. Tổng quan về lịch sử hình thành hệ thống giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO  4.2. Bản thỏa thuận về các qui tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp (DSU)  4.3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia vào việc giải quyết tranh chấp tại WTO  4.4. Các bên tranh chấp và bên thứ ba  4.5. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO  4.5.1. Nguyên tắc bình đẳng giữa các thành viên tranh chấp  4.5.2. Nguyên tắc bí mật  4.5.3. Nguyên tắc “đồng thuận phủ quyết”  4.5.4. Nguyên tắc đối xử ưu đãi đối với các thành viên đang phát triển và chậm phát triển nhất  4.6. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO  4.6.1. Tham vấn  4.6.2. Môi giới, trung gian, hoà giải  4.6.3. Trọng tài  4.6.4. Ban hội thẩm và cơ quan phúc thẩm  4.7. Các căn cứ khiếu kiện  4.7.1. Khiếu kiện vi phạm  4.7.2. Khiếu kiện không vi phạm  4.7.3. Khiếu kiện tình huống  4.8. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO  4.8.1. Giai đoạn tham vấn  4.8.2. Giai đoạn hội thẩm  4.8.3. Giai đoạn phúc thẩm  4.8.4. Giai đoạn thi hành phán quyết  4.8.5. Việt Nam và các thành viên đang phát triển với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO | 4 | 1. Xác định được cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 5: Pháp luật điều chỉnh hợp đồng trong mua bán hàng hoá quốc tế**  5.1. Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế  5.2. Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế  5.3. Các điều kiện cơ sở giao hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế - INCOTERMS 2010  5.4. Bộ nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế của UNIDROIT - PICC 2010  5.5. Pháp luật của Việt Nam điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế  5.6. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng vận tải hàng hóa quốc tế, hợp đồng bảo hiểm | 4 | 1. Xác định và phân tích được các nguồn luật điều chỉnh hợp đồng trong mua bán hàng hóa quốc tế | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 6: Thanh toán quốc tế**  6.1 Chứng từ trong thanh toán quốc tế  6.1.1. Chứng từ tài chính  6.1.2. Chứng từ thương mại  6.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản  6.2.1. Phương thức chuyển tiền  6.2.2. Phương thức nhờ thu  6.2.3. Phương thức tín dụng chứng từ  6.3. Pháp luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế  6.3.1. Điều ước quốc tế  6.3.2. Tập quán quốc tế  6.3.3. Một số loại nguồn khác  6.3.4. Pháp luật Việt Nam điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế | 4 | 1. Xác định và phân tích được thanh toán quốc tế và các nguồn luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 7: Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân**  7.1. Thương lượng  7.1.1. Khái niệm  7.1.2. Quy trình thương lượng  7.2. Hoà giải, trung gian  7.2.1. Hoà giải  7.2.2. Trung gian  7.2.3. Sự khác nhau giữa phương thức hoà giải và phương thức trung gian  7.3. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng toà án  7.3.1. Khái niệm  7.3.2. Ưu điểm và nhược điểm của phương thức xét xử tại toà án  7.3.3. Thẩm quyền xét xử của toà án  7.3.4. Thủ tục tố tụng  7.3.5. Thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài  7.3.6. Vấn đề chọn toà án và chọn luật áp dụng để giải quyết tranh chấp  7.4. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài  7.4.1. Khái niệm  7.4.2. Ưu điểm và nhược điểm của phương thức trọng tài  7.4.3. Các hình thức trọng tài thương mại quốc tế  7.4.4. Một số quy tắc trọng tài thương mại quốc tế  7.4.5. Thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài  7.4.6. Vấn đề chọn trọng tài và chọn luật áp dụng để giải quyết tranh chấp | 4 | 1. Xác định và phân tích được các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 8 | **Ôn tập** | 2 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | **Bài giảng của giảng viên** |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 21 tháng 6 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics** | **Mã số: 7510605** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN** |

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành Logistics |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** English for Logistics |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | các học phần cơ sở ngành và một số học phần tiếng anh căn bản |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị, củng cố và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh với mục đích sử dụng trong các tình huống kinh doanh và trong công việc. Củng cố các kiến thức ngữ pháp căn bản, cung cấp một số lượng từ vựng chuyên ngành cần thiết cho sinh viên, giúp sinh viên xây dựng kỹ năng lựa chọn các từ ngữ phù hợp trong từng tình huống.

Phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên, nhằm tạo nền tảng cho việc đọc và tra cứu tài liệu kinh doanh bằng tiếng Anh.

Giao tiếp tiếng Anh trong kinh doanh thông qua làm việc nhóm và các bài thực hành về thuyết trình, phản biện, phỏng vấn, để sinh viên áp dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng học được, hoàn thiện kỹ năng, phát triển tư duy, phản xạ nghe, nói tiếng Anh và xây dựng sự tự tin cho sinh viên trong việc sử dụng tiếng Anh.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

2.2.1. Về kiến thức:

- Sinh viên nắm được nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản.

- Sinh viên có được vốn từ vựng cần thiết để sử dụng trong các tình huống kinh doanh và trong công việc.

- Sinh viên nắm được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành Logistics.

- Sinh viên nắm được văn hóa công ty và những vấn đề trong Logistics.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói xoay quanh các chủ đề về quản trị.

- Sinh viên cải thiện được kỹ năng giao tiếp thực hành.

- Sinh viên có khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

- Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương.

- Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/mục tiêu cụ thể.

*-* **Kiến thức**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Sinh viên nắm được nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản. |
| CLO2 | Sinh viên có được vốn từ vựng cần thiết để sử dụng trong các tình huống Quản trị chuỗi cung ứng. |
| CLO3 | Sinh viên nắm được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng. |
| CLO4 | Sinh viên nắm được văn hóa và những vấn đề trong ngành quản trị chuỗi cung ứng. |

**- Kỹ năng**

**Bảng 3.2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kỹ năng**

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO5 | Sinh viên nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói xoay quanh các chủ đề về quản trị chuỗi cung ứng. |
| CLO6 | Sinh viên có khả năng vận dụng một số cấu trúc cơ bản để viết câu. |
| CLO7 | Sinh viên cải thiện được kỹ năng giao tiếp thực hành. |
| CLO8 | Sinh viên có khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức. |

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**Bảng 3.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO9 | Nghiên cứu bài trước khi đến lớp. |
| CLO10 | Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương. |
| CLO11 | Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường. |
| CLO12 | Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, quay bài. |
| CLO13 | Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Học phần này có 08 bài giảng, mỗi bài giảng đều có các phần học tập như: Reading, Writing, Listening and Speaking (và vocabulary, comprehension, discussion) nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cần thiết bao gồm từ vựng chuyên ngành, các tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng nghe và nói theo chủ đề, kỹ năng viết email và thư từ giao tiếp trong môi trường hàng không.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  | R |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO7 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |
| CLO9 |  | R |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO10 |  |  | R |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO11 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |  |
| CLO12 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  | M | M |
| CLO13 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | R | R |
| **CLO** | (14) | (15) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO9 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO11 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO12 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO13 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Sinh viên nắm được nền tảng kiến thức ngữ pháp cơ bản. |  |  | X | X |
| CLO2 | Sinh viên có được vốn từ vựng cần thiết để sử dụng trong các tình huống Quản trị chuỗi cung ứng. |  | X |  | X |
| CLO3 | Sinh viên nắm được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng. |  |  |  | X |
| CLO4 | Sinh viên nắm được văn hóa và những vấn đề trong ngành quản trị chuỗi cung ứng. | X | X | X | X |
| CLO5 | Sinh viên nghe hiểu được những bài hội thoại và những bài nói xoay quanh các chủ đề về quản trị chuỗi cung ứng. | X |  |  | X |
| CLO6 | Sinh viên có khả năng vận dụng một số cấu trúc cơ bản để viết câu. | X |  |  | X |
| CLO7 | Sinh viên cải thiện được kỹ năng giao tiếp thực hành. | X |  |  |  |
| CLO8 | Sinh viên có khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức. |  |  | X | X |
| CLO9 | Nghiên cứu bài trước khi đến lớp. | X |  |  | X |
| CLO10 | Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương. |  |  | X |  |
| CLO11 | Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường. |  | X | X |  |
| CLO12 | Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, quay bài. | X |  |  |  |
| CLO13 | Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | Chuyên cần | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12  CLO13 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12  CLO13 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Unit 1:**  Introduction to Logistics | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Unit 2:**  Logistics services | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Unit 3:**  Inventory management and procurement | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO10 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 4 | **Unit 4:**  Modes of transport | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **Unit 5 :**  Planning and arranging transport | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO12  CLO13 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Unit 6:**  Shippig goods | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO8  CLO12  CLO13 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **Unit 7:**  Warehousing and storage | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO8  CLO10  CLO11  CLO12 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **Unit 8:**  Documentation and finance | 5 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO8  CLO10  CLO13 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Marion Grussedorf |  | English for Logistics | Oxford |
| 2 | Bài giảng của giảng viên | 2021 |  | Trường Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Sue Ellis, Lewis Lansford |  | English for Cabin Crew | Oxford |
| 2 | Barall & Barall | 2008 | Intelligent Business- Pre- intermediate- Teacher Book, 3rd edition | Pearson Education Limited, England |
| 3 | Barall & Barall | 2008 | Intelligent Business- Pre- intermediate- Skills Book, 3rd edition | Pearson Education Limited, England |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | https://www.omicsonline.org/scholarly/business-administration-journals-articles-ppts-list.php |  |
| 2 |  | https://logistics4vn.com/english-for-logistics |  |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị Kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: LOGISTIC** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Quản trị kênh phân phối** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | **Tên tiếng Anh: Distribution channel Management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Đỗ Thuận Hải  ThS. Trần Minh Tranh |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

* CO1. Hiểu được tầm quan trọng của việc cung cấp dịch vụ khách hàng hiệu quả trong ngành hàng không
* CO2. Hiểu các mô hình và chiến lược dịch vụ khách hàng khác nhau trong ngành hàng không
* CO3. Hiểu cách đo lường và cải thiện dịch vụ khách hàng trong ngành hàng không
* CO4. Có thể cung cấp dịch vụ khách hàng hiệu quả trong ngành hàng không.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

* Nêu được các yếu tố chính góp phần vào dịch vụ khách hàng hiệu quả trong ngành hàng không
* Giải thích cách khách hàng hình thành kỳ vọng của họ về dịch vụ khách hàng hiệu quả trong ngành hàng không.
* Giải thích được tầm quan trọng của việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng hàng không
* Thảo luận về những hậu quả đối với các tổ chức hàng không thương mại của việc cung cấp dịch vụ khách hàng không hiệu quả
* Xem xét các mô hình dịch vụ khách hàng khác nhau thích hợp để sử dụng trong ngành hàng không
* So sánh các chiến lược dịch vụ khách hàng do các tổ chức hàng không phát triển
* Mô tả các phương pháp mà các tổ chức hàng không sử dụng để đo lường dịch vụ khách hàng
* Giải thích cách các tổ chức hàng không cải tiến dịch vụ khách hàng

**2.2.2. Về kỹ năng:**

* Thể hiện được các kỹ năng xử lý dịch vụ khách hàng hiệu quả trong các tình huống thông thường và không thường xuyên
* Hoạch định các mục tiêu của doanh nghiệp trong việc xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng.
* Làm việc theo nhóm
* Trình bày một báo cáo nghiên cứu

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

* Ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu
* Phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề dịch vụ khách hàng
* Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Hiểu về hoạt động phân phối và cách thức quản trị hệ thống kênh phân phối của một doanh nghiệp |
| CLO2 | Hiểu biết cơ bản về kinh doanh, nắm được nguyên lý và quy trình marketing, phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hệ thống kênh phân phối, biết cách thiết kế một cấu trúc kênh phân phối và triển khai các chính sách để quản trị kênh phân phối. |
| CLO3 | Thiết kế được một hệ thống kênh phân phối và các giải pháp giải quyết những mâu thuẩn phát sinh trong kênh. |
| CLO4 | Hoạch định được một số chiến lược kênh phân phối và các mục tiêu của doanh nghiệp trong hệ thống kênh phân phối. |
| CLO5 | Sinh viên có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu |
| CLO6 | Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kênh phân phối, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Phân phối là một trong những khâu quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nó không chỉ thực hiện chức năng lưu thông tiêu thụ mà còn giúp doanh nghiệp thoả mãn thực sự nhu cầu thông qua hàng loạt các hoạt động sau khi sản xuất và nắm bắt thông tin từ thị truờng từ đó mà điều chỉnh chính sách thích hợp.

Quản trị kênh phân phối giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế kênh phân phối, bên cạnh kênh truyền thống, ngày nay còn xuất hiện những kênh phân phối hiện đại với sự hỗ trợ của thiết bị kỹ thuật. Thiết kế, lựa chọn và phối hợp các kênh phân phối như thế nào để sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất về mặt không gian và thời gian, đó là những quyết định mang tính chiến lược. Bên cạnh thiết kế kênh nhà quản trị kênh phải tổ chức, xây dựng các chính sách để hỗ trợ và duy trì các thành viên trong kênh, hạn chế tối đa những xung đột có thể xảy ra giữa các thành viên trong kênh. Quản trị kênh phân phối là môn học chuyên sâu của ngành marketing, được giảng dạy sau khi sinh viên đã học xong môn marketing căn bản, hành vi khách hàng, quản trị học.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 |  |  | M |  | R |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | I | M | R |  |  |  |  |  | I |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | I |  |  |  | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | M |  |  | I |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu về hoạt động phân phối và cách thức quản trị hệ thống kênh phân phối của một doanh nghiệp |  |  | X | X |
| CLO2 | Hiểu biết cơ bản về kinh doanh, nắm được nguyên lý và quy trình marketing, phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hệ thống kênh phân phối, biết cách thiết kế một cấu trúc kênh phân phối và triển khai các chính sách để quản trị kênh phân phối. |  | X |  | X |
| CLO3 | Thiết kế được một hệ thống kênh phân phối và các giải pháp giải quyết những mâu thuẩn phát sinh trong kênh. |  |  |  | X |
| CLO4 | Hoạch định được một số chiến lược kênh phân phối và các mục tiêu của doanh nghiệp trong hệ thống kênh phân phối. | X | X | x | X |
| CLO5 | Sinh viên có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu |  |  | X | X |
| CLO6 | Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kênh phân phối, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, thuyết trình về việc chọn các chiến lược thực tế về quản trị kênh phân phối của các công ty |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Trình bào các khái niệm có liên quan quàn trị chuỗi cung ứng  Phân tích các quy trình đánh giá các chiến lược quản trị chuỗi cung ứng  Phân tích và nêu ý kiến phản biện về các case study |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về kênh phân phối**  1.1 Bản chất của kênh phân phối  1.2 Lý thuyết về quá trình phân phối và vai trò của các trung gian thương mại  1.3 Hoạt động của kênh phân phối – các dòng chảy trong kênh  1.4 Cấu trúc của kênh phân phối  1.5 Các hình thức tổ chức kênh phân phối | 10 | Hiểu được các chủ thể tham gia vào KPP; vai trò, chức năng của các chủ thể đó  SV hiểu được đặc điểm hoạt động của các thành viên kênh từ đó giúp ra quyết định lựa chọn thành viên kênh và xác định vai trò, quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên kênh khi ra quyết định thiết lập , xây dựng kênh | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Các thành** **viên trong KKP**  2.1 Quan điểm về các thành viên của KPP  2.2 Thành viên chính thức của KPP – Nhà Bán buôn  2.3 Thành viên chính thức của KPP - Nhà Bán lẻ  2.4 Các tổ chức bổ trợ của kênh | 10 | hiểu được các chủ thể tham gia vào KPP; vai trò, chức năng của các chủ thể đó  Hiểu được đặc điểm hoạt động của các thành viên kênh từ đó giúp ra quyết định lựa chọn thành viên kênh và xác định vai trò, quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên kênh khi ra quyết định thiết lập , xây dựng kênh | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 3 | **Chương 3 Môi trường và hành vi của KPP**  3.1 Các quan hệ và hành vi trong kênh  3.2 Ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến kênh phân phối | 8 | Hiểu các mối quan hệ và hành vi trong kênh phân phối; nền tảng, cơ sở của các mối quan hệ và hành vi đó  Hiểu được tác động của các yếu tố môi trường đến kênh phân phối  Vận dụng trong việc ra các quyết định quản trị kênh phân phối | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 4 | **Chương 4: Chiến lược kênh phân phối**  4.1 Quan điểm về chiến lược kênh  4.2 Chiến lược kênh phân phối trong hệ thống chiến lược của doanh nghiệp  4.3 Chiến lược trong xây dựng kênh phân phối  4.4 Chiến lược trong quản lý kênh phân phối | 10 | Hiểu được vai trò, vị trí của chiến lược kênh phân phối hoạt động marketing  Hiểu được các nội dung cơ bản của chiến lược trong xây dựng và quản lý kênh phân phối. | CLO1  CLO3  CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **Chương 5: Xây dựng kênh phân phối**  5.1 Tổng quan về thiết kế kênh phân phối  5.2 Quy trình thiết kế kênh phân phối | 10 | Hiểu được các yếu tố cần phân tích nhằm thiết kế kênh phân phối  Hiểu được các nội dung cơ bản của thiết kế kênh phân phối  Hiểu được quy trình thiết kế kênh phân phối tối ưu  SV nắm được phương pháp tìm kiếm và lựa chọn thành viên kênh | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Chương 6: Các hoạt động quản lý KPP**  6.1 Bản chất của quản lý kênh  6.2 Quản lý các dòng chảy của kênh  6.3 Hệ thống thông tin và quản trị kênh  6.4 Khuyến khích các TVK hoạt động | 8 | Hiểu bản chất và nội dung các công việc quản lý kênh  Hiểu nội dung, ý nghĩa của hoạt động quản lý các dòng chảy trong kênh  Hiểu và có khả năng vận dụng để khuyến khích thúc đẩy các thành viên kênh | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |
| **7** | **Chương 7: Sử dụng các công cụ marketing mix trong quản lý KPP**  7.1 Vấn đề sản phẩm trong quản lý kênh  7.2 Vấn đề giá trong quản lý kênh  7.3 Hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong quản lý kênh | 10 | Hiểu được sự thống nhất giữa các bộ phận của chiến lược marketing hỗn hợp  Hiểu được sự phối hợp giữa các công cụ marketing trong quản lý KPP và thực hiện quản lý KPP hiệu quả | CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |
| 8 | **CHƯƠNG 8: Logistic và quản trị PP vật chất**  8.1 Khái quát chung về phân phối vật chất  8.2 Mức độ cung ứng dịch vụ của phân phối vật chất  8.3 Phân tích chi phí của hoạt động phân phối vật chất | 10 | Hiểu được nội dung phân phối hàng hoá vật chất  Hiểu được mức độ dịch vụ của hệ thống vật chất và xây dựng chiến lược cung ứng dịch vụ trong phân phối vật chất  Hiểu và có khả năng phân tích chi phí hoạt động trong phân phối vật chất | CLO1  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |
| 9 | **Chương 9: Đánh giá hoạt động của KPP**  9.1 Khái quát chung về đánh giá TVK  9.2 Nội dung kiểm tra đánh giá TVK | 8 | Hiểu được hoạt động đánh giá thành viên kênh và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đánh giá thành viên kênh  Hiểu được nội dung kiểm tra/đánh giá thành viên kênh và ứng dụng trong việc thực hiện đánh giá thành viên kênh | CLO1  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | PGS.TS Trương Đình Chiến | 2017 | Quản Trị Kênh Phân Phối | NXB Kinh Tế Quốc Dân |
| 2 | Tập thể Khoa QTKD | 2021 | Tài liệu học tập lưu hành nội bộ | ĐHPT |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | TS. Đinh Bá Hùng Anh | 2018 | Quản trị chuỗi cung ứng | NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh |
| 4 | Micheal H. Hugo | 2009 | Nguyên Lý Quản Trị Chuỗi Cung Ứng | NXB Thế Giới |
| 5 | Nguyễn Đức Dũng | 2019 | Quản Trị Chuỗi Cung Ứng 4.0 | NXB Thế Giới |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa TC-KT-NH** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Tài chính ngân hàng** | **Mã số: 7340201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 190334** | 1. **Tên học phần: Thanh toán quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: International Payment** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Thạch Uyên Vy |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

Môn học Thanh toán quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản và toàn diện về tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối, các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối; phương tiện thanh toán quốc tế và vận dụng các phương tiện này thông qua các nghiệp vụ lưu thông chúng trên thị trường; bộ chứng từ cần thiết cho việc thanh toán quốc tế và cách thức lập và kiểm tra bộ chứng từ; các phương thức thanh toán quốc tế.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu được kiến thức tổng quan về thanh toán quốc tế và cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế.

- Hiểu được tỷ giá hối đoái, các loại tỷ giá hối đoái, các phương pháp xác định tỷ giá, phân tích các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối.

- Hiểu được các phương tiện được sử dụng trong thanh toán quốc tế (Hối phiếu, lệnh phiếu, séc, giấy chuyển tiển và thẻ ngân hàng…).

- Hiểu được các phương thức thanh toán quốc tế (Chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ…), ưu nhược điểm của từng phương thức và trường hợp áp dụng.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức thanh toán quốc tế để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Thanh toán quốc tế”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích được các kiến thức cơ bản trong thanh toán quốc tế |
| CLO2 | Xác định các cách tính Tỷ giá hối đoái |
| CLO3 | Phân tích được Thị trường hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái |
| CLO4 | Xác định các phương tiện thanh toán quốc tế. Thực hành lập các chứng từ như: hối phiếu, lệnh phiếu, séc, hóa đơn, vận đơn... |
| CLO5 | Giải thích được quy trình thanh toán của các phương thức thanh toán quốc tế, trình bày được ưu nhược điểm của từng phương thức và trường hợp áp dụng của các phương thức. |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp kiến thức về tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ hối đoái; các chứng từ tài chính và chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương tiện thanh toán quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  | M |  |  |
| CLO6 | M | M |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| Tổng hợp học phần | I | I | I | I |  |  |  |  | I |  |  |

**6. Đánh giá HP**

1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được các kiến thức cơ bản trong thanh toán quốc tế |  | X | X | X |
| CLO2 | Xác định các cách tính Tỷ giá hối đoái |  | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích được Thị trường hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái |  | X | X | X |
| CLO4 | Xác định các phương tiện thanh toán quốc tế. Thực hành lập các chứng từ như: hối phiếu, lệnh phiếu, séc, hóa đơn, vận đơn... |  |  | X | X |
| CLO5 | Giải thích được quy trình thanh toán của các phương thức thanh toán quốc tế, trình bày được ưu nhược điểm của từng phương thức và trường hợp áp dụng của các phương thức. |  |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 5% | X | CLO 6 | GV đánh kiểm tra theo rubric |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 5% | X | CLO 6 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài tập cá nhân, nhóm và bài kiểm tra quá trình |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 6 | GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm, và đánh kiểm tra quá trình (theo rubric) |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV đánh kiểm tra theo rubric |

1. ***Chính sách đối với HP***

* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về Thanh toán quốc tế**   * 1. Khái niệm và vai trò của thanh toán quốc tế   2. Cơ sở hình thành Thanh toán quốc tế   3. Các điều kiện quy định trong thanh toán quốc tế | 4 | - Khái niệm và vai trò của thanh toán quốc tế  - Cơ sở hình thành Thanh toán quốc tế  - Các điều kiện quy định trong thanh toán quốc tế | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 2 | **Chương 2: Tỷ giá hối đoái**   * 1. Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái   2. Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái   3. Các loại tỷ giá hối đoái   4. Phương pháp xác định tỷ giá chéo   5. Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái | 4 | - Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái  - Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái  - Các loại tỷ giá hối đoái | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 3 | **Chương 2: Tỷ giá hối đoái (tt)** | 4 | - Phương pháp xác định tỷ giá chéo  - Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 4 | **Chương 3: Thị trường hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái**  3.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái  3.2 Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái  3.3 Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái | 4 | - Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái  - Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái  - Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 5 | **Chương 4: Phương tiện thanh toán quốc tế**  4.1 Hối phiếu  4.2 Lệnh phiếu  4.3 Séc  4.4 Thẻ thanh toán | 4 | - Hối phiếu  - Lệnh phiếu | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 6 | **Chương 4: Phương tiện thanh toán quốc tế (tt)** | 4 | Séc và thẻ thanh toán | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 7 | **Chương 5: Các phương thức thanh toán quốc tế**  5.1 Phương thức chuyển tiền  5.2 Phương thức ghi sổ  5.3 Phương thức giao chứng từ nhận tiền  5.4 Phương thức nhờ thu  5.5 Phương thức tín dụng chứng từ | 4 | - Phương thức chuyển tiền.  - Phương thức ghi sổ  - Phương thức giao chứng từ nhận tiền | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 8 | **Chương 5: Các phương thức (tt)** | 4 | - Thanh toán quốc tế  - Phương thức nhờ thu | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 9 | **Chương 5: Các phương thức (tt)** | 4 | - Phương thức tín dụng chứng từ | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 10 | **Chương 5: Các phương thức (tt)** | 4 | - Phương thức tín dụng chứng từ (tt)  - Bài tập tình huống | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| 11 | **Ôn tập** | 5 |  |  | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2,  A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | PGS. TS. Trần Hoàng Ngân | 2018 | Thanh toán quốc tế | Nhà xuất bản kinh tế TPHCM |
| 2 | ThS. Hoàng Thị Minh Ngọc | 2014 | Giáo trình bài tập và bài giải Thanh toán quốc tế | Nhà xuất bản kinh tế TPHCM |
| 3 | GS. TS. Nguyễn Văn Tiến và TS. Nguyễn Thị Hồng Hải | 2016 | Giáo trình TTQT & Tài trợ Ngoại thương | NXB Lao Động |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 4 | ULB 1930, URC 522, UCP 600, ISBP 681, URR 725. |  |  |  |
| 5 | Luật các công cụ chuyển nhượng | Số 49/2005/QH11 ngày 29/11/2005 |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2021 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2021 |
| 6 |  | Ngân hàng nhà nước: <https://sbv.gov.vn> | 21/6/2021 |

**9. Analytic Rubric**

Rubric 1. Đánh giá thường xuyên (10%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá (8.5-7) | Trung Bình (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Đánh giá thường xuyên | | | | | | | |
| CLO6 | Tham dự lớp học | 50 | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%) | Đi học chuyên cần (<90%) | Đi học khá chuyên cần (<70%) | Đi học không chuyên cần(<50%) |  |
| CLO6 | Mức độ tích cực | 50 | >10 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt >9 điểm tích cực do nhóm đánh giá | > 6 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt > 7 điểm tích cực do nhóm đánh giá | < 3 lần đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, hoặc đạt < 6 điểm tích cực do nhóm đánh giá, hoặc bị GV nhắc làm việc riêng trong giờ học < 2 lần | Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt < 5 điểm tích cực do nhóm đánh giá, hoặc 2 lần bị nhắc làm việc riêng trong giờ học. |  |

Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ (30%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá  (8.5-7) | Trung Bình  (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Kiểm tra giữa kỳ | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO6 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-  8,5 theo  đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm <5 theo  đáp án  điểm  kiểm tra |  |

Rubric 3. Đánh giá cuối kỳ (60%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR | Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
| Tốt (10-9) | Khá (8.5-7) | Trung Bình (6.5-5) | Yếu ( <5) |  |
| Kiểm tra cuối kỳ | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Đề thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-  8,5 theo  đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án  điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm <5 theo  đáp án  điểm  kiểm tra |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bàn** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19081** | 1. **Tên học phần:** Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Science socialism** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 105 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Việt Khoa |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Đào Duy Tùng  ThS. Nguyễn Thị Hồng Hiếu |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng tri thức môn học vào việc xem xét, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

Người học xác định và khái quát những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có nhận thức đầy đủ về quá trình hình chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.

**2.2.2. Về kỹ năng:** Sinhviênbiếtvận dụng những tri thức đã học để giải thích những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị tài chính để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “**Chủ nghĩa xã hội khoa học**”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu**  **CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH. |
| CLO2 | Hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. |
| CLO3 | Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước XHCN; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp; dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. |
| CLO4 | Vận dụng cáckiến thức đã được trang bị vào giải thích, đánh giá thực tiễn. |
| CLO5 | Có khả năng vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXHKH trong thực tiễn. |
| CLO6 | Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH. | X | X |  | X |
| CLO2 | Hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. | X | X |  | X |
| CLO3 | Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước XHCN; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp; dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. | X | X |  | X |
| CLO4 | Vận dụng cáckiến thức đã được trang bị vào giải thích, đánh giá thực tiễn. | X |  | X | X |
| CLO5 | Có khả năng vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXHKH trong thực tiễn. | X |  | X | X |
| CLO6 | Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học. | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. | GV theo dõi theo số đầu bài. |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3 | * GV xác định và phân tích. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng…. |  |  | CLO4  CLO5  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | (8) |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học**  1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học  3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | (04 LT) | 1. Đọc hiểu được  Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**  1. Quan niệm giai cấp công nhân và sư mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân  2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay  3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam |  | 1. Đánh giá được  Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân | CLO1  CLO2 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (Thảo luận 2 tiết)**  **Chương 3:Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**  1. Chủ nghĩa xã hội  2. Thời kỳ quá độ lên CNXH  3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  | 1. Phân tích được  Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (Thảo luận 2 tiết)  -Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | CLO2  CLO3 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Thảo luận 2 tiết)**  **Kiểm tra giữa kì: 1 tiết**  **Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa**  1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa |  | 1. Xác định Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Thảo luận 2 tiết)  Kiểm tra giữa kì: 1 tiết  - Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa | CLO2  CLO3  CLO9  CLO10 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (1 tiết)**  2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa  Thảo luận (1 tiết)  **Chương 5:**  **Cơ cấu xã hội - Giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (2 tiết)**  1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | Phân tích  Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa | CLO3  CLO4  CLO9  CLO10 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A2 |
| **6**  **(5 tiết)** | **Chương 5:**  **Cơ cấu xã hội - Giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tt)(1**  **tiết)**  3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  **Thảo luận (1 tiết)**  **Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (3 tiết)**  1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam |  | Xác định Cơ cấu xã hội - Giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | CLO4  CLO5  CLO9 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A2 |
| **7**  **(5 tiết)** | **Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tt)** Thảo luận (1 tiết)  **Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** (3 tiết lý thuyết)  1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình  2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Thảo luận (1 tiết) |  | Xác định Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  -Thảo luận (1 tiết)  Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | CLO5  CLO6  CLO7  CLO9 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho Bậc đại học - không chuyên ngành Lý luận chính trị),* Hà Nội.  [2] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002, 2010), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1] Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Chương trình học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Ban hành theo Quyết định số / /QĐ – BGD ĐT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo (Tài liệu tập huấn Lý luận chính trị - Hè 2019).  [2] Đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 20 – NQ/TƯ, ngày 28/11/2008 của BCHTƯ (khóa X) về Về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước,* <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-x/nghi-quyet-so-20-nqtw-ngay-28012008-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-ve-tiep-tuc-xay-dung-giai-609>, truy cập ngày 11/2/2020.  [3] Đảng cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 24 – NQ/TƯ, ngày 12/3/2003 của BCHTƯ (khóa IX) về công tác dân tộc,* <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-ix/nghi-quyet-so-24-nqtw-ngay-1232003-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-ve-cong-tac-dan-toc-657>, truy cập ngày 11/2/2020.  [4] Đảng cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 25 – NQ/TƯ, ngày 12/3/2003 của BCHTƯ (khóa IX) về công tác tôn giáo,* <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-ix/nghi-quyet-so-25-nqtw-ngay-1232003-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-ve-cong-tac-ton-giao-3474>, truy cập ngày 11/2/2020.  [5]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986),* <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi>, truy cập ngày 11/2/2020.  [6]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991),* http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii, truy cập ngày 11/2/2020.  [7]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011),* http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi, truy cập ngày 11/2/2020.  [8]. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016),* http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii, truy cập ngày 11/2/2020.  [9] Quốc hội số 52/2014/QH13, *Luật hôn nhân và gia đình,* ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014, http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=36870, truy cập ngày 11/2/2020.  [10]. Quốc hội, Luật số 02/2016/QH14, *Luật tín ngưỡng tôn giáo,* ngày 14/11/2016, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\_id=1&\_page=1&mode=detail&document\_id=187900, truy cập ngày 11/2/2020.  [11]. Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 629/QĐ-TTg, *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, ngày 29 tháng 5 năm 2012, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\_id=2&mode=detail&document\_id=159628, truy cập ngày 11/2/2020. | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Rubric đánh giá chi tiết.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | | **Điểm** | |
| **Tốt** (10-9) | **Khá** (8.5-7) | **Trung Bình**  (6.5-4) | **Yếu** ( <4) |  | |
| **Đánh giá thường xuyên** | | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Tham gia các buổi học | 8 | Đi học đầy đủ, đúng giờ (100%) | Đi học đầy đủ, thỉnh thoảng đi trễ (<90%) | Đi học khá đầy đủ, thường đi trễ (<70%) | Đi học không đầy đủ hoặc luôn đi trễ (<50%) |  | |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2 | >5 lần phát biểu  10 điểm | > 3 lần phát biểu  7 điểm | > 1 lần phát biểu  5 điểm | Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt <4 điểm |
| **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  | |
| **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | | | |
| CLO4  CLO5  CLO6 | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ...năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Nguyễn Việt Khoa** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 22019 | 1. **Tên học phần:** Thương mại điện tử |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** E-commerce |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị kinh doanh |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử.

Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web. Cung cấp kiến thức về bán hàng trên web: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chiến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế.

Cung cấp kiến thức về công nghệ thương mại điện tử: phần mềm và phần cứng web server; Các phần mềm thương mại điện tử; An toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử.

Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các kiến thức cơ bản về viễn thông, Internet và mạng máy tính.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như các cơ sở phát triển thương mại điện tử

- Các mô hình TMĐT phổ biến hiện nay, marketing điện tử.

- Kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại truyền thống

- Các mô hình hoạt động của thương mại điện tử.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Thiết kế, cài đặt website TMĐT, cách thức vận hành website TMĐT trên cơ sở dịch vụ miễn phí hiện nay.

- Seo website, tổ chức hoạt động quảng cáo trên một số trang mạng xã hội facebook...)

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị chiến lược để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra học phần**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến thương mại điện tử |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của thương mại điện tử dành cho nhà quản trị, |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết thương mại điện tử thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa cđr học phần (CELO) với cđr ctđt (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  | M | R | R |
| CLO7 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |
| CLO9 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R |
| CLO10 |  |  | R |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO11 |  |  |  |  |  |  |  | R |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO12 |  |  |  |  |  |  |  | R |  | I |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến chuỗi cung ứng | X | X | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị chuỗi cung ứng dành cho nhà quản trị, | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị chuỗi cung ứng thường được áp dụng trong các doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  | X | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X | X | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | X | X | X | X |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X |  | X | X |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |  |  | X | X |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |  |  | X | X |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |  |  | X | X |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |  |  | X | X |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |  |  | X | X |

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **10%** | **30%** | **50%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Bài tập về nhà cá nhân/ nhóm | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CELO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến chuỗi cung ứng |  |  |  | X | X |
| CELO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị chuỗi cung ứng dành cho nhà quản trị, |  |  | X |  | X |
| CELO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị chuỗi cung ứng thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |  | X |  |  | X |
| CELO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  | X | X | X |
| CELO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X |  |  | X |
| CELO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | X | X |  |  | X |
| CELO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X | X |  |  |  |
| CELO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |  | X |  | X | X |
| CELO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. | X | X |  |  | X |
| CELO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của thương mại điện tử đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |  |  |  | X |  |
| CELO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thương mại điện tử |  | X | X | X |  |
| CELO12 | Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo | X | X |  |  |  |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   * 1. Số hoá và nền “kinh tế số   2. Khái niệm thương mại điện tử   3. Các đặc trưng của thương mại điện tử   4. Các chức năng của thương mại điện tử   5. Các mô hình thương mại điện tử   6. Lợi ích của thương mại điện tử   7. Hạn chế của thương mại điện tử   8. Các loại hình giao dịch thương mại điện tử   9. Lịch sử phát triển của thương mại điện tử | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản một cách có hệ thống về thương mại điện tử.  2. Tìm hiểu các mô hình thương mại điện tử.  3. Xác định được vai trò của thương mại điện tử. | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  2.1 Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội  2.2 Cơ sở hạ tầng pháp lý.  2.3 Cơ sở hạ tầng công nghệ  2.4 Cơ sở hạ tầng nhân lực  2.5 Cơ sở hạ tầng thanh toán  2.6 Cở sở hạ tầng chuyển phát  2.7 Vấn đề an toàn, bảo mật và an ninh mạng | 7 | 1. Biết và phân biệt được các loại cơ sở hạ tầng thương mại điện tử  2. Vận dụng vào thực tế xác định vấn đề an toàn bảo mật và an toàn mạng | CLO1  EL02  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH THỨC GIAO DỊCH TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  3.1 Tổng quan về giao dịch điện tử  3.2 Giao dịch điện tử B2C  3.3 Giao dịch điện tử B2B  3.4 Chính phủ điện tử | 6 | Phân tích và xác định các hình thức giao dịch điện tử | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4:** **XÂY DỰNG GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI ĐIẸN TỬ**  4.1 Quy trình xây dựng giải pháp thương mại điện tử  4.2 Nghiên cứu thị trường  4.3 Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử  4.4 Xây dựng Website  4.5 Marketing trực tuyến | 8 | Hiểu được quy trình xây dựng giải pháp thương mại điện tử và xây dựng website, marketing trực tuyến | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5:** **DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  5.1 Thực trạng  5.2 Xu hướng phát triển | 8 | Xác định được thực trạng và xu hướng phát triển của thương mại điện tử tại Việt Nam | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | G. P. Schneider, J. T. Perry | 2002 | Electronic Commerce (4th Ed) | Course Technology |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | E. Turban, J. Lee, D. King, H. M. Chung | 2002 | Electronic Commerce: A Managerial Perspective | Prentice Hall |
| 3 | Deitel & Steinbuhler | 2001 | E-Business & E-Commerce for Managers | Prentice Hall |
| 4 | Chaffey Dave | 2002 | E-Business and Ecommerce - management | Prentice Hall |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics & quản trị chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Quản lý vận tải quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: International freight transport** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hoạt động vận tải hàng hóa quốc tế. Từ đó vận dụng các cơ sở lý thuyết vào thực tế quản lý hoạt vận tải hàng hóa quốc tế trong các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp, đại lý xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, các dịch vụ, sản phẩm liên quan.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các lý thuyết cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế.

- Các nội dung cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường không, vận tải đa phương thức, incoterms, vận tải hàng hóa bằng container, thiết kế các terminal

- Mạng lưới hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức, mô hình ra quyết định liên quan đến hệ thống vận tải

- Quy trình thủ tục hải quan trong vận tải hàng hóa quốc tế.

- Đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa từng khu vực trên thế giới.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng kiến thức lý thuyết về vận tải hàng hóa để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận tải hàng hóa.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên ngành để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản lý vận tải quốc tế”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Nắm rõ các lý thuyết cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế. |
| CLO2 | Nắm rõ nội dung cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường không, vận tải đa phương thức, incoterms, vận tải hàng hóa bằng container, thiết kế các terminal |
| CLO3 | Nắm rõ và phân tích mạng lưới hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức, mô hình ra quyết định liên quan đến hệ thống vận tải |
| CLO4 | Nắm rõ lý thuyết cơ bản về quy trình thủ tục hải quan trong vận tải hàng hóa quốc tế. |
| CLO5 | Phân tích được các đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa từng khu vực trên thế giới. |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần quản lý vận tải quốc tế cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về nghiệp vụ vận tải hàng hóa quốc tế. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức về: các lý thuyết cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế; các nội dung cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường không, vận tải đa phương thức, incoterms, vận tải hàng hóa bằng container, thiết kế các terminal; mạng lưới hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức, mô hình ra quyết định liên quan đến hệ thống vận tảicác lý thuyết cơ bản về quy trình thủ tục hải quan trong vận tải hàng hóa quốc tế; đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa từng khu vực trên thế giới.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R |  |  | I |  |  |  | I | I |
| CLO4 |  |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | I |  |  |  | R |  | R |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  | I |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nắm rõ các lý thuyết cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế. | X |  | X | X |
| CLO2 | Nắm rõ nội dung cơ bản về vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển, đường không, vận tải đa phương thức, incoterms, vận tải hàng hóa bằng container, thiết kế các terminal | X |  | X | X |
| CLO3 | Nắm rõ và phân tích mạng lưới hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức, mô hình ra quyết định liên quan đến hệ thống vận tải | X |  | X | X |
| CLO4 | Nắm rõ lý thuyết cơ bản về quy trình thủ tục hải quan trong vận tải hàng hóa quốc tế. | X |  | X | X |
| CLO5 | Phân tích được các đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa từng khu vực trên thế giới. | X | X |  | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 5  CLO 6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Phân loại mặt hàng vận chuyển/ Lựa chọn điều kiện thương mại quốc tế incoterms  Trình bày trách nhiệm của người chuyên chở hàng hóa đường biển theo quy tắc Hamburg  Ưu nhược điểm và vai trò của vận tải hàng hóa bằng đường hàng không  Phân biệt chế độ tách nhiệm thống nhất và chế độ trách nhiệm từng chặng  Phân tích tình huống |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 : Tổng quan về vận tải hàng hóa quốc tế**  1.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của vận tải hàng hóa quốc tế  1.2 Phân loại mặt hàng vận chuyển và phương thức vận chuyển trong vận tải hàng hóa quốc tế | 4 | 1. Hiểu khái niệm, đặc điểm, phân loại vai trò của vận tải hàng hóa quốc tế và phân loại mặt hàng, phương thức vận chuyển | CLO1  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2 : Vận tải hàng hóa bằng đường biển**  2.1 Khái quát chung về vận tải đường biển  2.1.1 Ưu nhược điểm, vai trò của vận tải hàng hóa bằng đường biển  2.1.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật vận tải đường biển: cảng biển, thiết bị  2.2 Phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng đường biển  2.2.1 Khái niệm, phân loại tàu buôn  2.2.2 Đặc trưng kinh tế kỹ thuật tàu buôn  2.2.3 Khái niệm, trình tự các bước thuê tàu chợ, tàu chuyến  2.3 Khái niệm, phân loại và đặc điểm các loại vận đơn đường biển  2.4 Trách nhiệm của người chuyên chở hàng hóa đường biển, nội dung và thời gian thông báo tổn thất, khiếu nại  2.4.1 Quy tắc Hague  2.4.2 Quy tắc Hague-Visby  2.4.3 Quy tắc Hamburg  2.4.4 Bộ luật hàng hải Việt nam 2005  2.5 Hợp đồng thuê tàu chợ, tàu chuyến  2.6 Cước thuê tàu chợ, tàu chuyến | 4 | 1. Hiểu ưu nhược điểm, vai trò của vận tải bằng đường biển; cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải đường biển; các quy tắc và luật quốc tế quy định trách nhiệm, thời gian thông báo tổn thất khiếu nại trong vận tải hàng hóa đường biển; vận đơn, hợp đồng thuê tàu, cước phí | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 3: Vận tải hàng hóa bằng đường không**  3.1 Khái quát chung về vận tải đường không  3.1.1 Ưu nhược điểm, vai trò của vận tải hàng hóa bằng đường không  3.1.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật vận tải đường không: cảng hàng không, máy bay, thiết bị xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa  3.1.3 Các tổ chức vận tải hàng không quốc tế và Việt nam  3.2 Khái niệm, phân loại và đặc điểm các loại vận đơn đường biển  3.3 Cơ sở pháp lý điều chỉnh vận tải hàng không trên thế giới và Việt nam  3.3.1 Hệ thống công ước Vacxava 1929  3.3.2 Công ước Motreal 1999  3.3.3 Luật hàng không dân dụng Việt nam 1991  3.4 Trách nhiệm của người chuyên chở hàng không, nội dung và thời gian thông báo tổn thất, khiếu nại theo các nguồn luật điều chỉnh  3.5 Cước hàng không | 4 | 1. Hiểu ưu nhược điểm, vai trò của vận tải bằng đường không; cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải đường không; các quy tắc và luật quốc tế quy định trách nhiệm, thời gian thông báo tổn thất khiếu nại trong vận tải hàng hóa đường không; vận đơn, cước phí | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 4: Vận tải hàng hóa đa phương thức**  4.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò và phân loại các hình thức tổ chức vận tải đa phương thức  4.2 Các nguồn luật điều chỉnh vận tải đa phương thức  4.3 Khái niệm, phân loại MTO  4.4 Chế độ trách nhiệm thống nhất và chế độ trách nhiệm từng chặng  4.5 Các loại chứng từ vận tải đa phương thức  4.6 Các điều kiện thương mại quốc tế incoterms | 4 | 1. Hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò, phân loại hình thức tổ chức vận tải đa phương thức, nguồn luật điều chỉnh, tổ chức vận tải đa phương thức, chứng từ | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 5: Vận tải hàng hóa bằng container và thiết kế terminal**  5.1 Khái niệm, vai trò, tiêu chuẩn hóa container, phân loại container  5.2 Phương thức gửi hàng nguyên container FCL/FCL và gửi hàng lẻ LCL/LCL, gửi hàng kết hợp  5.3 Trách nhiệm của người chuyên chở container  5.4 Cước phí  5.5 Terminal  5.5.1 Khái niệm, sơ đồ bố trí terminal  5.5.2 Các quyết định liên quan đến vị trí, độ dài tuyến đường, kho bãi của terminal | 4 | 1. Hiểu khái niệm, thông số kỹ thuật, phân loại container, các phương thức gửi hàng bằng containner, trách nhiệm người chuyên chở, cước phí; các nội dung liên quan đến terminal | CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 6: Quản lý hệ thống vận tải đa phương thức và logistics đa phương thức**  6.1 Mạng lưới vận tải đa phương thức  6.2 Thay đổi chuỗi cung ứng phù hợp với vận tải đa phương thức  6.3 Mô hình hệ thống vận tải đa phương thức  6.3.1 Sự phức tạp của hệ thống vận tải đa phương thức  6.3.2 Các cấp độ mô hình hệ thống vận tải đa phương thức  6.3.3 Đơn giản hóa, xác minh và hiệu lực hóa mô hình | 5 | 1. Hiểu về mạng lưới vận tải đa phương thức, thay đổi chuỗi cung ứng phù hợp vận tải đa phương thức và mô hình hệ thống vận tải đa phương thức | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 6: Quản lý hệ thống vận tải đa phương thức và logistics đa phương thức (tiếp)**  6.4 Các mô hình hệ thống vận tải đa phương thức  6.4.1 Mô hình bốn bước  6.4.2 Mô hình dựa trên đại lý  6.4.3 Mô hình Lambit  6.5 Các bên tham gia vào hoạt động vận tải đa phương thức và mô hình hỗ trợ việc ra quyết định  6.5.1 Mô hình đề xuất  6.5.2 Mô hình dự đoán | 5 | 1. Hiểu và phân loại được các mô hình hệ thống vận tải đa phương thức và mô hình hỗ trợ việc ra quyết định | CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Chương 7: Thủ tục hải quan** 7.1. Khái quát về thủ tục hải quan  7.1.1 Khái niệm, vai trò  7.1.2 Trách nhiệm làm thủ tục hải quan  7.1.3 Tờ khai hải quan  7.2. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại  7.2.1 Đối tượng làm thủ tục hải quan  7.2.2 Quyền và nghĩa vụ của các bên  7.2.3 Địa điểm làm thủ tục hải quan  7.2.4 Thời hạn làm thủ tục hải quan  7.2.5 Hồ sơ hải quan  7.3. Quy trình thông quan hàng hoá | 4 | 1. Hiểu các các nội dung cơ bản trong quy trình thủ tục hải quan | CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 9 | **Chương 8: Vận tải hàng hóa các khu vực**  8.1 Africa  8.2 Asia  8.3 Australia and Newzealand | 4 | 1. Hiểu đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa các khu vực | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu;  Thuyết trình | A2 |
| 10 | **Chương 8: Vận tải hàng hóa các khu vực (tiếp)**  8.4 EU  8.5 North america  8.6 South america | 4 | 1. Hiểu đặc điểm hoạt động vận tải hàng hóa các khu vực | CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu;  Thuyết trình | A2 |
| 11 | **Ôn tập** | 3 |  |  |  |  |  |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | Bài giảng của giảng viên |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận,ngày 15 tháng 8 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Quản trị dự án đầu tư |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Investment Project Management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị Kinh doanh |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư (phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích tài chính, phân tích kinh tế – xã hội và môi trường của dự án đầu tư). Thẩm định một dự án đầu tư (cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định). Quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án…).

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các kiến thức cơ bản về đầu tư.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trình tự và nội dung nghiên cứu của quá trình lập dự án đầu tư

- Nghiên cứu kỹ thuật công nghệ dự án đầu tư.

- Biết phân biệt các dự án, và quản lý dự án quốc tế

- Biết được các công cụ để quản lý dự án và những yếu tố tạo nên thành công hoặc thất bại của dự án.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Biết cách dùng những phương pháp được hướng dẫn trong bài học để vận dụng và phân tích trên những dự án thực sự đã, đang và sắp triển khai trên thực tế.

- Bổ sung một số kiến thức riêng cần thiết trong quản trị dự án quốc tế sau khi sinh viên đã có những hiểu biết nhất định về quản lý dự án nói chung

- Sử dụng một số công cụ chuyên biệt thường được dùng trong công tác quản lý dự án cũng được giới thiệu và đề cập trong môn học như: LRC, Gantt chart, CPM, PERT, Line of balance…

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị chiến lược để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của học phần**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến Quản trị dự án đầu tư |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị dự áng dành cho nhà quản trị, |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị dự án thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa cđr học phần (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  | R | I |  | I |  | R |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | M | M | M |
| CLO8 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  | I |  |  |  |  |  |  | M |  |  | R |  |  |
| CLO10 | I |  |  |  |  | I |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO11 | I |  | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  | I |  |  |
| CLO12 | I |  |  |  | I |  | R |  |  |  |  | I |  |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến Quản trị dự án đầu tư | X | X | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị dự áng dành cho nhà quản trị, | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị dự án thường được áp dụng trong các doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  | X | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X | X | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | X | X | X | X |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X |  | X | X |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |  |  | X | X |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |  |  | X | X |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |  |  | X | X |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |  |  | X | X |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |  |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN**  1.1 Giới thiệu khái niệm và những đặc điểm của dự án; đặc điểm của dự án quốc tế  1.2 Phân loại dự án  1.3 Phân biệt dự án với một số tổ chức và công việc khác  1.4 Những nội dung cơ bản của việc quản lý 1 dự án  1.5 Giới thiệu một số công cụ hiện đại thường được sử dụng để quản lý dự án.  1.6 Các thành phần kết cấu và cách thức tổ chức của một dự án  1.7 Những yếu tố góp phần tạo nên sự thất bại hay thành công của một dự án đầu tư | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị dự án đầu tư.  2. Tìm hiểu các dự án đầu tư  3. Xác định được vai trò của quản trị dự án đầu tư | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN**  2.1 Những khái niệm và các bước để bắt đầu thực hiện một dự án  2.2 Các bước xác định những vấn đề liên quan và lập hồ sơ một dự án, những nội dung nghiên cứu tiền khả thi cho một dự án  2.3 Phương thức dự toán chi phí dự án  2.4 Các phương thức thực hiện và đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện dự án  2.5 Quản lý rủi ro, quản lý rủi ro trong dự án quốc tế | 7 | 1. Biết và phân biệt được các bước lập hồ sơ dự án đầu tư  2. Vận dụng vào thực tế xác định các phương thức thực hiện và đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện dự án | CLO1  CL02  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN DỰ ÁN**  3.1 Giới thiệu một số phương thức đánh giá dự án  3.2 Sơ đồ quy trình đánh giá và chọn lọc dự án  3.3 Các phương pháp chọn lọc dự án | 6 | Phân tích và xác định các phương thức đánh giá dự án | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4:** **LẬP KẾ HOẠCH VÀ LÊN LỊCH THỰC HIỆN DỰ ÁN**  4.1 Kế họach và những lý do phải lên kế họach thực hiện dự án.  4.2 Những thành phần cơ bản của một kế họach thực hiện dự án;  4.3 Các công cụ phục vụ công tác lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án;  4.4 Phương pháp “Phân tích mạng lưới” (Network analysis)  4.5 Phương pháp đường găng CPM  4.6 Phương pháp PERT+ Phân bổ nguồn lực cho dự án;  4.7 Chi phí rút ngắn dự án | 8 | Hiểu được kế hoạch dự án và các thành phần cơ bản cũng như công cụ lập kế hoạch | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5:** **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ PHÁT SINH TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN**  5.1. Khái niệm về sự cố và đặc điểm của sự cố phát sinh trong dự án.  5.2. Quá trình nhận dạng, phân tích sự cố  5.3 Quy trình ra quyết định  5.4 Bài tập tình huống liên hệ thực tế. | 8 | Xác định được khái niệm và đặc điểm của sự cố cũng như quá trình nhận dạng, phân tích và quy trình ra quyết định dự án đầu tư | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6:** **KIỂM SOÁT DỰ ÁN**  6.1 Giới thiệu những khái niệm cơ bản  6.2 Chỉ số chi phí (CPI) và thời gian (SPI) của dự án.  6.3 Giới thiệu “Đường cân bằng” trong kiểm soát dự án. | 7 | Biết được những khái niệm cơ bản, chỉ số chi phí (CPI) và thời gian (SPI) của dự án cũng như đường cân bằng trong kiểm soát dự án | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **CHƯƠNG 7:** **KIỂM SOÁT DỰ ÁN**  7.1 Phân biệt thế nào là dự án quốc tế;  7.2 Những vấn đề cần lưu ý trong quản lý dự án quốc tế;  7.3 Một số hướng dẫn cho việc quản lý dự án quốc tế;  7.4 Liên hệ một số chu trình thực hiện dự án thông thường với dự án quốc tế. | 7 | Nắm được cách phân biệt thế nào là dự án quốc tế; các lưu ý trong quản lý dự án quốc tế; hướng dẫn cho việc quản lý dự án quốc tế và liên hệ thực tế | CLO1  CLO5  CLO9  CLO10 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Bá Hùng Anh | 2018 | Quản trị Dự án | NXB Tài chính |
| 2 | Đinh Thế Hiển | 2015 | Lập và Thẩm định dự án đầu tư | NXB Thống kê |
| 3 | Cao Hào Thi | 2012 | Quản trị dự án chiến lược và chính sách kinh doanh | NXB. ĐH Quốc Gia Tp. HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 4 | Gray và Larson | 2006 | Project Management | McGraw-Hill |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: ………….** |

1. **Thông tin chung về HP**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 19094 | 1. **Tên học phần:** Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Negotiation and communication in international business |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **30 tiết** |
| * Lý thuyết | 15 tiết |
| **-** Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết. |
| - Tự học: | 60 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tổng quan kinh doanh quốc tế |
| - Học phần học trước: | Pháp luật trong kinh doanh quốc tế |
| - Học phần song hành: | Văn hóa trong kinh doanh quốc tế, Thanh toán quốc tế |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

- Biết cách tổ chức đàm phán kinh doanh, nắm vững các nguyên tắc và vận dụng các kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh.

- Hiểu được tầm quan trọng của đàm phán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có thái độ đúng đắn, ứng xử phù hợp với các vấn đề văn hóa trong đàm phán kinh doanh.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nắm được các khái niệm cơ bản trong thương lượng

- Hiểu rõ những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh

- Nắm vững những nội dung chủ yếu về đàm phán kinh doanh

- Nắm vững các Chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh

- Hiểu rõ các cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh

- Nắm vững các nguyên tắc, kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng chuẩn bị, lập kế hoạch cho cuộc thương lượng

- Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin

- Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. Các kỹ năng liên quan trong quá trình thương lượng để tạo phong thái tự tin : trang phục, đi đứng, ngồi, ánh mắt, cử chỉ.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Hiểu tầm quan trọng của đàm phán quốc tế trong tổ chức

- Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng

- Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm

- Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị mối quan hệ”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Nắm được các khái niệm cơ bản trong thương lượng |
| CLO2 | Hiểu rõ những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh |
| CLO3 | Nắm vững những nội dung chủ yếu về đàm phán kinh doanh |
| CLO4 | Nắm vững các Chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh |
| CLO5 | Hiểu rõ các cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh |
| CLO6 | Nắm vững các nguyên tắc, kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh |
| CLO7 | Có kỹ năng chuẩn bị, lập kế hoạch cho cuộc thương lượng |
| CLO8 | Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin |
| CLO9 | Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. Các kỹ năng liên quan trong quá trình thương lượng để tạo phong thái tự tin : trang phục, đi đứng, ngồi, ánh mắt, cử chỉ. |
| CLO10 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng |
| CLO11 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về kỹ năng thương lượng, đàm phán trong cuộc sống hàng ngày, kinh doanh, đối ngoại doanh nghiệp và quốc tế. Cung cấp các khái niệm cơ bản về kỹ năng thương lượng, các bước cần thiết trong quá trình đàm phán, những nội dung cần chuẩn bị trước khi đàm phán và những kỹ năng cần có của một người đàm phán chuyên nghiệp. Trên cơ sở này, sinh viên sẽ được tiếp cận lý thuyết và ứng dụng thực hành với những tình huống thực tiễn sinh động, hình thành tư duy và kỹ năng đàm phán..

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (15) |
| CLO1 |  | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 |  | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R | R | R |  | R |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 |  | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 |  | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | M | M | M |
| CLO8 |  | R |  |  |  |  | R | R | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  | M |  |  | R |  |  |
| CLO10 |  | I | I |  |  |  | R |  |  |  | M |  |  | R | R |  |
| CLO11 |  | I | I | R |  | R |  | M |  | R |  | R | R | R | M | M |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nắm được các khái niệm cơ bản trong thương lượng | X | X | X | X |
| CLO2 | Hiểu rõ những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh | X | X | X | X |
| CLO3 | Nắm vững những nội dung chủ yếu về đàm phán kinh doanh | X | X | X | X |
| CLO4 | Nắm vững các Chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh | X |  | X | X |
| CLO5 | Hiểu rõ các cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh | X | X | X | X |
| CLO6 | Nắm vững các nguyên tắc, kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh | X | X | X | X |
| CLO7 | Có kỹ năng chuẩn bị, lập kế hoạch cho cuộc thương lượng | X |  | X | X |
| CLO8 | Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin | X |  | X | X |
| CLO9 | Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. Các kỹ năng liên quan trong quá trình thương lượng để tạo phong thái tự tin : trang phục, đi đứng, ngồi, ánh mắt, cử chỉ. | X | X | X | X |
| CLO10 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng | X |  | X | X |
| CLO11 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm | X | X | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở HP**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO9  CLO11 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Đối tượng và nội dung của môn học**  1. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học  2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu | 2 |  | CLO1  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Những nguyên lý cơ bản của đàm phán kinh doanh**  1. Khái niệm và đặc điểm của đàm phán trong kinh doanh  2. Các yếu tố ảnh hưởng đến đàm phán trong kinh doanh  3. Các phong cách đàm phán kinh doanh  4. Nghệ thuật giúp thành công trong đàm phán | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 3 | **Chương 3: Nội dung và phương thức, chiến lược trong đàm phán**  1. Nội dung đàm phán kinh doanh  2. Phương thức đàm phán kinh doanh  3. Các chiến lược đàm phán kinh doanh | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 4 | **Chương 4: Văn hóa trong đàm phán giao dịch kinh doanh**  1. Khái quát về văn hóa  2. Nhận diện các yếu tố văn hoá trong đàm phán giao dịch kinh doanh  3. Ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh  4. Vận dụng sự khác biệt về văn hoá trong đàm phán kinh doanh | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 5 | **Chương 5: Hoạt động chuẩn bị đàm phán**  1. Nghiên cứu chuẩn bị đàm phán  2. Xây dựng kế hoach đàm phán  3. Kiểm tra và tập dượt các phương án | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 6 | **Chương 6: Tổ chức đàm phán kinh doanh**  1. Tiến trình và những nguyên tắc cơ bản của tổ chức đàm phán kinh doanh  2. Nghệ thuật mở đầu đàm phán  3. Truyền đạt thông tin trong đàm phán | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 7: Quá trình ra quyết định trong đàm phán**  1. Vấn đề lợi ích và các phương pháp lập luận trong ra  2. Chiến thuật trong lập luận  3. Ra quyết định và kết thúc đàm phán | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 |  |  | A1 |
| 8 | **Chương 8: Cơ sở pháp lý của đàm phán giao dịch kinh doanh**  1. Tầm quan trọng của pháp luật trong hoạt động kinh doanh  2. Hợp đồng trong giao dịch đàm phán kinh doanh  3. Kỹ thuật bút pháp trong biên soạn hợp đồng kinh tế | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 |  |  | A1 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hoàng Đức Thân | 2016 | Giáo trình Giao dịch và Đàm phán kinh doanh | NXB Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội |
| 2 | Giảng viên giảng dạy | 2019 | Bài giảng của giảng viên | Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Robert B.Cialdini | 2013 | Những đòn tâm lý trong thuyết phục | NXB Lao động – Xã hội |
| 4 | Dan Ariely | 2014 | Phi lí trí | NXB Lao động – xã hội |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics** | **Mã số: 7510605** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN** |

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Kiến tập |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Midterm Internship report |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **30 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 30 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lê Anh Linh  ThS. Lâm Ngọc Điệp  ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ  ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt  ThS. Võ Thị An Nhi |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | các học phần cơ sở ngành và một số học phần chuyên ngành |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VBII, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Tiếp cận thực tế để hệ thống lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng, tư chất cá nhân cũng như nhận thức được con đường nghề nghiệp có thể thay đổi và các cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

2.2.1. Về kiến thức:

- Hệ thống lại kiến thức đã học và áp dụng vào thực tế.

- Thu thập được những kinh nghiệm trong công việc thực tế nhằm khuyến khích và phát triển sự tự tin trong từng cá nhân sinh viên.

- Nhận thức được các cơ hội nghề nghiệp mở rộng cho sinh viên trong quá trình kiến tập.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Quan sát, thu thập và xử lý được thông tin số liệu tại đơn vị kiến tập.

- Phát triển năng lực nhận thức, phản biện khoa học, giải quyết vấn đề phù hợp với tình huống.

- Tạo lập và khuyến khích tính chuyên nghiệp ở sinh viên.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích vấn đề.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

- Hòa nhập và làm quen với môi trường làm việc trong tương lai.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/mục tiêu cụ thể.

*-* **Kiến thức**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO1 | Nắm rõ các nội dung kiến tập thực tế do giảng viên hướng dẫn yêu cầu. |
| CLO2 | Biết cách trình bày một báo cáo kiến tập đúng quy cách. |
| CLO3 | Hệ thống lại kiến thức trên phương diện thực tế. |
| CLO4 | Biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy tổ chức, quy trình hoạt động và một số vấn đề cơ bản của đơn vị kiến tập. |

**- Kỹ năng**

**Bảng 3.2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kỹ năng**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO5 | Có khả năng tiếp cận vấn đề thông qua kỹ năng giao tiếp để thu thập thông tin. |
| CLO6 | Có tư duy tích cực khi làm việc trong mối quan hệ tương tác với con người , tập thể, tổ chức, cộng đồng, xã hội phục vụ cho cuộc sống và công việc. |
| CLO7 | Trang bị kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết tình huống trong quản trị. |

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**Bảng 3.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

| **Chuẩn Đầu Ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO8 | Chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp. |
| CLO9 | Tự tin và chủ động trong công việc, biết chấp nhận khó khăn, sống và làm việc theo nguyên tắc quản trị, trung thực, thân thiện với mọi người. |
| CLO10 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước. |
| CLO11 | Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đố với tổ chức, xã hội ; có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, làm việc và học tập. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Học phần này mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận thực tế để hệ thống lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng, tư chất cá nhân cũng như nhận thức được con đường nghề nghiệp có thể thay đổi và các cơ hội nghề nghiệp mở rộng cho sinh viên.

Học phần gồm hai phần:

Phần 1: Hướng dẫn

Phần 2: Kiến tập tại tổ chức và viết báo cáo.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  | R |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO7 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |
| CLO9 |  | R |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO10 |  |  | R |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO11 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |  |
| **CLO** | (14) | (15) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO8 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO11 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **10%** | **30%** | **50%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Bài tập về nhà cá nhân/ nhóm | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nắm rõ các nội dung kiến tập thực tế do giảng viên hướng dẫn yêu cầu. |  |  |  | X | X |
| CLO2 | Biết cách trình bày một báo cáo kiến tập đúng quy cách. |  |  | X |  | X |
| CLO3 | Hệ thống lại kiến thức trên phương diện thực tế. |  | X |  |  | X |
| CLO4 | Biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy tổ chức, quy trình hoạt động và một số vấn đề cơ bản của đơn vị kiến tập. | X |  | X | X | X |
| CLO5 | Có khả năng tiếp cận vấn đề thông qua kỹ năng giao tiếp để thu thập thông tin. | X | X |  |  | X |
| CLO6 | Có tư duy tích cực khi làm việc trong mối quan hệ tương tác với con người , tập thể, tổ chức, cộng đồng, xã hội phục vụ cho cuộc sống và công việc. | X | X |  |  | X |
| CLO7 | Trang bị kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết tình huống trong quản trị. | X | X |  |  |  |
| CLO8 | Chấp hành nội quy, quy định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp. |  | X |  | X | X |
| CLO9 | Tự tin và chủ động trong công việc, biết chấp nhận khó khăn, sống và làm việc theo nguyên tắc quản trị, trung thực, thân thiện với mọi người. | X | X |  |  | X |
| CLO10 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước. |  |  |  | X |  |
| CLO11 | Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đố với tổ chức, xã hội ; có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, làm việc và học tập. |  | X | X | X |  |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% |  |  |  |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 40% | Sinh viên báo cáo theo hướng dẫn của giáo viên |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Điểm báo cáo |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

Phần lý thuyết được trao đổi trong nhứng buổi gặp trực tiếp. Những thắc mắc của sinh viên sẽ được giải đáp trong thời gian này, ở những thời điểm thuận lợi nhất cho học tập và nghiên cứu.

Phần thực hành được tổ chức theo nguyên tắc cá nhân tự học. Sinh viên phải hoàn thành những yêu cầu sau :

+ Sinh viên cần làm việc tích cực bằng cách tự tìm hiểu các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo, thực hiện theo hướng dẫn ban đầu của giảng viên trước khi quá trình kiến tập bắt đầu.

+ Sinh viên sẽ tự chọn một tổ chức để kiến tập và đăng ký đề tài kiến tập (được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn). Trường hợp sinh viên không tự tìm được, Khoa quản lý và Giảng viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ sinh viên liên hệ xin kiến tập.

+ Sinh viên phải tuân thủ đúng những yêu cầu, quy định tại đơn vị kiến tập, không làm ảnh hưởng đến uy tín của Trường. Ngoài ra, sinh viên cần tích cực trao đổi và thực hiện đúng theo các yêu cầu của Giảng viên hướng dẫn.

Phương pháp giảng dạy ở môn học này là: Hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên.

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Hướng dẫn**  1.1. Mục tiêu của kiến tập.  1.2. Các nội dung cần thực hiện trong quá trình đi thực tế.  1.3. Hướng dẫn quy trình đăng ký đề tài kiến tập.  1.4. Hướng dẫn cách viết báo cáo đúng quy cách. | 30 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Đọc tài liệu; | *A1; A2* |
| 2 | **Kiến tập tại tổ chức và viết báo cáo**  2.1. Thu thập thông tin, dữ liệu của đơn vị kiến tập.  2.2. Báo cáo các nội dung theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.  2.3. Thực hiện báo cáo kiến tập. Chỉnh sửa và hoàn chỉnh theo sự hướng dẫn thường xuyên của giảng viên. | 7 |  | CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A3 |
| Theo lịch | **Nộp báo cáo** |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Các giáo trình môn học đã học tại trường. |  |  |  |
| 2 | Quy định kiến tập dành cho sinh viên. |  |  |  |
| 3 | Các biểu mẫu dành cho Báo cáo kiến tập. |  |  |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Các giáo trình khác |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 23/4/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Chính trị** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 20009** | 1. **Tên học phần:** Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh’s Thought** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 105 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Việt Khoa |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Hồng Hiếu |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1**. **Mục tiêu chung**

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Cùng với các môn học Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

**-** Trình bày được các khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Hiểu và phân tích được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học..

- Hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn..

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có thói quen học tập và làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu.

- Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu**  **CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được các khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.. |
| CLO2 | Hiểu và phân tích được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| CLO3 | Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. |
| CLO4 | Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn. |
| CLO5 | Phát huy được tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn và có khả năng tuyên truyền cho người khác. |
| CLO6 | Tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được các khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.. | X | X |  | X |
| CLO2 | Hiểu và phân tích được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. | X | X |  | X |
| CLO3 | Phân tích được hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. | X |  | X | X |
| CLO4 | Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn. | X |  | X | X |
| CLO5 | Phát huy được tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn và có khả năng tuyên truyền cho người khác. | X |  | X | X |
| CLO6 | Tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm; tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: |  |  | CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương I: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh**  I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh  II. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh  III. Phương pháp nghiên cứu  1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh  2. Một số phương pháp cụ thể  IV. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.  1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận  2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước  3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác  **Chương II: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh**  I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh  1. Cơ sở thực tiễn  2. Cơ sở lý luận  3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh | 04 LT | 1. Đọc hiểu được  Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1 | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Đọc các phần lý thuyết trước khi nghe giảng. Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp | A1 |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương II: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh (tt)**  II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới  2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: dần dần hình thành tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản  3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam  4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo  5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta  III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh  1. Đối với cách mạng Việt Nam  2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại | 04 LT | 1. Đánh giá được  Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO2  CLO3 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | A1 |
| **3 + 4**  **(8 tiết)** | **Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**  I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc  1. Vấn đề độc lập dân tộc  2. Về cách mạng giải phóng dân tộc  II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội  Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  3. Tưởng tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội  2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc  3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội  IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay  1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa  3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ | 08 LT | 1. Phân tích được  Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội | CLO2  CLO5 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | A1 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**  I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam  1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam  2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh  II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân  1. Nhà nước dân chủ  2. Nhà nước pháp quyền  3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh  III. Vận dụng tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước  1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh  2. Xây dựng Nhà nước | 04 LT | 1. Xác định Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân | CLO3  CLO5 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | A2 |
| **6**  **(5 tiết)** | **Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế**  I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc  1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc  2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc  3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc  4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất  5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc  II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế  1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế  2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức  3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế  III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay  1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng  2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng  3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | 05 LT | 1. Phân tích Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế | CLO3  CLO5  CLO6 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | A2 |
| **7**  **(5 tiết)** | **Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người**  I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá  1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác  2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa  3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới  II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng  2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng  3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng  III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người  1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người  2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người  3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người  IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh  1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người  2. Về xây dựng đạo đức cách mạng | 05 LT | 1. Xác định Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn.  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp.  Sau khi nghe giảng lý thuyết, chỉ ra những vấn đề cần giải đáp. | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1]Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;  [2]Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;  [3] Phan Ngọc Liên (Chủ biên - 2006), Hướng dẫn học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 | * Các Website:   1. <http://hochiminh.vn>  2. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>  3. <http://www.cpv.org.vn>  4. <http://www.tapchicongsan.org.vn>  5. Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9. Rubric đánh giá chi tiết.**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **CĐR** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | | **Điểm** | | | **Tốt** (10-9) | **Khá** (8.5-7) | **Trung Bình**  (6.5-4) | **Yếu** ( <4) |  | | | **Đánh giá thường xuyên** | | | | | | | | | | | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Tham gia các buổi học | 8 | Đi học đầy đủ, đúng giờ (100%) | Đi học đầy đủ, thỉnh thoảng đi trễ (<90%) | Đi học khá đầy đủ, thường đi trễ (<70%) | Đi học không đầy đủ hoặc luôn đi trễ (<50%) |  | | | Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2 | >5 lần phát biểu  10 điểm | > 3 lần phát biểu  7 điểm | > 1 lần phát biểu  5 điểm | Không đặt câu hỏi, phát biểu trong khóa học, đạt <4 điểm | | **Kiểm tra giữa kỳ** | | | | | | | | | | | CLO1  CLO2  CLO3 | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  | | | **Kiểm tra cuối kỳ** | | | | | | | | | | | CLO2  CLO7  CLO8 | Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn | 100 | Đạt được  điểm 9-10  theo đáp án điểm kiểm tra | Đạt được  điểm 7-8,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được  điểm 5-6,5 theo đáp án điểm kiểm  tra | Đạt được điểm  <5 theo đáp án điểm kiểm tra |  | |   *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS.Nguyễn Việt Khoa** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị Kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh** |
| 1. **Ký hiệu học phần: 19092** | 1. **Tên tiếng Anh: START-UP AND INOVATION STRATEGY** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Võ Thị An Nhi |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 1. TS. Đinh Bá Hùng Anh  2. ThS. Võ Thị An Nhi  3. ThS. Nguyễn Thị Kim Yến |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản Trị Chiến Lược, Quản Trị Nguồn Nhân Lực, Quản Trị Học, Marketing Căn Bản |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

* Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép.
* Người học biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.
* Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.
* Đây là môn học sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... do đó để có thể học môn này dễ dàng hơn người học nên học trước các môn về Quản trị.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

* Trau dồi các tố chất của doanh nhân từ đó xác định mục tiêu, sứ mệnh khởi nghiệp đúng đắn.
* Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp
* Vận dụng các phương pháp quản trị để điều hành doanh nghiệp mới hoạt động hiệu quả.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

* Lập phương án thực thi ý tưởng kinh doanh.
* Tìm kiếm nguồn tài chính và thuyết phục nhà đầu tư.
* Rèn luyện các kỹ năng tìm tài liệu và sử dụng phần mềm.
* Xây dựng đội ngũ đồng thuận.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm:**

* Chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương.
* Trung thực và cạnh tranh lành mạnh để tìm kiếm lợi nhuận chính đáng.
* Tham gia đầy đủ các kỳ kiểm tra.
* Các bài giảng trên lớp sẽ được triển khai theo lịch trình, theo đó giảng viên sẽ giải thích, hướng dẫn các vấn đề lý thuyết, các bằng chứng thực nghiệm có kết hợp với các bài tập và tình huống thực hành.
* Để quá trình giảng dạy và học tập mang tính tương tác cao và hiệu quả, học viên luôn được khuyến khích đặt câu hỏi, nêu các vấn đề lý thuyết hay thực tế cần được làm rõ ngay trên lớp.
* Ngoài ra, học viên còn được khuyến khích mang đến lớp các vấn đề thời sự trong nước và quốc tế có liên quan từ tin tức và báo chí để cùng chia sẻ và thảo luận.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/mục tiêu cụ thể.

*-* **Kiến thức**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO1 | Diễn giải các khái niệm: ý tưởng kinh doanh, mục tiêu, chiến lược, giá trị cốt lõi, kế hoạch tài chính, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân sự và kế hoạch vận hành, doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| CLO2 | Phân tích các yếu tố môi trường của một doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ |
| CLO3 | Thiết lập tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu cho doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. |
| CLO4 | Xây dựng chiến lược (gồm cả các kế hoạch hành động chi tiết) phù hợp cho một doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. |
| CLO5 | Thảo luận dựa trên các cơ sở khoa học khi xây dựng hoạt động khởi nghiệp kinh doanh cho một doanh nghiệp hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. |
| CLO6 | Lựa chọn các phát kiến khi tham gia trong nhóm chuyên gia thiết lập tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu cho doanh nghiệp. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Môn học được xây dựng dựa trên sự kết hợp các cơ sở khoa học về khởi sự doanh nghiệp. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những yếu tố nền tảng, những yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh; triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả; làm thế nào để mở một doanh nghiệp với số vốn rất ít ban đầu, cách xây dựng công ty từ ngày đầu khởi nghiệp; cách quản lý tiền bạc và phát triển hệ thống.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 |  |  | M |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | I | M | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | I |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | M | M | M |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Diễn giải các khái niệm: ý tưởng kinh doanh, mục tiêu, chiến lược, giá trị cốt lõi, kế hoạch tài chính, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân sự và kế hoạch vận hành, doanh nghiệp vừa và nhỏ | x |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích các yếu tố môi trường của một doanh nghiệp vừa và nhỏ |  | X |  | X |
| CLO3 | Thiết lập tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. |  | x | x | X |
| CLO4 | Xây dựng chiến lược (gồm cả các kế hoạch hành động chi tiết) phù hợp cho một doanh nghiệp vừavà nhỏ hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. | X | X | X | X |
| CLO5 | Thảo luận dựa trên các cơ sở khoa học khi xây dựng hoạt động khởi nghiệp kinh doanh cho một doanh nghiệp hoạt động trong một ngành công nghiệp cụ thể. |  | x | x | X |
| CLO6 | Lựa chọn các phát kiến khi tham gia trong nhóm chuyên gia thiết lập tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và mục tiêu cho doanh nghiệp. | X | X | x | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | Chuyên cần | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm một dự án khỏi nghiệp và thuyết trình nhóm, gồm các nội dung: nêu ý tưởng khởi nghiệp, phân tích các ý tưởng thuyết phục ý tưởng khỏi nghiệp có tiềm năng phát tiển thành hiện thực, lên chiến lược kinh doanh về sản phẩm/dịch vụ của ý tưởng |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Lập một kế hoạch kinh doanh dựa trên các ý tưởng khỏi nghiệp |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***
* SV tham dự >= 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **1. Khái quát về khởi nghiệp**  1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội  1.2 Tố chất doanh nhân  1.3 Tinh thần doanh nhân  1.4 Các hình thức khởi nghiệp | 16 | Hiểu được tổng quan về quá trình phát triển của khỏi nghiệp  Xác đinh vi trà củ khởi nghiệp trong thời điểm hiện tạo và tương lai  Hình dung được chân dung nhà khỏi nghiệp và các hình thức khỏi nghiệp với các mô hình quản trị phù hợp | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **2. Ý tưởng khởi nghiệp**  2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp  2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh  2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp  2.4 Tìm cộng sự  2.5 Tìm nguồn tài chính  2.6 Thăm dò thị trường | 18 | - Xác định được các yếu tốt tạo ra ý tưởng khởi nghiệp  - Chứng minh được ý tưởng có thể thành tiềm năng kinh doanh  - Xác định các yếu tố của nguồn lực hỗ trợ ý tưởng thành sản phẩm kinh doanh thực tế và hiệu quả | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1  A2 |
| 3 | **3. Phương án khởi nghiệp**  3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch  3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường  3.3 Phân tích nguồn lực  3.4 Lựa chọn hình  thức khởi nghiệp  3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ  3.6 Dự toán vốn đầu tư  3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành | 16 | Có khả ngăn nghiên cứu và timd hiểu thị trường để xác định nhu cầu, phát triển sản phẩm định hướng thị trường hiệu quả  Xác định loại hình kinh doanh phù hợp và hoạch định nguồn lực hiểu quả cho việc vận hành kinh doanh cho sản phẩm có thể sản xuất và bán cho thị trường | CLO1  CLO2  CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1  A2 |
| 4 | **4. Khởi nghiệp**  4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh  4.2 Chiến lược marketing  4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ  4.4 Tổ chức bán hàng  4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp  4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp | 18 | Biết cách lập một kế hoạch kinh doanh hiệu quả  Đánh giá được các rủi ro tài chính và rủi ro cạnh tranh cũng như tác động của môi trường bên ngoài, đồng thời có xu hướng giải quyết trong gia đoạn phát triển sản phẩm mới trên thị trường | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | **FINAL EXAM** |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Eric Ries - Dương Hiếu, Kim Phượng & Hiếu Trung dịch | 2012 | Khởi nghiệp tinh gọn | NXB. Thời Đại |
| 2 | Donald F. Kuratko ( | 2016 | Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice, Cengage Learnin | NXB. PEASON |
| 3 | Bài giảng của giảng viên | 2019 | Bài goảng môn học Khởi nghiệp kinh doanh và đổi mới sáng tạo | ĐHPT |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Michael H. Morris, Hà My dịch | 2010 | Khởi nghiệp thành công : Thành lập và phát triển công ty riêng của bạn | NXB Đại học Kinh tế quốc dân |
| 4 | Caspian Woods | 2011 | 10 Lời khuyên khởi nghiệp | NXB Lao động Xã hội |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Tổ chức ngân hàng thế giới: <https://data.worldbank.org> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Google Scholar: <https://scholar.google.com> | 23/4/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: ………….** |

1. **Thông tin chung về HP**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 19095 | 1. **Tên học phần:** Quản trị rủi ro trong Kinh doanh quốc tế |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Risk management in International business |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| * Lý thuyết | 30 tiết |
| **-** Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết. |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Giao dịch thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh quốc tế, marketing quốc tế. |
| - Học phần học trước: | Văn hóa trong kinh doanh quốc tế, Thanh toán quốc tế |
| - Học phần song hành: | Nghiệp vụ hải quan |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

- Biết cách tổ chức đàm phán kinh doanh, nắm vững các nguyên tắc và vận dụng các kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh.

- Hiểu được tầm quan trọng của đàm phán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có thái độ đúng đắn, ứng xử phù hợp với các vấn đề văn hóa trong đàm phán kinh doanh.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nắm được các khái niệm cơ bản trong thương lượng

- Hiểu rõ những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh

- Nắm vững những nội dung chủ yếu về đàm phán kinh doanh

- Nắm vững các Chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh

- Hiểu rõ các cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh

- Nắm vững các nguyên tắc, kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng chuẩn bị, lập kế hoạch cho cuộc thương lượng

- Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin

- Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. Các kỹ năng liên quan trong quá trình thương lượng để tạo phong thái tự tin : trang phục, đi đứng, ngồi, ánh mắt, cử chỉ.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Hiểu tầm quan trọng của đàm phán quốc tế trong tổ chức

- Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng

- Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm

- Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị mối quan hệ”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Biết được những vấn đề căn bản rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế |
| CLO2 | Nhận biết các loại rủi ro văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế, rủi ro về chính trị - pháp lý, các hình thức rủi ro kinh tế - tài chính trong hoạt động kinh doanh quốc tế. |
| CLO3 | Nhận biết các loại rủi ro đặc thù trong hoạt động thương mại quốc tế |
| CLO4 | Áp dụng kiến thức đã học vào việc đề xuất phương pháp quản trị phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. |
| CLO5 | Nhận biết được xu hướng toàn cầu hóa và kinh doanh quốc tế ngày càng thuận lợi nhưng cũng mang lại nhiều rủi ro. Do đó, SV hiểu rõ những rủi ro của các DN kinh doanh quốc tế . |
| CLO6 | Phân tích các vấn đề rủi ro trong văn hoá, rủi ro về chính trị - pháp lý, kinh tế - tài chính và rủi ro đặc thù trong hoạt động thương mại quốc tế. |
| CLO7 | Phát triển và vận dụng tốt các hiểu biết về quản trị rủi ro để giải quyết các tình huống xảy ra trong kinh doanh quốc tế. |
| CLO8 | Nhận thức được trách nhiệm là nhà quản trị, người hoạch định chiến lược, người nghiên cứu thị trường, hoặc là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành kinh doanh quốc tế. |
| CLO9 | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Kinh doanh Quốc tế vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. |
| CLO10 | Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng. |
| CLO11 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về kỹ năng thương lượng, đàm phán trong cuộc sống hàng ngày, kinh doanh, đối ngoại doanh nghiệp và quốc tế. Cung cấp các khái niệm cơ bản về kỹ năng thương lượng, các bước cần thiết trong quá trình đàm phán, những nội dung cần chuẩn bị trước khi đàm phán và những kỹ năng cần có của một người đàm phán chuyên nghiệp. Trên cơ sở này, sinh viên sẽ được tiếp cận lý thuyết và ứng dụng thực hành với những tình huống thực tiễn sinh động, hình thành tư duy và kỹ năng đàm phán..

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (15) |
| CLO1 |  | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 |  | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R | R | R |  | R |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 |  | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 |  | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | M | M | M |
| CLO8 |  | R |  |  |  |  | R | R | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  | M |  |  | R |  |  |
| CLO10 |  | I | I |  |  |  | R |  |  |  | M |  |  | R | R |  |
| CLO11 |  | I | I | R |  | R |  | M |  | R |  | R | R | R | M | M |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Biết được những vấn đề căn bản rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế | X | X | X | X |
| CLO2 | Nhận biết các loại rủi ro văn hóa trong hoạt động kinh doanh quốc tế, rủi ro về chính trị - pháp lý, các hình thức rủi ro kinh tế - tài chính trong hoạt động kinh doanh quốc tế. | X | X | X | X |
| CLO3 | Nhận biết các loại rủi ro đặc thù trong hoạt động thương mại quốc tế | X | X | X | X |
| CLO4 | Áp dụng kiến thức đã học vào việc đề xuất phương pháp quản trị phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. | X |  | X | X |
| CLO5 | Nhận biết được xu hướng toàn cầu hóa và kinh doanh quốc tế ngày càng thuận lợi nhưng cũng mang lại nhiều rủi ro. Do đó, SV hiểu rõ những rủi ro của các DN kinh doanh quốc tế . | X | X | X | X |
| CLO6 | Phân tích các vấn đề rủi ro trong văn hoá, rủi ro về chính trị - pháp lý, kinh tế - tài chính và rủi ro đặc thù trong hoạt động thương mại quốc tế. | X | X | X | X |
| CLO7 | Phát triển và vận dụng tốt các hiểu biết về quản trị rủi ro để giải quyết các tình huống xảy ra trong kinh doanh quốc tế. | X |  | X | X |
| CLO8 | Nhận thức được trách nhiệm là nhà quản trị, người hoạch định chiến lược, người nghiên cứu thị trường, hoặc là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành kinh doanh quốc tế. | X |  | X | X |
| CLO9 | Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Kinh doanh Quốc tế vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. | X | X | X | X |
| CLO10 | Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng. | X |  | X | X |
| CLO11 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng. | X | X | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở HP**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO9  CLO11 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về QT rủi ro trong Kinh doanh QT**  1. Những vấn đề cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro.  2. Vai trò và quy trình, nội dung, nguyên tắc quản trị rủi ro doanh nghiệp  3. Đặc trưng của hoạt động kinh doanh quốc tế  4. Các loại rủi ro trong kinh doanh quốc tế | 4 |  | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Quản trị rủi ro văn hóa**  1. Những vấn đề cơ bản về văn hóa  2. Các loại rủi ro văn hóa trong kinh doanh quốc tế.  3. Nội dung quản trị rủi ro văn hóa trong kinh doanh quốc tế | 12 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 3 | **Chương 3: Quản trị rủi ro về chính trị - pháp lý**  1. Tầm quan trọng của rủi ro chính trị và pháp lý  2. Các hình thức biểu hiện rủi ro chính trị  3. Nội dung quản trị rủi ro chính trị  4. Phân loại rủi ro pháp lý  5. Môi trường pháp lý QT  6. Nội dung quản trị rủi ro pháp lý | 12 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 4 | **Chương 4: Quản trị rủi ro Kinh tế-Tài chính**  1. Giới thiệu về rủi ro kinh tế vĩ mô và rủi ro ngoại hối  2. Các biện pháp quản trị rủi ro kinh tế vĩ mô: rủi ro lạm phát, rủi ro lãi suất  3. Các biện pháp quản trị phòng ngừa rủi ro tỷ giá | 8 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 5: Quản trị rủi ro đặc thù trong hoạt động thương mại quốc tế.**  1. Các loại rủi ro trong thương mại quốc tế  2. Rủi ro hàng hóa  3. Rủi ro thị trường (giá cả)  4. Rủi ro thanh toán  5. Rủi ro tác nghiệp  6. Quản trị rủi ro trong thương mại quốc tế | 9 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Quy | 2008 | Quản trị rủi ro doanh nghiệp | NXB Văn hóa Thông tin |
| 2 | Giảng viên giảng dạy | 2019 | Bài giảng của giảng viên | Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Paul Hopkin | 5th edition, 2018 | Fundamentals of Risk Management |  |
| 4 | Nguyễn Thị Cẩm Thủy | 2017 | Giao dịch thương mại quốc tế | NXB Thống kê |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa TC-KT-NH** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Quản lý hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng.** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Contract management in logistics and supply chains** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Kinh doanh quốc tế |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. **Mục tiêu chung**

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức quản trị hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng thông qua các phương thức: lựa chọn phương thức giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng, trình tự thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, thủ tục tiến hành và các chứng từ liên quan tới giao dịch ngoại thương. Bên cạnh đó, môn học hướng người học đến những lĩnh vực liên quan như vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tranh chấp trong giao dịch ngoại thương. Để làm rõ những nội dung trên, các kiến thức chuyên sâu, thực tế sẽ được trình bày thông qua các tình huống thực tế có liên quan, các bài tập thực hành và bài tập nhóm.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Trình bày và mô tả được khái niệm, đặc điểm và các điều kiện thương mại của hợp đồng mua bán quốc tế, đặc trưng của các hợp đồng chuyên biệt trong thương mại quốc tế

- Mô tả được quy trình nghiệp vụ, đặc điểm của các phương thức giao dịch cũng như nội dung các văn bản pháp lý điều chỉnh chúng

- Nắm được chức năng và cách lập các chứng từ trong TMQT

- Phân biệt, giải thích được các đặc trưng và vai trò của từng phương thức giao dịch phổ biến trong TMQT.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Giải thích và phân tích được ví dụ về các điều kiện giao dịch trong mua bán quốc tế

- Hiểu và nắm vững được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công

- Phân tích được ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT

- Vận dụng lý thuyết đã học lập được các hợp đồng chuyên biệt trong TMQT

- Lựa chọn các điều kiện thương mại và điều kiện giao dịch phù hợp trong hợp đồng mua bán quốc tế

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị tài chính để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích được các vấn đề của hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng |
| CLO2 | Phân tích ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT |
| CLO3 | Xác định được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công |
| CLO4 | Xác định được chi phí sử dụng vốn & Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp |
| CLO5 | Phân tích các điều kiện thương mại và điều kiện giao dịch phù hợp trong hợp đồng mua bán quốc tế |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Quản trị hợp đồng logistics và chuỗi cung ứng cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về quản trị hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu. Sinh viên hiểu và nắm vững được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công, phân tích được ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được các vấn đề của hợp đồng Logistics và chuỗi cung ứng |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích ưu điểm, nhược điểm cũng như những rủi ro tiềm ẩn trong các phương thức giao dịch TMQT |  | X |  | X |
| CLO3 | Xác định được các bước trong quy trình và kỹ thuật cơ bản để triển khai một giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu thành công |  |  |  | X |
| CLO4 | Xác định được chi phí sử dụng vốn & Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp | X | X |  | X |
| CLO5 | Phân tích các điều kiện thương mại và điều kiện giao dịch phù hợp trong hợp đồng mua bán quốc tế |  |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa báo cáo tài chính của một công ty đã niêm yết. Phân tích các yếu tố về vốn, nguồn tài trợ, mối quan hệ giữa doanh thu-lợi nhuận- chi phí, chi phí sử dụng vốn và thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp.  Thông qua cơ cấu nguồn vốn phân tích đòn bẩy tài chính  Phân tích mối quan hệ giữa doanh thu-lợi nhuận- chi phí, chi phí sử dụng vốn |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG**  1.1 Khái quát về chuỗi cung ứng  1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Cấu trúc của chuỗi cung ứng  1.1.3 Mục tiêu của chuỗi cung ứng  1.1.4 Chiến lược chuỗi cung ứng  1.2 Khái quát về mua hàng toàn cầu  1.2.1 Khái niệm mua hàng toàn cầu  1.2.2 Vai trò, trách nhiệm và mục tiêu của mua hàng toàn cầu | 4 | 1. Đọc hiểu được các chỉ số tài chính cơ bản  2. Xác định được nhiệm vụ và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QTTC của doanh nghiệp | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC MUA HÀNG TOÀN CẦU**  2.1 Khái niệm và cấp độ của chiến lược tổ chức  2.1.1 Chiến lược là gì? 2.1.2 Cấp độ của chiến lược tổ chức  2.2. Quản trị và phân tích chiến lược mua hàng toàn cầu  2.2.1 Các yếu tố môi trường quan trọng  2.2.2 Giám sát nội bộ 2.2.3 Xây dựng chiến lược  2.2.4 Đánh giá các chiến lược thay thế  2.2.5 Thực hiện chiến lược  2.2.6 Kiểm soát và đánh giá sau thực hiện  2.3 Mô hình quy trình mua hàng toàn cầu và chuỗi cung ứng chiến lược  2.2.1 Mô hình quy trình mua hàng toàn cầu 2.2.2 Chuỗi cung ứng chiến lược | 3 | 1. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp  2. Xác định được cơ cấu trong nguồn vốn doanh nghiệp | CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ QUAN HỆ VỚI NHÀ CUNG CẤP**  3.1 Xây dựng quan hệ với nhà cung cấp  3.1.1 Lựa chọn nhà cung cấp  3.1.2 Hình thành quan hệ với nhà cung cấp  3.2 Quản lý quan hệ với nhà cung cấp  3.2.1 Mô hình quan hệ với nhà cung cấp 3.2.2 Cân nhắc thực tế về quản lý quan hệ nhà cung cấp  3.2.3 Việc chấm dứt các mối quan hệ 3.2.4 Rủi ro mối quan hệ trong dự án | 3 | 1. Phân tích được đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp  2. Đánh giá vai trò của vốn lưu động trong tổng vốn | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4. ĐÀM PHÁN VÀ THƯƠNG LƯỢNG HỢP ĐỒNG MUA HÀNG** 4.1 Hợp đồng và quản lý hợp đồng mua hàng toàn cầu  4.1.1 Hợp đồng mua bán hàng hoá  4.1.2 Hợp đồng cung ứng dịch vụ  4.1.3 Soạn thảo chi tiết các điều khoản hợp đồng  4.1.4 Quản lý thực hiện hợp đồn  4.1.5 Quyền chấm dứt hợp đồng  4.1.6 Mẫu hợp đồng tiêu chuẩn  4.2 Đàm phán mua hàng toàn cầu  4.2.1 Khái niệm về đàm phán  4.2.2 Phương pháp đàm phán  4.2.3 Các yếu tố trong đàm phán  4.2.4 Quá trình đàm phán  4.2.5 Đạo đức đàm phán |  | 1. Xác định thành phần và phân loại vốn luân chuyển | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| **KIỂM TRA** | |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ GIÁ MUA VÀ CHI PHÍ SỬ DỤNG LÂU DÀI**  5.1 Khái niệm và vai trò của quản lý giá trong mua hàng quốc tế  5.1.1 Giá và giá chiến lược  5.1.2 Vai trò của quản lý giá  5.2 Quản lý giá mua và chi phí sử dụng lâu dài  5.2.1 Quyết định giá của nhà cung cấp  5.2.2 Phân tích giá và chi phí  5.2.3 Công thức biến đổi giá | 3 | 1. Phân tích chiến lược sử dụng nguồn tài trợ vốn luân chuyển trong doanh nghiệp | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6. CÁC XU HƯỚNG MỚI TRONG MUA HÀNG TOÀN CẦU**  6.1 E-sourcing: ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu  6.2 Xu hướng và thách thức của mua hàng toàn cầu  6.2.1 Xu hướng mua hàng toàn cầu  6.2.2 Thách thức của mua hàng toàn cầu  6.3 Đạo đức nghề nghiệp và chiến lược cung ứng bền vững 6.3.1 Đạo đức nghề nghiệp  6.3.2 Chiến lược cung ứng bền vững |  | 1. Xác định chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt | 2016 | Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu | NXB Kinh tế TP.HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | PGS.TS Ngô Kim Thanh | 2016 | Giáo trình Quản trị chiến lược | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 3 | TS. Nguyễn Văn Thuận | 2016 | Quản trị chuỗi cung ứng | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 4 | McGraw-Hill | 2015 | Global Procurement & Sourcing | McGraw-Hill Higher Education |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:****Management information systerms in Logistics** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: |  |
| Quản trị học | Quản trị học |
| - Học phần song hành: |  |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nói chung và Doanh nghiệp Logistics nói riêng như:

- Hệ thống thông tin trong quản lý giao nhận hàng hóa

- Hệ thống thông tin trong quản lý dịch vụ vận tải

- Hệ thống thông tin kho bãi

- Hệ thống thông tin quản lý hàng tồn kho

- Hệ thống thông tin trong quản lý đơn hàng

- Hệ thống thông tin dịch vụ booking dịch vụ vận tải tàu biển, đường bộ

- Thủ tục hải quan điện tử

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Nắm được kiến thức khái quát về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của HTTT Logistics trong doanh nghiệp.  
- Nắm được kiến thức về nhận thức và quan điểm của nhà quản trị Logistics các nguyên tắc về thiết lập mục tiêu và thực hiện kế hoạch trong việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm có hiệu quả  
- Sau khi tốt nghiệp người học có đủ kiến thức để đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sử dụng và quản lý hệ thống thông tin Logistics và chuỗi cung ứng.

- Phân tích nhược điểm của quy trình kinh doanh trước khi ứng dụng hệ thống và đề xuất giải pháp tích hợp hệ thống (mức độ cơ bản)

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Vận dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định với các tình huống trong chuỗi cung ứng và logistics.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị tài chính để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

- Thông qua môn học này, sinh viên cũng được phát triển các kỹ năng làm việc nhóm (hình thành nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau), kỹ năng giao tiếp (giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân), kỹ năng viết báo cáo,…

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của HTTT Logistics trong doanh nghiệp. |
| CLO2 | Phân tích quan điểm của nhà quản trị Logistics các nguyên tắc về thiết lập mục tiêu. |
| CLO3 | Xác định các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định với các tình huống trong chuỗi cung ứng và logistics. |
| CLO4 | Xác định mục tiêu và thực hiện kế hoạch trong việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp. |
| CLO5 | Phân tích nhược điểm của quy trình kinh doanh trước khi ứng dụng hệ thống và đề xuất giải pháp tích hợp hệ thống (mức độ cơ bản) |
| CLO6 | Có đủ kiến thức để đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sử dụng và quản lý hệ thống thông tin Logistics và chuỗi cung ứng. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về về thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của HTTT Logistics trong doanh nghiệp. |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích quan điểm của nhà quản trị Logistics các nguyên tắc về thiết lập mục tiêu. |  | X |  | X |
| CLO3 | Xác định các kỹ thuật, công cụ để chẩn đoán, phân tích và ra quyết định với các tình huống trong chuỗi cung ứng và logistics. |  |  |  | X |
| CLO4 | Xác định mục tiêu và thực hiện kế hoạch trong việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp. | X | X |  | X |
| CLO5 | Phân tích nhược điểm của quy trình kinh doanh trước khi ứng dụng hệ thống và đề xuất giải pháp tích hợp hệ thống (mức độ cơ bản) |  |  | X | X |
| CLO6 | Có đủ kiến thức để đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sử dụng và quản lý hệ thống thông tin Logistics và chuỗi cung ứng. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Mỗi nhóm xây dựng 1 video về chủ đề đã cho trước và đưa ra giải pháp giải quyết tình huống trong video |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin tự dựng tình huống và đưa ra hướng giải quyết * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  -60 phút  -30 câu trắc nghiệm, 1 tình huống tự luận. |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1:** Tổng quan về hệ thống thông tin  1.1 Thời đại thông tin  1.2Các loại thông tin trong doanh nghiệp  1.3 Hệ thống thông tin quản lý  1.4 Phân loại các hệ thống thông tin quản lý | 4 | 1. Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý  2. Phân loại các hệ thống thông tin quản lý | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Thiết kế cơ sở dữ liệu**   1. Cơ sở dữ liệu trong logistics 2. Mô hình cơ sở dữ liệu trong logistics 3. Thiết kế cơ sở dữ liệu trong logistics   2.4 Kỹ thuật thiết kế | 3 | 1. Đánh giá được cơ sở dữ liệu logiscs  2. Xác định mô hình từ đó có cơ sở xây dựng hệ thống  3. Xác định kỹ thuật thiết kế. | CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 3: Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin trong logistics**   * 1. Quy trình xây dựng   2. Các phương pháp xây dựng   3.3 Các phương thức quản | 3 | 1. Phân tích quy trình xây dựng  2. Xác định các phương thức | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 4: Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định**   * 1. Sử dụng hệ thống thông tin trong logistics   2. Quá trình ra quyết định   3. Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định |  | 1. Xác định quá trình đưa ra quyết định.  2. Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **Chương 5: Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong logistics**   * 1. Mạng doanh nghiệp và mạng mở rộng   5.2 Chuẩn hóa, kết nối và tích hợp | 3 | Phân tích Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong logistics | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Chương 6: Các hệ thống thông tin cấp chuyên gia và các hệ thống thông tin cấp chức năng**  Các giải pháp SCM, CRM, ERP & các phần mềm ứng dụng trong Logistics & chuỗi cung ứng |  | Xác định được các phương pháp và các phần mềm ứng dụng. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | PGS.TS Trần Thị Song Minh | 2018 | Giáo Trình Hệ Thống Thông Tin Quản Lý | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân |
| 2 | Nguyễn Thanh Hùng | 2015 | *Hệ thống thông tin quản lý* | NXB Đại học quốc gia TP HCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: KDQT** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19097** | 1. **Tên học phần: Nghiệp vụ hải quan** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Customs technique** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Nghiệp vụ ngoại thương |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức về quy trình thủ tục hải quan, quy định của pháp luật liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu. Từ đó vận dụng để thực hiện nghiệp vụ khai báo hải quan, thông quan và các nghiệp vụ khác với cơ quan hải quan, nhằm đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Quá trình hình thành và phát triển của hải quan thế giới và hải quan Việt Nam, các công ước, hiệp định quốc tế về hải quan.

- Thuế và trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan.

- Nghiệp vụ hải quan điện tử

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết để đưa ra các quyết định nhằm đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuận lợi cho doanh nghiệp.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Nghiệp vụ hải quan”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của hải quan thế giới và hải quan Việt Nam, các công ước, hiệp định quốc tế về hải quan. |
| CLO2 | Xác định được thuế và trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu. |
| CLO3 | Xác định, phân tích được các bước trong quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan. |
| CLO4 | Theo dõi và lặp lại được các bước trong khai báo hải quan điện tử |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Nghiệp vụ hải quan cung cấp kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về quy trình thủ tục hải quan với cơ quan hải quan. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: quá trình hình thành và phát triển của hải quan thế giới và hải quan Việt Nam, các công ước, hiệp định quốc tế về hải quan; thuế và trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu; quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan; nghiệp vụ hải quan điện tử.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| CLO1 |  | I |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I |  |  |  | R |  |  |  |  |  | I |  |
| CLO3 |  | I |  | I |  | R |  |  |  | I |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của hải quan thế giới và hải quan Việt Nam, các công ước, hiệp định quốc tế về hải quan. | X |  | X | X |
| CLO2 | Xác định được thuế và trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu. | X | X | X | X |
| CLO3 | Xác định được các bước trong quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan. | X | X | X | X |
| CLO4 | Theo dõi và lặp lại được các bước trong khai báo hải quan điện tử | X |  |  | X |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 2  CLO 3  CLO 5 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Trình bày hiệp định GATT và công ước HS về trị giá hải quan  Trình bày các bước trong quy trình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu  Tính thuế suất hàng hóa xuất nhập khẩu |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Giới thiệu môn học**  **Chương 1 – Tổng quan môn học nghiệp vụ hải quan**  1.1. Giới thiệu về môn học Nghiệp vụ hải quan  1.1.1. Đối tượng nghiên cứu  1.1.2. Phạm vi nghiên cứu  1.1.3. Phương pháp nghiên cứu  1.1.4. Nội dung của môn học  1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của ngành Hải quan trên thế giới  1.3. Các công ước, hiệp định quốc tế về Hải quan  1.3.1. Công ước Kyoto  1.3.2. Công ước quốc tế về hệ thống hài hoà trong mô tả và mã hoá hàng hóa (Công ước HS)  1.3.3. Hiệp định trị giá GATT - 1994 về việc xác định trị giá hải quan  1.3.4. Hiệp định Hải quan ASEAN  1.4. Khái quát về lịch sử ngành Hải quan Việt Nam  1.4.1 Các giai đoạn phát triển  1.4.2 Vai trò, chức năng, nhiệm vụ  1.4.3 Cơ cấu tổ chức  1.4.4 Công chức hải quan | 4 | 1. Trình bày được quá trình hình thành và phát triển hải quan thế giới và hải quan Việt Nam, công ước, hiệp định quốc tế về hải quan | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Thuế và trị giá hải quan**  2.1 Tổng quan về thuế  2.1.1 Khái niệm  2.1.2 Đặc điểm và vai trò  2.1.3 Phân loại  2.2 Thuế xuất nhập khẩu  2.3 Thuế giá trị gia tăng  2.4 Thuế tiêu thụ đặc biệt  2.5 Miễn giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế | 4 | 1. Xác định được khái niệm, đặc điểm, phân loại thuế, miễn giảm, truy thu, hoàn thuế | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 2: Thuế và trị giá hải quan (tiếp)**  2.6 Trị giá hải quan  2.6.1 Khái niệm  2.6.2 Phương pháp xác định trị giá hải quan | 4 | 1. Xác định được trị giá hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu chịu thuế | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 3: Xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu**  3.1. Xuất xứ hàng hoá  3.1.1. Khái niệm  3.1.2. Vai trò  3.1.3. Giấy chứng nhận xuất xứ  3.1.4 Thủ tục xác nhận trước xuất xứ hàng hoá nhập khẩu  3.1.5 Kiểm tra xuất xứ hàng hoá | 4 | 1. Xác định được khái niệm, vai trò xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận xuất xứ, thủ tục xác nhận trước, kiểm tra xuất xứ hàng hóa | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 3: Xuất xứ hàng hóa và phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu (tiếp)**  3.2. Phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu  3.2.1. Sự cần thiết của việc phân loại hàng hoá  3.2.2. Nguyên tắc phân loại hàng hoá  3.2.3 Trách nhiệm của các bên trong phân loại hàng hoá  3.2.4. Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam  3.2.5 Quy tắc áp mã thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu | 4 | 1. Trình bày được sự cần thiết, nguyên tắc, trách nhiệm các bên trong phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu, giải thích được danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu là gì và quy tắc áp mã thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 4: Thủ tục hải quan** 4.1. Khái quát về thủ tục hải quan  4.1.1 Khái niệm, vai trò  4.1.2 Trách nhiệm làm thủ tục hải quan  4.1.3 Tờ khai hải quan  4.2. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại  4.2.1 Đối tượng làm thủ tục hải quan  4.2.2 Quyền và nghĩa vụ của các bên  4.2.3 Địa điểm làm thủ tục hải quan  4.2.4 Thời hạn làm thủ tục hải quan  4.2.5 Hồ sơ hải quan | 4 | 1. Xác định được khái niệm, vai trò, trách nhiệm làm thủ tục hải quan, đối tượng, quyền và nghĩa vụ các bên thời hạn làm thủ tục hải quan, tờ khai hải quan và bộ hồ sơ hải quan | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 4: Thủ tục hải quan (tiếp)**  4.3. Quy trình thông quan hàng hoá  4.3.1 Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với hàng hoá được miễn kiểm tra thực tế  4.3.2 Kiểm tra thực tế và thông quan đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế  4.3.3 Thu thuế, lệ phí hải quan  4.3.4 Phúc tập hồ sơ | 4 | 1. Xác định được các bước trong quy trình thông quan hàng hóa | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Chương 5 : Kiểm tra giám sát-phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan**  5.1 Nghiệp vụ kiểm tra hải quan  5.1.1 Khái niệm kiểm tra hải quan  5.1.2 Cơ sở ra quyết định hình thức kiểm tra  5.1.3 Tính chất pháp lý của kiểm tra hải quan  5.1.4 Nguyên tắc thực hiện kiểm tra hải quan  5.1.5 Đối tượng kiểm tra và miễn kiểm tra  5.1.6 Phương pháp kiểm tra hải quan  5.2 Nghiệp vụ giám sát hải quan  5.2.1 Khái niệm giám sát hải quan  5.2.2 Đối tượng giám sát hải quan  5.2.3 Thời gian giám sát hải quan  5.2.4 Nguyên tắc giám sát hải quan  5.2.5 Nội dung giám sát hải quan  5.2.6 Các phương thức giám sát hải quan  5.3 Phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.1 Khái niệm phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.2 Mục đích phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.3 Sự cần thiết của phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.4 Yêu cầu của phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.5 Nguyên tắc phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.6 Tính chất pháp lý của phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.7 Đối tượng của phúc tập hồ sơ hải quan  5.3.8 Thời gian, địa điểm và phương pháp phúc tập hồ sơ hải quan | 4 | 1. Xác định được các nội dung liên quan trong quy trình kiểm tra, giám sát, phúc tập hồ sơ trong hải quan | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 9 | **Chương 5 : Kiểm tra giám sát-phúc tập hồ sơ và xử lý vi phạm trong hải quan (tiếp)**  5.4 Kiểm tra sau thông quan  5.4.1 Khái niệm kiểm tra sau thông quan  5.4.2 Sự cần thiết và vai trò của kiểm tra sau thông quan  5.4.3 Nguyên tắc kiểm tra sau thông quan  5.4.4 Nghĩa vụ và quyền của các bên trong kiểm tra sau thông quan.  5.4.5 Tính chất pháp lý của kiểm tra sau thông quan  5.4.6 Đối tượng của kiểm tra sau thông quan  5.4.7 Thời hạn kiểm tra sau thông quan  5.4.8 Phạm vi kiểm tra sau thông quan  5.4.9 Nội dung của kiểm tra sau thông quan  5.5 Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính trong hải quan  5.5.1 Khái niệm về vi phạm và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan  5.5.2 Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan  5.5.3 Những hành vi bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực hải quan  5.5.4 Những hành vi không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan  5.5.5 Thời hiệu xử phạt  5.5.6. Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan | 5 | 1. Xác định được các nội dung liên quan trong quy trình kiểm tra sau thông quan và xử lý vi phạm hành chính trong hải quan | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 10 | **Chương 6: Nghiệp vụ hải quan điện tử**  6.1. Khái quát về hải quan điện tử  6.1.1. Khái niệm và một số thuật ngữ liên quan đến hải quan điện tử  6.1.2. Đặc điểm của hải quan điện tử  6.1.3. Vai trò của hải quan điện tử  6.1.4. Điều kiện để xây dựng triển và áp dụng hải quan điện tử  6.1.5. Hệ thống văn bản pháp luật là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử  6.1.6. Đối tượng và phạm vi áp dụng của hải quan điện tử.  6.2. Thủ tục hải quan điện tử  6.2.1. Khái niệm về thủ tục hải quan điện tử  6.2.2. Nguyên tắc tiến hành hải quan điện tử  6.2.3. Quyền của người khai hải quan điện tử  6.2.4. Nghĩa vụ của người khai hải quan điện tử  6.2.5. Thời hạn khai và kiểm tra thông tin khai hải quan điện tử  6.2.6. Thủ tục tiến hành khai hải quan điện tử | 5 | 1. Theo dõi và lặp lại được các bước trong khai báo hải quan điện tử | CLO4  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 11 | **Ôn tập** | 3 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | Bài giảng của giảng viên |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) |  |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> |  |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> |  |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> |  |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 20 tháng 6 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Chính trị** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 19082** | 1. **Tên học phần:** Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 02 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 105 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Đào Duy Tùng |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Việt Khoa  ThS. Nguyễn Thị Hồng Hiếu |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

- Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930); sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay).

- Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các nghiên cứu liên quan đến các quan Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- Sự hình thành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

- Lý thuyết về Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết về Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích, chứng minh được tính tất yếu ra đời Đảng cộng sản Việt Nam. |
| CLO2 | Hệ thống được quá trình Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyên (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước thời kỳ 1945-1975. |
| CLO3 | Khái quát nội dung cơ bản của đường lối cách mạng mà Đảng đưa ra trong quá trình lãnh đạo. |
| CLO4 | Đánh giá được kết quả thực hiện đường lối trong thực tiễn. Từ đó tút ra được những bài học trong quá trình xây dựng và phát triển lý luận và thực tiễn của Đảng. |
| CLO5 | Phân tích, lý giải, tin tưởng đường lối, chính sách của Đảng Đấu, góp phần bảo vệ đường lối của Đảng trước âm mưu xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù. |
| CLO6 | Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp trình bày tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích, chứng minh được tính tất yếu ra đời Đảng cộng sản Việt Nam. | X | X |  | X |
| CLO2 | Hệ thống được quá trình Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyên (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước thời kỳ 1945-1975. | X | X |  | X |
| CLO3 | Khái quát nội dung cơ bản của đường lối cách mạng mà Đảng đưa ra trong quá trình lãnh đạo. |  | X |  | X |
| CLO4 | Đánh giá được kết quả thực hiện đường lối trong thực tiễn. Từ đó tút ra được những bài học trong quá trình xây dựng và phát triển lý luận và thực tiễn của Đảng. | X |  | X | X |
| CLO5 | Phân tích, lý giải, tin tưởng đường lối, chính sách của Đảng Đấu, góp phần bảo vệ đường lối của Đảng trước âm mưu xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù. |  |  | X | X |
| CLO6 | Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích doanh nghiệp.  Thông qua cơ cấu phân tích  Phân tích Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam |  |  | CLO4  CLO5  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | **Chương nhập môn:**  **Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (1 tiết)**  I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  **Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) (3 tiết)**  I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)  II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Đọc hiểu được  Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | **Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) (2 tiết)**  I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)  II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)  **Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v) (2 tiết)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên tự chọn chủ đề thảo luận sao cho phù hợp với nội dung môn học và thực tiễn. | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Chuẩn bị và đọc các tài liệu do giảng viên hướng dẫn trước khi thảo luận trên lớp. | 1. Đánh giá được  Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) (4 tiết)**  I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Phân tích được  Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | **Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) (tt) (3 tiết)**  I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  **Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v) (1 tiết)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên đưa ra nội dung | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  Chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên | 1. Xác định Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | **Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v) (tt) (1 tiết)**  **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (3 tiết)**  I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) | Giảng viên đưa ra nội dung  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên  Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | 1. Phân tích Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(5 tiết)** | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (tt)  (5 tiết)**  I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý) | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt. | 1. Xác định Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(5 tiết)** | **Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (tt)  (2 tiết)**  I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)  **Bài tập (hoặc thảo luận, thực hành, thực tế..v..v) (3 tiết)** | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Giảng viên chuẩn bị nội dung thảo luận. | Nghe giảng, tiếp nhận và thông hiểu các kiến thức được truyền đạt.  SV chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên | 1. Xác định Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Giáo trinh* *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | [1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thạt, Hà Nội.  [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Giáo trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.  [3] Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Chặng đường qua hai thế kỷ,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.  [4] Đoàn Minh Huấn, Doãn Hùng, Nguyễn Ngọc Hà (2007), *Đảng cộng sản Việt Nam* - *Những* *tìm tòi và đổi mới trên con đường lên chủ nghĩa xã hội (giai đoạn 1986 - 2006)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.  [5] Phạm Xuân Mỹ (2014), *Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (giai đoạn 1920 - 1930),* NxbChính trị Quốc gia, Hà Nội. | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | 1. <http://hochiminh.vn>  2. http://tulieuvankien.dangcongsan.vn  3. <http://www.cpv.org.vn>  4. <http://www.tapchicongsan.org.vn>   * Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Đào Duy Tùng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 22033** | 1. **Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 06 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: |  |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: |  |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Các học phần cơ bản và chuyên ngành |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

2.1. Mục tiêu chung

Môn học được thiết kế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên làm quen với các hệ thống, hoạt động trong doanh nghiệp. Thông qua sự trải nghiệm các vị trí nghề nghiệp và môi trường làm việc thực tiễn sinh viên hiểu được các yêu cầu về sự chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm trong công việc, học hỏi những kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức:

- Có kiến thức thực tế khi tiếp cận thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề

- Tích hợp kiến thức trên cơ sở trải nghiệm các hoạt động trong thực tế

- Giải thích các hiện tượng, tình huống trong thực tiễn trên cơ sở lý thuyết được học

2.2.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác lập mục tiêu, lập kế hoạch và quản lý thời gian nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực nhà quản trị

- Phát triển năng lực nhận thức, giải quyết vấn đề, lựa chọn chiến lược phù hợp với tình huống.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nhận thức đúng đắn về môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân.

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị nhân sự, marketing, tài chính và chiến lược trong môi trường thực tế của doanh nghiệp

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Tích hợp kiến thức trên cơ sở trải nghiệm các hoạt động trong thực tế |
| CLO2 | Giải thích các hiện tượng, tình huống trong thực tiễn trên cơ sở lý thuyết được học |
| CLO3 | Thực hành các kỹ năng nghề nghiệp như xử lý công việc trong mảng công việc cụ thể được giao từ dự án |
| CLO4 | Phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác lập mục tiêu, lập kế hoạch và quản lý thời gian nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực nhà quản trị |
| CLO5 | Nhận thức đúng đắn về môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân. |
| CLO6 | Tự chủ và chịu trách nhiệm đối với công việc |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần bao gồm tổng quan về công ty, hệ thống quản lý, vận hành, nhân sự, marketing, chiến lược, sản xuất ở công ty, tổ chức, đánh giá hiện trạng và kiến nghị cải tiến hệ thống. Thông qua quá trình thực tập tại các doanh nghiệp sinh viên nắm cụ thể khung tổng quát quản lý của doanh nghiệp, hê thống quản lý ở công ty, cách đánh giá hệ thống, hướng cái tiến hệ thống sao cho phù hợp và hiệu quả nhất.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |
| **PLO** | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |  |  |  |  |  |  |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Tích hợp kiến thức trên cơ sở trải nghiệm các hoạt động trong thực tế |  |  | X | X |
| CLO2 | Giải thích các hiện tượng, tình huống trong thực tiễn trên cơ sở lý thuyết được học |  | X |  | X |
| CLO3 | Thực hành các kỹ năng nghề nghiệp như xử lý công việc trong mảng công việc cụ thể được giao từ dự án |  |  |  | X |
| CLO4 | Phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác lập mục tiêu, lập kế hoạch và quản lý thời gian nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực nhà quản trị | X | X |  | X |
| CLO5 | Nhận thức đúng đắn về môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân. |  |  | X | X |
| CLO6 | Tự chủ và chịu trách nhiệm đối với công việc | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá | Thời điểm | CĐR môn học | Tỷ lệ % |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Báo cáo cuối kỳ | Điểm chuyên cần (Thể hiện đúng tinh thần học hỏi, nỗ lực) **20%** | Trong suốt kỳ thực tập | CLO5, CLO6 | **100%** |
| Đánh giá của Doanh nghiệp **20%** | Cuối kỳ thực tập | CLO3, CLO6 |
| Đánh giá quá trình của Giảng viên hướng dẫn **20%** | CLO5, CLO6 |
| Đánh giá của Hội đồng bảo vệ **40%** | CLO1,CLO2,  CLO3, CLO4 |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

1. Chuyên cần: Sinh viên phải đi đầy đủ và không được vắng không phép quá 20% tổng thời gian thực tập tại doanh nghiệp đặt ra. Sinh viên làm báo cáo 2 tuần/lần cho giảng viên về quá trình thực tập, những vấn đề được phát hiện, những điều học học hoặc khám phá được.
2. Đánh giá của doanh nghiệp: Người hướng dẫn sinh viên tại doanh nghiệp sẽ đánh giá theo mẫu về tinh thần, thái độ, kỹ năng và chuyên môn của sinh viên khi thực tập thực tế tại doanh nghiệp
3. Đánh giá của giảng viên hướng dẫn: Giảng viên hướng dẫn đánh giá sinh viên về tác phong, thái độ, tinh thần ham học hỏi và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế công việc trong suốt quá trình theo sát sinh viên đó tại doanh nghiệp
4. Đánh giá hội đồng bảo vệ: Hội đồng bao gồm đại diện giảng viên, công ty thực tập được thành lập để đánh giá kết quả thực tập mà sinh viên đạt được. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: những bài học rút ra từ thực tiễn trong quá trình thực tập của sinh viên, tác phong, khả năng liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn, khả năng trình bày và việc chuẩn bị trình bày của sinh viên trong buổi bảo vệ, khả năng nhận diện, phân tích của sinh viên về các vấn đề trong thực tế.

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/**  **TH/**  **TT)** | **CĐR của bài học (chươn)**  **/chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Khái quát chung - Chia nhóm và hướng dẫn** | 10 |  | CLO1 CLO2  CLO3  CLO4 | 1.Hướng dẫn kiến tập  - Yêu cầu  - Cách thức thực hiện kiến tập  2. Chuyên đề  Tự bảo vệ bản thân nơi công sở  Thiết lập và phát triển mối quan hệ trong công sở  Thích nghi với môitrường làm việc ở doanh nghiệp  Phát triển sự nghiệp từ vị trí bán hàng  3. Giới thiệu về công ty, khái quát về vai trò một số phòng ban tại doanh nghiệp sinh viên sẽ đi  thực tập | 1. Tham quan doanh nghiệp, giới thiệu công ty, phòng ban chức   năng, văn hóa, môi  trường và lĩnh vực kinh doanh hiện tại.   1. Chia nhóm, chọn mảng công việc chủ đề thực nghiệm 2. Mentor hướng dẫn chi tiết yêu cầu công việc và cách làm 3. Làm rõ tiêu chí đánh giá và deadline công   việc | *A1* |
| 2,3 | **Thực hành thực tế** | 20 |  | CLO5 CLO6 | Hỗ trợ | 1. Nhóm lên kế hoạch chi tiết  2. Tham gia thực tế | A1 |
| 4,5 | **Thực hành thực tế** | 20 |  | CLO5 CLO6 | Hỗ trợ và quan sát | Sinh viên thực hành thực tế công việc | A1 |
| 6,7 | **Thực hành thực tế** | 20 |  | CLO5 CLO6 | Hỗ trợ và quan sát | Sinh viên thực hành thực tế công việc | A2 |
| 8 | **Báo cáo kết quả** | 10 |  | CLO5 CLO6 |  | 1. Mỗi nhóm báo cáo kết quả công việc  2. Mỗi cá nhân viết báo cáo trải nghiệm cá nhân | A2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 |  |  | Quy định, nội quy của tổ chức doanh nghiệp |  |
| 2 |  |  | Văn bản, tài liệu, hồ sơ hoạt động của doanh nghiệp. |  |
| 3 |  |  | Quy định về văn bản luật kinh doanh; Tài liệu về các quy định hoạt động marketing; Các tình huống marketing tại doanh nghiệp .. |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics** | **Mã số:** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Khóa luận tốt nghiệp |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 09 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết |
| - Tự học: | 60 giờ |
| - Đi tham quan thực tế | 60 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Giúp sinh viên có thể thực hiện phân tích đánh giá cụ thể về một công ty mà sinh viên đang theo thực tập, và hoàn thực hiện được một khóa luận hoàn chỉ.

Trang bị cho sinh viên, kiến thức, hiểu biết vế quy trình hoạch định và nội dung của một số chiến lược và kế hoạch xây dựng thương hiệu tại một số công ty.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

2.2.1. Về kiến thức:

- Nắm bắt tổng quát những kiến thức chính về công ty.

- Hiểu biết vế quy trình hoạch định và nội dung của một số chiến lược và kế hoạch cho một số công ty.

- Thấu hiểu các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức và điều khiển thực hiện các chiến lược, và các vấn đề mà công ty đang gặp phải

- Đề xuất chiến lược cho công ty

2.2.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên sử dụng các kỹ năng phân tích công ty

- Vận dụng và phân tích những thương hiệu thực tế trên thị trường

- Rèn luyện các kỹ năng tìm tài liệu.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/mục tiêu cụ thể.

*-* **Kiến thức**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** | **Đáp ứng Chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được kiến thức tổng quát về doanh nghiệp |  |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và quy trình hoạch định và nội dung của một số chiến lược và kế hoạch cho một số công ty |
| CLO3 | Phân tích các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức và điều khiển thực hiện các chiến lược, và các vấn đề mà công ty đang gặp phải |
| CLO4 | Hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp) trên cơ sở đó đề xuất chiến lược cho công ty |

**- Kỹ năng**

**Bảng 3.2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kỹ năng**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** | **Đáp ứng Chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- |
| CLO5 | Giúp sinh viên sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân thích doanh nghiệp |  |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng vận dụng và phân tích những thương hiệu thực tế trên thị trường |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển và rèn luyện khả năng tìm tài liệu |

***-* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**Bảng 3.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

| **Chuẩn Đầu Ra Học Phần** | **Nội dung** | **Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra** |
| --- | --- | --- |
| CLO8 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. | *PLO22, PLO23, PLO24, PLO25* |
| CLO09 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận các vấn đề tác động đến doanh nghiệp |
| CLO10 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến doanh nghiệp |
| CLO11 | Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo |
| CLO12 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Nội dung học phần hỗ trợ người học làm được các công việc QTDN như xây dựng kế hoạch kinh doanh; Lập mục tiêu và kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; tự khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CELO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  | R |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO7 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |
| CLO9 |  | R |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO10 |  |  | R |  | R |  |  |  |  | M |  |  |  |
| CLO11 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |  |
| CLO12 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  | M | M |
| **CELO** | (14) | (15) | (16) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO1 | M | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO3 | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (14) | (15) | (16) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO11 | R |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CELO12 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **10%** | **30%** | **50%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Bài tập về nhà cá nhân/ nhóm | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được kiến thức tổng quát về doanh nghiệp |  |  |  | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và quy trình hoạch định và nội dung của một số chiến lược và kế hoạch cho một số công ty |  |  | X |  | X |
| CLO3 | Phân tích các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức và điều khiển thực hiện các chiến lược, và các vấn đề mà công ty đang gặp phải |  | X |  |  | X |
| CLO4 | Hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp) trên cơ sở đó đề xuất chiến lược cho công ty | X |  | X | X | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân thích doanh nghiệp | X | X |  |  | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng vận dụng và phân tích những thương hiệu thực tế trên thị trường | X | X |  |  | X |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển và rèn luyện khả năng tìm tài liệu | X | X |  |  |  |
| CLO8 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |  | X |  | X | X |
| CLO9 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận các vấn đề tác động đến doanh nghiệp | X | X |  |  | X |
| CLO10 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến doanh nghiệp |  |  |  | X |  |
| CLO11 | Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo |  | X | X | X |  |
| CLO12 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm. | X | X |  |  |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

Sinh viên phải thực tập, hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định viết khoá luận, không vi phạm quy chế thực tập tại đơn vị sẽ được đánh giá kết quả.

* Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% thời gian nghiên cứu
* Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, hoàn thành báo cáo đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
* Điểm quá trình: điểm thường xuyên, chuyên cần và hồ sơ thực tập
* Điểm kết thúc học phần: chấm chuyên đề khoá luận

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 3 | **Chương 1: Cơ sở lý luận**  1.1 Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.  1.1.1 Một số khái niệm cơ bản  1.1.2 Phương pháp  1.1.3 Vai trò  1.2 Nội dung nghiên cứu  1.2.1 Các chỉ tiêu phân tích  1.2.2 Các biện pháp nâng cao | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược.  2. Tìm hiểu các mô hình quản trị chiến lược  3. Xác định được vai trò của Quản trị chiến lược | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 3 | **Chương 2: Thực trạng tại công ty.**   * 1. Khái quát về công ty   2.1.1Quá trình hình thành và phát triển  2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty   * 1. Phương pháp thu thập số liệu   2.3 Thực trạng vấn đề lợi nhuận tại công ty  2.3.1 Đánh giá tổng quan tình hình và ảnh hưởng của nhân tố môi trường.  2.3.2 Đánh giá hiệu quả lợi nhuận | 7 | 1. Biết và phân biệt được đâu là tầm nhìn và sứ mệnh công ty.  2. Vận dụng vào thực tế xác định mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp trong thời gian ngắn hay dài hạn | CLO1  CL02  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 3: Các kết luận và đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu**  3.1 Các kết luận và phát hiện qua nghiên cứu  3.1.1 Những kết quả đạt được  3.1.2 Những mặt hạn chế , tồn tại và nguyên nhân  3.1.3 Những vấn đề phát sinh mới vần giải quyết về lợi nhuận  3.2 Các đề xuất về vấn đề nghiên cứu  3.2.1 Dự báo triển vọng và quan điểm giải quyết việc nâng cao lợi nhuận.  3.2.2 Các giải pháp và kiến nghị liên quan đến việc nâng cao lợi nhuận tại công ty.  3.3 Điều kiện thực hiện | 6 | Phân tích và xác định các yếu tố của môi trường bên ngoài doanh nghiệp tác động đến việc ra chiến lược bao gồm môi trường vi mô và môi trường vĩ mô. | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  |  |  | Văn bản, khóa luân tại khoa |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 23/4/2021 |

**9. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN:**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** | **Mục tiêu** |
| 1 | Điểm chuyên cần | 80% tổng số tiết | 10% | G1 |
| 2 | Điểm bài tập | 80% tổng số bài tập được giao | 10% | G1 |
| 3 | Điểm kỹ năng - thực hành | 80% các kỹ năng và thực hành | 20% | G2 |
| 3 | Điểm kiểm tra quá trình | Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) về quá trình thực hiện khóa luận | 10% | G1, G2 |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Đánh giá qua các tiêu chí điểm khóa luận được chấm (công khai) thông qua hội đồng bảo vệ khóa luận | 50% | G1, G2 |

**9.2** **Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

**10. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TỰ HỌC:**

***10.1 Về bố cục***

***Khoá luận bao gồm những phần và chương sau:***

* Mở đầu: Lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết cấu đề tài.
* Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu
* Chương 2: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu
* Chương 3: Thực trạng của vấn đề nghiên cứu
* Chương 4: Giải pháp cho vấn đề nghiên cứu
* Kết luận
* Kiến nghị (nếu có)
* Danh mục tài liệu tham khảo
* Phụ lục (nếu có)

***10.2 Về trình bày***

* Khoá luận hoặc báo cáo thực tập tốt nghiệp phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.
* Khoá luận phải in3 bản:

+ 1 bản bìa cứng, in chữ nhũ có đủ dấu tiếng Việt và 1 bản softcopy trên đĩa CD nộp về Thư viện Trường.

+ 2 bản bìa mềm nộp về bộ môn KTQT

* Phải có trang phụ bìa

***10.2.1 Soạn thảo văn bản***

* Khoá luận tốt nghiệp sử dụng chữ Times New Roman, cỡ 14 của hệ soạn thảo Winword.
* Mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.
* Dãn dòng: chế độ 1,5 lines, lề trên 2,0 cm, lề dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 cm, lề phải 2 cm
* Số trang được đánh ở giữa, phía cuối mỗi trang giấy.
* Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang của khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

Khoá luận tốt nghiệp được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210\*297mm), tối thiểu 50 trang, không kể phụ lục. Khoá luận tốt nghiệp phải có xác nhận và con dấu của cơ sở thực tập để nộp cho giảng viên hướng dẫn.

***10.2.2 Tiểu mục***

Các tiểu mục của Khoá luận được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số ả rập, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương, ví dụ:

2.1.3.4: chỉ chương 2, mục 1, nhóm tiểu mục 3, tiểu mục 4.

Tại mỗi nhóm của tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục.

***10.2.3 Bảng biểu, hình vẽ, công thức***

* Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ phải gắn với số chương, ví dụ;

Hình 3.1 có nghĩa là hình thứ 1 trong Chương 3.

* Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ (nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo)
* Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.
* Các bảng, hình vẽ dài có thể để ở những trang riêng nhưng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng, hình vẽ ở lần đầu tiên.
* Các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ và in bằng mực không nhoè để có thể sao chụp lại, có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản.
* Khi đề cập đến bảng biểu, hình vẽ phải nêu rõ số của hình hoặc bảng biểu đó. Ví dụ:

“…được nêu trong bảng 3.1” hoặc “hình 3.2”

* Việc trình bày công thức: phải thống nhất trong toàn Khoá luận tốt nghiệp về cách trình bày công thức.

***10.2.4 Viết tắt***

* Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong Khoá luận tốt nghiệp.
* Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong Khoá luận tốt nghiệp.
* Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan , tổ chức… thì được viết tắt sau lần thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn.
* Nếu Khoá luận tốt nghiệp có nhiều từ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu Khoá luận tốt nghiệp.

***10.2.5 Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn.***

Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả, không làm trở ngại việc đọc.

* Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của Khoá luận tốt nghiệp. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng, biểu, hình vẽ, ...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì Khoá luận tốt nghiệp không được duyệt để bảo vệ.
* Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo của Khoá luận tốt nghiệp.
* Khi cần trích dẫn một đoạn hoặc ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2 cm. Khi này mở đầu và kết thúc đoạn trích này không phải sử dụng dấu ngoặc kép.
* Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [12, tr.213]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [12], [13], ...

***10.2.6 Phụ lục***

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung Khoá luận tốt nghiệp như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh, ... Nếu Khoá luận tốt nghiệp sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Phụ lục không được nhiều trang hơn phần chính của Khoá luận tốt nghiệp.

***10.2.7 Các quy định khác***

- Phải có xác nhận của cơ sở đào tạo (khoa đào tạo) công nhận rằng có đầy đủ điều kiện theo quy định của nhà trường được làm và bảo vệ khoá luận tốt nghiệp.

- Phải làm 1 bản đề cương chi tiết để bảo vệ trước Hội đồng chuyên môn duyệt trước khi làm khoá luận tốt nghiệp. Sau khi chỉnh sửa nộp 1 bản có xác nhận của giáo viên hướng dẫn về Khoa.

Trên đây là những quy định đối với sinh viên khi làm báo cáo thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp.

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Cơ bản** | **Mã số: ………….** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần: 10143** | * 1. **Tên học phần: Kỹ năng mền** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | * 1. **Tên tiếng Anh: Soft skills** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 45 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lê Anh Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Tấn Ý |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2.1. Mục tiêu chung**

- Sinh viên hiểu được kỹ năng mềm và nhận thức đúng về tầm quan trọng của một số kỹ năng mềm thiết yếu ứng dụng trong cuộc sống và trong công việc chuyên môn;

- Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng mềm quan trọng.

- Giúp sinh viên vận dụng các kỹ năng mềm vào thực tiễn nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập hiện nay và công tác về sau.

- Giúp sinh viên tự tin hơn và có thái độ tích cực đổi mới trong hoạt động để đạt hiệu quả tốt hơn.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Biết một số nguyên tắc khi thuyết trình trước đám đông.

- Nhận thức được khái niệm làm việc nhóm và cách thức làm việc nhóm hiệu quả

- Nhận thức và ý thức được tầm quan trọng của việc định vị và xây dựng thương hiệu cá nhân trong học tập và công việc

- Hiểu được phỏng vấn xin việc và cách thức để đi phỏng vấn xin việc

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Thực hành và rèn luyện các kỹ năng trong tình huống cụ thể.

- SV biết lựa chọn kỹ năng quan trọng cho bản thân trong từng trương hợp cụ thể

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tính tự giác và chịu trách nhiệm cho các vấn đề trong công việc và cuộc sống;

- Khả năng tự chủ và dân chủ trong học tập và làm việc.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Kỹ năng mềm”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung****CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Hiểu được phỏng vấn xin việc và cách thức để đi phỏng vấn xin việc |
| CLO2 | Biết cách thức hội nhập với môi trường làm việc một cách hiệu quả |
| CLO3 | Làm chủ được kỹ năng giao tiếp trong công việc và cuộc sống |
| CLO4 | Biết một số nguyên tắc khi thuyết trình trước đám đông. |
| CLO5 | Nhận thức được khái niệm làm việc nhóm và cách thức làm việc nhóm hiệu quả |
| CLO6 | biết lựa chọn kỹ năng quan trọng cho bản thân trong từng trương hợp cụ thể |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm các chuyên đề trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm cơ bản để sinh viên tự tin trong việc học tập, nghiên cứu cũng như trong công việc sau này khi ra trường.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được phỏng vấn xin việc và cách thức để đi phỏng vấn xin việc | X |  |  | X |
| CLO2 | Biết cách thức hội nhập với môi trường làm việc một cách hiệu quả | X | X |  | X |
| CLO3 | Làm chủ được kỹ năng giao tiếp trong công việc và cuộc sống |  |  | X | X |
| CLO4 | Biết một số nguyên tắc khi thuyết trình trước đám đông. | X | X |  | X |
| CLO5 | Nhận thức được khái niệm làm việc nhóm và cách thức làm việc nhóm hiệu quả |  | X | X | X |
| CLO6 | biết lựa chọn kỹ năng quan trọng cho bản thân trong từng trương hợp cụ thể | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa báo cáo. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích, theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Lý thuyết và bài tập thực hành |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***
* *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra giữa kỳ phải ≥4 điểm (theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động của sinh viên** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| **1**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 1: Tổng quan về kỹ năng mềm  Kỹ năng viết CV tìm việc | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng viết CV tìm việc | CLO1 | *A1* |
| **2**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 2: Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng | Giảng giải về Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm p. | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng | CLO2  CLO3 | A1 |
| **3**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 3: Kỹ năng hội nhập với môi trường làm việc | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng hội nhập với môi trường làm việc | CLO2  CLO5 | A1 |
| **4**  **(4 tiết)** | Chuyền đề 4: Kỹ năng giao tiếp sơ giao | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng giao tiếp sơ giao | CLO3  CLO5 | A2 |
| **5**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 5: Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm. | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ | CLO3  CLO5  CLO6 | A2 |
| **6**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 6: Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **7**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 7: Kỹ năng lắng nghe, giao tiếp qua điện thoại | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng lắng nghe, giao tiếp qua điện thoại | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | A2 |
| **8**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 8: Kỹ năng viết, giao tiếp qua email | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng viết, giao tiếp qua email |  | A3 |
| **9**  **(5 tiết)** | Chuyên đề 9: Kỹ năng làm việc nhóm  Kỹ năng thuyết trình | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Thực hành và hoàn thiện Kỹ năng làm việc nhóm  Kỹ năng thuyết trình |  | A2 |
| **10**  **(4 tiết)** | Chuyên đề 10: Kỹ năng đàm phán  Kỹ năng ra quyết định & giải quyết vấn đề | Thuyết giảng dưới dạng tương tác tích cực (đặt câu hỏi gợi ý)  Hình ảnh, ví dụ minh họa | Sinh viên trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm phần giải pháp và trình bày trước lớp. | Hiểu được Kỹ năng đàm phán  Kỹ năng ra quyết định & giải quyết vấn đề |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Hùng (2017), Kỹ năng giao tiếp kinh doanh, NXB Kinh tế TpHCM. | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Hoàng Thị Thu Hiền (2014), Kỹ năng mềm - tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác, NXB ĐH Quốc gia Tp.HCM.  Nguyễn Hữu Thân (2012), Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh để hội nhập toàn cầu, NXB Tổng hợp Tp.HCM.  Allan và Barbara Pease (2008), Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể, NXB Tổng hợp TP.HCM  Dale Carnegie (2016), Đắc Nhân Tâm, Nhà Xuất Bản Tổng hợp TP.HCM  Bài giảng của giảng viên phụ trách | | | |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | * <http://www.ebook.edu.vn/>   Khoa Cơ bản - Trường đại học Phan Thiết http://fbs.upt.edu.vn/ |  |
| 2 |  |  |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng ... năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **GS.TS. Lê Minh Huyền ThS. Lê Anh Linh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN** |

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần: 10231** | 1. **Tên học phần:** Quản trị vận hành |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Operation Management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | các học phần cơ sở ngành và một số học phần chuyên ngành |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mô tả đặc tính của quá trình sản xuất và tác nghiệp, xây dựng các mô hình, các phương pháp quản trị các yếu tố sản xuất như lao động, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, vốn và công nghệ, tổ chức các bộ phận sản xuất theo hướng tối ưu hóa về chi phí và thời gian…để đạt được mục tiêu làm thế nào chi phí bỏ ra là thấp nhất nhưng hiệu quả mang lại có thể là cao nhất.

Sau khi học xong môn học, sinh viên có kỹ năng từng bước vận dụng các lý thuyết quản lý vận hành vào doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

2.2.1. Về kiến thức:

- Phân tích được bản chất, các nhân tố ảnh hưởng và hướng vận động quản trị vận hành.

- Hiểu đuợc sự cần thiết và quy trình tiến hành các hoạt động trong doanh nghiệp.

- Lập được các phương án hoạch định tổng hợp, đánh giá và lựa chọn phương án chiến lược tối ưu.

- Hiểu được các nguyên tắc cần tuân thủ trong bố trí mặt bằng sản xuất; lập các phương án thiết kế bố trí sản xuất tối ưu cho tình huống cụ thể.

- Phân tích, đánh giá và lựa chọn mô hình dự trữ phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Đề xuất được những giải pháp quản trị nguyên vật liệu hiệu quả.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng tự học và làm việc nhóm.

- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

- Kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành như Excel, PowerPoint.

- Có khả năng tìm hiểu, vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp.

2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

- Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương.

- Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường.

- Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Phân tích được bản chất, các nhân tố ảnh hưởng và hướng vận động quản trị vận hành. |
| CLO2 | Hiểu đuợc sự cần thiết và quy trình tiến hành các hoạt động trong doanh nghiệp. |
| CLO3 | Lập được các phương án hoạch định tổng hợp, đánh giá và lựa chọn phương án chiến lược tối ưu. |
| CLO4 | Hiểu được các nguyên tắc cần tuân thủ trong bố trí mặt bằng sản xuất; lập các phương án thiết kế bố trí sản xuất tối ưu cho tình huống cụ thể. |
| CLO5 | Phân tích, đánh giá và lựa chọn mô hình dự trữ phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. |
| CLO6 | Đề xuất được những giải pháp quản trị nguyên vật liệu hiệu quả. |
| CLO7 | Kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành như Excel, PowerPoint. |
| CLO8 | Có khả năng tìm hiểu, vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như dự báo nhu cầu, hoạch định nhu cầu vật tư, hoạch định lịch trình sản xuất…Môn học cũng nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như điều độ sản xuất, bố trí mặt bằng… và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CELO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| CLO1 | **I** |  | **R** |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | **I** |  | **R** |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | **R** |  | **R** |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  | **I** |  |  | **R** |  |
| CLO5 |  |  |  | **I** | **R** |  |  |  |
| CLO6 | **I** |  | **R** |  |  |  |  | **R** |
| CLO7 |  |  | **I** |  |  | **R** |  |  |
| CLO8 |  | **R** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |  |
| CLO1 |  | **I** |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  | **R** |  |  |  |
| CLO3 |  |  | **M** |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  | **R** |  |  |
| CLO5 |  | **I** |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  | **R** |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  | **M** |  | **R** |  |
| CLO8 | **R** | **R** |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được bản chất, các nhân tố ảnh hưởng và hướng vận động quản trị vận hành. | X |  | X | X |
| CLO2 | Hiểu đuợc sự cần thiết và quy trình tiến hành các hoạt động trong doanh nghiệp. |  | X |  | X |
| CLO3 | Lập được các phương án hoạch định tổng hợp, đánh giá và lựa chọn phương án chiến lược tối ưu. | X | X |  | X |
| CLO4 | Hiểu được các nguyên tắc cần tuân thủ trong bố trí mặt bằng sản xuất; lập các phương án thiết kế bố trí sản xuất tối ưu cho tình huống cụ thể. | X | X | X | X |
| CLO5 | Phân tích, đánh giá và lựa chọn mô hình dự trữ phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. |  |  | X | X |
| CLO6 | Đề xuất được những giải pháp quản trị nguyên vật liệu hiệu quả. | X |  |  | X |
| CLO7 | Kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành như Excel, PowerPoint. |  | X |  | X |
| CLO8 | Có khả năng tìm hiểu, vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | Chuyên cần | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1. Giới thiệu**  1.1 Sản xuất  1.2 Quản lý sản xuất  1.3 Năng suất  1.4 Chiến lược sản xuất | 4 |  | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2. Hoạch định công suất**  2.1 Quy trình sản xuất  2.2 Quy trình dịch vụ  2.3 Phân tích cân bằng  2.4Chọn lựa công nghệ | 8 |  | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: Hoạch định tổng hợp**  3.1 Hoạch định tổng hợp  3.2 Chiến lược hoạch định tổng hợp  3.3 Phương pháp hoạch định tổng hợp  3.4 Hoạch định tổng hợp trong dịch vụ | 16 |  | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 4. Bố trí mặt bằng**  4.1 Định nghĩa bố trí mặt bằng  4.2 Bố trí mặt bằng văn phòng  4.3 Bố trí mặt bằng kho  4.4 Mặt bằng nhóm  4.5 Mặt bằng kiểu dây chuyền | 4 |  | CLO4  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **Chương 5. Hoạch định tồn kho**  5.1 Chiến lược quản lý tồn kho  5.2 Phân tích ABC  5.3 Lượng đặt hàng kinh tế EOQ  5.4 Mô hình chiết khấu số lượng  5.5 Tồn kho an toàn | 4 |  | CLO5  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Chương 6. Hoạch định yêu cầu vật tư MRP**  6.1 Vật tư phụ thuộc  6.2 Hoạch định yêu cầu vật tư  6.3 Xác định kích cỡ lô  6.4 Hoạch định yêu cầu vật tư trong dịch vụ | 4 |  | CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **Chương 7**. **Hệ thống sản xuất khớp thời gian**  7.1 Triển khai 5s cho doanh nghiệp  7.2 Hệ thống sản xuất khớp thời gian JIT  7.3 Hệ thống sản xuất tinh gọn LEAN | 4 |  | CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **Chương 8. Điều độ sản xuất**  8.1 Điều độ sản xuất  8.2 Điều độ sản xuất gián đọan  8.3 Điều độ sản xuất lập lại  8.4 Điều độ dịch vụ | TH |  | CLO3  CLO8 | Hướng dẫn tự học | Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Bá Hùng Anh | 2018 | Quản trị vận hành | NXB Kinh Tế Tp. HCM |
| 2 | Bài giảng của giảng viên | 2021 |  | Trường Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Đồng Thị Thanh Phương | 2010 | Quản trị sản xuất và vận hành | NXB Thống Kê |
| 2 | Heizer/Render | 2003 | Operation Management | NXB Pearson |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 23/4/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | **Khoa TC-KT-NH** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | | | **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |  |  |  | | --- | --- | | **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **(BẢN MẪU)**   1. **1. Thông tin chung về HP** | | | 1. **Mã học phần:…………………** | 1. **Tên học phần: Thiết kế giải pháp Logistics và chuỗi cung ứng.** | | 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:****Designing logistics and supply chain solutions** | | 1. **Số tín chỉ:** | 03 | | 1. **Phân bố thời gian:** |  | | **-** Lý thuyết: | 30 tiết. | | - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết | | - Tự học: | 90 tiết | | 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  | | - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Nguyễn Văn | | - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Thị B | | 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  | | **-** Học phần tiên quyết: | Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô | | - Học phần học trước: | Quản trị học | | - Học phần song hành: | Không có |   **2. Mục tiêu HP**  **2**.1. Mục tiêu chung  Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị logistics và chuỗi cung ứng cũng như xây dựng hệ thống quản trị 2 chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.  **2.2. Mục tiêu HP cụ thể**  **2.2.1. Về kiến thức:**  - Nắm được khái niệm, vai trò, mục tiêu của thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng  - Nắm được quá trình phát triển và xu hướng của khoa học thiết kế giải pháp và chuỗi cung ứng  - Nắm được các quyết định hoạt động điều hành chuỗi cung ứng chủ yếu: quyết định về vận tải, dự trữ, mua và cung ứng; các hình thức tổ chức và kiểm soát hậu cần, cách thức đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng  **2.2.2. Về kỹ năng:**  - Có khả năng quan sát, mô tả lại quá trình biến đối đầu vào thành đầu ra của doanh nghiệp  - Có khả năng xây dựng các phương án vận tải như: phương tiện vận tải, lộ trình vận chuyển, thời gian  - Có khả năng Lập kế hoạch sản xuất, Lập kế hoạch mua hàng và cung ứng, phương án, cách thức dự trữ  - Có khả năng phát triển các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng  - Áp dụng lý thuyết học được vào thực tế quản trị chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp Việt Nam thông qua các bài tập - dự án thực tế  **2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**  - Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích  - Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị tài chính để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.  - Thông qua môn học này, sinh viên cũng được phát triển các kỹ năng làm việc nhóm (hình thành nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau), kỹ năng giao tiếp (giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân), kỹ năng viết báo cáo,…  **3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1”**  **Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**  Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** | | CLO1 | Phân tích được các vấn đề thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng | | CLO2 | Phân tích được quá trình biến đối đầu vào thành đầu ra của doanh nghiệp | | CLO3 | Xác định các phương án vận tải như: phương tiện vận tải, lộ trình vận chuyển, thời gian | | CLO4 | Xác định được kế hoạch sản xuất, Lập kế hoạch mua hàng và cung ứng, phương án, cách thức dự trữ | | CLO5 | Phân tích được chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng | | CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm |   **4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**  Học phần cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về về thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị logistics và chuỗi cung ứng. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, mục tiêu… của tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.  **5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**  Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:   * *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu* * *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…* * *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*     **Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | | CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | CLO2 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  | | CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  | | CLO4 |  |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  | | CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |  | | CLO6 |  |  |  |  |  |  | M | M | R | R |  | | Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   **6. Đánh giá HP**   * 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***   **Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** | | **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ | | CLO1 | Phân tích được các vấn đề thiết kế giải pháp logistics và chuỗi cung ứng |  |  | X | X | | CLO2 | Phân tích được quá trình biến đối đầu vào thành đầu ra của doanh nghiệp |  | X |  | X | | CLO3 | Xác định các phương án vận tải như: phương tiện vận tải, lộ trình vận chuyển, thời gian |  |  |  | X | | CLO4 | Xác định được kế hoạch sản xuất, Lập kế hoạch mua hàng và cung ứng, phương án, cách thức dự trữ | X | X |  | X | | CLO5 | Phân tích được chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng |  |  | X | X | | CLO6 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |   **Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* | | A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  | | Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. | | A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa báo cáo tài chính của một công ty đã niêm yết. Phân tích các yếu tố về vốn, nguồn tài trợ, mối quan hệ giữa doanh thu-lợi nhuận- chi phí, chi phí sử dụng vốn và thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; | | A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp.  Thông qua cơ cấu nguồn vốn phân tích đòn bẩy tài chính  Phân tích mối quan hệ giữa doanh thu-lợi nhuận- chi phí, chi phí sử dụng vốn |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |  * 1. ***Chính sách đối với HP***   *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*  **7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**  **Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | 1 | **CHƯƠNG 1 : TỔNG QUAN VỀ HẬU CẦN (LOGISTICS) VÀ QUẢN TRỊ HẬU CẦN.**  1. Khái niệm hậu cần (logistics )  2. Các hoạt động hậu cần (logistics)  3. Tầm quan trọng của hoạt động hậu cần (logistics )  4. Quản trị hậu cần  4.1 Định nghĩa  4.2 Mục tiêu của quản trị hậu cần  5. Dịch vụ logistics | 4 | 1. Đọc hiểu được các chỉ số tài chính cơ bản  2. Xác định được nhiệm vụ và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QTTC của doanh nghiệp | *CLO1* | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* | | 2 | **CHƯƠNG 2: SẢN PHẨM LOGISTICS VÀ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG LOGISTICS**  1.Sản phẩm hậu cần  1.1. Sản phẩm hậu cần  1.2. Các đặc điểm của sản phẩm hậu cần  1.3. Bao gói sản phẩm  1.4. Định giá sản phẩ m  2. Dịch vụ khách hàng hậu cần  2.1. Định nghĩa  2.2 Thời gian chu kỳ đơn hàng  2.3 Xác định mức dịch vụ tối ưu | 3 | 1. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp  2. Xác định được cơ cấu trong nguồn vốn doanh nghiệp | CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 3 | **CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG THÔNG TIN LOGISTICS**  1. Quá trình xử lý đơn hàng  2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thời gian xử lý đơn hàng  3. Hệ thống thông tin logistics | 3 | 1. Phân tích được đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp  2. Đánh giá vai trò của vốn lưu động trong tổng vốn | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 4 | **CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ GIẢI PHÁP LOGISTICS** 1. Quyết định về vận tải 1.1 Vận tải và vai trò của vận tải  1.2 Các loại hình vận tải hiện nay  1.3 Quyết định về vận tả i 1.3.1 Lựa chọn phương thức vận tải  1.3.2 L ựa chọn lộ trình vận tải  1.3.3 Phân tuyến và sắp xếp lịch vận tải  2. Quyết định dự trữ  2.1 Lý do tồn tại dự trữ  2.2 Các loại hàng dự trữ 2.3 Quản trị dự trữ theo nguyên tắc đẩy  2.4 Qu ản trị dự trữ theo nguyên tắc kéo  2.5 Quản lý tổng hợp hàng dự trữ  3. Quyết định mua và cung ứng  3.1 Sự phối hợp trong kênh cung ứng  3.2 Kế hoạch cung ứng  3.3 Quản trị kênh phân phối tổng hợp  3.4 Hoạt động mua hàng |  | 1. Xác định thành phần và phân loại vốn luân chuyển | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 5 | **CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC VÀ KIỂM SOÁT**  1. Tổ chức hậu cần  1.1 Sự cần thiết tổ chức hậu cần  1.2 Lựa chọn tổ chức hậu cần  1.3 Liên minh và đối tác thứ ba  2. Kiểm soát hậu cần  2.1 Cơ sở của quá trình kiểm soát  2.2 Chi tiết hệ thống kiểm soát  2.3 Kiểm soát trên thực tế  2.4 Thông tin đo lường kiểm soát và giải thích kết quả  2.5 Hành động khắc phục  2.6 Kiểm soát và trí khôn nhân tạo | 3 | 1. Phân tích chiến lược sử dụng nguồn tài trợ vốn luân chuyển trong doanh nghiệp | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 6 | **CHƯƠNG 6: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG**  1. Quản trị chuỗi cung ứng 2. Mục tiêu, yêu cầu của SCM  3. Cấu trúc chuỗi cung ứng Các lĩnh vực cơ bản của chuỗi cung ứng  4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứnG. |  | 1. Xác định chi phí sử dụng vốn bình quân của doanh nghiệp | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 7 | **CHƯƠNG 7: CÁC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CHUỖI CUNG ỨNG**  1. Lập kế hoạch và tìm nguồn  2. Dự báo nhu cầu trong lập kế hoạch  3. Định giá sản phẩm  4. Quản lý tồn kho  5. Tìm nguồn cung ứng  6. Tín dụng và các khoản phải thu  7. Sản xuất và phân phối  8. Một bản thiết kế sản phẩm tốt  9. Điều độ sản xuất  10. Quản lý nhà máy trong sản xuất  11. Quản lý đơn hàng trong phân phối  12. Kế hoạch phân phối  13. Thuê ngoài trong hoạt động cung ứng (Outsourcing) |  | 1. Xác định quan hệ giữa doanh thu – chi phí – lợi nhuận | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |   **(\*) Ghi chú:­**  *- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*  *- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*  *- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*  **8. Học liệu:**  **Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** | |  | **Giáo trình chính** | | | | | 1 | TS. Lê Công Hoa | 2018 | Giáo trình Quản trị hậu cần | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân | | 2 | Michael Hugos | 2019 | Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng | Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh | |  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | 2 | Nguyễn Công Bình | 2019 | Quản lý chuỗi cung ứng | NXB Thống kê | | 3 | Shoshanah Cohen & Joshep Roussel  (Biên dịch: Phạm Như Hiền, Đỗ Huy Bình, Nguyễn Hoàng Dũng) | 2018 | Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng | Nhà xuất bản Lao động – Xã hội | | 4 | Sunil Chopra, Peter Meindl | 2016 | Supply Chain Management: Strategy, Planning, and Operation | Pearson |   **Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** | | 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 | | 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 | | 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 | | 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 | | 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |     **9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** | | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | | |  |  |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | | | **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: ………….** |  |  | | --- | | **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN** |  1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**  |  |  | | --- | --- | | 1. **Mã học phần: 10130** | 1. **Tên học phần:** Quản trị chất lượng | | 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Quality Management | | 1. **Số tín chỉ:** | 03 | | 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** | | **-** Lên lớp: | 45 tiết | | - Tự học: | 135 tiết | | 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  | | - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh | | - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ | | 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  | | **-** Học phần tiên quyết: | các học phần cơ sở ngành và một số học phần chuyên ngành | | **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |   **2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**  **2.1. Mục tiêu chung**  Môn học giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng: Quá trình hình thành các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức; Các khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng; Các công cụ quản lý chất lượng; Các phương pháp quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng.  Sau khi học xong môn học, sinh viên có kỹ năng từng bước vận dụng các lý thuyết quản lý chất lượng vào doanh nghiệp.  **2.2. Mục tiêu cụ thể**  2.2.1. Về kiến thức:  - Có khả năng nhận biết các yếu tố cấu thành chất lượng cho một sản phẩm cụ thể theo quan điểm chất lượng hướng vào khách hàng.  - Phân tích và tính toán được chi phí chất lượng trong doanh nghiệp.  - Luôn coi chất lượng đồng nghĩa với chân lý sống của doanh nghiệp.  - Thông qua việc phân tích các công cụ thông kê có khả năng nhận xét về sự biến động của chất lượng và tìm ra các nguyên nhân gây ra vấn đề chất lượng.  2.2.2. Về kỹ năng:  - Có khả năng đánh giá được chất lượng sản phẩm từ dữ liệu thu thập được.  - Đánh giá chất lượng sản phẩm theo quan điểm hướng vào khách hàng.  - Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng.  2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm  - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.  - Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương.  - Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường.  - Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn.  **3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**  Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:  **Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**   | **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** | | --- | --- | | CLO1 | Có khả năng nhận biết các yếu tố cấu thành chất lượng cho một sản phẩm cụ thể theo quan điểm chất lượng hướng vào khách hàng. | | CLO2 | Phân tích và tính toán được chi phí chất lượng trong doanh nghiệp. | | CLO3 | Luôn coi chất lượng đồng nghĩa với chân lý sống của doanh nghiệp. | | CLO4 | Thông qua việc phân tích các công cụ thông kê có khả năng nhận xét về sự biến động của chất lượng và tìm ra các nguyên nhân gây ra vấn đề chất lượng. | | CLO5 | Có khả năng đánh giá được chất lượng sản phẩm từ dữ liệu thu thập được. | | CLO6 | Đánh giá chất lượng sản phẩm theo quan điểm hướng vào khách hàng. | | CLO7 | Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng. | | CLO8 | Làm việc nhóm và tự nghiên cứu. |   **4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**  Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng; các mô hình quản trị chất lượng tiên tiến; cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng trong các tổ chức nhằm góp phần tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường; nguyên tắc và các phương pháp đánh giá chất lượng.  **5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CELO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**  Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:   * *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu* * *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…* * *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*   **Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CLO)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **CLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | CLO1 | **I** |  |  |  |  | **I** |  |  | | CLO2 |  | **R** |  | **R** |  |  |  |  | | CLO3 |  |  | **I** |  | **R** |  |  |  | | CLO4 |  |  |  | **I** |  |  |  |  | | CLO5 |  |  |  | **I** | **R** |  | **M** |  | | CLO6 |  |  | **R** |  |  |  |  | **R** | | CLO7 |  |  | **I** |  |  | **R** |  |  | | CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  | | **CLO** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |  | | CLO1 |  |  | **R** |  |  | **R** |  |  | | CLO2 | **I** |  |  |  |  |  | **R** |  | | CLO3 |  | **R** |  | **R** |  |  |  |  | | CLO4 |  |  |  |  | **M** |  |  |  | | CLO5 | **R** | **R** |  |  |  |  |  |  | | CLO6 |  |  |  |  |  | **R** | **R** |  | | CLO7 |  |  |  | **I** | **R** |  |  |  | | CLO8 | **R** | **R** |  |  |  |  |  |  |   **6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**   * 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***   **Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** | | **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ | | CLO1 | Có khả năng nhận biết các yếu tố cấu thành chất lượng cho một sản phẩm cụ thể theo quan điểm chất lượng hướng vào khách hàng. | X |  | X | X | | CLO2 | Phân tích và tính toán được chi phí chất lượng trong doanh nghiệp. |  | X |  | X | | CLO3 | Luôn coi chất lượng đồng nghĩa với chân lý sống của doanh nghiệp. | X | X |  | X | | CLO4 | Thông qua việc phân tích các công cụ thông kê có khả năng nhận xét về sự biến động của chất lượng và tìm ra các nguyên nhân gây ra vấn đề chất lượng. | X | X | X | X | | CLO5 | Có khả năng đánh giá được chất lượng sản phẩm từ dữ liệu thu thập được. |  |  | X | X | | CLO6 | Đánh giá chất lượng sản phẩm theo quan điểm hướng vào khách hàng. | X |  |  | X | | CLO7 | Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng. |  | X |  | X | | CLO8 | Làm việc nhóm và tự nghiên cứu. | X |  |  | X |   **Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**   | **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* | | A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | Chuyên cần | 8% |  |  |  | | Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% | | A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV xác định và phân tích mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; | | A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 |  |  * 1. ***Chính sách đối với Học phần***   *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*  **7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | 1 | **Chương 1. Những vấn đề chung**  1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung  1.2. Các phương thức quản lý chất lượng  1.3. Những bài học kinh nghiệm | 8 |  | CLO1  CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* | | 2 | **Chương 2. Tổng quan về chất lượng**  2.1. Sản phẩm  2.2. Chất lượng  2.3. Quá trình hình thành chất lượng  2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng  2.5. Chi phí chất lượng  2.6. Chất lượng kinh tế quốc dân của sản phẩm | 16 |  | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 3 | **CHƯƠNG 3: Hệ thống quản lý chất lượng**  3.1. Khái niệm  3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp  3.3. Chu trình quản lý  3.4. Các nguyên tắc  3.5. Các hoạt động  3.6. Các đặc điểm | 8 |  | CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 4 | **Chương 4. Quản lý chất lượng toàn diện (TQM)**  4.1. Tổng quan về TQM  4.2. Áp dụng TQM trong tổ chức  4.3. Một số phương pháp phối hợp với TQM | 8 |  | CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 5 | **Chương 5. Đánh giá chất lượng**  5.1. Một số vấn đề chung  5.2. Kiểm tra, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng  5.3. Một số chỉ tiêu cụ thể | 24 |  | CLO5  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 6 | **Chương 6. Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng**  6.1. Kiểm soát quá trình bằng thống kê SPC  6.2. Nhóm chất lượng QC  6.3. Chương trình 5S  6.4. So sánh theo chuẩn mức Benchmarking  6.5. Phân tích kiểu sai hỏng và tác động FMEA  6.6. Triển khai chức năng chất lượng QFD  6.7. Cách thức giải quyết vấn đề chất lượng PS | 8 |  | CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 7 | **Chương 7**. **Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000**  7.1. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn  7.2. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 | 8 |  | CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 8 | **Chương 8. Quản lý chất lượng dịch vụ**  8.1. Dịch vụ  8.2. Chất lượng dịch vụ  8.3. Quản lý chất lượng dịch vụ  8.4. Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng | TH 15 |  | CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |   **(\*) Ghi chú:­**  *- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*  *- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*  *- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*  **8. HỌC LIỆU**  **Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** | |  | **Giáo trình chính** | | | | | 1 | Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phượng Vương | 2018 | Quản lý chất lượng | NXB Thống kê | | 2 | Bùi Nguyên Hùng, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan | 2011 | Quản lý chất lượng | NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM | | 3 | Bài giảng của giảng viên | 2021 |  | Trường Đại học Phan Thiết | |  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | 1 | TS. Nguyễn Kim Định | 2008 | Quản trị chất lượng | NXB Đại Học Quốc Gia Tp. HCM | | 2 | David L. Goetsch, Stanley Davis | 2013 | Quality Management for Organizational Excellence: Introduction to Total Quality | NXB Pearson | | 3 | Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9000:2008 |  |  |  |   **Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** | | 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 | | 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 | | 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 | | 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 23/4/2021 | | 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 23/4/2021 |   **9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**   | ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** | | --- | --- | --- | --- | | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | | |  |  |  |  | | --- | --- | | BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | | | **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng** | **Mã số: 7510605** |   **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**  |  |  | | --- | --- | | * **Mã học phần:** 22021 | 1. **Tên học phần:** Quản lý mua hàng | | 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Purchasing Manager | | 1. **Số tín chỉ:** | 03 | | 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** | | **-** Lên lớp: | 30 tiết. | | - Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết | | - Tự học: | 90 tiết | | 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  | | - Giảng viên phụ trách chính: | GVC.ThS Lâm Ngọc Điệp | | - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  | | 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  | | **-** Học phần tiên quyết: | Không có | | **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |   **2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**  **2.1. Mục tiêu chung**  Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản lý mua hàng, giúp cho người học có kiến thức về mua hàng. Biết cách xây dựng mục tiêu và chiến lược quản lý mua hàng. Ứng dụng lý thuyết quản lý mua hàng trong các vấn đề thực tế, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.  **2.2. Mục tiêu cụ thể**  2.2.1. Về kiến thức:   * Mô tả và nắm vững kiến thức những vấn đề về mua hàng trong cung ứng , chức năng mua hàng, phân khúc mua hàng, chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng, chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng . * Mô tả và nắm vững kiến thức và những ứng dụng về marketing mua hàng. * Hiểu rõ quy trình và kỹ thuật mua hàng như lựa chọn nhà cung cấp, quan điểm về giá cả trong mua hàng, kiểm tra chất lượng hàng mua. * Nắm vững quá trình đàm phán trong mua hàng, tính toán dòng hàng và hệ thống cung ứng, thiết kế cơ cấu phù hợp cho công tác kiểm tra công việc mua hàng nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao.   2.2.2. Về kỹ năng:   * Vận dụng tốt kỹ năng mua hàng và một số kỹ năng của nhà quản lý mua hàng trong thực tế. * Phát triển năng lực nhận thức, giải quyết vấn đề, lựa chọn chiến lược mua hàng phù hợp với tình huống.   2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm   * Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu khách hàng, thị trường giúp doanh nghiệp có những chiến lược quản trị mua hàng tốt hơn phục vụ khách hàng mục tiêu. * Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản lý mua hàng để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.   **3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**  **Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** | | CLO1 | Hiểu được cơ bản về những vấn đề về mua hàng trong cung ứng , chức năng mua hàng, phân khúc mua hàng, chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng, chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng. | | CLO2 | Hiểu và nắm vững kiến thức và những ứng dụng về chiến lược và marketing mua hàng, như tư tưởng marketing, các bước của marketing mua hàng, ứng dụng hợp tác về công nghệ cao trong quá trình mua . | | CLO3 | Phân tích chín bước của quá trình đặt hàng, tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp, cách thức chọn giá và các bước kiểm tra chất lượng hàng | | CLO4 | Phân tích tầm quan trọng của việc đàm phán như biết rõ nhu cầu của DN, phân tích sản phẩm - thị trường, xác định các mục tiêu đàm phán, các bước trong quá trình đàm phán, hiểu rõ phong cách của mình và của người cung ứng. | | CLO5 | Phân tích cách thức mua hàng hiệu quả, tính toán nhu cầu và xác định một chương trình cung ứng quản lý hàng hóa và lưu kho lưu bãi. | | CLO6 | Nắm được các loại cơ cấu và công tác dịch vụ, tập trung hay phân tán, tổ chức hệ thống tin học trong mua hàng và các bước thực hiện kiểm tra | | CLO7 | Tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích, hỗ trợ kỹ thuật trong việc tìm hiểu nhà cung ứng, thị trường giúp doanh nghiệp có những chiến lược quản lý mua hàng tốt nhất. |   **4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**  Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về mua hàng và chiến lược mua hàng, marketing mua hàng, quy trình kỹ thuật mua hàng, đàm phán trong mua hàng, quản lý dòng hàng hóa và hệ thống cung ứng, cơ cấu tổ chức và kiểm tra mua hàng. Quản lý mua hàng xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược quản lý mua hàng theo hình thức kinh doanh của doanh nghiệp. Những người phụ trách bộ phận mua hàng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.  **5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CELO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**  Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:   * *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu* * *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…* * *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*   **Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**   | **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | CLO2 | I |  | R | R |  | R |  |  | R |  |  |  |  |  |  | | CLO3 |  |  |  | R |  | R |  |  |  | R | R |  |  |  |  | | CLO4 |  |  | R |  |  |  | R |  |  | R |  | R | R |  |  | | CLO5 |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R |  |  |  |  | | CLO6 |  |  |  |  |  |  | R |  | R |  | R |  | R |  |  | | CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R | R |   **6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**   * 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***  1. **Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**  | **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **50%** | **Khảo sát** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ | | CELO1 | Hiểu được cơ bản về những vấn đề về mua hàng trong cung ứng , chức năng mua hàng, phân khúc mua hàng, chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng, chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng. |  | X |  | X | | CELO2 | Hiểu và nắm vững kiến thức và những ứng dụng về chiến lược và marketing mua hàng, như tư tưởng marketing, các bước của marketing mua hàng, ứng dụng hợp tác về công nghệ cao trong quá trình mua . |  | X | X | X | | CELO3 | Phân tích chín bước của quá trình đặt hàng, tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp, cách thức chọn giá và các bước kiểm tra chất lượng hàng |  | X | X |  | | CELO4 | Phân tích tầm quan trọng của việc đàm phán như biết rõ nhu cầu của DN, phân tích sản phẩm - thị trường, xác định các mục tiêu đàm phán, các bước trong quá trình đàm phán, hiểu rõ phong cách của mình và của người cung ứng. | X | X | X | X | | CELO5 | Phân tích cách thức mua hàng hiệu quả, tính toán nhu cầu và xác định một chương trình cung ứng quản lý hàng hóa và lưu kho lưu bãi. | X |  | X | X | | CELO6 | Nắm được các loại cơ cấu và công tác dịch vụ, tập trung hay phân tán, tổ chức hệ thống tin học trong mua hàng và các bước thực hiện kiểm tra | X |  | X | X | | CELO7 | Tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích, hỗ trợ kỹ thuật trong việc tìm hiểu nhà cung ứng, thị trường giúp doanh nghiệp có những chiến lược quản lý mua hàng tốt nhất. |  |  |  | X | | Tổng hợp HP |  |  |  |  |  |   **Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**   | **Thành phần đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* | | A1.  Chuyên cần | 20% | Tham gia trên lớp | 8% |  |  |  | | Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  | | A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa báo cáo về chiến lược mua hàng và phương thức quản lý mua hàng của một doanh nghiệp. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; | | A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài ktra cuối kỳ:  - Kiến thức về mua hàng và chiến lược marketing mua hàng  -Kiến thức quy trình kỹ thuật mua hàng, đàm phán trong mua hàng, quản lý dòng hàng hóa và hệ thống cung ứng, cơ cấu tổ chức và kiểm tra mua hàng.  - Giải quyết tình huống mua hàng, quản lý mua hàng trong thực tế. |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  * 1. ***Chính sách đối với Học phần***   *SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*  **7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 B6.1 | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | 1 | **Chương 1:**  **Mua hàng và chiến lược mua hàng.**   * 1. Mua hàng trong cung ứng   2. Giới thiệu chức năng mua hàng   3. Phân khúc mua hàng   4. Chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng   5. Chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng | 4 | Hiểu được cơ bản về những vấn đề về mua hàng trong cung ứng nền KTTT, chức năng mua hàng, hoạt động của thu mua, hoạt động của quản lý cung ứng,phân khúc mua hàng, chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng, chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng. | CLO1 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 2 | **Chương 1:**  **Mua hàng và chiến lược mua hàng (tt)**   * 1. Mua hàng trong cung ứng   2. Giới thiệu chức năng mua hàng   3. Phân khúc mua hàng   4. Chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng   5. Chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng | 4 | Hiểu được cơ bản về những vấn đề về mua hàng trong cung ứng nền KTTT, chức năng mua hàng, hoạt động của thu mua, hoạt động của quản lý cung ứng,phân khúc mua hàng, chiến lược tổng thể và chiến lược mua hàng, chiến lược sản phẩm đảm bảo chất lượng. | CLO1 CLO2 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 3 | **Chương 2: Marketing mua hàng**  2.1 Khái quát marketing mua hàng  2.2 Chiến lược : Nghiên cứu sự cân bằng giữa cung và cầu  2.3 Chiến thuật: Lập kế hoạch và bốn biến trong chiến lược marketing | 4 | Hiểu và nắm vững kiến thức về khái niệm marketing mua hàng, chiến lược marketing mua hàng, như tư tưởng marketing mua hàng, các bước của marketing mua hàng. Ứng dụng hợp tác về công nghệ cao trong quá trình mua . | CLO1 CLO2 CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 4 | **Chương 2: (tt)**  **Marketing mua hàng**  2.1 Khái quát marketing mua hàng  2.2 Chiến lược : Nghiên cứu sự cân bằng giữa cung và cầu  2.3 Chiến thuật: Lập kế hoạch và bốn biến trong chiến lược marketing | 4 | Hiểu và nắm vững kiến thức về khái niệm marketing mua hàng, chiến lược marketing mua hàng, như tư tưởng marketing mua hàng, các bước của marketing mua hàng. Ứng dụng hợp tác về công nghệ cao trong quá trình mua . | CLO1 CLO2 CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 | | 5 | **Chương 3:**  **Quy trình kỹ thuật mua hàng**  3.1 Quy trình mua hàng  3.2 Lựa chọn nhà cung cấp  3.3 Giá trong mua hàng  3.4 Kiểm tra chất lượng | 4 | Phân tích các bước của qui trình mua hàng và quản lý đơn hàng, tiêu chí lựa chọn và đánh giá nhà cung cấp, cách thức chọn giá và các bước kiểm tra chất lượng hàng | CLO2 CLO3 CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 6 | **Chương 3:**  **Quy trình kỹ thuật mua hàng (tt)**  3.1 Quy trình mua hàng  3.2 Lựa chọn nhà cung cấp  3.3 Giá trong mua hàng  3.4 Kiểm tra chất lượng | 4 | Phân tích các bước của qui trình mua hàng và quản lý đơn hàng, tiêu chí lựa chọn và đánh giá nhà cung cấp, cách thức chọn giá và các bước kiểm tra chất lượng hàng | CLO2 CLO3 CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 7 | **Chương 4: Đàm phán trong mua hàng**  4.1 Chuẩn bị đàm phán trong mua hàng  4.2 Quá trình đàm phán mua hàng  4.3 Hiểu rõ người đối thoại trong đàm phán | 4 | Phân tích tầm quan trọng của việc đàm phán như biết rõ nhu cầu của DN, phân tích sản phẩm - thị trường, xác định các mục tiêu đàm phán, các bước trong quá trình đàm phán, hiểu rõ phong cách của mình và của người cung ứng. | CLO2  CLO3 CLO4 CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 8 | **Chương 4:**  **Đàm phán trong mua hàng (tt)**  4.1 Chuẩn bị đàm phán trong mua hàng  4.2 Quá trình đàm phán mua hàng  4.3 Hiểu rõ người đối thoại trong đàm phán | 4 | Phân tích tầm quan trọng của việc đàm phán như biết rõ nhu cầu của DN, phân tích sản phẩm - thị trường, xác định các mục tiêu đàm phán, các bước trong quá trình đàm phán, hiểu rõ phong cách của mình và của người cung ứng. | CLO2 CLO3 CLO4  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 9 | **Chương 5: Quản lý dòng hàng hóa và hệ thống cung ứng**  5.1 Tính toán nhu cầu  5.2 Lưu kho và quản lý tồn kho | 4 | Phân tích cách thức mua hàng hiệu quả, tính toán nhu cầu và xác định một chương trình cung ứng quản lý hàng hóa và lưu kho lưu bãi. | CLO3  CLO4 CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 10 | **Chương 6: Cơ cấu tổ chức và kiểm tra mua hàng**  6.1 Cơ cấu và công tác dịch vụ  6.2 Tập trung hay phân tán  6.3 Hệ thống tin học và mua hàng  6.4 Kiểm tra phòng ban mua hàng | 4 | Nắm được các loại cơ cấu tổ chức như các mô hình mua hàng, những phương thức tổ chức nội bộ, các mô hình mua hàng, công tác tổ chức hệ thống tin học trong mua hàng và các bước thực hiện kiểm tra | CLO4 CLO5 CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | 11 | **Chương 6: Cơ cấu tổ chức và kiểm tra mua hàng**  6.1 Cơ cấu và công tác dịch vụ  6.2 Tập trung hay phân tán  6.3 Hệ thống tin học và mua hàng  6.4 Kiểm tra phòng ban mua hàng | 4 | Nắm được các loại cơ cấu tổ chức như các mô hình mua hàng, những phương thức tổ chức nội bộ, các mô hình mua hàng, công tác tổ chức hệ thống tin học trong mua hàng và các bước thực hiện kiểm tra | CLO4 CLO5 CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 | | Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |   **(\*) Ghi chú:­**  *- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*  *- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*  *- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*  **8. HỌC LIỆU**  **Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** | |  | **Giáo trình chính** | | | | | 1 | PGS.TS Đoàn thị Hồng Vân | 2002 | Quản trị cung ứng | NXB Thống kê | | 2 | TS. Đinh Bá Hùng Anh | 2017 | Quản trị cung ứng | NXB Kinh tế TPHCM. | |  | Sách, giáo trình tham khảo | | | | | 2 | Van Weele, A. J.  Cengage Learning EMEA. | 2014 | Purchasing and supply chain management |  | | 3 | Ian Peter Eglin | 2000 | Purchasing manager | Egism. Ltd |   **Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** | | 1 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 20/6/2021 | | 2 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 20/6/2021 | | 3 |  | Tap chí Doanh nghiệp & Tiếp thị http://doanhnghieptiepthi.vn/ | 20/6/2021 | | 4 |  | Báo VnEconomy: http://vneconomy.vn | 20/6/2021 |   **9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**   | **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** | | --- | --- | --- | --- | | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |   **Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**    GVC.ThS Lâm Ngọc Điệp |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị Kinh doanh** | **Mã số: ………….** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Địa lý vận tải** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | **1.4 Tên tiếng Anh: Transport Geography** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | 45 tiết |
| **-** Lên lớp: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lâm Ngọc Điệp |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: |  |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

Môn học này giúp cho sinh viên các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội đối với sản xuất và ảnh hưởng của các điều kiện đó đến quá trình hoạt động của ngành Giao thông vận tải. Phân tích đặc điểm và sự khác biệt giữa các vùng kinh tế và các yếu tố tác động đến chất lượng mạng lưới giao thông vận tải.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

* Khái quát những kiến thức cơ bản về các yếu tố địa lý tự nhiên, những tác động của các yếu tố đó đối với hoạt động sống sản xuất của con người nói chung và đối với hoạt động GTVT nói riêng.
* Chỉ ra được các vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam với các trung tâm, các cực kinh tế và giao thông vận tải; Các đầu mối GTVT của cả nước trong từng phương thức vận tải, các tuyến vận tải quan trọng trong nội địa và quốc tế.
* Vai trò và vị trí của ngành GTVT đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất.
* Ưu nhược điểm của từng Phương thức vận tải và khả năng áp dụng.
* Các chỉ tiêu khai thác trong vận tải.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

* Phân tích đặc điểm và sự khác biệt giữa các vùng kinh tế ;
* Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng mạng lưới giao thông vận tải.
* Phân tích dự đoán nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng và mạng lưới giao thông;
* Thực hiện tốt kỹ năng lập luận, tổ chức và làm việc nhóm và thuyết trình trước công chúng.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

* Thể hiện ý thức và trách nhiệm đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá chất lượng mạng lưới giao thông vận tải;
* Chủ động tích cực trong việc học tập, phục vụ cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi học và làm việc. Ý thức cầu tiến trong công việc phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO1 | * Hiểu được kiến thức căn bản và nhận biết về các yếu tố địa lý tự nhiên, những tác động của các yếu tố đó đối với hoạt động sống sản xuất của con người nói chung và đối với hoạt động GTVT nói riêng. |
| CLO2 | * Phân tích đặc điểm và sự khác biệt giữa các vùng kinh tế, Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng mạng lưới giao thông vận tải. |
| CLO3 | * Đánh giá ưu nhược điểm của từng Phương thức vận tải và khả năng áp dụng và * Các chỉ tiêu khai thác trong vận tải giúp doanh nghiệp vận tải có chiến lược phát triển phù hợp. |
| CLO4 | Phân tích và áp dụng các kiến thức đã học để đề xuất phương thức vận tải hiệu quả tại nội địa và quốc tế. |
| CLO5 | Có kỹ năng tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích và đánh giá mạng lưới GTVT để thảo luận về đưa ra các biện pháp khả thi. |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Môn học này giúp sinh viên nắm được các yếu tố địa lý tự nhiên, các vùng kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam với các trung tâm, các cực kinh tế và GTVT, các đầu mối GTVT của cả nước trong từng phương thức vận tải, các tuyến vận tải quan trong trong nội địa và quốc tế. Phân tích được vai trò và vị trí của ngành giao thông vận tải đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khả năng áp dụng các phương thức vận tải. Tận dụng các chỉ tiêu khai thác trong vận tải nhằm giúp doanh nghiệp kinh doanh vận tải có phương án vận tải kịp thời. Môn học còn giúp cho sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | I | I |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R |  |  |  |  |  |  | R |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  | R |  | R |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R |
| T.hợp H.Phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được kiến thức căn bản và nhận biết về các yếu tố địa lý tự nhiên, những tác động của các yếu tố đó đối với hoạt động sống sản xuất của con người nói chung và đối với hoạt động GTVT nói riêng. | X | X | X | X |
| CLO2 | Phân tích đặc điểm và sự khác biệt giữa các vùng kinh tế, Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng mạng lưới GT vận tải. | X | X | X | X |
| CLO3 | Đánh giá ưu nhược điểm của từng Phương thức vận tải và khả năng áp dụng và  Các chỉ tiêu khai thác trong vận tải giúp doanh nghiệp vận tải có chiến lược phát triển phù hợp. |  | X | X | X |
| CLO4 | Phân tích và áp dụng các kiến thức đã học để đề xuất phương thức vận tải hiệu quả tại nội địa và quốc tế. |  |  | X | X |
| CLO5 | Có kỹ năng tổ chức nhóm nghiên cứu, phân tích và đánh giá mạng lưới GTVT để thảo luận về đưa ra các biện pháp khả thi. | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài tập nhóm. Hình thức làm bài chọn một trong các ngành GTVT của một địa phương phân tích điều kiện tự nhiên, địa lý, khí hậu, Kinh tế Xã hội, ảnh hưởng tới SX, GTVT…Từ đó, đưa ra kiến nghị phù hợp cho doanh nghiệp vận tải. |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích các yếu tố vùng kinh tế, Đặc điểm của ngành GTVT và các phương thức vận tải, mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam và mạng lưới giao thông vận tải đô thị. Đưa ra nhận xét ưu, nhược điểm của mạng lưới GTVT hiện nay.  Giải quyết các tình huống (case study) liên quan tới học phần. |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***
* SV tham dự >= 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1:**  **Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT**  1.1 Vai trò của điều kiện tự nhiên đối với phát triển kinh tế và giao thông vận tải  1.2 Vị trí địa lý của lãnh thổ  1.3 Điều kiện thời tiết khí hậu ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT  1.4 Điều kiện địa hình ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.5 Điều kiện sông ngòi ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.6 Điều kiện biển ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.7 Điều kiện KTXH ảnh hưởng tới SX và GTVT | 4 | * Nắm được điều kiện tự nhiên, vai trò của nó và phân tích được những ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đến SX và GTVT. * Biết được vị trí địa lý của lãnh thổ. Điều kiện thời tiết khí hậu, sông ngòi, biển. Điều kiện KTXH. Từ đó, phân tích ảnh hưởng của những vấn đề trên đến GTVT. | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 1: (TT)**  **Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT**  1.1 Vai trò của điều kiện tự nhiên đối với phát triển kinh tế và giao thông vận tải  1.2 Vị trí địa lý của lãnh thổ  1.3 Điều kiện thời tiết khí hậu ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT  1.4 Điều kiện địa hình ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.5 Điều kiện sông ngòi ảnh hương tới SX và GTVT  1.6 Điều kiện biển ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.7 Điều kiện KTXH ảnh hưởng tới SX và GTVT | 4 | * Nắm được điều kiện tự nhiên, vai trò của nó và phân tích được những ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đến SX và GTVT.   Biết được vị trí địa lý của lãnh thổ. Điều kiện thời tiết khí hậu, sông ngòi, biển. Điều kiện KTXH. Từ đó, phân tích ảnh hưởng của những vấn đề trên đến GTVT. | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 1: (TT)**  **Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT**  1.1 Vai trò của điều kiện tự nhiên đối với phát triển kinh tế và giao thông vận tải  1.2 Vị trí địa lý của lãnh thổ  1.3 Điều kiện thời tiết khí hậu ảnh hưởng tới sản xuất và GTVT  1.4 Điều kiện địa hình ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.5 Điều kiện sông ngòi ảnh hương tới SX và GTVT  1.6 Điều kiện biển ảnh hưởng tới SX và GTVT  1.7 Điều kiện KTXH ảnh hưởng tới SX và GTVT | 4 | * Nắm được điều kiện tự nhiên, vai trò của nó và phân tích được những ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đến SX và GTVT.   Biết được vị trí địa lý của lãnh thổ. Điều kiện thời tiết khí hậu, sông ngòi, biển. Điều kiện KTXH. Từ đó, phân tích ảnh hưởng của những vấn đề trên đến GTVT. | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; |  | A2 |
| 4 | **Chương 2:**  **Vùng kinh tế**  2.1 Vị trí của Việt Nam trong nền kinh tế khu vực và thế giới.  2.2 Cơ sở lý luận về vùng kinh tế  2.3 Các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.  2.4 Khu công nghiệp, khu chế xuất và mối quan hệ với giao nhận vận tải | 4 | * Thảo luận vị trí của Việt Nam trong nền kinh tế khu vực và thế giới. * Hiểu rõ về vùng kinh tế, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam. * Phân tích sự tác động của Khu công nghiệp, khu chế xuất đến kinh tế và giao nhận vận tải. | CLO1 CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; |  | A2 |
| 5 | **Chương 2: (TT)**  **Vùng kinh tế**  2.1 Vị trí của Việt Nam trong nền kinh tế khu vực và thế giới.  2.2 Cơ sở lý luận về vùng kinh tế  2.3 Các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.  2.4 Khu công nghiệp, khu chế xuất và mối quan hệ với giao nhận vận tải | 4 | * Thảo luận vị trí của Việt Nam trong nền kinh tế khu vực và thế giới. * Hiểu rõ về vùng kinh tế, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam. * Phân tích sự tác động của Khu công nghiệp, khu chế xuất đến kinh tế và giao nhận vận tải. |  |  |  | A2 |
| 6 | **Chương 3:**  **Đặc điểm của ngành GTVT và các phương thức vận tải**  3.1 Vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân  3.2 Đặc điểm của ngành giao thông vận tải  3.3 Đặc điểm của các phương thức vận tải  3.4 Kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải | 4 | - Hiểu rõ vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân.  - Phân tích đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Đặc điểm của các phương thức.  - Thảo luận cách kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **Chương 3: (TT)**  **Đặc điểm của ngành GTVT và các phương thức vận tải**  3.1 Vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân  3.2 Đặc điểm của ngành giao thông vận tải  3.3 Đặc điểm của các phương thức vận tải  3.4 Kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải | 4 | - Hiểu rõ vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân.  - Phân tích đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Đặc điểm của các phương thức.  - Thảo luận cách kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **Chương 3: (TT)**  **Đặc điểm của ngành GTVT và các phương thức vận tải**  3.1 Vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân  3.2 Đặc điểm của ngành giao thông vận tải  3.3 Đặc điểm của các phương thức vận tải  3.4 Kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải | 4 | - Hiểu rõ vai trò của giao thông vận tải đối với nền kinh tế Quốc dân.  - Phân tích đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Đặc điểm của các phương thức.  - Thảo luận cách kết hợp vận chuyển giữa các phương thức vận tải trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 9 | **Chương 4:**  **Mạng lưới GTVT**  4.1 Sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  4.2 Một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải  4.3 Mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam  4.4 Mạng lưới giao thông vận tải đô thị | 4 | - Tìm hiểu và phân tích sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  - Thảo luận một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải  - Phân tích mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam và mạng lưới giao thông vận tải đô thị. Đưa ra nhận xét ưu, nhược điểm của mạng lưới GTVT hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 10 | **Chương 4: (TT)**  **Mạng lưới GTVT**  4.1 Sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  4.2 Một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải  4.3 Mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam  4.4 Mạng lưới giao thông vận tải đô thị | 4 | - Tìm hiểu và phân tích sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  - Thảo luận một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải  - Phân tích mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam và mạng lưới giao thông vận tải đô thị. Đưa ra nhận xét ưu, nhược điểm của mạng lưới GTVT hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 CLO5 |  |  | A2 |
| 11 | **Chương 4: (TT)**  **Mạng lưới GTVT**  4.1 Sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  4.2 Một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải  4.3 Mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam  4.4 Mạng lưới giao thông vận tải đô thị | 4 | - Tìm hiểu và phân tích sự phát triển giao thông vận tải của thế giới và Việt Nam  - Thảo luận một số chỉ tiêu của mạng lưới giao thông vận tải   * Phân tích mạng lưới giao thông vận tải của Việt Nam và mạng lưới giao thông vận tải đô thị. Đưa ra nhận xét ưu, nhược điểm của mạng lưới GTVT hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 CLO5 |  |  | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Khoa khai thác vận tải & Kinh tế vận tải | 2017 | GT Địa lý Giao thông vận tải | NXB. GTVT |
| 2 | HM Saxena | 2005 | Transport Geography | Rawat Pubns |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (Đồng chủ biên) | 2012 | Địa lý Giao Thông Vận Tải | NXB ĐHSP |
| 4 | BS Hoyle, Richard Knowles (Đồng biên tập viên) | 1999 | Modern Transport Geography | WILEY |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Tổ chức ngân hàng thế giới: <https://data.worldbank.org> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Bộ Giao thông vận tải: <https://www.mt.gov.vn/> | 23/4/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày 22 tháng 6 năm 2021*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

**Lâm Ngọc Điệp**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics & Quản trị chuỗi cung ứng** | **Mã số: ………….** |

1. **Thông tin chung về HP**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 19095 | 1. **Tên học phần:** Tinh gọn chuỗi cung ứng |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Lean Supply Chain |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| * Lý thuyết | 30 tiết |
| **-** Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết. |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị chuỗi cung ứng |
| - Học phần học trước: | Quản trị logistics |
| - Học phần song hành: | Thiết kế giải pháp logistics và chuỗi |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp những kiến thức nhằm giúp sinh viên biết đượcluồng giá trị những hoạt động tăng thêm giá trị và không tăng thêm giá trị yêu cầu để thiết kế, đặt hàng và cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ từ lý thuyết đến khi ra mắt, đặt hàng đến giao hàng và nguyên vật liệu đến khách hàng.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Biết được khái niệm và tầm quan trọng của chuỗi cung ứng lean

- Hiểu rõ các nguyên tắc thiết kế chuỗi cung ứng tinh gọn

- Biết được các mô hình sản xuất tinh gọn

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng

- Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin

- Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng

- Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm

- Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị mối quan hệ”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Biết được khái niệm và tầm quan trọng của chuỗi cung ứng lean |
| CLO2 | Hiểu rõ các nguyên tắc thiết kế chuỗi cung ứng tinh gọn |
| CLO3 | Biết được các mô hình sản xuất tinh gọn |
| CLO4 | Có kỹ năng đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng |
| CLO5 | Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin |
| CLO6 | Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. |
| CLO7 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng |
| CLO8 | Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm |
| CLO9 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về tinh gọn chuỗi cung ứng, việc giảm sự lãng phí liên quan đến: Tối ưu hóa các hoạt động gia tăng giá trị và loại bỏ những hoạt động không làm gia tăng giá trị đó là: Nhà cung cấp tinh gọn, Mua sắm tinh gọn, Sản xuất chế tạo tinh gọn, Nhà kho tinh gọn, Logistics tinh gọn, Khách hàng tinh gọn; Mô hình sản xuất tinh gọn cũng được giới thiệu ở học phần này.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| CLO1 |  | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 |  | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  |  |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 |  | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 |  | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  | M | M |
| CLO8 |  | R |  |  |  |  | R | R | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  | M |  |  | R |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Biết được khái niệm và tầm quan trọng của chuỗi cung ứng lean | X | X | X | X |
| CLO2 | Hiểu rõ các nguyên tắc thiết kế chuỗi cung ứng tinh gọn | X | X | X | X |
| CLO3 | Biết được các mô hình sản xuất tinh gọn | X |  | X | X |
| CLO4 | Có kỹ năng đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng | X |  | X | X |
| CLO5 | Có kỹ năng phân tích,phán đoán, tổng hợp, xử lý và chọn lọc thông tin | X |  | X | X |
| CLO6 | Kỹ năng giao tiếp, ghi chú, trình bày và lý luận một vấn đề. | X |  | X | X |
| CLO7 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng | X |  | X | X |
| CLO8 | Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm | X |  | X | X |
| CLO9 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm | X | X | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở HP**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO9 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về LEAN**  1. Lean là gì? Chuỗi cung ứng Lean?  2. Mục tiêu và tầm quan trọng của chuỗi cung ứng Lean | 4 |  | CLO1  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1, A2* |
| 2 | **Chương 2: Các nguyên tắc thiết kế chuỗi cung ứng tinh gọn**  1. Bố trí tinh gọn  2. Kế hoạch sản xuất tinh gọn  3. Chuỗi cung ứng tinh gọn | 12 |  | CLO2  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 3 | **Chương 3: Mô hình sản xuất tinh gọn**  1. Tính chất của hệ thống Lean Production  2. Just –in – time delivery và Tồn kho ở mức thấp  3. Sản xuất linh hoạt | 12 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Quản trị sản xuất tinh gọn – Một số kinh nghiệm thế giới | 2015 | Quản trị sản xuất tinh gọn – Một số kinh nghiệm thế giới | NXB ĐHQG Hà Nội |
| 2 | Giảng viên giảng dạy | 2021 | Bài giảng của giảng viên | Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Paul Myerson | 2012 | Lean supply chain and logistics management (1st edition) | McGraw-Hill Professional |
| 4 | F. Robert Jacobs & Richard B. Chase | 2015 | Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng | NXB Kinh tế TPHCM |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | https://lscftu2.com/ | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Logistics & Quản trị chuỗi cung ứng** | **Mã số: ………….** |

1. **Thông tin chung về HP**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 19095 | 1. **Tên học phần:** Điều hành dịch vụ Logistics |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Logistics service management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| * Lý thuyết | 30 tiết |
| **-** Bài tập và thảo luận nhóm: | 15 tiết. |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị logistics |
| - Học phần học trước: | Quản trị hợp đồng trong logistics và chuỗi cung ứng, Quản trị thu mua, Quản trị kho hàng |
| - Học phần song hành: | Thiết kế giải pháp logistics và chuỗi |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Nhằm giúp Sinh viên có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về vận tải và dịch vụ logistics; Có năng lực tổ chức thực hiện, tham gia giải quyết các vấn đề chuyên môn cụ thể trong lĩnh vực vận tải và logistics; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, hiểu biết, vận dụng tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Có kiến thức cơ sở ngành để ứng dụng trong tác nghiệp và quản lý vận tải và dịch vụ logistics.

- Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics như: Lập kế hoạch vận tải, điều độ vận tải, giao nhận vận tải, quản trị và khai thác kho hàng, vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa, phân phối hàng hóa, dịch vụ khách hàng, marketing vận tải và logistics.v.v.

- Có kiến thức chuyên môn nâng cao để ứng dụng trong công tác tổ chức thực hiện, tham gia lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra các quá trình trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành;

- Có kỹ năng lập kế hoạch cụ thể từng nội dung công việc của vận tải và dịch vụ logistics;

- Có kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch vận tải và dịch vụ logistics;

- Có kỹ năng về tổ chức, quản lý áp dụng cho doanh nghiệp vận tải và dịch vụ logistics.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng

- Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm

- Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Quản trị mối quan hệ”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Có kiến thức cơ sở ngành để ứng dụng trong tác nghiệp và quản lý vận tải và dịch vụ logistics. |
| CLO2 | Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics như: Lập kế hoạch vận tải, điều độ vận tải, giao nhận vận tải, quản trị và khai thác kho hàng, vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa, phân phối hàng hóa, dịch vụ khách hàng, marketing vận tải và logistics.v.v. |
| CLO3 | Có kiến thức chuyên môn nâng cao để ứng dụng trong công tác tổ chức thực hiện, tham gia lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra các quá trình trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics. |
| CLO4 | Có kỹ năng lập kế hoạch cụ thể từng nội dung công việc của vận tải và dịch vụ logistics; |
| CLO5 | Có kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch vận tải và dịch vụ logistics; |
| CLO6 | Có kỹ năng về tổ chức, quản lý áp dụng cho doanh nghiệp vận tải và dịch vụ logistics. |
| CLO7 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng |
| CLO8 | Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm |
| CLO9 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Logistics và Vận tải đa phương thức là học phần bắt buộc thuộc Ngành đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Ngoài mục tiêu cung cấp cho người học kiến thức, hiểu biết về lý luận chính trị, khoa học xã hội, khoa học cơ bản, chương trình đào tạo chuyên ngành Logistics và vận tải đa phương thức trang bị kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch và tổ chức quá trình kinh doanh, phân tích đề ra giải pháp cải tiến nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Nghiên cứu thị trường, phân tích xây dựng phương án kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải; Xây dựng quy trình công nghệ, quản lý nghiệp vụ và tổ chức điều hành quá trình dịch vụ logistics và vận tải, gồm: tổ chức điều hành vận tải, quản lý nghiệp vụ kho hàng và trung tâm phân phối, tổ chức dịch vụ giao dịch thương mại và các dịch vụ hỗ trợ khách hàng trong chuỗi cung ứng; Phân tích đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống dịch vụ logistics và vận tải; Phát hiện, phân tích và phản biện những vấn đề về kinh tế- kỹ thuật liên quan đến quản lý và tổ chức điều hành hệ thống kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CELO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| CLO1 |  | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 |  | I | R |  |  | R |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  | M |  |  |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  |  | M |  | I | M | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 |  | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 |  | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  | M | M |
| CLO8 |  | R |  |  |  |  | R | R | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  | M |  |  | R |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Có kiến thức cơ sở ngành để ứng dụng trong tác nghiệp và quản lý vận tải và dịch vụ logistics. | X | X | X | X |
| CLO2 | Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics như: Lập kế hoạch vận tải, điều độ vận tải, giao nhận vận tải, quản trị và khai thác kho hàng, vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa, phân phối hàng hóa, dịch vụ khách hàng, marketing vận tải và logistics.v.v. | X | X | X | X |
| CLO3 | Có kiến thức chuyên môn nâng cao để ứng dụng trong công tác tổ chức thực hiện, tham gia lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra các quá trình trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ logistics. | X | X | X | X |
| CLO4 | Có kỹ năng lập kế hoạch cụ thể từng nội dung công việc của vận tải và dịch vụ logistics; | X |  | X | X |
| CLO5 | Có kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch vận tải và dịch vụ logistics; | X |  | X | X |
| CLO6 | Có kỹ năng về tổ chức, quản lý áp dụng cho doanh nghiệp vận tải và dịch vụ logistics. | X |  | X | X |
| CLO7 | Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng | X |  | X | X |
| CLO8 | Sinh viên tham dự tích cực và tập trung các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận nhóm | X |  | X | X |
| CLO9 | Cố gắng tích cực trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc học và làm | X | X | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở HP**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về Logistics**  1.1. Khái niệm Logistics  1.2. Lý luận và sự phát triển của quản lý vận hành Logistics  1.3. Chiến lược Logistics bên thứ 3  1.4. Logistics bên thứ 4  1.5. Phân tích tầm quan trọng của Logistics | 4 |  | CLO1  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1, A2* |
| 2 | **Chương 2: Lập kế hoạch và chiến lược Logistics**  2.1. Khái niệm cơ bản  2.2. Lập kế hoạch và chiến lược quản lý chuỗi cung ứng  2.3. Chức năng cơ bản của các thành phần trong chiến lược chuỗi cung ứng  2.4. Lập kế hoạch chăm sóc khách hàng  2.5. Phân tích nhu cầu về Logistics | 12 |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1, A2 |
| 3 | **Chương 3: Phân tích hệ thống và thiết kế mạng lưới** **Logistics**  1.1. Mô hình, đặc điểm và thành phần của hệ thống Logistics  1.2. Mục tiêu, yêu cầu, đặc điểm thiết kế hệ thống Logistics  1.3. Phương pháp và trình tự thiết kế hệ thống Logistics  1.4. Thiết kế mạng lưới Logistics | 12 |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1, A2 |
|  | **Chương 4: Logistics và vận tải đa phương thức**  4.1. Khái niệm và chức năng của vận tải  4.2. Mối quan hệ giữa Logistics và vận tải  4.3. Nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức  4.4. Ngành vận tải trong môi trường Logistics hiện đại |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1, A2 |
|  | **Chương 5: Quản trị và lập kế hoạch chiến lược vận tải đa phương thức**  5.1. Phân tích kinh tế vận tải  5.2. Mô hình lập kế hoạch vận tải đa phương thức trong Logistics  5.3. Thiết kế mạng lưới vận tải đa phương thức trong chuỗi cung ứng Logistics  5.4. Lập kế hoạch thời gian và tuyến đường vận tải  5.5. Điều tiết vận tải đa phương thức |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
|  | **Chương 6: Quản lý tồn kho**  6.1. Tổng quan về quản lý tồn kho  6.2. Nội dung của quản lý tồn kho  6.3 Mô hình kiểm soát hàng tồn kho |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
|  | **Chương 7: Quản lý và quy hoạch trung tâm phân phối trong Logistics**  7.1. Khái niện và phân loại Trung tâm phân phối  7.2. Mô hình vận hành của trung tâm Logistics trong doanh nghiệp vận tải  7.3. Chức năng và thành phần của trung tâm phân phối |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
|  | **Chương 8: Quản trị dự trữ và vận chuyển**  8.1. Nguyên lý và chức năng của dự trữ  8.2. Quản trị vận hành kho  8.3. Bố trí kho  8.4. Di chuyển và sắp xếp hàng hóa |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
|  | **Chương 9: Thương mại điện tử và quản trị thông tin trong Logistics**  9.1. Quản trị thông tin trong Logistics  9.2. Logistics và thương mại điện tử  9.3. Mô hình vận thành của Logistics trong thương mại điện tử  9.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại điện tử Logistics |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; làm việc cá nhân | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm; cá nhân tự học  Đọc tài liệu | A1 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên giảng dạy | 2021 | Bài giảng của giảng viên | Đại học Phan Thiết |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | GS TS NGƯT Đặng Đình Đào, Tạn Văn Lợi , TS Nguyễn Minh Sơn , TS Đặng Thị Thuý Hồng | 2019 | Dịch Vụ Logistics Ở Việt Nam Trong Tiến Trình Hội Nhập Quốc Tế | NXB Dân trí |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | https://lscftu2.com/ | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Quản trị quan hệ khách hàng** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | 1. **Tên tiếng Anh: Customer Relationship Management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | 1. TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt  3. ThS. Nguyễn Thị Kim Yến |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị học |
| - Học phần học trước: | Quản trị học |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Môn học quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa tổ chức với khách hàng. Môn học này trang bị cho người học các kiến thức tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức về tổ chức thực hiện hoạt động CRM trong doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. Thông qua môn học sinh viên sẽ được cải thiện và nâng cao kỹ năng tư duy, kỹ năng làm việc nhóm và một số kỹ năng khác để dễ hòa nhập sau khi ra trường.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

- Nhận thức và phân biệt được các chiến lược quản trị quan hệ khách hàng;

- Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng;

- Nắm được các nội dung về quản lý xung đột, về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng mô hình tổ chức dữ liệu khách hàng;

- Kỹ năng xây dựng chiến lược quan hệ khách hàng, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

- Xây dựng và phát triển được kỹ năng chăm sóc khách hàng;

- Biết cách duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng và thực hiện được các chiến lược quản trị marketing;

- Nhận định và kịp thời giải quyết xung đột phát sinh trong quan hệ với khách hàng.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Sinh viên có thái độ, quan điểm đúng đắng với việc kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm;

- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, sáng tạo, sẵn sàng cập nhật các kiến thức, xu thế quản trị mới khi học tập, tìm hiểu về hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Hiểu được các nội dung cơ bản của quản trị quan hệ khách hàng |
| CLO2 | Xây dựng, quản lý và khai thác được cơ sở dữ liệu khách hàng; |
| CLO3 | Phân tích được các hoạt động dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp |
| CLO4 | Có khả năng kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng |
| CLO5 | Tổ chức triển khai và kiểm tra kiểm soát các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. |
| CLO6 | Chủ động tiếp cận và phân tích được các hoạt động quan trị quan hệ khách hàng đang diễn ra trong thực tiễn tại các doanh nghiệp |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm ba chức năng chủ yếu: thu hút, đào tạo và phát triển, và duy trì nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, học viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên. Hoàn tất môn học, học viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  | R | R |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |  | I | I |  |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |  | I | I |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |  | M | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |  |  | M | M |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Hiểu được các nội dung cơ bản của quản trị quan hệ khách hàng | X |  | X | X |
| CLO2 | Xây dựng, quản lý và khai thác được cơ sở dữ liệu khách hàng; |  | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích được các hoạt động dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp |  |  |  | X |
| CLO4 | Có khả năng kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng |  | X |  | X |
| CLO5 | Tổ chức triển khai và kiểm tra kiểm soát các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. |  | X | X | X |
| CLO6 | Chủ động tiếp cận và phân tích được các hoạt động quan trị quan hệ khách hàng đang diễn ra trong thực tiễn tại các doanh nghiệp | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  | Điểm danh và ghi nhận trên lớp |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Lý thuyết và bài tập thực hành |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG  Giới thiệu tổng quan môn học với các khái niệm, nguồn gốc, vai trò, lợi ích, nội dung của CRM; nắm rõ đặc điểm, phạm vi hoạt động của CRM và các yếu tố chi phối đến CRM cùng mối quan hệ giữa CRM với các hoạt động quản trị chức năng khác. | 5 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | Chương 2: XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC CRM  Cung cấp các kiến thức khái niệm chiến lược CRM, nắm được các mô hình chiến lược CRM; có khả năng phân tích chiến lược công ty, chiến lược kinh doanh và phân tích ngành để xây dựng chiến lược CRM; tổ chức xây dựng chiến lược CRM (cam kết của lãnh đạo, chuẩn bị nguồn lực, kích hoạt xây dựng chiến lược, xác định những chiến lược tiềm năng); có thể triển khai chiến lược CRM (phát triển dự án CRM, xây dựng những nền tảng cho dự án CRM, xác định những yêu cầu và lựa chọn công cụ, đánh giá hiệu quả chiến lược CRM); nắm được thành phần của hệ thống CRM. | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Xây dựng chiến lược CRM | CLO2  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | Chương 3: XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG  Cung cấp các kiến thức về điểm tiếp xúc khách hàng; hiểu được vai trò của công nghệ thông tin đối với CRM; biết được cấu trúc cơ bản của một hệ thống CRM; hiểu được hệ thống phần cứng; phân biệt được dữ liệu và thông tin, phải biết được các loại dữ liệu, thu thập và lưu trữ dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu, khai thác và kích hoạt CRM; có khả năng quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, trong đó phải nắm được khái niệm, phân loại được cơ sở dữ liệu khách hàng, quản lý cơ sở dữ liệu, xây dựng một cơ sở dữ liệu thống nhất, phân quyền truy cập dữ liệu, bảo trì, bảo mật dữ liệu cũng như phát triển cơ sở dữ liệu. Hiểu được sự hợp tác của nguồn nhân lực; | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu khách hàng | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | Chương 4: CRM VÀ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG  Cung cấp các kiến thức về các cấp độ khách hàng và các mô hình phục vụ khách hàng; biết được khái niệm, vai trò, đặc điểm của dịch vụ khách hàng, các công cụ để tạo điểm khác biệt có sức cạnh tranh, nắm được công thức PACT trong dịch vụ khách hàng. chức bán lẻ, quản lý nhân sự, quản lý tài chính. | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  CRM và dịch vụ khách hàng | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | Chương 5: CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG VÀ  QUẢN LÝ XUNG ĐỘT VỚI KHÁCH HÀNG  Cung cấp các kiến thức về tổ chức chăm sóc khách hàng và xử lý xung đột với khách hàng. Cụ thể, biết  được khái niệm, vai trò của chăm sóc khách hàng, biết rõ các nguyên tắc thiết kế chương trình chăm sóc khách hàng, hiểu được các phương thức chăm sóc khách hàng, tổ chức bộ phận chăm sóc khách  hàng trong doanh nghiệp. Có thể quản lý xung đột với khách hàng, bao gồm việc nắm được khái niệm và đặc trưng của xung đột với khách hàng, hiểu được khái niệm quản lý xung đột, biết cách giải quyết xung đột và khôi phục lòng trung thành của khách hàng, phát hiện sớm và chuẩn bị ứng phó các xung đột tiềm ẩn với khách hàng. Biết cách xây dựng văn hoá dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Chăm sóc khách hàng và  Quản lý xung đột với khách hàng | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | Chương 6: CRM VỚI BÁN HÀNG VÀ MARKETING  Cung cấp các kiến thức về các thách thức bán hàng; nắm được sự phát triển các phương pháp bán hàng mới và tinh thần CRM mới; phân tích được mối quan hệ giữa CRM và quản trị bán hàng; biết được sự ảnh hưởng của CRM đến việc tổ chức bộ phận bán hàng; hiểu được chu kỳ quan hệ bán hàng – khách hàng; CRM và tự động hoá lực lượng bán hàng. Biết được những thách thức mới trong marketing; nắm được sự phát triển của các hình thức marketing và marketing tự động; phân tích được mối quan hệ giữa CRM và marketing. | **8** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  CRM với bán hàng và marketing | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | Chương 7: TỔ CHỨC HỆ THỐNG CRM TRONG DOANH NGHIỆP  Cung cấp các kiến thức về quy trình các bước xây dựng và thực hiện hoạt động CRM. Biết cách vận hành một hệ thống CRM. Hiểu được đôi nét về tình hình ứng dụng CRM ở Việt Nam hiện nay. Biết xây dựng các yếu tố điều kiện để ứng dụng quản trị quan hệ khách hàng vào thực tế doanh nghiệp. | **8** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Tổ chức hệ thống CRM trong doanh nghiệp | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | Chương 8: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG CRM  Cung cấp các kiến thức về các giai đoạn đánh giá, hình thức đánh giá, tiêu chuẩn đánh giá hoạt động CRM. Điều chỉnh các hoạt động CRM. | **8** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động CRM | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trương Đình Chiến | 2018 | Giáo trình Quản trị quan hệ khách hàng | Hà Nội: NXB Phụ nữ. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Văn Dung | 2008 | Quản lý quan hệ khách hàng | NXB Giao thông vận tải, Tp. HCM |
| 3 | Adrian Payne & Pennie Frow | 2013 | Strategic Customer Management | Cambridge University |
| 4 | Francis Buttle | 2013 | Customer Relationship Management | Published by Elsevier |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa QTKD** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:19098** | 1. **Tên học phần: Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh: Insurance in international business** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: |  |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Nghiệp vụ ngoại thương |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có kiến thức cơ bản về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế. Từ đó vận dụng các cơ sở lý luận vào việc ra quyết định lựa hình thức vận tải và bảo hiểm phù hợp, giải quyết các tình huống trong kinh doanh xuất nhập khẩu; thực hiện kinh doanh, cung cấp sản phẩm bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế cho khách hàng.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Quy tắc quốc tế, điều kiện bảo hiểm và luật bảo hiểm.

- Khái quát chung về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế.

- Các loại hình bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm của các bên trong bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm hỏa hoạn, rủi ro đặc biệt.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin, số liệu, phản biện khoa học.

- Ứng dụng lý thuyết để đưa ra các quyết định nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức chuyên môn để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP “Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế”**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Phân tích được các quy tắc quốc tế, điều kiện bảo hiểm và luật bảo hiểm: Quy tắc York-Antwerp, các điều kiện bảo hiểm ICC, Luật bảo hiểm Việt Nam |
| CLO2 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển, bảo hiểm thân tàu |
| CLO3 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường không, bảo hiểm thân máy bay |
| CLO4 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt |
| CLO5 | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế. Qua học phần này, sinh viên có thể nắm vững các kiến thức như: Quy tắc quốc tế, điều kiện bảo hiểm và luật bảo hiểm; các loại hình bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm của các bên trong bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm hỏa hoạn, rủi ro đặc biệt.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| CLO1 |  | I |  |  |  | I |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  | R | R | R |  | R |  | R |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | I | I | I |  | I |  | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  | I | I | I |  | I |  | I |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) |
| CLO1 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO5 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Phân tích được các quy tắc quốc tế, điều kiện bảo hiểm và luật bảo hiểm: Quy tắc York-Antwerp, các điều kiện bảo hiểm ICC, Luật bảo hiểm Việt Nam | X |  | X | X |
| CLO2 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển, bảo hiểm thân tàu | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường không, bảo hiểm thân máy bay | X | X | X | X |
| CLO4 | Phân tích và giải quyết được các tình huống trong bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt | X | X |  | X |
| CLO5 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  | …. |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  | ….. |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận, chọn lựa đề tài thuyết trình |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Trình bày một số khái niệm cơ bản trong bảo hiểm  Phân loại rủi ro trong bảo hiểm  Trình bày sự khác biệt trong các điều kiện bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển  Phân tích tình huống và tính phí bảo hiểm |  |  | CLO1  CLO2  CLO3 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Khái quát chung về bảo hiểm**  1.1 Khái niệm và đặc điểm của bảo hiểm  1.2 Các cách phân loại bảo hiểm  1.2.1 Căn cứ vào cơ chế hoạt động  1.2.2 Căn cứ vào tính chất của bảo hiểm  1.2.3 Căn cứ vào đối tượng bảo hiểm  1.2.4 Căn cứ theo quy định của pháp luật | 4 | 1. Biết khái niệm và các cách phân loại bảo hiểm | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 1: Khái quát chung về bảo hiểm (tiếp)**  1.3 Trị giá bảo hiểm và số tiền bảo hiểm  1.4 Thế quyền trong bảo hiểm  1.4.1 Khái niệm thế quyền  1.4.2 Tác dụng và điều kiện thực hiện thế quyền | 4 | 1. Phân biệt trị giá bảo hiểm và số tiền bảo hiểm, biết về thế quyền trong bảo hiểm | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **Chương 1: Khái quát chung về bảo hiểm (tiếp)**  1.5 Đối tượng bảo hiểm  1.6 Nguyên tắc của bảo hiểm  1.7 So sánh bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại  1.8 Phí bảo hiểm | 4 | 1. Biết nguyên tắc của bảo hiểm, phân biệt bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại | CLO1  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **Chương 2: Bảo hiểm hàng hải**  2.1 Khái niệm và các loại hình bảo hiểm hàng hải  2.2 Phân loại rủi ro trong bảo hiểm hàng hải  2.2.1 Căn cứ vào nguyên nhân sinh ra rủi ro  2.2.2 Căn cứ vào hoạt động của bảo hiểm | 4 | 1. Biết khái niệm, rủi ro và phân loại rủi ro trong bảo hiểm hàng hải | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 5 | **Chương 2: Bảo hiểm hàng hải (tiếp)**  2.3 Tổn thất chung và tổn thất riêng  2.4 Tổn thất bộ phận và tổn thất toàn bộ  2.5 Trách nhiệm của cá bên liên quan khi xảy ra tổn thất chung  2.6 Các luật lệ giải quyết tổn thất chung  2.7 Tính toán và phân bổ tổn thất chung | 4 | 1. Biết các loại tổn thất và tính toán phân bổ tổn thất trong bảo hiểm hàng hải | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 6 | **Chương 3: Bảo hiểm hàng hóa chở bằng đường biển**  3.1 Sự cần thiết của bảo hiểm hàng hóa XNK chuyên chở bằng đường biển  3.2 Trách nhiệm của người bảo hiểm đối với hàng hóa theo các điều kiện bảo hiểm hiện hành | 4 | 1. Biết bảo hiểm hàng hóa chuyên chở bằng đường biển và trách nhiệm các bên | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 7 | **Chương 4: Bảo hiểm thân tàu**  4.3 Bảo hiểm thân tàu  4.3.1 Khái niệm và sự cần thiết phải bảo hiểm thân tàu  4.3.2 Các loại hình bảo hiểm thân tàu  4.3.3 Trách nhiệm của người bảo hiểm thân tàu  4.3.4 Hợp đồng bảo hiểm thân tàu  4.3.5 Tai nạn đâm va và trách nhiệm của các bên khi hai tàu đâm va nhau cùng có lỗi | 4 | 1. Biết bảo hiểm thân tàu, loại fhinh bảo hiểm, hợp đồng, trách nhiệm các bên | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 8 | **Chương 5: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu**  5.4 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu  5.4.1 Khái nhiệm và nguyên nhân ra đời  5.4.2 Tổ chức và hoạt động của hội P&I  5.4.3 Rủi ro bảo hiểm | 4 | 1. Biết khái niệm và sự hình thành bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 9 | **Chương 6:** **Bảo hiểm hàng hóa vận tải bằng đường hàng không**  6.1 Định nghĩa và sự cần thiết phải bảo hiểm hàng không  6.2 Các loại hình bảo hiểm hàng không chủ yếu  6.2.1 Bảo hiểm thân máy bay  6.2.2 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự  6.2.3 Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không | 5 | 1. Biết khái niệm, sự ra đời và phân loại bảo hiểm hàng không | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 10 | **Chương 7: Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt**  7.1 Khái niệm và sự cần thiết  7.2 Trách nhiệm của bảo hiểm trong bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt  7.3 Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt | 5 | 1. Biết khái niệm, hợp đồng và trách nhiệm các bên trong bảo hiểm hỏa hoạn và rủi ro đặc biệt | CLO4  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu  Thuyết trình | A2 |
| 11 | Ôn tập | 3 |  |  |  |  | A3 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Giảng viên | 2021 | Bài giảng của giảng viên |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đỗ Quốc Dũng | 2015 | Giao nhận, vận tải & bảo hiểm | NXB Tài chính |
| 3 | Phạm Mạnh Hiền | 2007 | Nghiệp vụ giao nhận vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương | NXB Thống kê |
| 4 | Nguyễn Hồng Đàm | 1997 | Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương | NXB Giáo dục |
| 5 | Đỗ Hữu Vinh | 2009 | Bảo hiểm và giám định hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển | NXB Giao thông Vận tải |
| 6 | Hoàng Văn Châu | 2010 | Vận tải giao nhận hàng hóa xuất nhập khảu | NXB Khoa học kỹ thuật |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | * + - http://chongbanphagia.vn     - http://muasamcong.vn     - <http://www.chinhphu.vn>     - http://[www.doingbusiness.org](http://www.doingbusiness.org)     - http://www.mof.gov.vn     - http://www.mofa.gov.vn     - http://www.moit.gov.vn     - http://www.mutrap.org.vn     - http://www.nciec.gov.vn     - http://www.uncitral.org     - http://www.unidroit.org     - http://[www.wipo.int](http://www.wipo.int.com)     - <http://www.worldtradelaw.net>     - <http://www.wto.org> |  |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn**  **Phạm Thị Như Quỳnh** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** 10292 | 1. **Tên học phần:** Dự báo trong kinh doanh |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Business Forecasting |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị kinh doanh |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của học phần là làm sáng tỏ vai trò khoa học của dự báo và dự báo trong kinh doanh. Trang bị cho sinh viên, nhà quản trị trong tương lai, người đưa ra các quyết định trong doanh nghiệp nền tảng về khoa học dự báo. Sinh viên lĩnh hội và sử dụng thành thạo những phương pháp và kỹ thuật dự báo phổ biến nhất trong kinh doanh hiện nay. Rèn luyện các kỹ năng thực hành dự báo trên máy tính với cơ sở dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trên toàn cầu.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Trang bị cho sinh viên hiểu tổng quan về dự báo

- Biết khảo sát số liệu và lựa chọn được phương pháp dự báo

- Giúp sinh viên khảo có thể phân tích số liệu bằng các phương pháp đơn giản, trung bình cộng và số mũ, phương pháp hồi quy đơn, hồi quy bội.

- Đưa ra các quyết định trong doanh nghiệp nền tảng về khoa học dự báo.

- Sinh viên biết phân tích các phương pháp và lựa chọn phương pháp dự báo

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Sinh viên lĩnh hội và sử dụng thành thạo những phương pháp và kỹ thuật dự báo phổ biến nhất trong kinh doanh hiện nay.

- Biết cách dùng những phương pháp được hướng dẫn trong bài học để vận dụng và phân tích trên những dự báo thực sự đã, đang và sắp triển khai trên thực tế.

- Rèn luyện các kỹ năng thực hành dự báo trên máy tính với cơ sở dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trên toàn cầu

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị chiến lược để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến dự báo trong kinh doanh |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của digital marketing dành cho nhà quản trị, |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết dự báo trong kinh doanh thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. |
| CLO6 | Có tinh thần tự học, và tự nghiên cứu các tài liệu tham khảo |
| CLO7 | Có kỹ năng làm việc nhóm |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Dự báo trong kinh doanh được xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, đưa ra các quyết định trong doanh nghiệp nền tảng về khoa học dự báo theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp,môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CELO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CELO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CELO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I |  | I | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | I |  | R | R | M | R | I | I | R | I |  | M |  |  |  |
| CLO3 |  | I | M | M | M | M |  |  | M | M |  | M |  |  |  |
| CLO4 |  |  | I | I | I | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | R | M | R | M | M |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | R | R |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | R | R | M | M |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến digital marketing | X |  | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của digital marketing dành cho nhà quản trị, | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết digital marketing thường được áp dụng trong các doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  |  | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X |  | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X | X | X | X |
| CLO7 | Có kỹ năng làm việc nhóm | X |  |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO2  CLO3  CLO5  CLO6 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DỰ BÁO TRONG KINH DOANH**  1.1 Giới thiệu  1.2 Phân loại  1.3 Quy trình dự báo  1.4 Dữ liệu dùng để dự báo  1.5 Xử lý dữ liệu dự báo  1.6 Một số khái niệm thống kê  1.7 Câu hỏi | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản của dự báo trong kinh doanh.  2. Tìm hiểu các mô hình phương pháp dự báo  3. Xác định được cách xử lý số liệu và các khái niệm về thống kê | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH TÍNH**  2.1 Định nghĩa  2.2 Ưu nhược điểm  2.3 Phương pháp định tính  2.4 Cây quyết định  2.5 Câu hỏi | 7 | 1. Biết và phân biệt được định nghĩa và ưu nhược điểm của phương pháp định tính  2. Tìm hiểu các phương pháp định tính và cây quyết định | CLO1  CL02  CLO3  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: CÁC MÔ HÌNH DỰ BÁO ĐƠN GIẢN**  3.1 Mô hình dự báo thô  3.2 Sai số dự báo  3.3 Các phương pháp trung bình  3.4 Bài tập  3.5 Hướng dẫn sử dụng Excel và Minitab | 6 | Phân tích và xác định các mô hình dự báo thô và phương pháp trung bình.  Hiểu về sai số dự báo và cách sử dụng Excel và Minitab trong mô hình dự báo đơn giản | CLO2  CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4:** **HỒI QUY ĐƠN**  4.1 Xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính  4.2 Đánh giá mô hình  4.3 Kiểm định mô hình  4.4 Dự báo khoảng  4.5 Bài tập  4.6 Hướng dẫn sử dụng Excel, Minitab và SPSS | 8 | Hiểu được cách xây dựng mô hình hồi quy tuyến tuyến cũng như các đánh giá và kiểm định nó | CLO2  CLO3  CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5:** **HỒI QUY BỘI**  5.1 Mô hình hồi quy bội  5.2 Đánh giá mô hình  5.3 Kiểm định mô hình  5.4 Tự tương quan và phương sai thay đổi  5.5 Đa cộng tuyến  5.6 Hồi quy phi tuyến  5.7 Mô tả tính mùa vụ  5.8 Dự báo khoảng  5.9 Bài tập  5.10 Hướng dẫn sử dụng Excel, Minitab và SPSS | 8 | Xác định được mô hình, các đánh giá và kiểm định mô hình hồi quy bội; các khái niệm về tự tương quan và phương sai thay đổi, hồi quy phi tuyến, tính mùa vụ và dự báo khoảng | CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6:** **KIỂM SOÁT DỰ BÁO**  6.1. Phân tích thành phần của dãy số thời gian.  6.2. Chỉ số giá cả  6.3. Xu hướng dài hạn  6.4. Thay đổi do yếu tố chu kỳ  6.5. Dự báo dài hạn  6.6. Thay đổi do yếu tố thời vụ  6.7. Các thành phần ngắn hạn  6.8. Các dao động chu kỳ thất thường  6.9. Dự báo thời vụ | 7 | Biết được quy trình kiểm soát dự báo trong kinh doanh | CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Bá Hùng Anh | 2016 | Dự báo trong kinh doanh | NXB. Kinh tế Tp.HCM |
| 2 | Wilson, Keating | 2002 | Business forecasting | Boston Burr bridge: McGraw Hill Irwin |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Makridakis, etc | 1998 | Forcasting Methods and Applications | John Wiley and Sons. Inc |
| 4 | Loan Lê | 2000 | Hệ thống Dự báo điều khiển kế hoạch ra quyết định | NXB Thống kê |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: 7340120** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Đầu tư quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | 1. **Tên tiếng Anh: International Investment** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | 1. TS. Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 2. ThS. Phạm Thị Như Quỳnh  3. ThS. Nguyễn Thị Kim Yến |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đầu tư quốc tế như: Đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư, ODA, FDI, chuyển giao công nghệ

Khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc thu hút và sử dụng vốn ODA, FDI

Trình bày được các khái niệm, đặc điểm của các hình thức đầu tư quốc tế, chuyển giao công nghệ

Nêu được các yếu tố thuộc môi trường đầu tư quốc tế

Phân tích được các yếu tố của môi trường đầu tư tại Việt Nam

Đánh giá được tác động của FDI, ODA, chuyển giao công nghệ quốc tế tới kinh tế xã hội Việt Nam

Có khả năng tự tìm kiếm các số liệu FDI, ODA từ các nguồn chính thống.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

Có khả năng phối hợp làm việc được với nhiều thành viên trong nhóm

Có khả năng trình bày vấn đề trước đám đông

Xây dựng ý tưởng về việc triển khai một dự án FDI

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Kinh doanh quốc tế vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp

Nhận thức được trách nhiệm là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành kinh doanh quốc tế...

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc thu hút và sử dụng vốn ODA, FDI |
| CLO2 | Trình bày được các khái niệm, đặc điểm của các hình thức đầu tư quốc tế, chuyển giao công nghệ |
| CLO3 | Đánh giá được tác động của FDI, ODA, chuyển giao công nghệ quốc tế tới kinh tế xã hội Việt Nam |
| CLO4 | Hình thành các ý tưởng về việc lập một dự án đầu tư FDI |
| CLO5 | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp. |
| CLO6 | Nhận thức được trách nhiệm là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành kinh doanh quốc tế... |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  | I | I |  |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |  | I | I |  | I |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |  | I | I |  | I |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |  | M | M |  | M |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |  |  | M | M | M |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc thu hút và sử dụng vốn ODA, FDI | X |  | X | X |
| CLO2 | Trình bày được các khái niệm, đặc điểm của các hình thức đầu tư quốc tế, chuyển giao công nghệ |  | X | X | X |
| CLO3 | Đánh giá được tác động của FDI, ODA, chuyển giao công nghệ quốc tế tới kinh tế xã hội Việt Nam |  |  |  | X |
| CLO4 | Hình thành các ý tưởng về việc lập một dự án đầu tư FDI | X | X |  | X |
| CLO5 | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp. |  | X | X | X |
| CLO6 | Nhận thức được trách nhiệm là nhà tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp nghiệp hoạt động ở ngành kinh doanh quốc tế... | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  | Điểm danh và ghi nhận trên lớp |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Lý thuyết và bài tập thực hành |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về Đầu tư quốc tế  Khái niệm đầu tư quốc tế-Nguyên nhân hình thành đầu tư quốc tế-Tác động của đầu tư quốc  Tác động của đầu tư quốc tế với Việt Nam-Các hình thức đầu tư quốc tế-Xu hướng đầu tư quốc tế hiện | 8 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Tổng quan về Đầu tư quốc tế | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | Chương 2: Môi trường Đầu tư quốc tế  Khái niệm môi trường đầu tư quốc tế- Các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư quốc tế-Các yếu tố thuộc về môi trường nước chủ đầu tư-Các yếu tố thuộc về môi trường nước nhận đầu tư-Các yếu tố thuộc về môi trường quốc tế  Các yếu tố tạo thuận lợi cho việc thu hút vốn FDIG1.2, G2.1 6- Khung pháp lý-Các yếu tố thuộc môi trường kinh tế-Các yếu tố tạo thành thuận lợi cho kinh doanh- So sánh môi trường đầu tư quốc tế của Việt Nam với các nước trong khu vực | 8 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Môi trường Đầu tư quốc tế | CLO2  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | Chương 3: Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)  - Khái niệm và bản chất của ODA- Các hình thức ODA- Phân loại theo cách hoàn trả vốn- Tác động của hỗ trợ ODA  Tìm hiểu về các chính sách của Việt Nam liên quan đến quy trình thực hiện một dự án ODA | 8 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | Chương 4: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)  - Khái niệm FDI- Đặc điểm FDI - Các hình thức FDI  - Quy trình chung tổ chức thực hiện đầu tư FDI- Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam hiện nay | 8 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | Chương 5: Chuyển giao công nghệ quốc tế  -Các vấn đề chung về công nghệ- Khái niệm và bản chất của chuyển giao công nghệ quốc tếPPGD  -Tác động của chuyển giao công nghệ quốc tế- Các hình thức chuyển giao công nghệ quốc tế | 9 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Chuyển giao công nghệ quốc tế | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Võ Thị Thanh Thu, TS. Ngô Thị Ngọc Huyền | 2018 | Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài | NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Các văn bản pháp lý quy định về đầu tư quốc tế  Xem nội dung đầy đủ tại: |  |  |  |
| 3 | Các báo cáo liên quan đến việc thu hút và sử dụng vốn ODA của các tổ chức OECD, UNTACD, Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần:** Quản trị dự án đầu tư |
| 1. **Ký hiệu học phần: …………** | 1. **Tên tiếng Anh:** Investment Project Management |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Đinh Bá Hùng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị Kinh doanh |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. Mục tiêu học phần cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư (phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích tài chính, phân tích kinh tế – xã hội và môi trường của dự án đầu tư). Thẩm định một dự án đầu tư (cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định). Quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án…).

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

- Các kiến thức cơ bản về đầu tư.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trình tự và nội dung nghiên cứu của quá trình lập dự án đầu tư

- Nghiên cứu kỹ thuật công nghệ dự án đầu tư.

- Biết phân biệt các dự án, và quản lý dự án quốc tế

- Biết được các công cụ để quản lý dự án và những yếu tố tạo nên thành công hoặc thất bại của dự án.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

- Biết cách dùng những phương pháp được hướng dẫn trong bài học để vận dụng và phân tích trên những dự án thực sự đã, đang và sắp triển khai trên thực tế.

- Bổ sung một số kiến thức riêng cần thiết trong quản trị dự án quốc tế sau khi sinh viên đã có những hiểu biết nhất định về quản lý dự án nói chung

- Sử dụng một số công cụ chuyên biệt thường được dùng trong công tác quản lý dự án cũng được giới thiệu và đề cập trong môn học như: LRC, Gantt chart, CPM, PERT, Line of balance…

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự đánh giá được quan điểm cá nhân trong phân tích

- Có ý thức tự học và nâng cao kiến thức quản trị chiến lược để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

**3. Chuẩn đầu ra của học phần**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| --- | --- |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến Quản trị dự án đầu tư |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị dự áng dành cho nhà quản trị, |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị dự án thường được áp dụng trong các doanh nghiệp |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa cđr học phần (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | R |  |  | I |  | R |  | M | R |  | R | I |  |  |
| CLO2 | I | R |  |  |  |  | M |  | M | M | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  | R | I |  | I |  | R |  | R | R |  | M | I |  |  |
| CLO4 |  | M |  | I |  | I | M |  | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 | I | R |  | R |  |  | R |  | M |  | R | M | I | M | M |
| CLO6 | I |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  | M | M | M |
| CLO8 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| CLO9 |  |  | I |  |  |  |  |  |  | M |  |  | R |  |  |
| CLO10 | I |  |  |  |  | I |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO11 | I |  | R |  |  |  |  |  | R |  |  |  | I |  |  |
| CLO12 | I |  |  |  | I |  | R |  |  |  |  | I |  |  |  |
| Tổng hợp đánh giá học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển, so sánh các khái niệm căn bản, và các phương pháp phân tích liên quan đến Quản trị dự án đầu tư | X | X | X | X |
| CLO2 | Hệ thống hóa các khái niệm và phương pháp quan trọng nhất của quản trị dự áng dành cho nhà quản trị, | X | X | X | X |
| CLO3 | Phân tích các lý thuyết Quản trị dự án thường được áp dụng trong các doanh nghiệp | X | X | X | X |
| CLO4 | Dùng các trường hợp thực tế để hệ thống hóa lý thuyết (phương pháp quy nạp). | X |  | X | X |
| CLO5 | Giúp sinh viên giữ vai trò chủ động trong suốt môn học: tìm tài liệu, tổng hợp kiến thức, làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận trước công chúng. | X | X | X | X |
| CLO6 | Giúp sinh viên có khả năng đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | X | X | X | X |
| CLO7 | Giúp sinh viên phát triển khả năng ứng dụng các khái niệm lý thuyết vào phân tích các trường hợp thực tế (case study) và ngược lại | X |  | X | X |
| CLO8 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng phê bình (critics) và sáng tạo (creative). |  |  | X | X |
| CLO9 | Tạo nên cho sinh viên sự hăng say và đam mê tìm hiểu, tranh luận và học hỏi. |  |  | X | X |
| CLO10 | Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị chiến lược đối với hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế. |  |  | X | X |
| CLO11 | Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản trị chiến lược |  |  | X | X |
| CLO12 | Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng |  |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề do giảng viên đưa ra. Trình bày trên lớp, các nhóm đặt câu hỏi, phản biện, mở rộng phạm vi nghiên cứu |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | * GV hướng dẫn các nhóm sinh viên bằng việc hướng dẫn ban đầu và hướng dẫn thường xuyên. Định hướng nghiên cứu cho sinh viên. * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Sinh viên làm bài tự luận với nội phân tích các vấn đề từ cơ bản đến nâng cao |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9  CLO10  CLO11  CLO12 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN**  1.1 Giới thiệu khái niệm và những đặc điểm của dự án; đặc điểm của dự án quốc tế  1.2 Phân loại dự án  1.3 Phân biệt dự án với một số tổ chức và công việc khác  1.4 Những nội dung cơ bản của việc quản lý 1 dự án  1.5 Giới thiệu một số công cụ hiện đại thường được sử dụng để quản lý dự án.  1.6 Các thành phần kết cấu và cách thức tổ chức của một dự án  1.7 Những yếu tố góp phần tạo nên sự thất bại hay thành công của một dự án đầu tư | 7 | 1. Hiểu được nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị dự án đầu tư.  2. Tìm hiểu các dự án đầu tư  3. Xác định được vai trò của quản trị dự án đầu tư | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **CHƯƠNG 2: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN**  2.1 Những khái niệm và các bước để bắt đầu thực hiện một dự án  2.2 Các bước xác định những vấn đề liên quan và lập hồ sơ một dự án, những nội dung nghiên cứu tiền khả thi cho một dự án  2.3 Phương thức dự toán chi phí dự án  2.4 Các phương thức thực hiện và đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện dự án  2.5 Quản lý rủi ro, quản lý rủi ro trong dự án quốc tế | 7 | 1. Biết và phân biệt được các bước lập hồ sơ dự án đầu tư  2. Vận dụng vào thực tế xác định các phương thức thực hiện và đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện dự án | CLO1  CL02  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN DỰ ÁN**  3.1 Giới thiệu một số phương thức đánh giá dự án  3.2 Sơ đồ quy trình đánh giá và chọn lọc dự án  3.3 Các phương pháp chọn lọc dự án | 6 | Phân tích và xác định các phương thức đánh giá dự án | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | **CHƯƠNG 4:** **LẬP KẾ HOẠCH VÀ LÊN LỊCH THỰC HIỆN DỰ ÁN**  4.1 Kế họach và những lý do phải lên kế họach thực hiện dự án.  4.2 Những thành phần cơ bản của một kế họach thực hiện dự án;  4.3 Các công cụ phục vụ công tác lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án;  4.4 Phương pháp “Phân tích mạng lưới” (Network analysis)  4.5 Phương pháp đường găng CPM  4.6 Phương pháp PERT+ Phân bổ nguồn lực cho dự án;  4.7 Chi phí rút ngắn dự án | 8 | Hiểu được kế hoạch dự án và các thành phần cơ bản cũng như công cụ lập kế hoạch | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5:** **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ PHÁT SINH TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN**  5.1. Khái niệm về sự cố và đặc điểm của sự cố phát sinh trong dự án.  5.2. Quá trình nhận dạng, phân tích sự cố  5.3 Quy trình ra quyết định  5.4 Bài tập tình huống liên hệ thực tế. | 8 | Xác định được khái niệm và đặc điểm của sự cố cũng như quá trình nhận dạng, phân tích và quy trình ra quyết định dự án đầu tư | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6:** **KIỂM SOÁT DỰ ÁN**  6.1 Giới thiệu những khái niệm cơ bản  6.2 Chỉ số chi phí (CPI) và thời gian (SPI) của dự án.  6.3 Giới thiệu “Đường cân bằng” trong kiểm soát dự án. | 7 | Biết được những khái niệm cơ bản, chỉ số chi phí (CPI) và thời gian (SPI) của dự án cũng như đường cân bằng trong kiểm soát dự án | CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **CHƯƠNG 7:** **KIỂM SOÁT DỰ ÁN**  7.1 Phân biệt thế nào là dự án quốc tế;  7.2 Những vấn đề cần lưu ý trong quản lý dự án quốc tế;  7.3 Một số hướng dẫn cho việc quản lý dự án quốc tế;  7.4 Liên hệ một số chu trình thực hiện dự án thông thường với dự án quốc tế. | 7 | Nắm được cách phân biệt thế nào là dự án quốc tế; các lưu ý trong quản lý dự án quốc tế; hướng dẫn cho việc quản lý dự án quốc tế và liên hệ thực tế | CLO1  CLO5  CLO9  CLO10 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Đinh Bá Hùng Anh | 2018 | Quản trị Dự án | NXB Tài chính |
| 2 | Đinh Thế Hiển | 2015 | Lập và Thẩm định dự án đầu tư | NXB Thống kê |
| 3 | Cao Hào Thi | 2012 | Quản trị dự án chiến lược và chính sách kinh doanh | NXB. ĐH Quốc Gia Tp. HCM |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 4 | Gray và Larson | 2006 | Project Management | McGraw-Hill |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 14/6/2021 |
| 2 |  | http://www.most.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 3 |  | http://www.gso.gov.vn/ | 14/6/2021 |
| 4 |  | http://[www.vnconomy.com.vn](http://www.vnconomy.com.vn) | 14/6/2021 |

**9. Holistic rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Quản trị kinh doanh** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Quản trị kinh doanh** | **Mã số: 7340101** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **1. Thông tin chung về HP** | |
| 1. **Mã học phần:** 22013 | 1. **Tên học phần: Quản trị nguồn nhân lực** |
| 1. **Ký hiệu học phần:** | 1. **Tên tiếng Anh: Human resource management** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết. |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | 1. ThS. Lê Anh Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt  3. ThS. Nguyễn Thị Kim Yến |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị học |
| - Học phần học trước: | Quản trị học |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu HP**

**2**.1. Mục tiêu chung

Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong doanh nghiệp. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được những quan điểm và xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực, hiểu được các chức năng quản trị nguồn nhân lực, làm quen với các công cụ quản trị nguồn nhân lực, phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này

**2.2. Mục tiêu HP cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

Kiến thức quản trị/quản lý cho một lĩnh vực cụ thể: nguồn nhân lực

Sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả trong một tổ chức

Thu hút nguồn nhân lực

Đào tạo, phát triển

Duy trì nguồn nhân lực

Nhận biết các kỹ thuật, phương pháp quản trị hiện đại trong quản lý nguồn nhân lực hiện nay

**2.2.2. Về kỹ năng:**

Kỹ năng tham dự phỏng vấn tìm việc

Kỹ năng phân tích công việc, đánh giá nhân sự

Biết đánh giá hiệu quả quản trị, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chúng, biết phân tích đánh giá cấu trúc bộ máy, quy trình phối hợp chiều dọc – chiều ngang

Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, sống và làm việc trong mối quan hệ tương tác với con người, tập thể, tổ chức, cộng đồng

Trang bị kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong làm việc nhóm hay trong tổ chức; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết tình huống trong quản trị

Kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc; vào cộng đồng địa phương, doanh nghiệp.

Kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, sống và làm việc trong mối quan hệ tương tác với con người, tập thể, tổ chức, cộng đồng

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm**

Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh vào hoạt động thực tiễn của chính bản thân, và doanh nghiệp

Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng

Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, quy định của tổ chức nơi mình học và làm việc. Ý thức cầu tiến vươn lên làm giàu vì bản thân và cộng đồng

Nhận thức được trách nhiệm đạo đức mà một nhà quản trị cần có vì ý nghĩa nhân văn và tạo uy tín với khách hàng.

**3. Chuẩn đầu ra của HP**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CĐR HP** | **Nội dung CĐR HP (CLO)** |
| CLO1 | Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề tổ chức và quản lý |
| CLO2 | Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức |
| CLO3 | Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh |
| CLO4 | Có khả năng quản lý một kế hoạch hoạt động, một công việc cụ thể như kế hoạch kinh doanh |
| CLO5 | Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm |
| CLO6 | Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa |

**4. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm ba chức năng chủ yếu: thu hút, đào tạo và phát triển, và duy trì nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, học viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên. Hoàn tất môn học, học viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

**5. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced ) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| CLO1 | I | I |  |  |  | I | I |  |  |  |  | I | I |  |  |
| CLO2 |  | I | I |  |  |  | R | R |  |  |  | R | R |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |  |  |  | I | I |  |  |  | I | I |  |
| CLO4 |  |  |  | R | R |  |  |  | M | M |  |  | I | I |  |
| CLO5 |  |  | M | M |  |  |  |  |  | M | M |  | M | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  | M | M | M | M | R | R |  |  |  | M | M |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. Đánh giá HP**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề tổ chức và quản lý | X |  | X | X |
| CLO2 | Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức |  | X | X | X |
| CLO3 | Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh |  |  |  | X |
| CLO4 | Có khả năng quản lý một kế hoạch hoạt động, một công việc cụ thể như kế hoạch kinh doanh | X | X |  | X |
| CLO5 | Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm |  | X | X | X |
| CLO6 | Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa | X |  | X | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1** | ***HD PP đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần | 10% | Tham gia các buổi học | 8% |  |  | Điểm danh và ghi nhận trên lớp |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Lý thuyết và bài tập thực hành |  |  | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |

* 1. ***Chính sách đối với HP***

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP. Điểm chuyên cần ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa kỳ không bị điểm liệt (0 điểm) đồng thời hoàn thành nghĩa vụ học phí mới được dự thi kết thúc học phần.*

**7.Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP**

**Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.2 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC  1. Khái niệm QTNNL & quá trình phát triển.  2. Mục tiêu, chức năng của QT. nguồn nhân lực  3. Mô hình quản trị nguồn nhân lực.  4. Những thách thức đối với QT. nguồn nhân lực  5. Vai trò của phòng nhân lực. | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  tổng quan về quản trị nguồn nhân lực | CLO1  CLO2  CLO3 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC 1. Khái niệm.  2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực.  3. Phân tích môi trường kinh doanh, xác định mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp.  4. Chiến lược kinh doanh và CL. QTNNL  5. Phân tích hiện trạng, dự báo nhu cầu.  6. Phân tích quan hệ cung cầu, thực hiện.  7. Dự toán ngân sách, tinh giản biên chế.  Kiểm tra, đánh giá. | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Hoạch định nguồn nhân lực | CLO2  CLO3  CLO4 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 3 | PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC 1. Khái niệm và ý nghĩa  2. Nội dung, trình tự thực hiện  3. Mục đích PTCV, công tác chuẩn bị và những thông tin cần thu thập  4. Các phương pháp thu thập thông tin  5. Bảng mô tả công việc & bảng tiêu chuẩn công việc  6. Phân tích công việc ở Việt Nam  7. Viễn cảnh của phân tích công việc  8. Dòng công việc và định biên nhân sự. | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Phân tích công việc | CLO2  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1 |
| 4 | QUÁ TRÌNH TUYỂN DỤNG 1. Khái niệm  2. Nguồn ứng viên từ nội bộ doanh nghiệp  3. Nguồn ứng viên từ bên ngoài  4. Nội dung, trình tự của quá trình tuyển dụng  5. Các mô hình thu hút, phân công bố trí nguồn nhân lực trong doanh nghiệp  Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng | 4 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Quá trình tuyển dụng | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | KIỂM TRA, TRẮC NGHIỆM & PHỎNG VẤN A. Kiểm tra, trắc nghiệm  1. Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm  2. Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm  B. Phỏng vấn  1. Các hình thức phỏng vấn  2. Quá trình phỏng vấn  3. Các yếu tố tác động đến phỏng vấn  4. Nguyên tắc phỏng vấn  5. Chỉ dẫn đối với ứng viên trong phỏng vấn. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Kiểm tra, trắc nghiệm & phỏng vấn | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | ĐỊNH HƯỚNG & PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP 1. Mục đích  2. Các giai đoạn phát triển nghề nghiệp  3. Định hướng nghề nghiệp cá nhân  4. Những động cơ trong nghề nghiệp  5. Khả năng cá nhân  6. Tìm hiểu về nghề nghiệp  7. Ảnh hưởng của môi trường đến phát triển nghề nghiệp  8. Thực hiện mục tiêu nghề nghiệp  9. Doanh nghiệp có thể giúp gì cho nhân viên phát triển nghề nghiệp. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Định hướng & phát triển nghề nghiệp | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | ĐÀO TẠO & PHÁT TRIỂN 1. Mục đích  2. Khái niệm về đào tạo, phát triển  3. Phân loại các hình thức đào tạo  4. Phương pháp đào tạo  5. Thứ tự ưu tiên trong đào tạo và phát triển ở thế kỷ 21  6. Các nguyên tắc cơ bản trong học tập  7. Xác định nhu cầu đào tạo  8. Thực hiện quá trình đào tạo  Đánh giá hiệu quả đào tạo. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  đào tạo & phát triển | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | Chương 8: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC  1. Mục đích  2. Nội dung, trình tự thực hiện  3. Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc  4. Đánh giá năng lực nhân viên  5. Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả thực hiện công việc  6. Phỏng vấn đánh giá  7. Đánh giá thi đua các phòng ban, bộ phận. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Đánh giá kết quả thực hiện công việc. | CLO3  CLO5 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 9 | TRẢ CÔNG LAO ĐỘNG 1. Khái niệm  2. Cơ cấu thu nhập  3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương  4. Các hình thức tiền lương  5. Tiền lương kích thích trong doanh nghiệp  6. Tiền lương trong các thị trường lao động  7. Các yếu tố ảnh hưởng đến trả lương  8. Yếu tố luật pháp trong trả lương lao động ở VN  9. Tiền lương và thu nhập trong khu vực quốc doanh ở Việt Nam  10. Chính sách tiền lương trong doanh nghiệp  11. Nội dung, trình tự xây dựng bảng lương tổng quát. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Trả công lao động. | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 10 | QUAN HỆ LAO ĐỘNG 1. Công đoàn  2. Thỏa ước lao động tập thể  3. Tranh chấp lao động  4. Công nhân tham gia quản lý doanh nghiệp  5. Quan hệ lao động quốc tế  6. Tìm hiểu quan điểm nhân viên. | **4** | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Quan hệ lao động | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 11 | QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC TẾ 1. Thế nào là quản trị nguồn nhân lực quốc tế  2. Thực tiễn quản trị nguồn nhân lực trong các môi trường văn hóa khác nhau  3. Tiến trình toàn cầu hóa của doanh nghiệp và định hướng chiến lược nguồn nhân lực  4. Điều hành quản trị nguồn nhân lực quốc tế  5. Tuyển chọn và đào tạo nhân sự công tác nước ngoài. | 3 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Quản trị nguồn nhân lực quốc tế | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 12 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QTNNL 1. Yêu cầu đối với đánh giá kết quả QT. NNL  2. Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực. Các chỉ số then chốt đo lường kết quả thực hiện công việc. | 2 | Sau khi hoàn thành chương học, người học có thể hiểu và phân tích:  Đánh giá kết quả hoạt động qtnnl | CLO3  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. Học liệu:**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trần Kim Dung | 2018 | Quản Trị Nguồn nhân lực | Nhà xuất bản Tài Chính |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Bùi Văn Danh | 2012 | Quản trị nguồn nhân lực | NXB Đông Phương, TP.HCM |
| 3 | Nguyễn Hữu Thân | 2015 | Quản trị nhân sự | NXB Lao Động – Xã hội |
| 4 | Phạm Hùng Cường | 2013 | Quản trị nguồn nhân lực | NXB Đại học Quốc gia |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 21/6/2020 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 4 |  | Bộ kế hoạch và Đầu tư: <http://www.mpi.gov.vn/> | 21/6/2020 |
| 5 |  | Bộ Tài chính http:[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn) | 21/6/2020 |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn (dự án)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***4 điểm*** | ***3 điểm*** | ***2 điểm*** | ***1 điểm*** |
| *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên*  *3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng*  *4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định* | *1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên*  *2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo*  *3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Bình Thuận, ngày….tháng….năm…..*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa/Ngành** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** | | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kinh doanh quốc tế** | **Mã số: ………….** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mã học phần:** | 1. **Tên học phần: Thương hiệu và nhượng quyền trong kinh doanh quốc tế** |
| 1. **Ký hiệu học phần: 10231** | 1. **Tên tiếng Anh: FRANCHISE** |
| 1. **Số tín chỉ:** | 03 |
| 1. **Phân bố thời gian:** | **45 tiết** |
| **-** Lên lớp: | 45 tiết. |
| - Tự học: | 135 tiết |
| 1. **Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Lâm Ngọc Điệp |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | 1. ThS. Lâm Ngọc Điệp  2. ThS. Võ Thị An Nhi  3. ThS. Nguyễn Thị Kim Yến |
| 1. **Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Quản trị Marketing, Marketing Căn Bản |
| **1.9 Thuộc chương trình đào tạo** **của bậc, ngành** | Bậc Đại học Chính quy, VB II, VHVL, LT |

**2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

**2.1. Mục tiêu chung**

* Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên sẽ có những kiến thức cơ bản về các khái niệm nhượng quyền, có những hiểu biết cơ bản về kinh doanh nhượng quyền, nắm được nguyên lý và quy trình marketing, phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nhượng quyền, biết lựa chọn mô hình và hình thức nhượng quyền phù hợp, biết cách hoạch định và triển khai các chiến lược của doanh nghiệp kinh doanh nhượng quyền;
* Nắm đựơc các lọai hình nhượng quyền, quy trình thiết kế và thực hiện hoạt động quản trị hệ thống nhượng quyền của một doanh nghiệp;
* Có được kỹ năng phân tích, lựa chọn đại lý nhận nhượng quyền;
* Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong kinh doanh nhượng quyền, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức:**

* Hiểu rõ các khái niệm của nhượng quyền, xác định bản chất họat động nhượng quyền, quy định của pháp luật về nhượng quyền tại Việt Nam, quy trình tổ chức kinh doanh nhượng quyền. Đây là những kiến thức cơ bản để nhận dạng kinh doanh nhượng quyền;
* Nhận thức tổng quan khái niệm môi trường trong nhượng quyền, phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền, và các yếu tố từ phía bên nhận nhượng quyền ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền;
* Phân tích khái niệm và vai trò của mô hình nhượng quyền, các mô hình nhượng quyền cụ thể, các loại hình thức nhượng quyền và các mối quan hệ trong nhượng quyền;
* Xem xét tổng quan khái niệm và vai trò của chiến lược nhượng quyền, các nhu cầu khách quan để xây dựng chiến lược nhượng quyền, những cơ sở xây dựng chiến lược nhượng quyền, và nội dung của chiến lược nhượng quyền
* Trang bị nhận thức về xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược tạo vốn và quản lý các nguồn vốn. Trong chương này sẽ nghiên cứu sâu về: phân tích và phân khúc thị trường, phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp, quá trình vận hành và quản lý chiến lược.
* Làm rõ khái niệm lựa chọn đại lý nhận nhượng quyền, xây dựng bản đồ phát triển thị trường kinh doanh nhượng quyền, xây dựng quy trình tuyển dụng đối tác nhận nhượng quyền, ký kết hợp đồng và huấn luyện đại lý nhận nhượng quyền.
* Làm rõ khái niệm về quản trị hệ thống nhượng quyền, quy trình quản lý hoạt động của hệ thống nhượng quyền, quản trị các xung đột trong hệ thống nhượng quyền, quản trị các quan hệ trong hệ thống nhượng quyền, xây dựng tổ chức quản lý kinh doanh nhượng quyền.

**2.2.2. Về kỹ năng:**

* Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích các tiêu chuẩn chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại, các phương thức chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại để xây dựng mối quan hệ hiệu quả giữa doanh nghiệp nhượng quyền và đại lý nhận nhượng quyền, phát triển kế hoạch bán hàng và marketing hiệu quả;
* Áp dụng các kiến thức về thương hiệu và nhượng quyền thương hiệu để xây dựng tầm nhìn trong nhượng quyền ra thị trường thế giới, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đến việc nhượng quyền ra thị trường thế giới, phát triễn chiến lược nhượng quyền ra thị trường thế giới;
* Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình, kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức doanh nghiệp;
* Thành thạo kỹ năng lập luận, tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình trước công chúng.

**2.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm:**

* Hoàn thành chiến lược xây dưng hệ thống nhượng quyền thương hiệu;
* Hình thành tác phong chuyên nghiệp của nhà quản trị và nhượng quyền thương hiệu;
* Thể hiện thái độ lịch thiệp, chuẩn mực với khách hàng và công chúng.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Để hoàn thành học phần, người học phải đạt được, chuẩn đầu ra học phần/mục tiêu cụ thể.

*-* **Kiến thức**

**Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của Học phần về Kiến thức**

| **Chuẩn đầu ra Học Phần** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| CLO1 | Nêu được các yếu tố khả thi ảnh hưởng đến các quyết định nhượng quyền để thực hiện các chiến lược kinh doanh khả thi |
| CLO2 | Phân biệt những thách thức và cơ hội mà bên nhượng quyền - bên nhận quyền phải đối mặt, và nghĩa vụ pháp lý của hai bên. |
| CLO3 | Phát triển một kế hoạch xây dựng thương hiệu để có thể tăng cơ hội nhượng quyền thương mại |
| CLO4 | Xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến quy trình đảm bảo chất lượng trong thời gian nhượng quyền |
| CLO5 | Phát triển một kế hoạch kinh doanh để tạo ra một cơ hội nhượng quyền hiệu quả, đảm bảo đủ điều kiện thực hiên vay vốn đầu tư từ ngân hàng hoặc thu hút góp vốn đầu tư phát triển |
| CLO6 | Có kỹ năng nghiên cứu thị trường và các điều luật có tác động trực tiếp đến các vấn đề nhượng quyền, có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập |

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Môn học này giúp khám phá các vấn đề và chiến lược liên quan đến nhượng quyền theo quan điểm của bên nhượng quyền; trang bị cho các doanh nghiệp cách đánh giá xem có nên nhượng quyền hay không và nếu có, đề xuất các chiến chiến lược để thực hiện nhượng quyền theo cách hiệu quả nhất.

**5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CĐR HỌC PHẦN (CLO) VỚI CĐR CTĐT (CTĐT)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của HP đối với CTĐT được xác định cụ thể như sau:

* *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
* *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…*
* *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được CTĐT và ở mức thuần thục/thông hiểu*

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (CTĐT)**

| **CLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO1 |  |  | M |  | R |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | I | M | R |  |  |  |  |  | I |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | I |  |  |  | M |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | M |  |  | I |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**6. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* 1. ***Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP***

**Bảng 6.1. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần**

| **Phần trăm đánh giá** | | **10%** | **30%** | **60%** | **Khảo sát** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | Chuyên cần/ hoạt động trên lớp | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra cuối kỳ |
| CLO1 | Nêu được các yếu tố khả thi ảnh hưởng đến các quyết định nhượng quyền để thực hiện các chiến lược kinh doanh khả thi |  |  | X | X |
| CLO2 | Phân biệt những thách thức và cơ hội mà bên nhượng quyền - bên nhận quyền phải đối mặt, và nghĩa vụ pháp lý của hai bên. |  | X |  | X |
| CLO3 | Phát triển một kế hoạch xây dựng thương hiệu để có thể tăng cơ hội nhượng quyền thương mại |  |  |  | X |
| CLO4 | Xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến quy trình đảm bảo chất lượng trong thời gian nhượng quyền | X | X | X | X |
| CLO5 | Phát triển một kế hoạch kinh doanh để tạo ra một cơ hội nhượng quyền hiệu quả, đảm bảo đủ điều kiện thực hiện vay vốn đầu tư từ ngân hàng hoặc thu hút góp vốn đầu tư phát triển | X |  |  | X |
| CLO6 | Có kỹ năng nghiên cứu thị trường và các điều luật có tác động trực tiếp đến các vấn đề nhượng quyền Có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập | X | X |  | X |

**Bảng 6.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở Học phần**

| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3.** | ***HD PP đánh giá*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | Chuyên cần | 8% |  |  |  |
| Phát biểu, xây dựng bài trên lớp | 2% |  |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | 30% | Sinh viên làm bài nhóm và thuyết trình với yêu cầu: phân tích môi trường kinh doanh, các yếu tố tác động tới việc phát triển nhượng quyền, xây dựng chiến lược nhượng quyền trong nước và các mục tiêu nhượng quyền ra ra thế giới |  | X  (Rubric làm việc nhóm) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | * GV xác định và phân tích doanh nghiệp mẫu. Theo hướng dẫn, SV trong nhóm tự phân công t/viên phụ trách n/cứu tài liệu, thu thập thông tin viết báo cáo cho đề tài của nhóm và n/cứu đề tài của nhóm khác để có thông tin phản biện (để được cộng điểm); * GV chấm điểm kỹ năng làm việc nhóm (theo rubric), kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Phân tích các quy trình xây dụng chiến lược nhượng quyền  Nêu các quy định pháp luật cần chú ý khi thực hiện các thủ tục nhượng quyền  Giải quyết các case study liên quan tới nhượng quyền |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |

* 1. ***Chính sách đối với Học phần***
* SV tham dự >= 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

**7. KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 3.1, 3.2 và 3.3** | **PP giảng dạy đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV**(\*) | **Tên bài**  **đánh giá**  (ở cột 3 bảng 6.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về nhượng quyền**  1.1 Khái niệm nhượng quyền  1.2 Quy định của pháp luật về nhượng quyền tại Việt Nam  1.3 Quy trình tổ chức hệ thống kinh doanh nhượng quyền | 7 | Làm rõ các khái niệm của nhượng quyền, xác định bản chất họat động nhượng quyền, quy định của pháp luật về nhượng quyền tại Việt Nam, quy trình tổ chức kinh doanh nhượng quyền. Đây là những kiến thức cơ bản để nhận dạng kinh doanh nhượng quyền. | CLO1  CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | *A1* |
| 2 | **Chương 2: Môi trường trong nhượng quyền**  2.1 Khái niệm môi trường nhượng quyền  2.2 Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền  2.3 Các yếu tố từ phía bên nhận nhượng quyền ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền | 10 | Nhận thức tổng quan khái niệm môi trường trong nhượng quyền, phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền, và các yếu tố từ phía bên nhận nhượng quyền ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền. | CLO1  CLO2  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1  A2 |
| 3 | **Chương 3: Mô hình và hình thức nhượng quyền**  3.1 Tổng quan mô hình nhượng quyền  3.2 Các mô hình và hình thức nhượng quyền  3.3 Các mối quan hệ trong nhượng quyền | 10 | Phân tích khái niệm và vai trò của mô hình nhượng quyền, các mô hình nhượng quyền cụ thể, các loại hình thức nhượng quyền và các mối quan hệ trong nhượng quyền. | CLO1  CLO3  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1  A2 |
| 4 | **Chương 4: Chiến lược nhượng quyền**  4.1 Tổng quan chiến lược nhượng quyền  4.2 Nhu cầu khách quan để xây dựng chiến lược nhượng quyền  4.3 Những cơ sở xây dựng chiến lược nhượng quyền  4.4 Nội dung của chiến lược nhượng quyền | 8 | Xem xét tổng quan khái niệm và vai trò của chiến lược nhượng quyền, các nhu cầu khách quan để xây dựng chiến lược nhượng quyền, những cơ sở xây dựng chiến lược nhượng quyền, và nội dung của chiến lược nhượng quyền. | CLO1  CLO3  CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 5 | **Chương 5: Chiến lược tài chính trong nhượng quyền**  5.1 Xây dựng chiến lược kinh doanh  5.2 Chiến lược tạo vốn  5.3 Quản lý các nguồn vốn | 8 | Trang bị nhận thức về xây dựng chiến lược kinh doanh, chiến lược tạo vốn và quản lý các nguồn vốn. Trong chương này sẽ nghiên cứu sâu về: phân tích và phân khúc thị trường, phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp, quá trình vận hành và quản lý chiến lược. | CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 6 | **Chương 6: Lựa chọn đại lý nhận nhượng quyền**  6.1 Khái niệm lựa chọn đại lý nhận nhượng quyền  6.2 Xây dựng bản đồ phát triển thị trường kinh doanh nhượng quyền  6.3 Xây dựng quy trình tuyển dụng đối tác nhận nhượng quyền; Ký kết hợp đồng và huấn luyện đại lý nhận nhượng quyền | 7 | Làm rõ khái niệm lựa chọn đại lý nhận nhượng quyền, xây dựng bản đồ phát triển thị trường kinh doanh nhượng quyền, xây dựng quy trình tuyển dụng đối tác nhận nhượng quyền, ký kết hợp đồng và huấn luyện đại lý nhận nhượng quyền. | CLO1  CLO2  CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 7 | **Chương 7: Chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại**  7.1 Xây dựng các tiêu chuẩn chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại  7.2 Các phương thức chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại  7.3 Xây dựng mối quan hệ hiệu quả giữa Franchisor và Franchisee  7.4 Phát triển kế hoạch bán hàng và marketing trong chuỗi hệ thống nhượng q | 7 | Xem xét và xây dựng các tiêu chuẩn chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại, các phương thức chuyển giao trong hệ thống nhượng quyền thương mại, xây dựng mối quan hệ hiệu quả giữa doanh nghiệp nhượng quyền và đại lý nhận nhượng quyền, phát triển kế hoạch bán hàng và marketing. | CLO3  CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
| 8 | **Chương 8: Quản trị hệ thống nhượng quyền**  8.1 Khái niệm  quản trị hệ thống nhượng quyền  .2 Quy trình quản lý hoạt động của hệ thống nhượng quyền  8.3 Quản trị các xung đột trong hệ thống nhượng quyền  8.4 Quản trị các quan hệ trong hệ thống nhượng quyền,  8.5 Xây dựng tổ chức quản lý kinh doanh nhượng quyền | 8 | ́ Làm rõ khái niệm về quản trị hệ thống nhượng quyền, quy trình quản lý hoạt động của hệ thống nhượng quyền, quản trị các xung đột trong hệ thống nhượng quyền, quản trị các quan hệ trong hệ thống nhượng quyền, xây dựng tổ chức quản lý kinh doanh nhượng quyền. | CLO3  CLO4  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A2 |
|  | **Chương 9: Nhượng quyền ra thị trường nước ngoài**  9.1 Xây dựng tầm nhìn trong nhượng quyền ra thị trường thế giới  9.2 Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc nhượng quyền ra thị trường thế giới  9.3 Phát triển chiến lược nhượng quyền ra thị trường thế giới | 10 | Xây dựng tầm nhìn trong nhượng quyền ra thị trường thế giới, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đến việc nhượng quyền ra thị trường thế giới, phát triễn chiến lược nhượng quyền ra thị trường thế giới | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | Thuyết giảng;  Đặt câu hỏi;  Hướng dẫn thảo luận, làm việc nhóm; | Nghe giảng;  Trả lời câu hỏi;  Thảo luận nhóm;  Đọc tài liệu | A1  A2 |
| Theo lịch thi | **FINAL EXAM** |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên.…).*

**8. HỌC LIỆU**

**Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Robert Hayes –năm: | 2011 | Nhượng quyền kinh doanh | NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh |
| 2 | Nguyễn Khánh Trung | 2008 | Franchise chọn hay không? | NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Hằng Nga | 2009 | Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong hợp đồng nhượng quyền thương mại | NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh |
| 4 | Andrew J. Sherman | 2008 | Nhượng quyền thương mại & cấp Li-xăng | NXB. Lao động – Xã hội |
| 5 | Nguyễn Phi Vân | 2015 | Nhượng quyền khởi nghiệp | NXB. TRẻ |
| 6 | Lý Quý Trung | 2007 | Franchise: Bí quyết thành công bằng mô hình nhượng quyền kinh doanh | NXB. TRẻ |

**Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học HP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tham khảo** | **Link trang web** | **Ngày cập nhật** |
| 1 |  | Chính phủ [http://www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn/) | 23/4/2021 |
| 2 |  | Bộ Công thương <http://www.moit.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 3 |  | Tổng cục Thống kê <http://www.gso.gov.vn/> | 23/4/2021 |
| 4 |  | Tổ chức ngân hàng thế giới: <https://data.worldbank.org> | 23/4/2021 |
| 5 |  | Google Scholar: <https://scholar.google.com> | 23/4/2021 |

**9. HOLISTIC RUBRIC ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM QUA BÀI TẬP LỚN (DỰ ÁN)**

| **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp luôn được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên  3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng  4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định | 1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên  2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo  3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nổ lực đóng góp dàn trải |

*Bình Thuận, ngày tháng năm*

**Trưởng khoa/Ngành Trưởng bộ môn Người biên soạn**